



DI DÂN VIỆT NAM TẠI Á CHÂU

Thực trạng & Đường hướng Mục vụ

Biên soạn:

LM Anthony Lê Đức, SVD

LM Đaminh Nguyễn Quốc Thuần

DI DÂN VIỆT NAM TẠI Á CHÂU

Thực trạng & Đường hướng Mục vụ

Biên soạn:

**LM Anthony Lê Đức, SVD, PhD
LM Đaminh Nguyễn Quốc Thuận, MA**



**Logos (Divine Word) Publications, Inc.
Manila
2020**

Các tác giả góp bài:

LM Phêrô Nguyễn Cao Sâm, SVD, PhD
LM Phaolô Đỗ Bá Hoàng, OP, MA
LM Nguyễn Trung Tây, SVD, PhD
LM Antôn Phạm Trọng Quang, SVD, MA
LM Giuse Nguyễn Mạnh Hà, OP, PhD
LM Giuse Nguyễn Hải Phương, OP
LM Giuse Trần Đình Phương, CSsR
TS Giuse Nguyễn Đức Lộc, PhD
Sr. Catarina Xiêna Đặng Thị Bích Liễu, LHC
C. Têrêsa Hà Thị Mỹ Hạnh
C. Xêlilia Lê Phan Bảo Khanh

Thiết kế bìa:

A. Luca Nguyễn Thiên Vinh

Vietnamese Migrants in Asia: Reality and Pastoral Directions

Copyright © 2020 Trung tâm Nghiên cứu Á Châu về Tôn giáo và Truyền thông Xã hội (Asian Research Center for Religion and Social Communication, St. John's University, Bangkok, Thailand)
Email: arcstjohns.bkk@gmail.com

Published by LOGOS (Divine Word) Publications, Inc.

All rights Reserved

Manufactured in the Republic of the Philippines

ISBN 978-971-510-301-5

***Thân tặng tất cả các anh chị em di dân đang mưu sinh ở
khắp năm châu và tất cả những ai đang đồng hành với
họ trong công tác mục vụ.***

“Thiên Chúa không muốn các nguồn tài nguyên của trái đất chúng ta chỉ sinh lợi cho một số ít. Đây không phải là ý muốn của Chúa! Chúng ta phải học cách chia sẻ để cùng nhau tăng trưởng, không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- ĐGH Phanxicô

*(Sứ điệp nhân Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn 106,
27/09/2020)*

LỜI NÓI ĐẦU

Dù đang trong mùa đại dịch Covid-19, khi cả thế giới đang phải gồng mình chống chọi với những tác động do chủng mới của Vi-rút Corona gây ra, trên mọi lĩnh vực trong đời sống con người: từ chính trị, tôn giáo cho đến kinh tế và xã hội, tôi vẫn quyết định tiến hành thực hiện tập sách, với chủ đề “*Di dân Việt Nam tại Á Châu: Thực trạng & Đường hướng Mục vụ*”. Sau khi tham khảo ý kiến của nhiều người, đặc biệt với cha Đaminh Nguyễn Quốc Thuận (Nhật Bản), chúng tôi đã liên lạc với các tác giả của các bài viết trong tập sách này, là những người đã và đang làm mục vụ di dân Việt Nam tại các nước Á Châu, tất cả tương đối đã nắm rõ tình hình di dân Việt Nam ở các quốc gia, nơi mỗi người đang phục vụ. Nhận được những lời đóng góp tích cực, việc ấn định chủ đề và đề tài cho từng bài viết, đã diễn ra nhanh chóng, để tất cả những người cộng tác trong tập sách, có đủ thời gian nghiên cứu, thu thập dữ liệu và viết bài theo đề tài mình đã đảm nhận.

Trên thực tế, từ lâu tôi đã ấp ủ ý tưởng, cho ra đời một tập sách, tập trung vào chủ đề Di dân Việt Nam tại Á Châu, đặc biệt sau những chuyến đi công tác tại các nước Hàn Quốc, Lào, Nhật Bản, Đài Loan, Malaysia, Singapore, và Philippines, nhất là khi có dịp tìm hiểu thêm về các vấn đề liên quan đến đời sống của người Việt nhập cư tại các đất nước bạn. Cá nhân tôi đã phục vụ tại Thái Lan gần 14 năm, nên cũng thấu hiểu nhiều vấn đề liên quan đến cộng đồng người Việt tại đây. Tuy nhiên, như các bài viết sẽ cho thấy, bối cảnh sống, làm việc và học tập của người Việt nhập cư tại các nước, có nhiều điều khác biệt, nên việc mời những người trong cuộc, với kinh nghiệm nhiều năm, mắt thấy tai nghe, là điều cần thiết, để giúp cho các bài viết có đủ chiều sâu và trung thực với bối cảnh thực tế.

Dựa trên những phản hồi chung từ những người tham gia đóng góp bài vở cho tập sách, cũng như những người khác, thì mục đích

của tập sách này rất quan trọng và hợp thời cho bối cảnh đời sống trong xã hội và Giáo hội hiện nay, khi ngày càng có nhiều người Việt Nam, trong đó đa số là giới trẻ, mỗi ngày cuốn gói lên đường tìm đến các quốc gia khác, để mưu sinh kiếm sống. Có người đi bằng xe, có người bằng máy bay. Có người nhập cảnh hợp pháp, có người nhập cảnh trái phép. Nhưng dường như tất cả đều lên đường với niềm hy vọng sẽ gặp may mắn để có thể đổi đời, thăng tiến trong cuộc sống. Mặc dầu lý do khiến cho hàng trăm nghìn người rời bỏ quê hương xứ sở để đi đến một đất nước xa lạ xem ra rất đơn giản, nhưng trên thực tế, thì hiện tượng này kéo theo vô số hệ lụy về mặt xã hội lẫn tâm linh, mà các nhà lãnh đạo đất nước cũng như Giáo hội không thể làm ngơ.

Việc không thể quay mặt làm ngơ, chính là điều mà tôi đã trải qua suốt thời gian tôi phục vụ tại Thái Lan, trong vai trò là một nhà truyền giáo thuộc Dòng Ngôi Lời. Khi tôi điền đơn trong thời gian chuẩn bị cho việc vĩnh khấn và chịu chức linh mục tại Hoa Kỳ, để xin phép tổng quyền hội dòng cho tôi được bài sai tới Thái Lan, trong thâm tâm tôi không hề liên tưởng đến mục vụ cho di dân Việt Nam. Trên thực tế, trong những năm tôi lớn lên và sinh sống tại Hoa Kỳ, ngoài một số ít sinh viên từ Việt Nam qua du học, tôi chưa từng gặp người Việt di cư lao động. Khi tôi nhận được bài sai từ bề trên đến phục vụ tại Thái Lan, tôi đã chuẩn bị tinh thần để truyền giáo cho người Thái, trên một đất nước mà đại đa số người dân theo đạo Phật giáo tiểu thừa. Đặc biệt tôi đến Thái Lan, với sự áp ứ muốn phục vụ cho bệnh nhân HIV/AIDS trong trung tâm của dòng tại vùng Đông Bắc Thái Lan.

Vì thế khi mới bước chân tới Thái Lan chưa được lâu, và đang trong quá trình học tiếng địa phương, tôi nhận được cuộc điện thoại từ một bạn trẻ Việt Nam, mời dâng lễ cho người Việt tại Bangkok, tôi đã vô cùng bất ngờ, vì không nghĩ rằng tại Thái Lan, lại có người Việt, người Việt Công giáo, và còn có cả Thánh lễ bằng tiếng Việt. Sau sự ngỡ ngàng ban đầu đó, rồi thời gian làm quen, tìm hiểu, và nhận thấy có một nhu cầu rất lớn về mục vụ cho người Việt nhập cư tại Thái Lan, nên tôi đã bắt đầu dần thân vào công việc này, trên xứ sở Chùa Tháp cho đến ngày hôm nay.

Có một lần tôi đi công tác tại miền Trung Việt Nam, tình cờ ngồi trong bàn ăn với một vị linh mục quản xứ địa phương. Trong quá trình giao tiếp qua lại, vị linh mục này đã nói nửa đùa nửa thật với tôi rằng: “Cha phải cảm ơn các bạn trẻ Việt Nam tại Thái Lan, vì nếu không có người Việt, thì cha lấy gì mà làm?”. Trước lời nhận xét này, tôi đã chia sẻ với vị linh mục đó rằng, quả thật tôi biết ơn các bạn trẻ Việt Nam tại Thái Lan vì nhiều điều, trong đó, vì họ đã mang lại cho tôi rất nhiều niềm vui trong đời sống phục vụ (và cũng không ít phiền muộn), nhưng tôi chưa bao giờ sợ thất nghiệp khi truyền giáo tại Thái Lan. Bên cạnh mục vụ với người Việt Nam, mà tôi làm một cách nhưng không, không được ai bổ nhiệm, tôi đã từng làm quản xứ cho người Thái, làm mục vụ giới trẻ và xã hội, và hiện nay đang nghiên cứu và giảng dạy tại Đại chủng viện quốc gia Thái Lan. Tôi làm mục vụ với người Việt Nam, không phải vì tôi không có gì khác để làm, không phải tôi được sai đến Thái Lan để làm (như nhiều người Thái lẫn người Việt làm tuồng), nhưng vì trong họ, tôi thấy hình ảnh một đoàn chiên đang thiếu người chăn dắt, không khác gì khi Chúa Giê-su nhìn vào đám đông đi theo Ngài.

Tình trạng của tôi không phải cá biệt, vì tôi tin rằng, hầu hết những người viết bài và làm mục vụ di dân với người Việt trong tập sách này, ít nhiều cũng giống như tôi. Mỗi người được sai đi tới một đất nước tại Á Châu, để truyền giáo cho người bản xứ, hoặc làm một công việc khác do bề trên bổ nhiệm, nhưng các ngài đã không thể quay mặt làm ngơ trước những tình cảnh đáng thương trong đời sống của người di dân Việt Nam, đang lặn lội mưu sinh trên đất khách quê người. Chính thực tại này cũng đã nói lên một số vấn đề để cho các lãnh đạo Giáo hội, không chỉ ở Việt Nam mà cả ở các nước tiếp nhận người Việt phải suy nghĩ. Chúng ta đã chuẩn bị nền tảng vững chắc về đạo đức con người và niềm tin tôn giáo để cho những người trẻ đi ra nước ngoài sinh sống, học tập và làm việc chưa? Lối đào tạo giáo lý, tâm sinh lý và văn hóa cho giới trẻ ở các giáo xứ vùng quê, nơi hầu hết những người di dân xuất thân, có đáp ứng bối cảnh xã hội phát triển ở nước ngoài chưa? Giáo hội, nơi đất nước tiếp nhận người Việt nhập cư, đã có nhân sự và hệ thống mục vụ hướng tới người

nước ngoài nhập cư hay chưa? Giáo hội quê nhà của người nhập cư và giáo hội trên đất nước tiếp nhận người nhập cư, có mối liên đới như thế nào, để chăm sóc cho con chiên của mình một cách hiệu quả và thiết thực, khi họ đang sinh sống tại nước ngoài, cũng như khi họ đã hồi hương? Đường hướng mục vụ di dân Việt Nam tại Á Châu trong thời gian tới, cần được định hình như thế nào, để công tác mục vụ mang tính có hệ thống, phù hợp với bối cảnh xã hội hiện đại, và đáp ứng tốt những đòi hỏi mục vụ mà bối cảnh này tạo ra?

Để phần nào đóng góp cho cuộc bàn luận rất phức tạp này, các bài viết trong tập sách được chia ra thành hai phần. Phần Một trình bày quan điểm thần học của Giáo hội về vấn đề di dân và mục vụ cho người di dân bởi các lý do khác nhau – lao động, chiến tranh, thiên tai, v.v.... Các bài viết này cho thấy vấn đề di dân luôn là một ưu tư lớn đối với Giáo hội ở mọi thời kỳ và trên khắp cả thế giới.

Phần Hai chiếm phần lớn của tập sách, trình bày về bối cảnh mục vụ của các nước tại Á Châu, nơi có đông đảo người Việt nhập cư, với mục đích sinh sống, làm việc và học tập. Qua các bài viết này, độc giả có thể nhận ra những đồng điểm cũng như khác biệt trong mục vụ di dân ở các quốc gia khác nhau. Đồng thời chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy sự khác biệt giữa mục vụ di dân trong nước và ngoài nước, bởi những yếu tố văn hóa, xã hội, ngôn ngữ...

Tác giả của các bài viết trong tập sách này là những người đã hoặc đang dần thân nhiều năm hoặc đã có một số kinh nghiệm trực tiếp với mục vụ di dân Việt Nam. Vì thế, những bài viết này không phải là sản phẩm của những “anh hùng bàn phím” hay những “vị mục tử chuyên ngồi ghé salon,” mà là những người đã từng “lấn lộn” trên cánh đồng mục vụ di dân, và từ đó không thể không có những quan điểm, những ý tưởng và những trăn trở về hiện tại và tương lai của những người con Việt Nam và những người con của Giáo hội đang tản mát khắp các phương trời, vì cơm áo gạo tiền và vì một niềm hy vọng có được một tương lai tươi sáng hơn cho cá nhân và gia đình.

Trong mùa đại dịch Covid-19, khi không chỉ người Việt nhập cư mà cả toàn thế giới đang bị ảnh hưởng nặng nề bởi tai ương, thiết nghĩ việc tập sách này ra đời cũng là một sự tốt lành, bởi lẽ trong những biến cố vô cùng lớn lao này, tất cả chúng ta — cá nhân cũng

như tập thể — đều được kêu gọi để lắng đọng tâm hồn, đánh giá và sắp xếp lại bậc thang giá trị cho đời sống và công việc, để chúng ta biết ưu tiên cho những gì là quan trọng nhất, không chỉ cho đời sống hiện tại, mà cho sự sống vĩnh cửu.

Mục vụ cho người di dân có lẽ luôn là một nỗ lực để giúp cho họ tìm được sự cân bằng giữa những nhu cầu thiết thực cho cuộc hành trình trần thế, nhưng không lãng quên mục tiêu và vận mệnh lâu dài của mỗi con người. Với tập sách này, chúng tôi xin gói ghém những suy tư, trần trở và ý kiến gửi đến quý lãnh đạo Giáo hội, quý vị mục tử, quý phụ huynh và những anh chị em đang và sẽ là những người di dân, với mong mỏi rằng: nội dung của sách sẽ phân nào đóng góp vào câu chuyện mục vụ di dân một cách thiết thực và chân thành, đồng thời mở lối thêm cho những ý kiến tích cực, hầu giúp cho mục vụ di dân Việt Nam tại Á Châu, cũng như trên toàn thế giới, ngày càng hiệu quả và đúng với đường hướng chung của Giáo hội hoàn vũ lẫn Giáo hội quê nhà.

Cuối cùng, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các tác giả đã chia sẻ những kinh nghiệm, suy tư và luận chứng sâu sắc qua các bài viết hầu giúp cho tập sách này được hình thành và ra đời. Trong thời gian thế giới đang cố đương đầu với đại dịch và tìm cách tái thiết lại cuộc sống sau tai ương, mong rằng tập sách nhỏ bé này, chất chứa đầy tâm tình của những người làm mục vụ di dân sẽ là món quà ý nghĩa đối với quý độc giả, và đặc biệt với quý anh chị em di dân đang mưu sinh ở khắp năm châu.

LM Anthony Lê Đức, SVD, PhD

GIỚI THIỆU

Hiện tượng toàn cầu hóa đã dẫn đến tình trạng di dân trên toàn thế giới với nhiều mục đích – kinh tế, chính trị, tôn giáo... – và sẽ còn tiếp tục diễn ra cách phức tạp trong tương lai. Theo báo cáo của tổ chức Di cư quốc tế (IOM) thuộc Liên hiệp quốc, năm 2019 có 272 triệu người di dân quốc tế (international migrants), chiếm 3,5% dân số thế giới.¹ Người Việt Nam không nằm ngoài xu hướng này, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang nằm trong nhóm nền kinh tế có mức thu nhập trung bình thấp (LMC).²

Việt Nam là một nước nông nghiệp, chủ yếu sống bằng nghề trồng trọt, chăn nuôi hay đánh bắt thủy hải sản. Do vậy khi đề cập đến sự chuyển biến về cơ cấu lao động, trình độ lao động Việt Nam đã và đang chuyển mình ra sao, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Lê Quân cho biết:

Số liệu của Tổng cục Thống kê, Quý II/2019, dân số nước ta đạt 96,2 triệu người, trong đó dân số nam là 47.881.061 người (chiếm 49,8%) và dân số nữ là 48.327.923 người (chiếm 50,2%). Với kết quả này, Việt Nam là quốc gia đông dân thứ 15 trên thế giới, tụt 2 bậc so với cách đây 10 năm, và đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á (sau Indonesia và Philippines). Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước quý

¹ IOM, “World Migration Report 2020,”

https://www.un.org/sites/un2.un.org/files/wmr_2020.pdf.

² “Việt Nam thuộc nhóm nền kinh tế có thu nhập trung bình thấp,” Đất Việt

(3/7/2020) [https://baodatviet.vn/kinh-te/tai-chinh/viet-nam-thuoc-nhom-kinh-te-co-thu-nhap-trung-binh-thap-](https://baodatviet.vn/kinh-te/tai-chinh/viet-nam-thuoc-nhom-kinh-te-co-thu-nhap-trung-binh-thap-3409869/#:~:text=Theo%20ph%C3%A2n%20l%C3%B0%E1%BA%A1i%20m%E1%BB%9Bi%20nh%E1%BA%A5t%20d%C3%A0nh%20cho%20n%C4%83m%20t%C3%A0i%20kh%C3%B3a,n%E1%BA%B1m%20trong%20nh%C3%B3m%20LMC%20n%C3%A0y.)

3409869/#:~:text=Theo%20ph%C3%A2n%20l%C3%B0%E1%BA%A1i%20m%E1%BB%9Bi%20nh%E1%BA%A5t%20d%C3%A0nh%20cho%20n%C4%83m%20t%C3%A0i%20kh%C3%B3a,n%E1%BA%B1m%20trong%20nh%C3%B3m%20LMC%20n%C3%A0y.

II năm 2019 ước tính là 55,46 triệu người (chiếm hơn một nửa dân số với tỷ lệ 57.65%). Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động là 76,21%.

Theo đánh giá của Thứ trưởng Lê Quân, từ những con số thống kê cụ thể cho thấy lực lượng lao động của Việt Nam khá dồi dào, sẵn sàng đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước. Trình độ chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động đã có những cải thiện nhất định, song nhìn chung chất lượng lao động còn thấp. Cụ thể, Thứ trưởng Lê Quân đã viện dẫn, số liệu của Tổng cục Thống kê, Quý II/2019 lực lượng lao động đã qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ chỉ chiếm 22,37% (lao động có trình độ đại học trở lên chiếm 10,82%; cao đẳng chiếm 3,82%; trung cấp chiếm 4,65% và sơ cấp chiếm 3,08% trong tổng lực lượng lao động). Số lượng lao động đã qua đào tạo chỉ bằng 1/3 Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, trong khi nhiều nước, tỷ lệ đào tạo của lao động đã đạt trên 50%. Con số này không tương xứng với con số về dân số đứng thứ 3 ASEAN của Việt Nam, chỉ sau Indonesia và Philippines.

Theo bản tin cập nhật thị trường lao động Quý II/2019, số lượng có việc làm là 54,36 triệu người, tăng 38,78 nghìn người (0,07%) so với quý I/2019. Ba ngành có số lao động tăng nhiều nhất so với Quý I/2019 và cùng kỳ năm 2018 là “Công nghiệp chế biến, chế tạo”, “Xây dựng” và “Dịch vụ lưu trú và ăn uống”. Ngành có số lao động giảm nhiều nhất là nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Số lượng người trong độ tuổi thất nghiệp đến hết quý II/2019, cả nước có 1.054 nghìn người (giảm 4,82 nghìn người so với quý I/2019). Đây là quý thứ tư liên tiếp có số lượng người thất nghiệp giảm, tính từ quý 3/2018. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,16%, thấp hơn so với quý trước và cùng kỳ năm trước. Thất nghiệp tăng ở nhóm có trình độ “đại học” nhưng giảm ở nhóm có trình độ “cao đẳng” “trung cấp”, “sơ cấp”. Số người thất nghiệp ở trình độ “đại học” là 160,5 nghìn người (chiếm 2,73% và tăng 0,26 điểm phần trăm so với quý 2/2018). Ngược lại, tỷ lệ thất nghiệp ở nhóm “cao đẳng” là 68,7 nghìn người (chiếm 3,35%, giảm 0,47 điểm phần trăm so với quý 2/2018), tỷ lệ thất nghiệp ở nhóm “trung cấp” là 49,6 nghìn người

(chiếm 2,12%, giảm 0,45 điểm phần trăm so với quý 2/2018). Tỷ lệ thất nghiệp ở nhóm “sơ cấp” là 16,8 nghìn người (chiếm 1,03%, giảm 0,28 điểm phần trăm so với quý 2/2018).

Đánh giá về cơ cấu lao động tại Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Lê Quân cho rằng:

Cơ cấu lao động theo bằng cấp, có thể nói Việt Nam đang thiếu trầm trọng đội ngũ lao động chuyên môn kỹ thuật có trình độ cao đẳng và trung cấp. Hay nói cách khác, Việt Nam đang thừa một lượng lớn lao động trình độ cao (từ đại học trở lên), điều này phản ánh mức độ trầm trọng của thực trạng “thừa thầy thiếu thợ”; và sự mất cân đối về cơ cấu lao động qua đào tạo giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, cơ cấu lực lượng lao động của Việt Nam hiện chưa hợp lý với gần 40% lực lượng lao động đang làm việc ở khu vực nông thôn. Học sinh theo học các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành Sức khỏe và Đào tạo nhà giáo vẫn cao (nhóm ngành Sức khỏe chiếm 35,8%; nhóm ngành Đào tạo nhà giáo chiếm 20,1%). Trong khi một số ngành xã hội cần nhiều nhân lực sử dụng lao động qua đào tạo trung cấp như nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật số học sinh nhập học năm 2018 chỉ chiếm 10,9%.³

Báo cáo trên đây đã chỉ ra cho thấy lực lượng lao động trẻ của Việt Nam rất dồi dào do dân số tăng triển. Bên cạnh đó do yếu tố thiên nhiên bị phá hủy, đồng bằng ngập mặn, vùng biển ô nhiễm nên tình trạng thất nghiệp gia tăng. Trong khi đó, tầm suất công việc không nhiều đề cập đến lực lượng lao động mà vì thế kiếm tìm công

³ “Trình độ lao động của Việt Nam đang đứng ở đâu trên thế giới?” Giáo Dục Việt Nam (4/1/2020), <https://m.giaoduc.net.vn/tieu-diem/trinh-do-lao-dong-cua-viet-nam-dang-dung-o-dau-tren-the-gioi-post205453.gd>

việc nơi quốc gia khác đang là giải pháp hay lối thoát cho người lao động cũng như cho nền kinh tế nước nhà.

Hai thập niên qua, chính sách của chính phủ Việt Nam khuyến khích xuất khẩu lao động đã dẫn đến số lượng lớn người Việt ra nước ngoài để làm việc. Một báo cáo của Bộ ngoại giao năm 2011 cho hay có trên 500.000 người Việt Nam đang làm việc tại hơn 40 quốc gia và lãnh thổ trên thế giới.⁴ Đến năm 2013, con số này đã lên khoảng 600.000.⁵ Chỉ trong năm 2017, có 134.751 người Việt đi lao động nước ngoài.⁶ Năm 2018, gần 143.000 người Việt đã xuất cảnh theo diện xuất khẩu lao động, chủ yếu đến các quốc gia Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc.⁷ Năm 2019, con số này là 134.482 với Nhật là điểm đến của trên 80.000 lao động Việt Nam trong khi Đài Loan tiếp nhận 54.480 người.⁸

Theo số liệu của chính phủ Việt Nam thì hiện nay có gần 230.000 người đang làm việc tại Đài Loan và gần 50.000 người làm việc tại Hàn Quốc.⁹ Đây là chưa tính thành phần đi theo diện du học và kết hôn. Tại Hàn Quốc có số người kết hôn cũng gần bằng số lao động Việt Nam. Còn số người đi theo diện du học còn nhiều hơn số người đi theo diện lao động. Tuy nhiên, trong số người đi theo diện du học đó có bao nhiêu người thực sự học tập là một vấn đề khác.

⁴ Bộ ngoại giao, Báo cáo tổng quan về tình hình di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài, (Hà Nội: Cty ADN, 2011), 917.

⁵ Viet Nhan Luc, Xuất Khẩu Lao Động Việt Nam Ra Nước Ngoài, <http://vietnhanluc.com/xuat-khau-lao-dong-viet-nam-ra-nuoc-ngoai>.

⁶ “Nâng cao chất lượng lao động xuất khẩu,” Bộ Lao Động – Thương Binh – Xã Hội (1/1/2019), <http://www.molisa.gov.vn/Pages/tintuc/chitiet.aspx?tintucID=219367>

⁷ VOV News, “Năm 2018: Lao động Việt Nam đi xuất khẩu nhiều nhất ở nước nào?” (4/1/2019), <https://vov.vn/tin-24h/nam-2018-lao-dong-viet-nam-di-xuat-khau-nhieu-nhat-o-nuoc-nao-859599.vov>.

⁸ “Japan, Taiwan dominate Vietnamese labor imports in 2019,” Thời Đại (3/1/2020), <https://vietnamtimes.org.vn/japan-taiwan-dominate-vietnamese-labor-imports-in-2019-17486.html>

⁹ “South Korea and Taiwan have decided to renew visas for foreign workers including Vietnamese to fill a labor shortage amid the coronavirus outbreak,” Mekong Immigration Network (7/5/2020), <http://www.mekongimmigration.org/?p=8500>

Lao động Việt Nam là nhóm lao động nước ngoài có số lượng gia tăng nhanh nhất tại Nhật Bản, phần lớn nhập cảnh theo chương trình tu nghiệp sinh được thành lập bởi chính phủ Nhật Bản để tìm nguồn lao động phổ thông cho đất nước họ.¹⁰ Hiện nay, tại Nhật Bản có 412.000 người Việt Nam đang sinh sống, đại đa phần là người lao động. Người Việt Nam đứng thứ 3, sau người Hoa và Hàn Quốc về số lượng người nước ngoài đang sinh sống tại Nhật Bản.¹¹

Chính sách xuất khẩu lao động đã mang lại nhiều đóng góp tích cực cho sự phát triển của đất nước nhà. Cụ thể năm 2017, 2018 và 2019, kiều hối nhận được từ lao động nước ngoài theo lần lượt là 13,8 tỉ USD, 15,9 tỉ USD và 16,7 tỉ USD¹², chiếm một phần đáng kể trong tổng GDP hàng năm của Việt Nam (269.92 tỉ USD năm 2019).¹³

Tuy nhiên, những thống kê chính thức không phản ánh toàn bộ vấn đề về di dân Việt Nam vì có rất nhiều người đi nước ngoài theo diện du học hoặc du lịch, nhưng trên thực tế là đi tìm việc làm. Điều này thường thấy trong các trường hợp người Việt đi tới các nước như Hoa Kỳ, Úc Châu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan... Ngoài việc nhập cảnh các nước dưới một diện chính thức như lao động, du lịch, du học thì cũng có rất nhiều người tìm đến những đường lối vô cùng nguy hiểm để đi nước ngoài. Theo Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên

¹⁰ “Japan considering re-opening door to some foreigners: media,” Reuters (1/6/2020), <https://www.reuters.com/article/us-health-coronavirus-japan-travel/japan-considering-re-opening-door-to-some-foreigners-media-idUSKBN238145>

¹¹ “Vietnamese community in Japan reached almost 412,00,” Thời Đại (29/3/2020), <https://vietnamtimes.org.vn/vietnamese-community-in-japan-reached-almost-412000-18873.html#:~:text=The%20number%20of%20Vietnamese%20in,and%20the%20Republic%20of%20Korea.>

¹² Giang Le, 16,7 tỉ USD kiều hối về Việt Nam năm 2019, cao gấp 10 lần thu nhập của các hộ gia đình,” Forbes Vietnam (17/12/2019), <https://forbesvietnam.com.vn/tin-cap-nhat/167-ti-usd-kiều-hối-ve-viet-nam-nam-2019-cao-gap-10-lần-thu-nhập-của-các-hộ-gia-dinh-8552.html>

¹³ “Vietnam GDP,” Trading Economics, <https://tradingeconomics.com/vietnam/gdp>

Hiệp Quốc, mỗi năm có khoảng 18.000 người Việt Nam được các đường giây đưa người trái phép vào các quốc gia Âu Châu.¹⁴ Trường hợp 39 người trẻ Việt Nam tử vong trong một chiếc xe tải tại Anh trong quá trình đang được đưa lậu vào nước này năm 2019 là một điển hình cho mức độ nguy hiểm, chưa nói đến tiền bạc, mà những người Việt sẵn sàng chấp nhận để có thể được mưu sinh ở một quốc gia phát triển.¹⁵ Năm 2020, giữa mùa đại dịch Covid-19, rất nhiều người Việt đã trả cho các đường giây đưa người từ 12 triệu đến 18 triệu đồng để đi chui qua Thái Lan vì quốc gia này đóng hết các cửa khẩu, không tiếp nhận người nước ngoài trừ một số trường hợp đặc biệt.

Mặc dầu các nước như Hoa Kỳ, Anh, Nhật và Hàn Quốc... nằm ở vị trí cao trên danh sách các quốc gia mà người Việt muốn tìm tới, nhưng điều này không khả thi với nhiều người, đặc biệt những người ít có điều kiện. Vì thế, nhiều người Việt Nam tìm đến các nước để tới và ít tốn kém hơn như Malaysia, Lào, Thái Lan...

Di dân Việt Nam ra nước ngoài, cụ thể Á Châu xuất phát từ khắp các tỉnh thành trên ba miền đất nước. Mỗi quốc gia mà họ đến cũng có những nền văn hóa, tôn giáo, phong tục tập quán và mức phát triển khác nhau. Mỗi nơi cần có sự hội nhập thích hợp cho bối cảnh của đất nước sở tại. Đối với di dân Việt Nam tại Á Châu, mặc dầu họ vẫn đang sinh sống và làm việc trong một môi trường tương đối có nhiều đồng điểm với Việt Nam, nhưng điều này không có nghĩa họ không gặp phải nhiều thách đố trong quá trình phải hội nhập văn hóa, biết hành xử cho phù hợp với luật pháp và xã hội địa phương, đồng

¹⁴ “People smuggling from Vietnam to Europe: The facts,” Infomigrants (28 October 2019), <https://www.infomigrants.net/en/post/20423/people-smuggling-from-vietnam-to-europe-the-facts#:~:text=Human%20trafficking%20networks%20are%20smuggling,Nations%20Economic%20and%20Social%20Council>.

¹⁵ “39 Vietnamese Died in a U.K. Truck. 18,000 More Endure This Perilous Trip,” The New York Times (1/11/2019), <https://www.nytimes.com/2019/11/01/world/europe/vietnamese-migrants-europe.html>

thời tiếp tục duy trì những giá trị văn hóa và tâm linh tốt lành mà họ đã được hấp thụ từ quê nhà.

Các bài viết trong tập sách này sẽ lần lượt trình bày những quan điểm của Giáo hội và những người đã và đang làm việc mục vụ cho người di dân nhằm bàn luận về những vấn đề thực tế cần hiểu rõ khi nói về di dân và mục vụ cho người di dân tại Á Châu. Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu nội dung tóm lược của mỗi bài trong tập sách cũng như tác giả của các bài viết:

Tóm lược các bài viết

Phần I

Giáo huấn của Giáo hội Công giáo về di dân (LM Phaolô Đỗ Bá Hoàng, OP, MA):

Giáo huấn của Giáo hội Công giáo về di dân được thể hiện qua các tài liệu chính thức của Giáo hội. Kể từ Tông huấn Gia đình xa cách (1952) của Đức Giáo hoàng Piô XII, được xem như ‘đại hiến chương’ về việc di dân đến nay, đã có rất nhiều tông huấn, thông điệp của các Đức Giáo hoàng lên tiếng bênh vực, đề ra đường hướng mục vụ, cũng như mời gọi các thành phần dân Chúa đón nhận và nâng đỡ người di dân. Đặc biệt, Công đồng Vatican II cũng đã đề cập đến người di dân và các quyền của họ. Kể từ năm 1985 đến nay, hàng năm các vị Giáo hoàng đều có thông điệp đặc biệt nhân Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn. Điểm nổi bật nơi Giáo huấn của Giáo hội về di dân chính là việc lên tiếng bênh vực phẩm giá và các quyền lợi căn bản của họ.

Mục vụ di dân Việt Nam: Thần học di dân và “đôi thoại người nghèo” (LM Nguyễn Trung Tây, SVD, PhD):

Từ những ngày đầu tiên trong dòng lịch sử ơn cứu độ, hiện tượng di dân đã xảy ra. Do bởi tin tưởng vào lời chúc lành của Adonai, tổ phụ Abraham cùng với gia đình đã lên đường di dân. Tương tự như

thế, lịch sử Việt Nam cũng bắt đầu với câu chuyện di dân của tổ phụ Lạc Long và tổ mẫu Âu Cơ, 50 con di dân lên núi, 50 di dân xuống đồng bằng. Từ những bước chân di dân đầu tiên của tổ phụ Abraham, tổ phụ và tổ mẫu Lạc Long Âu Cơ, Do Thái và Việt Nam đã xuất hiện trên bản đồ thế giới. Trên tất cả, bởi di dân là một đề nghị của Thiên Chúa; vì thế, hiện tượng di dân và người di dân được Thiên Chúa chúc lành. Bởi di dân được Thiên Chúa chúc phúc, và Đức Giêsu đã xác định thân phận của Ngài như một người di dân, Giáo hội không có chọn lựa nào khác, nhưng nối bước Đức Giêsu lên đường dẫn thân, tiếp đón di dân và chăm sóc di dân Việt Nam tại bản địa. Qua Văn phòng Di Dân sinh hoạt với tinh thần dẫn thân của *Niềm Vui Tin Mừng* 49, linh mục và tu sĩ Việt Nam tại hải ngoại đã và đang chia sẻ và giới thiệu Tin Mừng của Đức Giêsu tới những di dân chưa nhận được ánh sáng Phúc Âm, một điều Liên Hội đồng Giám mục Á Châu – FABC đề nghị qua phương thức truyền giáo Đối Thoại Người Nghèo.

Thông điệp *Fratelli Tutti* và vấn đề di dân (LM Giuse Nguyễn Hải Phương, OP):

Đức Giáo hoàng Phanxicô ngày 3/10/2020, tại Assisi nước Ý, đã ký Thông điệp '*Fratelli Tutti* – Tất cả anh em'. Thông điệp này gồm phần dẫn nhập và tám chương xoay quanh ý tưởng trọng tâm là tình huynh đệ và tình bằng hữu trong thế giới ngày nay. Bài viết này tóm lược chương một, chương hai, chương ba và chương bốn của thông điệp trên và những suy tư của tác giả qua góc nhìn di dân với bối cảnh tại vương quốc Thái Lan. Đặc biệt, bài viết sẽ tập trung chương hai và chương bốn bởi vì thông qua hai chương này, Đức Thánh cha Phanxicô đã dùng dụ ngôn 'Người Samari nhân hậu' làm nền tảng để suy tư và đề ra những giải pháp cho vấn đề di dân. Với hình ảnh người Samari nhân hậu, Đức Phanxicô mời gọi mọi người quan tâm đến những nạn nhân đang 'quần quai nằm bên lề đường' bởi vì sự vô cảm của thế giới ngày nay, bởi vì sự lạnh nhạt và thiếu tình liên đới với anh chị em của mình. Và như vậy, anh chị em di dân dường như đang là những nạn nhân của sự thiếu tình liên đới, nạn

nhân của sự vô cảm. Đức Giáo hoàng mời gọi ‘hãy xuống ngựa, quan tâm, săn sóc’ như người Samari nhân hậu đã đối xử với nạn nhân trong dụ ngôn. Hãy mở con tim ra, hãy vượt qua những thành kiến về tôn giáo, sắc tộc, quốc gia, ... để cùng nhau xây dựng một thế giới của tất cả mọi người, không loại trừ một ai. Mỗi người hãy là một người Samari nhân hậu.

Phần II

Di dân Việt Nam tại Nhật Bản, đổi thân để đổi đời (LM Đaminh Nguyễn Quốc Thuần, MA):

Bản năng sinh tồn nơi động vật cũng như nơi con người luôn thúc đẩy nó tìm đến môi trường sống an toàn, phong nhiêu và vững chãi. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh sống còn đang ngày càng trở nên khắc nghiệt, thách đố và quyết liệt trong thế giới 4.0. Chính vì thế mà con người thời đại đang chuyển dịch từ cảnh giới bất an đến miền đất an toàn; từ xã hội nghèo đói đến quốc gia giàu có; từ đất nước lạc hậu đến thế giới văn minh; từ lối sống bị kìm hãm đến vùng trời tự do... Việt Nam đang chuyển biến theo xu hướng trên qua làn sóng di dân đến các quốc gia trên thế giới, gần đây nhất là đất nước Nhật Bản.

Trước hiện tượng bùng nổ di dân hiện nay, các vị lãnh đạo trong Giáo hội và những người lãnh trách nhiệm định hướng ngoài xã hội đã, đang và sẽ làm gì?. Qua bài khảo sát với đề tựa : “Đổi mạng để đổi đời”, chúng tôi mong ước phác họa ra những nét chính yếu, thực tế về hiện tượng trên cùng với nguyện ước mọi người hãy cùng nhau cộng góp phần mình để người con dân Việt Nam được sống đúng và xứng đáng với phẩm giá làm người hơn.

Những mảnh đời di dân Việt Nam trên đất nước Nhật Bản (Sr. Catarina Xiêna Đặng Thị Bích Liễu, LHC; C. Têrêsa Hà Thị Mỹ Hạnh; C. Xêxilía Lê Phan Bảo Khanh):

Đứng trước làn sóng di dân đến Nhật Bản ngày một gia tăng, kéo theo sau đó là những hệ lụy nghiệt ngã và đau đớn đến lặng người

mà không ai khả dĩ tìm ra được câu trả lời trọn vẹn nhất!. Chúng tôi xin giới thiệu những chia sẻ của Nữ tu Catarina Xiêna Đặng Thị Bích Liễu, Dòng Mến Thánh Giá Nha Trang, Chị Têrêsa Hà Thị Mỹ Hạnh và Chị Xêxilia Lê Phan Bảo Khanh, hiện đang làm thông dịch viên cho Trung Tâm Hành Chánh, Tỉnh Hyogo với mong ước, phần nào nói lên những mảnh đời thật về người di dân Việt trên đất nước Nhật Bản. Với lương tâm tình người và với trách nhiệm là người Kitô hữu, chúng tôi được gọi mời dần thân chia sẻ, đồng hành và nâng đỡ những mảnh đời trên vì:

“Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tùy rằng khác giống nhưng chung một giàn”. (Ca dao)

**Người di dân Công giáo Việt Nam tại Bangkok – Thái Lan:
Những thách đố và cơ hội (LM Giuse Nguyễn Mạnh Hà, OP,
PhD):**

Bài viết nói lên thực trạng của người di dân, đặc biệt là người di dân Công giáo Việt Nam tại Thái Lan. Phần dẫn nhập tác giả nói lên lý do của việc di dân và di dân đến Thái Lan trong đó có vùng Bangkok. Phần I của bài viết tác giả đề cập tới bức tranh hiện thực của người di dân Công giáo tại Bangkok với những lý do để người dân chọn đất nước này. Tiếp đó là đặc điểm chung để nhận dạng của người di dân Việt Nam và cuối cùng trong mục này là những thiệt thòi của người di dân Việt khi sống tại Thái Lan.

Trong phần II tác giả đã đề cập đến những thách đố mà người di dân Công giáo đang gặp phải tại đất nước Chùa tháp này đó là những thách đố về đức tin, thách đố về tục hóa, thách đố của chủ thuyết tương đối và cuối cùng là thách đố về việc giáo dục con cái.

Phần III của bài viết, tác giả đưa ra những cách thức để sống đức tin giữa những thử thách. Trước hết, người Di dân Công giáo Việt Nam đang sống trong một cánh đồng truyền giáo, nơi đó họ có thể đóng góp vào việc loan truyền đức tin và sống đức tin ấy. Việc thiết lập các nhóm Công giáo, đồng hương, liên hiệp để người di dân giúp nhau sống đức tin tốt hơn.

Phần IV là những ưu tư thao thức và nguyện vọng của tác giả với bối cảnh người di dân Việt đang sống. Làm sao có thể kêu gọi được sự cộng tác của xã hội, Giáo hội địa phương và cả Giáo hội tại quê nhà, đó là những thao thức chưa có lời giải đáp, nhưng tác giả vẫn mong ngày mai sẽ tốt đẹp hơn. Cuối cùng cũng vẫn là những tâm tư, tình cảm gửi gắm của tác giả với những mục tử đang giúp mục vụ cho người di dân tại Thái Lan, mong sao những người mục tử luôn là những người dẫn dắt, gần gũi, cảm thông với anh chị em di dân. Tất cả những ưu tư như là bức tranh sống động giúp chúng ta có cái nhìn chân thực hơn về tình trạng di dân Việt tại Thái Lan và giúp chúng ta có một cái nhìn cảm thông, chia sẻ, cộng tác hơn là chỉ nói suông.

Vai trò của mạng xã hội trong đời sống tinh thần của lao động nhập cư Việt Nam tại Thái Lan (LM Anthony Lê Đức, SVD, PhD):

Mạng xã hội đã trở nên một phần thiết yếu trong đời sống của con người trong thời kỳ hiện đại. Đối với di dân Việt Nam tại Thái Lan, hầu hết đều sử dụng mạng xã hội trong cuộc sống hằng ngày. Tuy nhiên, mạng xã hội đối với cộng đồng lao động Việt Nam nhập cư tại Thái Lan không chỉ là phương tiện để giải trí hoặc liên lạc với gia đình, mà còn là phương cách để đối phó với những thiếu thốn và thiệt thòi về vật chất lẫn tinh thần mà họ gặp phải khi mưu sinh trái phép tại đất nước này. Trong bài viết, tác giả nêu lên những thiệt thòi mà các di dân Việt Nam gặp phải khi sinh sống và làm việc tại Thái Lan, đặc biệt trong những biến cố khủng hoảng như các chiến dịch truy quét và cuộc đại dịch Covid-19 vừa qua. Qua bài viết, tác giả cho thấy mạng xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc giúp làm thuyên giảm sự thiệt thòi cho di dân Việt Nam tại Thái Lan trên phương diện cá nhân cũng như cộng đồng. Tác giả cũng khẳng định mạng xã hội không thể thiếu đối với những người lãnh đạo cộng đồng, xã hội, Giáo hội... muốn tìm hiểu, đồng hành và phục vụ cộng đồng di dân Việt Nam tại Thái Lan cũng như ở các nước.

Vài nét về mục vụ di dân của Giáo hội Đài Loan (LM Antôn Phạm Trọng Quang, SVD, MA):

Bài viết này trước hết giới thiệu sơ lược về sự bùng nổ kinh tế của Đài Loan vào những năm 1990 và đầu những năm 2000. Khi nền kinh tế Đài Loan phát triển, đất nước có tên Hòn Đảo Ngọc (Formosa) này thiếu nguồn lao động, nên họ bắt đầu sang những nước Đông Nam Á, như Philippines, Thái Lan, Indonesia và Việt Nam để tuyển dụng lao động. Cũng trong thời gian đó, Việt Nam bắt đầu cải tổ chính sách ngoại giao quốc tế, người dân được tự do ra nước ngoài, đồng thời chính phủ bắt đầu kế hoạch xuất khẩu lao động qua Đài Loan và nhiều nước phát triển khác.

Tiếp đến, bài viết này sẽ trình bày những khó khăn, thách thức, thậm chí kể cả những bất công trong công xưởng và chính sách tiền lương bất hợp lý mà người lao động gặp phải trong quá trình sống và làm việc tại Đài Loan. Bài viết này cũng sẽ đặc biệt phân tích và đánh giá về những đóng góp của các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức tôn giáo trong quá trình bênh vực và đòi quyền lợi cho người lao động. Nhờ tác động mạnh mẽ của các tổ chức này, dần dần chính phủ Đài Loan mới có nhiều thay đổi về chính sách di dân theo chiều hướng có lợi cho công nhân và những người nhập cư.

Điều đáng chú ý của bài viết này, đó là phần giới thiệu về công việc mục vụ mà Giáo hội Công giáo đã thực hiện để giúp cho di dân. Từ Hội đồng Giám mục Đài Loan đến các giáo phận; từ các cộng đoàn dòng tu tới các giáo xứ... Giáo hội đã có những tiếng nói và hành động cụ thể nhằm bênh vực cũng như giúp đỡ các lao động có được sự tôn trọng, có được môi trường làm việc an toàn, được trả lương theo đúng với sức lao động của mình.

Dĩ nhiên, trong khuôn khổ đề tài, bài viết này cũng đưa ra một số phản tỉnh về mục vụ di dân, đồng thời cũng nêu lên những kiến nghị dành cho chính phủ Việt Nam, cho Giáo hội Việt Nam cũng như cho các gia đình có người thân đi lao động tại Đài Loan. Với hy vọng mọi người luôn đặt trách nhiệm của mình trong vấn đề giúp người lao động tránh được rủi ro và được làm việc trong môi trường an toàn và đầy lý tưởng.

Mục vụ di dân Việt Nam tại Lào (LM Giuse Trần Đình Phương, CSsR):

Nói đến Lào, người ta nghĩ ngay đến vùng đất nghèo khổ và lạc hậu với khung cảnh đời sống thiên nhiên hoang dã, mộc mạc. Với đặc thù riêng của một vùng đất như thế, chắc hẳn sẽ chẳng có ai mong tìm đến để kiếm sống và định cư. Thế nhưng thực tế lại không như những gì chúng ta đoán nghĩ. Vẫn có đó những người con Dân Việt tìm đến kiếm sống qua các ngành nghề như: Buôn bán, sửa chữa, xây dựng, ngành thợ các loại ... Không chỉ đến Lào để tìm kế sinh nhai, nhiều người Việt đã định cư và đóng góp phần mình trong việc kiến tạo nước Lào và tạo nên mối giao hảo thân tình với người Lào.

Với ý tưởng Quốc Tế (Inter-national), dựa trên nền tảng cả hai quốc gia đều có những đặc thù văn hóa, lối sống gần tương đồng nhau, người Việt và người Lào đã có được cơ hội gặp gỡ, giao lưu, học hỏi, hoán cải, thay đổi lẫn nhau để có thể cùng đồng hành và phát triển. Không những thế, những di dân Công giáo còn trở thành những nhân tố xây dựng Giáo hội Lào và là những nhà truyền giáo đắc lực nơi quốc gia với Phật giáo là chính.

Bài viết sẽ chuyên mang đến cho quý vị khung cảnh đời thực tại Lào với đời sống của di dân Việt và nỗ lực làm thế nào để sống, hội nhập với đất nước thảo sơn này.

Di dân Việt Nam tại Hàn Quốc: rắn và bò câu - Thực trạng và thách đố trong mục vụ di dân (LM Phêrô Nguyễn Cao Sâm, SVD, PhD):

Người di dân Việt đến Hàn Quốc từ những năm đầu của thập niên 90, sau khi Hàn Quốc chuyển mình từ một nước “gửi người đi” thành một quốc gia “nhận người vào” vào dịp Thế vận hội Olympic Seoul năm 1988 và sau khi Việt Nam và Hàn Quốc bang giao vào cuối năm 1992. Họ đến Hàn Quốc với những làn sóng của visa lao động, kết hôn, du học, thăm thân, thương mại, v.v., đa số là từ những

gia đình ở vùng quê và thành phố nhỏ, khá nghèo, để kiếm tiền nuôi sống gia đình.

Người di dân, Việt cũng như những dân tộc hay thuộc quốc gia khác, rời bỏ quê hương để tìm một tương lai tốt hơn cho gia đình và cho chính họ, và họ phải đương đầu với cuộc sống đầy khó khăn và nhiều thách đố. Họ ra đi, cũng giống như các môn đệ Đức Giêsu được sai đi, “như chiên đi vào giữa bầy sói”, và như các môn đệ, họ cũng được chỉ thị là phải “khôn như rắn và đơn sơ như bồ câu” (Mt 10, 16). Đồng hành với người di dân là mục đích chính của mục vụ di dân.

Bài viết này chia sẻ về thực trạng và thách đố của mục vụ di dân với người Việt tại đất Hàn bằng cách trình bày, trước hết, (1) hai mẩu chuyện tiêu biểu của cuộc sống di dân và, sau đó, (2) về thực trạng di dân tại Hàn Quốc – với con số người Việt hiện giờ là 213.604 người, đến Hàn với những làn sóng visa như lao động, kết hôn, du học, hay những diện visa khác, và phải đối phó với nhiều khó khăn và thách đố trong cuộc sống di dân này. Kế đến, (3) bài viết trình bày về ý nghĩa của hai biểu tượng “rắn và bồ câu” trong Kinh Thánh, nhắc nhở người di dân phải khôn ngoan và đơn sơ như rắn và bồ câu. Và cuối cùng, (4) bài viết chia sẻ về mục vụ di dân với người Việt trên đất Hàn qua những hoạt động và cơ sở mục vụ di dân của Giáo hội Hàn Quốc cách chung và của Tổng Giáo phận Seoul cách riêng, nhấn mạnh ba thách đố chính của mục vụ di dân là (a) mục vụ “vời và cho” người di dân, (b) Hội nhập vào văn hóa, xã hội, và Giáo hội địa phương, và (c) huấn luyện lương tâm trưởng thành.

Những giáo dân “bồng bênh” ở đô thị: Một phân tích về trải nghiệm tính bấp bênh của người Công giáo di dân và đề xuất một nghị trình mục vụ (TS Giuse Nguyễn Đức Lộc, PhD):

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, di cư nội địa và xuyên quốc gia diễn ra trong vài thập niên trở lại đây đang phản ánh quá trình biến động cơ cấu dân cư lớn tại nhiều quốc gia. Bối cảnh kinh tế xã hội ở Việt Nam từ đầu thập niên 90 thế kỷ 20 đến nay cũng được xem là một cuộc chuyển biến xã hội có tác động đáng kể đến đời sống người

dân với xu hướng di cư, giải lãnh thổ hoá cộng đồng và chuyển biến tâm thức nơi người dân. Trong bối cảnh đó, đời sống đạo của người Công giáo Việt Nam cũng chịu tác động ít nhiều bởi di dân nội địa và xuyên quốc gia này. Chính vì vậy, bài viết này sẽ tập trung vào trình bày bối cảnh chuyển biến xã hội, đặc biệt là một tiến trình tái cấu hình xã hội từ cấp độ gia đình cho đến cộng đồng vốn chịu tác động bởi rất nhiều những thách đố của các trào lưu tư tưởng thời hiện đại, nhưng đồng thời qua đó tác giả suy ngẫm thêm về những niềm hy vọng vào công trình cứu độ Thiên Chúa dành ban cho con người ngày nay để từ đó gợi ý một nghị trình mục vụ về vấn đề gia đình và di dân từ ánh sáng Lời Chúa trong Kinh Thánh.

VỀ CÁC TÁC GIẢ

LM Anthony Lê Đức, SVD, PhD sinh năm 1975, là tu sĩ thuộc Dòng Truyền giáo Ngôi Lời. Sau khi thụ phong linh mục năm 2006 tại Chicago, Hoa Kỳ, ngài đã được sai đến phục vụ tại Thái Lan từ năm 2007. Ngài có bằng tiến sĩ về Tôn giáo học, hiện đang giảng dạy tại Đại chủng viện Quốc gia Thái Lan Lux Mundi. Ngoài ra, ngài đang điều hành TT Nghiên Cứu Á Châu về Tôn giáo và Truyền thông xã hội (Asian Research Center for Religion and Social Communication) tại trường Đại học St. John's, Thái Lan, đồng thời chủ bút tạp chí chuyên môn của TT, "*Religion and Social Communication*". Trong lĩnh vực truyền thông, ngài là thành viên trong ban Kỹ thuật số của tổ chức truyền thông Công giáo SIGNIS.

LM Đaminh Nguyễn Quốc Thuần, MA sinh năm 1974, thụ phong linh mục 2014, thuộc Tổng Giáo phận Osaka, Nhật Bản. Thạc sĩ Nhân chủng học. Hiện ngài đang công tác mục vụ tại giáo xứ Suzurandai, Kobe, Nhật Bản. Thành viên tổ chức Hội Bạn Hữu Việt Nam – Vietnamese Friendship Association.

LM Phaolô Đỗ Bá Hoàng, OP, MA là tu sĩ Dòng Đaminh, thuộc Tỉnh Dòng Đaminh Việt Nam, hiện đang mục vụ truyền giáo tại Tổng Giáo phận Thare-Nongseng, vùng đông bắc Thái Lan. Ngài

có bằng thạc sĩ về Tôn giáo học và đã từng cộng tác trong mục vụ di dân Việt Nam tại Thái Lan trước khi chuyển về sứ vụ mới.

LM Nguyễn Trung Tây, SVD, PhD là tu sĩ truyền giáo Dòng Ngôi Lời, SVD, hiện đang làm việc với Tỉnh Dòng Ngôi Lời Úc Châu. Ngài từng dạy học tại Đại Chung Viện Ngôi Lời, Epworth, Iowa, Hoa Kỳ và Đại Học Yarra Theological Union tại Boxhill, Victoria, Úc Châu. Ngài cũng từng sinh hoạt mục vụ tại sa mạc Central Australia, Úc Châu với Thổ Dân sa mạc. Sau thời gian theo học tại Học Viện Truyền Giáo Ngôi Lời, phố Tagaytay, Philippines, tháng 5/ 2020, ngài đã bảo vệ thành công luận án Tiến Sĩ Thần Học ngành Truyền Giáo Học. Luận án tựa đề, “Âm Hưởng Truyền Giáo trong Văn hóa Việt Nam của Tin Mừng Hóa Bánh Mì Ra Nhiều trong Gioan 6”. Những bài viết của ngài từng xuất hiện trên Verbum SVD, Religious Life Asia, Nguyệt san Dân Chúa Úc Châu, Nguyệt san Trái Tim Đức Mẹ Dòng Đồng Công, Nguyệt san Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp Dòng Chúa Cứu Thế, VietCatholic, Làng Văn, Hợp Lưu, Văn, và Văn Học.

LM Giuse Nguyễn Hải Phương, OP, là tu sĩ thuộc Dòng Đaminh. Ngài chịu chức tháng 07/2016, hiện đang mục vụ di dân Việt Nam tại TGP. Bangkok, đồng thời theo học chương trình cao học tiếng Anh tại Đại học Assumption, Thái Lan.

LM Giuse Nguyễn Mạnh Hà, OP, PhD sinh năm 1976, là tu sĩ thuộc Dòng Đaminh, Tỉnh Dòng Đaminh Việt Nam. Hiện ngài đang linh hướng cho di dân Việt Nam tại Tổng Giáo phận Bangkok. Ngài đã tham gia mục vụ di dân Việt Nam từ năm 2014 cho đến nay. Tháng 12, 2020 ngài đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ ngành giáo dục tại trường đại học Assumption, Thái Lan.

LM Giuse Trần Đình Phương, CSsR thuộc Dòng Chúa Cứu Thế, sinh năm 1979 và thụ phong linh mục năm 2013. Ngài đã từng phục vụ tại Thái Lan từ năm 2013-2015. Từ 2015 đến nay, ngài phục vụ tại Thakhek, Lào, cụ thể làm linh hướng cho các tiểu chủng sinh

của hội dòng. Ngoài ra, ngài dạy học tại Đại chủng viện Thakhek và làm mục vụ một số làng ở Lào.

LM Phêrô Nguyễn Cao Sâm, SVD, PhD hiện đang là phó giám đốc Ủy ban Di dân của Tổng Giáo phận Seoul và kiêm phụ giúp các cộng đoàn Công giáo Việt Nam thuộc 2 Giáo phận Jeonju và Jeju. Thụ phong linh mục năm 1986 tại Mỹ và hoạt động truyền giáo 6 năm ở nước Paraguay (Nam Mỹ), năm 1993 ngài được sai đến Hàn Quốc làm việc truyền giáo. Sau khi lấy tiến sĩ Thần học Mục vụ (Tôn giáo & Tâm lý) năm 2003 ở Mỹ, ngài giúp dạy học ở Hàn Quốc và ở Việt Nam trong nhiều năm, và đồng thời phụ giúp mục vụ di dân trong Tổng Giáo phận Seoul. Năm 2011, ngài được bổ nhiệm làm tuyên úy cộng đoàn Công giáo Việt Nam tại Seoul. Năm 2015 ngài được bổ nhiệm làm Tổng Thư Ký Dòng Ngôi Lời và sang Rôma làm việc. Năm 2019 ngài trở về lại Hàn Quốc và tiếp tục làm mục vụ di dân.

LM Antôn Phạm Trọng Quang, SVD, MA sinh năm 1976 tại Nghệ An, thuộc Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời, khấn dòng vào năm 2000 tại Nha Trang, sau đó được gửi vào Sài Gòn học triết học tại Học Viện Đaminh Gò Vấp. Sau khi hoàn thành 2 năm triết học, ngài được gửi sang Đài Loan để tiếp tục chương trình đào tạo. Ngài chịu chức linh mục vào đầu năm 2009 và nhận bài sai ở lại truyền giáo tại hòn đảo ngọc. Trong thời gian truyền giáo tại đây ngài đã gặt hái được nhiều kinh nghiệm mục vụ giáo dân tại giáo xứ chính tòa Giáo phận Gia Nghĩa, dạy học tại trường phổ thông Phụ Nhân và mục vụ di dân tại giáo xứ Bác Ái của giáo phận. Cha Quang có bằng thạc sĩ về Tôn giáo học từ trường Đại học Phật Giáo Nam Hoa, Gia Nghĩa, Đài Loan. Hiện nay ngài đang học chương trình Thạc Sĩ Thần Học (STL) chuyên khoa Đạo Đức Sinh Học và Luân Lý tại trường Đại học Công giáo Hoa Kỳ, tại thủ đô Washington DC.

Sr. Catarina Xiêna Đặng Thị Bích Liễu, LHC, Dòng Mến Thánh Giá Nha Trang. Tốt nghiệp ngành Xã hội học. Hiện đang phụ trách Cộng đoàn Fukuoka, Nhật Bản.

C. Têrêsa Hà Thị Mỹ Hạnh tốt nghiệp Khoa Đông Phương học. Chị đã làm nhân viên Văn Phòng Đại Diện Nhật Bản tại Việt Nam trong 6 năm. Hiện nay, chị đang làm thông dịch viên cho các tổ chức xã hội Nhật Bản.

C. Xêxilìa Lê Phan Bảo Khanh tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Marketing thuộc Trường Đại học Kwansei Gakuin University Nhật Bản. Chị từng làm việc ở Công ty sản xuất thiết bị điện và nghiên cứu thị trường Nhật Bản. Hiện nay, chị đang làm việc ở Ủy ban Hành chánh và Công ty thương mại tại Nhật Bản.

TS Giuse Nguyễn Đức Lộc, PhD là nhà nghiên cứu trong lĩnh vực nhân học. Ông nhận bằng Tiến sĩ Dân tộc học năm 2010 tại trường Đại học KHXH&NV TP.HCM với luận án tiến sĩ: “Cấu trúc cộng đồng cư dân Công giáo di cư – nghiên cứu trường hợp Hồ Nai (Đồng Nai) và Cái Sắn (Cần Thơ)”. Đến năm 2013 (tái bản 2015) công trình này được xuất bản thành sách chuyên khảo: Cấu hình xã hội cộng đồng cư dân Công giáo di cư - Từ kích thước cộng đồng đến kích thước cá nhân. Năm 2014, ông được phong hàm Phó giáo sư cấp nhà nước. Ông đã từng là Phó Trưởng khoa Nhân học, Trường ĐH KHXH&NV HCM, Phó Giám đốc Nhà xuất bản ĐHQG HCM, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Chiến lược, ĐH Thủ Dầu; Trưởng ngành Truyền thông đa phương tiện Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. Hiện ông đang là Viện trưởng Viện nghiên cứu Đời sống xã hội (Social Life). Đồng thời tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo Dòng hành Thiêng liêng của Trung tâm Linh Đạo I- Nhã (Đắc Lộ - Dòng Tên)

Chương 1

GIÁO HUẤN CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VỀ DI DÂN

LM Phaolô Đỗ Bá Hoàng, OP, MA

Ngày 2 tháng 9 năm 2015, một tấm hình đã gây chấn động toàn thế giới. Đó là tấm hình cậu bé Alan Kurdi, người Syria nằm chết, úp mặt trên bãi biển. Tấm ảnh đã thực sự gây tiếng vang về số phận của những người di cư và tị nạn. Các phương tiện truyền thông khi ấy đã đặt tên cho bức ảnh đó bằng những tên khác nhau: ‘Humanity washed ashore’ (tình người trôi dạt), ‘thảm họa nhân đạo’, ‘bức ảnh khiến cả thế giới chết lặng’,...

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, thi thể của 39 người Việt Nam được tìm thấy trong xe container. Họ là những người di dân đang tìm đường vào nước Anh để mong tìm việc làm. Rồi bỏ quê hương, họ lên đường với hy vọng có một cuộc sống tốt hơn cho bản thân và gia đình. Hy vọng ấy đã không thành hiện thực. Cái chết của 39 nạn nhân thực sự đã gây nên nỗi đau thương không chỉ cho gia đình và người người thân mà còn là nỗi đau của người Việt Nam. Chia buồn với gia đình các nạn nhân, một lãnh đạo Việt Nam viết: "Đây không chỉ là nỗi đau thương vô hạn của gia đình người thiệt mạng mà cũng là nỗi đau chung của cả cộng đồng, của từng trái tim người Việt và nhân dân thế giới".¹

Đó là hai sự kiện nói lên thực trạng bi thảm của những người di dân. Họ là những nạn nhân của chiến tranh, áp bức, đói kém đã phải rời bỏ quê hương. Có người đi tìm việc làm. Có người đi tìm một cuộc sống mới tốt đẹp hơn. Có người trốn chạy khỏi bất công,

¹<https://tuoitre.vn/thu-tuong-gui-loi-chia-buon-chi-dao-som-dua-39-nan-nhan-o-anh-ve-voi-gia-dinh-20191107205605001.htm>

nghèo đói. Tất cả họ đều hy vọng có một cuộc sống tốt hơn; thế nhưng, nhiều khi họ đã phải đánh đổi bằng cả mạng sống của mình.

Ngày nay, hầu như tất cả các quốc gia trên thế giới đều phải đối diện với hiện tượng di dân, bằng cách này hay cách khác; di dân ảnh hưởng đến đời sống xã hội, kinh tế, chính trị, và tôn giáo.² Hiện tượng di dân hiện nay không còn là vấn đề riêng của một quốc gia nào; nhưng đó là vấn đề chung của nhân loại. Đứng trước thực trạng của người di dân hiện nay, đâu là quan điểm Giáo hội Công giáo?

Giáo huấn về di dân của Giáo hội Công giáo có nền tảng từ chính Kinh Thánh, chính lời dạy của Thiên Chúa. Với Giáo hội Công giáo, hiện tượng di dân được xem như là một ‘dấu chỉ thời đại’. Chính Công đồng Vatican II đã ghi nhận hiện tượng di dân và nhấn mạnh mối quan tâm của Giáo hội với hiện tượng này.³ Giáo hội luôn mạnh mẽ cất lên tiếng nói bênh vực quyền lợi của những người di dân và tị nạn. Điều này đặc biệt được lặp lại nhiều lần trong các tông huấn, thông điệp của các Đức Giáo hoàng. Việc bảo vệ quyền lợi của người di cư được coi như điều bất di bất dịch trong lịch sử hoạt động mục vụ của Giáo hội; bởi lẽ ‘con người chính là con đường của Giáo hội’.⁴

1. Phẩm giá của người di dân

Giáo huấn chính thức đầu tiên của Giáo hội Công giáo về mục vụ cho người di dân được Đức Giáo hoàng Piô XII triển khai trong Tông huấn *Exsul Familia* (Gia đình xa cách) năm 1952. Chính tông huấn này đã phác họa quan điểm và đường hướng mục vụ của Giáo hội đối với những người di dân và tị nạn.⁵

Giáo hội luôn khẳng định phẩm giá của những người di dân. Họ là những con người, những nhân vị. Họ có phẩm giá. Phẩm giá ấy

² Xc. Hội đồng Giáo hoàng về Mục vụ Di dân và lữ hành, Huấn thị Tình yêu Đức Kitô dành cho người di dân, số 1.

³ Xc. Công đồng Vatican II, Hiến chế Vui mừng và Hy vọng, số 64-66.

⁴ Xc. *DGH Gioan Phaolô II*, Thông điệp Trăm năm, chương 6, Thông điệp Đáng Cứu chuộc con người, số 14.

⁵ Xc. Hội đồng Giáo hoàng về Mục vụ Di dân và lữ hành, Huấn thị Tình yêu Đức Kitô dành cho người di dân, số 20.

chính Thiên Chúa đã phú ban cho họ, cũng như cho tất cả mọi con người khác. Chính vì lẽ ấy, họ cần phải được tôn trọng.⁶ Trên nền tảng phẩm giá ấy, những người di dân xứng đáng được hưởng những quyền lợi căn bản. Trong Thông điệp *Pacem in Terris*, số 56, Đức Giáo hoàng Gioan XXIII đã khẳng định rõ vấn đề này, ngài viết:

Các người di cư chính trị cũng là người, và họ cũng phải được hưởng quyền lợi của con người: quyền lợi mà không một ai cắt xén được mặc dầu họ đã bị tước bỏ mất quyền công dân ở tổ quốc của họ.

Điều này cũng đã được lặp lại nhiều lần, cách riêng trong Thông điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 1991, Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II một lần nữa tái khẳng định nền tảng các quyền của người di cư chính là nhân phẩm của họ: “Không được xem người di cư chỉ như là những công cụ sản xuất, nhưng là một chủ thể được trao ban đầy đủ nhân phẩm”.

Trong các giáo huấn của mình, các Đức Giáo hoàng luôn mạnh mẽ bênh vực những quyền lợi căn bản của người di dân. Trong Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 2001, Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã liệt kê một số các quyền căn bản của người di dân, đó là:

Quyền có một quê hương, quyền được sống trên quê hương của mình, quyền được sống với gia đình của mình, quyền được có những tài sản cần thiết cho cuộc sống xứng đáng, quyền được duy trì và phát triển gia sản của chủng tộc, văn hóa và ngôn ngữ của mình, quyền được tuyên xưng tín ngưỡng của mình, quyền được nhìn nhận và đối xử xứng hợp với phẩm giá con người trong hết mọi hoàn cảnh...⁷

⁶ Xc. Công đồng Vatican II, Hiến chế Vui mừng và Hy vọng, số 66.

⁷ ĐGH Gioan XXIII, Thông điệp Hòa bình trên trái đất, số 77.

Ngay cả đối với những người di dân bị coi là bất hợp pháp theo luật pháp của một số quốc gia, Giáo hội vẫn mời gọi tôn trọng phẩm giá của họ; bởi lẽ, tình trạng bất hợp pháp của người di dân không làm cho họ mất đi những quyền căn bản mà nhân vị của họ mang lại: “Tình trạng bất hợp pháp không thể tước mất nhân phẩm của người di cư, bởi lẽ họ đã được trao ban những quyền bất khả tước đoạt, không thể bị xâm phạm hay phớt lờ”.⁸

Như vậy, tất cả các quyền của người di cư được đặt trên nền tảng: họ là những nhân vị, có phẩm giá, được chính Thiên Chúa tạo dựng. Họ có quyền được có một cuộc sống xứng hợp với nhân phẩm đầu là trên chính quê hương của họ hay tại nơi họ di cư đến. Việc quan tâm đến những người di dân, người tị nạn là cách Giáo hội tái khẳng định và đề cao các quyền con người. Chính vì thế, Giáo hội gần gũi những con người này, không chỉ bằng các chăm sóc mục vụ và hỗ trợ về mặt vật chất; nhưng còn qua việc dần dần bảo vệ nhân phẩm của họ.⁹

2. Quyền di cư và tị nạn

Là một nhân vị, mỗi con người đều có quyền căn bản nhất là được sống tại chính quê hương của mình.¹⁰ Thế nhưng, vì nhiều lý do khác nhau, nhiều người bị buộc phải rời bỏ quê hương để tìm đến một nơi khác, một quốc gia khác với hy vọng có một cuộc sống xứng hợp với nhân phẩm hơn. Với Giáo hội, việc di cư ấy cũng là một quyền lợi chính đáng của họ.

Đức Giáo hoàng Gioan XXIII, trong Tông huấn *Pacem in Terris* đã khẳng định mạnh mẽ rằng: “Trong các quyền lợi có liên hệ đến con người, chính là quyền cho họ có thể đi đến một xứ sở, nơi mà họ tin rằng có thể tạo một tương lai cho chính bản thân và cho gia

⁸ ĐGH Gioan Phaolô II, Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 1995.

⁹ Xc. Hội đồng Giám mục Việt Nam, Ủy ban Bác ái xã Hội: Tóm lược học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo, số 505.

¹⁰ Xc Đức Gioan Phaolô II, Sứ điệp gửi Hội nghị thế giới lần thứ bốn về mục vụ các người di dân và tị nạn, số 2

đình mình”.¹¹ Ngài đặc biệt nhấn mạnh rằng đó là những quyền căn bản của con người, xuất phát từ chính phẩm giá của họ, không thể bị tước đi dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, ngài viết: “Những quyền lợi của nhân vị: những quyền lợi đó, phát xuất trực tiếp từ phẩm giá tự nhiên của con người, và cũng vì đây các quyền lợi đó phổ thông, bất khả xâm phạm và bất khả nhượng bộ”.¹²

Một vấn đề thường được đặt ra: giữa quyền tị nạn của người di dân và quyền kiểm soát biên giới, kiểm soát nhập cư của quốc gia, đâu là ưu tiên? Về vấn đề này, Giáo hội luôn chân nhận quyền kiểm soát nhập cư của các quốc gia; nhưng đồng thời, Giáo hội cũng luôn khẳng định quyền được tị nạn của người di cư phải được ưu tiên, nhất là khi sự sống của họ bị đe dọa nghiêm trọng tại quê hương của họ.¹³ Giải thích về vấn đề này, Linh mục Michael A. Blume, SVD, Ủy ban Giáo hoàng về Mục vụ Di dân và Hành hương nêu rõ:

Các quốc gia có quyền lợi và nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền cũng như trật tự nội bộ để bảo đảm an ninh, các quyền lợi căn bản và các quyền tự do. Vì thế các quốc gia có thể ban hành những quyết nghị thực dụng để kiểm soát những sự nhập cư. Tuy nhiên cần phải nhớ nguyên tắc là những người nhập cư luôn luôn cần được đối xử với sự tôn trọng phẩm giá của mỗi nhân vị.¹⁴

Hơn nữa, Giáo hội cũng mời gọi các quốc gia giàu hơn có bổn phận đón nhận theo khả năng, những người nước ngoài đến tìm kiếm

¹¹ ĐGH Gioan XXIII, Tông huấn Hòa bình trên trái đất, số 56.

¹² ĐGH Gioan XXIII, Tông huấn Hòa bình trên trái đất, số 77

¹³ Hội đồng Giáo hoàng về Mục vụ Di dân và Lữ hành, Những người di cư: Một thách đố cho tình liên đới, số 6.

¹⁴ Fr Michael A. Blume, SVD, Migrants and Social Doctrine of the Church, https://www.vatican.va/roman_curia/pontifical_councils/migrants/pom2002_88_90/rc_pc_migrants_pom88-89_blume.htm.

an ninh và sinh kế mà họ không thể có được nơi chính quê hương họ.¹⁵

3. Quyền đoàn tụ với gia đình

Trong số những quyền lợi của những người di dân, phải kể đến quyền được đoàn tụ với gia đình. Việc phải di cư đến một nơi mới đồng nghĩa với việc gia đình bị xáo trộn, bị chia cách. Chính vì thế, Giáo hội luôn đề cao việc bảo vệ gia đình, đặc biệt đối với gia đình của những người di dân. Khi bàn đến quyền lợi căn bản của gia đình, Tông huấn *Familiaris Consortio* 46 đề cập đến “quyền được ra đi cùng với gia đình để tìm kiếm một cuộc sống tốt hơn”. Do đó, quyền di cư cũng bao hàm quyền được ở với gia đình của mình.¹⁶ Điều này đã được lặp lại nhiều lần trong các giáo huấn của Giáo hội. Đặc biệt, trong Hiến Chương về Các Quyền Gia Đình năm 1983, khoản 12, Giáo hội một lần nữa khẳng định các quyền của gia đình di dân như sau:

- Gia đình của thành phần di dân có quyền được bảo vệ giống như các gia đình khác.
- Gia đình của thành phần di dân có quyền được hưởng sự tôn trọng đối với văn hóa của họ và nhận được sự ủng hộ và hỗ trợ đối việc họ hội nhập vào cộng đồng họ góp phần.
- Những người lao động di dân có quyền được đoàn tụ với gia đình của họ sớm bao nhiêu có thể.¹⁷

Do đó, việc tái đoàn tụ những gia đình bị chia cách bởi di cư luôn là một trong những ưu tiên mục vụ của Giáo hội. Giáo hội nhìn nhận rằng những người tị nạn và di cư, cũng như tất cả mọi người khác, cần có một gia đình để thăng tiến và hòa hợp. Trong Sứ điệp

¹⁵ Xc. Giáo lý Hội thánh Công giáo, số 2241.

¹⁶ Xc. Công đồng Vatican II, Hiến chế Vui mừng và Hy vọng, số 66.

¹⁷ Hội Đồng Tòa Thánh về Gia Đình, Hiến Chương về Các Quyền Gia Đình (1983), số 12.

Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 2007, Đức Giáo hoàng Bênêđictô XVI đã tuyên bố:

Tôi cảm thấy mình có trách nhiệm phải mời gọi mọi người quan tâm đến gia đình của những người tị nạn, mà điều kiện sống của họ dường như ngày càng tệ hơn so với trước, và đặc biệt, việc tái đoàn tụ các gia đình hạt nhân... Cần phải làm mọi cách để bảo đảm quyền và nhân phẩm của các gia đình di dân và giúp cho họ có nơi ở hợp với nhu cầu.¹⁸

Huấn thị *Egra Migrantes Caritas Christi* (tình yêu Đức Kitô dành cho di dân) của Ủy ban Giáo hoàng về Mục vụ Di dân và Hành hương, năm 2004, số 30 cũng nhắc lại quyền đoàn tụ gia đình của những người di dân:

Huấn quyền cũng luôn nhấn mạnh cần phải có những chính sách bảo vệ hữu hiệu các quyền của người di dân, cần thận tránh mọi hình thức phân biệt. Cần đề cao các giá trị hành xử (lòng hiếu khách, liên đới, chia sẻ) và cần loại bỏ mọi tính hiếu hiện của tính bài ngoại và phân biệt chủng tộc từ phía cộng đồng bản xứ. Trong bối cảnh lập pháp và hành pháp của các quốc gia, cần chú ý đến quyền đoàn tụ của các gia đình và bảo vệ trẻ em, những thành phần thường hay gặp nguy hiểm do việc di cư...

4. Quyền lao động

Đặt nền tảng trên Kinh Thánh, Giáo lý Hội thánh Công giáo dạy rằng: “Từ khởi thủy, Thiên Chúa trao địa cầu và các tài nguyên cho nhân loại chung sức quản lý, để con người chăm sóc, chế ngự

¹⁸ Hội đồng Giáo hoàng về Mục vụ Di dân và Lữ hành & Hội đồng Tòa thánh Cor Unum, Đón tiếp Đức Kitô nơi người tị nạn, Những định hướng mục vụ, số 27.

chúng bằng lao động và hưởng dùng hoa trái của địa cầu”.¹⁹ Như vậy, tự bản chất con người có quyền và nghĩa vụ lao động. Qua lao động, con người được tham dự vào công trình sáng tạo của Thiên Chúa. Nhờ lao động, con người có thể thăng tiến bản thân và hoàn thành ơn gọi của mình. Lao động không chỉ là chuyện kiếm sống mà còn là phát triển tài năng cá nhân, gia đình, văn hóa, đời sống chính trị xã hội.²⁰

Trong Thông điệp Lao động của con người, Đức Gioan Phaolô II đã triển khai cách chi tiết hơn giá trị của lao động đối với con người. Con người được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa để sống trong thế giới hữu hình và được đặt trong thế giới này để làm chủ trái đất; vì thế, ngay từ đầu con người đã được kêu gọi để lao động. Ngài viết:

Lao động là một trong những đặc tính phân biệt con người với tất cả tạo vật khác. Chỉ con người mới có khả năng lao động. Chỉ có con người mới thực hiện lao động... lao động là dấu chỉ riêng của con người và của nhân loại, là dấu chỉ xác định phẩm chất nội tại của con người. Hiểu theo một ý nghĩa nào đó, dấu chỉ này tạo thành chính bản chất con người.²¹

Quyền lao động cũng là một trong những quyền lợi chính đáng của những người di dân. Họ cần được tạo điều kiện tham gia vào xã hội qua công việc, qua ngành nghề của họ như tất cả những người khác. Bởi lẽ, lao động nằm trong ơn gọi căn bản của họ. Việc lao động của người di dân không chỉ giúp cho bản thân họ và gia đình nhưng còn góp phần vào việc phát triển kinh tế của nơi họ nhập cư. Vì thế, Giáo hội mời gọi các quốc gia nhìn nhận những đóng góp của người di dân, tránh việc phân biệt về lương bổng và việc làm. Hơn

¹⁹ Giáo lý Hội thánh Công giáo, số 2402.

²⁰ Xc. Fr Michael A. Blume, SVD, Migrants and Social Doctrine of the Church, https://www.vatican.va/roman_curia/pontifical_councils/migrants/pom2002_88_90/rc_pc_migrants_pom88-89_blume.htm.

²¹ ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp Lao động của con người, Lời tựa.

nữa, mọi người, nhất là chính quyền, phải coi họ như những nhân vị, chứ không phải chỉ như những công cụ sản xuất.²²

5. Quyền về văn hóa

Khi đón tiếp những người di cư, cộng đồng tiếp nhận phải đối diện với những con người đến từ những nền văn hóa khác nhau. Đôi khi, sự thiếu hiểu biết về văn hóa của nhau gây nên những thái độ loại trừ hoặc kỳ thị. Hay ở một thái cực khác là việc đồng hóa người di cư, làm cho họ mất đi căn tính văn hóa của mình. Cả hai thái cực này đều không phải là đường hướng của Giáo hội. Giáo huấn xã hội Công giáo đòi hỏi phải “tôn trọng và chấp thuận các tập tục văn hóa của người nhập cư, miễn là chúng không đi ngược lại các giá trị luân lý phổ quát nằm trong luật tự nhiên hoặc các quyền lợi căn bản của con người”.²³

Trong Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 1981, Đức Giáo hoàng đã nhấn mạnh rằng cần tôn trọng và thăng tiến căn tính văn hóa của những người di dân.²⁴ Những người di dân cũng có những tập tục, văn hóa riêng. Điều này nằm trong bản chất và làm nên chính con người họ nên cần phải được trân trọng.

6. Quyền được chăm sóc mục vụ đặc biệt

Những người di dân là các Kitô hữu cần có được sự quan tâm và chăm sóc mục vụ cách đặc biệt từ cộng đoàn Kitô hữu địa phương. Trong Tông huấn *Exsul Familia*, Đức Giáo hoàng Piô XII đã đề cập đến nhu cầu có những linh mục cùng quê hương để thi hành mục vụ cho người di dân, hoặc ít ra dùng chính ngôn ngữ của họ.²⁵ Sứ vụ chăm sóc mục vụ cho người di dân là sứ vụ chung của cộng đoàn Giáo hội, từ giáo xứ đến cộng đoàn giáo dân. Trong Tông huấn

²² Xc. Công đồng Vatican II, Hiến chế Vui mừng và Hy vọng, số 66.

²³ ĐGH Gioan Phaolô II, Sứ điệp ngày Hòa bình thế giới năm 2001, số 13.

²⁴ ĐGH Gioan Phaolô II, Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 1981.

²⁵ ĐGH Piô XII, Tông huấn Gia đình xa cách.

Christus Dominus, Đức Giáo hoàng Phaolô VI đã đặc biệt lưu tâm hàng Giám mục về mục vụ riêng biệt dành cho những người di dân và tị nạn, những người vì hoàn cảnh cuộc sống mà phải rời xa quê hương. Ngài viết:

Cần quan tâm đặc biệt đến những tín hữu không được hưởng đầy đủ hoặc thậm chí thiếu hẳn sự chăm sóc mục vụ chung và thường xuyên của các cha xứ, chỉ vì lý do hoàn cảnh sinh sống, chẳng hạn đa số những người di cư, lưu đày, tị nạn, những người đi biển, các nhân viên phi hành, người phiêu cư và những trường hợp khác tương tự.²⁶

Với các linh mục, là thừa tác viên của các bí tích, Tông huấn Gia đình Kitô hữu của Đức Thánh cha Gioan Phaolô II cũng mời gọi:

Gia đình những người di cư, đặc biệt, thợ thuyền và nông dân, phải tìm cho mình được một quê hương ở khắp nơi trong Hội Thánh. Đó là bổn phận nằm trong bản chất Hội Thánh, vì Hội Thánh là dấu chỉ hiệp nhất trong đa dạng tính. Những người di cư phải được các linh mục tận tình giúp đỡ về nghi lễ, văn hóa và ngôn ngữ.²⁷

Việc chăm sóc mục vụ cho người di dân không chỉ dừng lại nơi hàng giám mục và linh mục mà thôi nhưng còn là sứ vụ của các cộng đoàn Kitô hữu địa phương. Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II, trong Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn 1993, khi bàn về những vấn đề của gia đình di dân, đã đặc biệt mời gọi các cộng đoàn tín hữu địa phương cần có những mục vụ đặc biệt cho người di

²⁶ ĐGH Phaolô VI, Tông huấn *Christus Dominus*, số 18.

²⁷ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Gia đình Kitô hữu*, số 77.

dân, những người đang chịu những đau khổ và khó khăn do điều kiện sống đem lại.²⁸

Khi thực thi sứ vụ của mình, các cộng đoàn làm cho Giáo hội thực sự trở thành nơi những người nhập cư ‘được nhìn nhận và đón tiếp như những anh chị em’ và giúp họ ‘cảm nhận tình huynh đệ trong cộng đoàn Kitô hữu.’²⁹ Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô còn nói rõ hơn về khía cạnh này, khi ngài viết:

Chăm lo cho người di cư nghĩa là nỗ lực bảo đảm cho anh chị em mình, những người đến từ nơi xa xôi nào đó một chỗ trong cộng đoàn; và hoạt động để mọi quyền cá nhân của mỗi con người đều được chấp nhận.³⁰

Mục đích của hoạt động mục vụ dành cho người di dân là giúp họ tham gia vào sinh hoạt của các cộng đoàn Kitô hữu địa phương, không chỉ với tư cách là những đối tượng nhưng là những chủ thể trong sứ vụ người Kitô hữu. Khi ấy, họ không còn là những người lạ nhưng là một thành viên của cộng đoàn Kitô hữu địa phương. Chính khi ấy, người di dân thực sự cảm nhận được “trong lòng Giáo hội, không ai là kẻ xa lạ; và Giáo hội không lạ lẫm với bất kỳ ai, ở bất cứ nơi nào”.³¹

²⁸Xc ĐGH Gioan Phaolô II, Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 1993.

²⁹ Xc. Fr Michael A. Blume, SVD, Migrants and Social Doctrine of the Church, https://www.vatican.va/roman_curia/pontifical_councils/migrants/pom2002_88_90/rc_pc_migrants_pom88-89_blume.htm.

³⁰ ĐGH Gioan Phaolô II, Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 1998.

³¹ ĐGH Gioan Phaolô II, Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 1995.

Đức Giáo hoàng Phanxicô và người di dân

Chuyến viếng thăm mục vụ Lampedusa

Một trong những ưu tiên mục vụ của Đức Giáo hoàng Phanxicô là đứng về phía người nghèo, cất tiếng nói bên vực người nghèo khổ, đặc biệt với anh chị em di dân. Tuyên bố chính thức đầu tiên của Đức Giáo hoàng Phanxicô về người di dân và tị nạn chính là bài giảng trong Thánh lễ ngày 8 tháng 7 năm 2013 tại Lampedusa. Lampedusa là chuyến viếng thăm mục vụ đầu tiên của ngài ngoài thành Rôma sau gần bốn tháng trên cương vị lãnh đạo Giáo hội. Đó là một hòn đảo nhỏ, nằm phía nam nước Ý. Lampedusa được xem là cửa ngõ của những người di cư trên đường tìm vào châu Âu. Chính vì vị trí địa lý của mình, nơi đây đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp đón dòng người di cư. Vào năm 2011, dân số Lampedusa vào khoảng 6.500 người; nhưng số người di cư và tị nạn có khi lên đến 51.753 người.³² Số người di cư gần gấp mười lần số người địa phương. Chính vì thế, chuyến viếng thăm mục vụ của Đức Giáo hoàng Phanxicô mang ý nghĩa lớn đối với người di dân.

Trong bài giảng Thánh lễ, ngài đã mạnh mẽ lên án hiện tượng ‘toàn cầu hóa sự dửng dưng’ và thiếu cảm thông đối với người di dân. Theo ngài, chính thái độ dửng dưng và thiếu cảm thông ấy đã gây ra thảm họa nhân đạo đối với người di dân và tị nạn. Ngài nói: “Chúng ta là một xã hội đã quên kinh nghiệm khóc, ‘đồng cảm thông’: sự hoàn vũ hóa thái độ dửng dưng!”

Dẫn lời Thiên Chúa hỏi Cain, kẻ đã giết em mình, Đức Thánh cha nói:

Chúa hỏi: “Em của ngươi ở đâu?”, tiếng máu của em ngươi đã kêu thối tới Ta, Chúa nói. Đây không phải là một câu hỏi được gửi tới những người khác, nhưng là câu hỏi được gửi tới tôi, tới bạn, cho mỗi người trong chúng ta. Những người anh chị em chúng ta

³² <https://vntaiwan.catholic.org.tw/13news/13news0459.htm>

đang tìm cách ra khỏi những tình cảnh khó khăn để tìm được một chút thanh thản và an bình; họ tìm một chỗ tốt đẹp hơn cho bản thân và gia đình họ, nhưng họ đã tìm thấy cái chết. Bao nhiêu lần những người tìm kiếm điều ấy đã không tìm được sự cảm thông, tiếp đón, không tìm được liên đới! Và tiếng nói của họ vọng lên tới Thiên Chúa!

Trước thực trạng bi thảm của người di dân, ngài đã tha thiết mời gọi mọi người hãy thức tỉnh lương tâm để những thảm cảnh đó không còn tái diễn: "...Tôi cảm thấy mình phải đến đây để cầu nguyện, để thi hành cử chỉ gần gũi, nhưng cũng để thức tỉnh lương tâm chúng ta để điều đã xảy ra khỏi tái diễn nữa. Xin làm ơn, đừng để tái diễn nữa!"

Quả thật, chuyến viếng thăm mục vụ này đã gây tiếng vang mạnh mẽ, mời gọi mọi người quan tâm đến thực trạng của những người di cư, đồng thời nói lên tình yêu đặc biệt của ngài dành cho những người phải rời bỏ quê hương của mình.

Thực trạng người di dân

Qua nhiều cơ hội khác nhau, Đức Giáo hoàng Phanxicô đã nói lên thực trạng về số phận của người di dân. Đó là những những con người đang trên đường đi tìm cách thoát khỏi sự nghèo nàn, chiến tranh, áp bức, môi trường... Nhiều khi, do không được các tổ chức quốc tế công nhận là người tị nạn; thế nên, họ không được hưởng những quyền lợi căn bản, không được pháp lý bảo vệ.³³ Đó là những con người lên đường di cư với ước mong một cuộc sống tốt đẹp hơn, với hy vọng một tương lai tươi sáng hơn cho bản thân và gia đình, cho những người thân yêu. Thế nhưng, điều họ gặp phải lại là những nghi kỵ, khép kín, sự thờ ơ lãnh đạm, sự từ chối. Những nghịch cảnh ấy nhiều khi đã làm tổn thương phẩm giá của họ.³⁴ Đức Phanxicô không ngần ngại gọi đó là những 'ác mộng' đối với những gia đình

³³ Xc. ĐGH Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si*, số 25.

³⁴ Xc. ĐGH Phanxicô, Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 2014.

di dân: "...Ác mộng sau cùng vừa nói là một trải nghiệm, đáng buồn thay, vẫn đang tiếp tục tác động tới rất nhiều gia đình tị nạn; các gia đình này, hiện nay, đang cảm thấy bị từ chối và bơ vơ".³⁵

Với cộng đồng quốc tế

Với cộng đồng quốc tế, Đức Phanxicô đã lặp lại nhiều lần rằng không được nhìn những người di dân dưới khía cạnh chính trị và kinh tế mà thôi; nhưng cần nhìn họ là những con người, được Thiên Chúa tạo dựng, có nhân phẩm cần được tôn trọng, và là những anh chị em đang cần được nâng đỡ để có một cuộc sống xứng hợp với nhân phẩm của họ:

Những người di dân và tị nạn không phải là những con cờ trên bàn cờ của nhân loại. Họ là những trẻ em, phụ nữ và đàn ông rời bỏ hoặc bị bó buộc rời bỏ gia cư của họ vì nhiều lý do, họ cùng chia sẻ một ước muốn hợp pháp là được biết, sở hữu, và nhất là được sống trọn vẹn hơn.³⁶

Ngài cũng mời gọi các nước hãy quảng đại mở cửa đón tiếp người di cư. Người di cư không phải là gánh nặng cho các quốc gia tiếp nhận họ; trái lại, họ cũng góp phần của mình vào việc phát triển kinh tế và làm phong phú đời sống của cộng đồng nơi tiếp nhận họ. Trong Tông huấn Niềm vui Tin Mừng, ngài viết: "Tôi khuyến khích tất cả các nước hãy quảng đại mở cửa, và thay vì sợ mất đi bản sắc địa phương của mình, họ sẽ có khả năng tạo ra những hình thức tổng hợp văn hoá mới".³⁷

Với Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 2018, Đức Phanxicô còn đưa ra những đề nghị, giải pháp cụ thể trong việc đón nhận người di dân. Việc giúp đỡ người di dân không chỉ dừng lại

³⁵ ĐGH Phanxicô, Tông huấn Niềm vui của Tình yêu, số 30.

³⁶ ĐGH Phanxicô, Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 2014.

³⁷ ĐGH Phanxicô, Tông huấn Niềm vui Tin mừng, số 210.

như những hành động mang tính nhân đạo tức thời nhưng là một quá trình giúp họ dần hội nhập vào cộng đồng địa phương. Ngài đưa ra giải pháp gồm bốn bước: tiếp đón, bảo vệ, thăng tiến, hội nhập.³⁸ Điều này cũng được ngài lặp lại trong Sứ điệp mới nhất nhân Ngày Thế giới Người di dân và Tị nạn ngày 27 tháng 9 năm 2020. Trong sứ điệp mới nhất này, ngài so sánh người di dân với chính Chúa Giêsu đang trên đường chạy trốn. Từ đó, ngài mời gọi mọi người khám phá ra gương mặt của Chúa Giêsu nơi những người di dân. Ngoài ra, ngài cũng đưa ra những gợi ý mục vụ rất cụ thể để giúp người di dân có thể hòa nhập vào các cộng đồng địa phương.³⁹

Xây dựng nền văn hóa đón tiếp và liên đới

Đức Thánh cha ghi nhận rằng những trào lưu di cư thường hay gây ra sự nghi ngờ và chống đối, ngay cả nơi các cộng đoàn Kitô hữu.⁴⁰ Vì lẽ đó, ngài mời gọi phải có một sự thay đổi thái độ đối với những người di dân và tị nạn. Sự thay đổi thái độ dựa trên sự hiểu biết đúng đắn về người di dân. Sự hiểu biết này được khởi đầu từ sự gặp gỡ. Ngài đề nghị cần phải “đi từ thái độ tự vệ và sợ hãi, không quan tâm, hoặc gạt ra ngoài lề, tương ứng với nền văn hóa loại bỏ, tới thái độ dựa trên nền văn hóa gặp gỡ, là văn hóa duy nhất có khả năng kiến tạo một thế giới công bằng và huynh đệ hơn, một thế giới tốt đẹp hơn”.⁴¹

Với Đức Phanxicô, giải pháp tốt nhất cho thực trạng của người di dân không gì khác hơn là đức ái và hợp tác. Ngài nhắc lại nhiều lần: “Trước sự toàn cầu hóa của hiện tượng di dân, phải đáp lại bằng sự toàn cầu hóa của đức ái và hợp tác, hầu làm cho các điều kiện của những người di dân được nhân đạo hơn”.⁴²

³⁸ Xc. ĐGH Phanxicô, Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 2018.

³⁹ ĐGH Phanxicô, Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 2020.

⁴⁰ ĐGH Phanxicô, Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm năm 2015.

⁴¹ ĐGH Phanxicô, Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 2014.

⁴² ĐGH Phanxicô, Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 2015.

Với cộng đồng các Kitô hữu

Cách riêng với các cộng đoàn Kitô hữu, Đức Phanxicô luôn mời gọi mọi người hãy nhìn những người di dân không phải là những vấn đề phải đương đầu, mà là những người anh chị em đang cần nâng đỡ. Trong Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 2014, ngài viết:

Nơi con người có in hình ảnh Chúa Kitô. Vì thế, vấn đề ở đây là trước hết chúng ta nhìn thấy và giúp người khác thấy người di dân và tị nạn không phải như một vấn đề cần phải đương đầu, nhưng như người anh em, chị em cần tiếp đón, tôn trọng và yêu mến.

Hơn nữa, ngài cũng mời gọi mỗi Kitô hữu hãy nhận ra khuôn mặt của Chúa Giêsu Kitô nơi những người di dân để từ đó có thể mở lòng đón tiếp, chia sẻ với họ: “Mỗi một người lạ đến gõ cửa nhà chúng ta là một cơ hội để chúng ta gặp gỡ Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã đồng hóa mình với những người lạ được tiếp đón hay bị chối từ thuộc mọi thời đại”.⁴³

Chính khi mở lòng đón nhận người khác mà chúng ta có cơ hội gặp gỡ và tiếp đón Thiên Chúa. Trong Thông điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 2016, ngài viết: “Nơi tâm điểm của Tin Mừng Lòng Thương Xót, sự gặp gỡ và đón nhận người khác đồng nhất với sự gặp gỡ và tiếp đón Thiên Chúa: Đón nhận người khác nghĩa là tiếp đón chính Thiên Chúa!”

Việc đón nhận người di dân cần phải được mở rộng, không phân biệt tôn giáo. Trong Tông huấn Niềm vui Tin Mừng, ngài mời gọi:

Người Kitô hữu chúng ta phải mở rộng vòng tay yêu thương của mình để đón nhận và tôn trọng những người di dân Hồi giáo tại đất nước chúng ta giống như

⁴³ ĐGH Phanxicô, Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 2018.

chúng ta hi vọng và xin được tiếp nhận và tôn trọng tại các đất nước Hồi giáo.⁴⁴

Đức Phanxicô đã không dừng lại nơi các thông điệp nhưng còn đi xa hơn với việc thi hành cử chỉ đánh động mọi người. Ngày thứ Năm tuần thánh năm 2016, ngài đã cúi xuống rửa chân cho những người di dân, không chỉ là người Công giáo mà còn cả người Hồi giáo. Với ngài, tất cả đều là con cái của một Thiên Chúa duy nhất.

Với chính người di dân

Mỗi khi có dịp ngỏ lời với anh chị em di dân, Đức Giáo hoàng Phanxicô đều có những lời khích lệ và động viên họ, những lời xuất phát từ tình yêu và sự quan tâm đặc biệt của ngài. Điều ấy được thể hiện rõ nét nơi các sứ điệp của ngài. Để phần nào thấu cảm được mối quan tâm đặc biệt của Đức Giáo hoàng Phanxicô dành cho người di dân, xin trích nguyên văn Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 2015:

Các bạn di dân và tị nạn thân mến! Các bạn có một chỗ đặc biệt trong con tim của Giáo Hội, và các bạn giúp Giáo Hội mở rộng các chiều kích của lòng mình để biểu lộ tình hiền mẫu cho toàn thể gia đình nhân loại. Xin các bạn đừng đánh mất niềm tin và hy vọng của mình! Chúng ta hãy nhớ đến Thánh Gia phải lưu vong sang Ai Cập: trong trái tim từ mẫu của Đức Trinh Nữ Maria và trái tim ân cần của Thánh Giuse luôn ấp ủ niềm tin tưởng rằng Thiên Chúa không bao giờ bỏ rơi các ngài, vậy, nguyện xin cho niềm tin tưởng ấy cũng không thiếu nơi các bạn. Tôi xin trao phó các bạn vào bàn tay che chở của các ngài, và trong tình thương

⁴⁴ ĐGH Phanxicô, Tông huấn Niềm vui Tin mừng, số 253.

mến, tôi xin ban Phép lành Tòa thánh cho tất cả các bạn.⁴⁵

Tài liệu tham khảo

David J. O'Brien & Thomas A. Shannon, *Catholic Social Thought_ Encyclicals and Documents from Pope Leo XIII to Pope Francis*, Orbis Books, Maryknoll, NY, 2016.

Hội đồng Giám mục Việt Nam, Ủy ban Bác ái Xã hội, *Tóm lược học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo*, nxb Tôn giáo, 2007.

Roger Aubert, *Catholic Social Teaching: An Historical Perspective*, Marquette University Press, 2003.

Trung tâm Học vấn Đaminh, *Thời sự thần học số 43: Người Di-gan Hiện Đại-Thần học về di dân*, năm 2006.

Trung tâm Học vấn Đaminh, *Thời sự thần học số 74: Thế giới di động*, năm 2016.

Mạng Internet:

<http://www.vatican.va/content/john-paul-ii/en.html>

<http://www.vatican.va/content/francesco/en.html>.

⁴⁵ ĐGH Phanxicô, Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn năm 2015.

Chương 2

MỤC VỤ DI DÂN VIỆT NAM: THẦN HỌC DI DÂN VÀ “ĐỐI THOẠI VỚI NGƯỜI NGHÈO”

LM Nguyễn Trung Tây, SVD, PhD

I. Giới thiệu

Di dân không phải là một vấn đề mới. Từ những ngày đầu tiên trong dòng lịch sử thế giới, hiện tượng di dân đã xảy ra. Khi môi trường sống biến đổi, những người đầu tiên đã rời bỏ Phi Châu; có nhóm đi lên Âu Châu, có nhóm đi tới Á Châu. Kể từ những ngày di dân đầu tiên đó, lịch sử thế giới thay đổi. Việt Nam cũng thế, từ những ngày đầu tiên của dòng lịch sử lập quốc, tổ phụ Lạc Long Quân và tổ mẫu Âu Cơ đã di dân. Một nửa đàn con di dân đi theo Mẹ Âu Cơ lên núi, nửa còn lại di dân theo Bố Lạc Long xuống đồng bằng. Vào thời Hậu Lê, bởi Nguyễn Hoàng rời Thăng Long di dân xuống Thuận Hóa, lập ra 9 đời Chúa Nguyễn, lãnh thổ Việt Nam phát triển xuống hướng Nam kéo dài tới Hà Tiên. Tương tự như thế, lịch sử ơn cứu độ tiếp nối bằng những bước chân di dân của tổ phụ Abraham, người đã rời phố “Uz của Chaldeans”¹ di dân sang Canaan (St 11,31).

Bài tham khảo “Mục Vụ Di Dân Việt Nam” bàn về thần học di dân, một nét thần học được minh họa qua những câu chuyện di dân đặc trưng xuất hiện trong Kinh Thánh. Bởi đối tượng bài nghiên cứu hướng tới là người Việt Nam, tác giả cũng nhắc đến nét di dân trong lịch sử Việt Nam. Sau cùng, tác giả sẽ trình bày quan điểm Giáo hội về di dân qua những văn kiện của Công đồng Vatican II, Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II và Đức Giáo hoàng Phanxicô. Sau cùng, tác

¹ Uz, Chaldeans nay thuộc về quốc gia Iraq.

giả sẽ đưa ra một vài đề nghị mục vụ tới di dân Việt Nam hiện đang sinh sống trên toàn thế giới.

II. Thần học di dân

A. Định nghĩa danh từ di dân

Trước khi bàn luận về thần học di dân, danh từ di dân cũng cần được định nghĩa. Theo như Clement John, di dân là những người rời bỏ nơi định cư quen thuộc để đến một vùng đất mới bởi nhiều lý do; những lý do chủ yếu bao gồm đại dịch, hạn hán, kinh tế, chính trị, và tôn giáo.² Theo định nghĩa này, hiện tượng di dân xảy ra khi con người đối diện thiên tai và nhân tai. Khi gặp thiên tai, thí dụ như đại dịch và hạn hán, con người rời bỏ thôn làng, di dân tới vùng đất mới để tránh nạn dịch hoặc để tìm kiếm lương thực. Khi đối diện nhân tai, thí dụ như chiến tranh, diệt chủng, và chính trị, con người rời bỏ nơi định cư sang vùng đất mới để bảo tồn mạng sống, hoặc trốn chạy hiểm họa diệt chủng, hoặc tìm kiếm tự do.³

Tổ Chức Di Dân Thế Giới – IOM (International Organization for Migration) của Liên Hợp Quốc định nghĩa danh từ di dân theo một cách khác. Theo như IOM, “Di dân là một người nào đó [đã rời bỏ] chỗ định cư thường trú của họ, [hiện] đã hoặc đang di chuyển qua đường biên giới quốc tế hoặc trong phạm vi của quốc gia [sở tại]”.⁴ Nếu hội đủ hai điều kiện vừa liệt kê, người này được coi là một người di dân “bất luận (1) tình trạng pháp lý của người đó, (2) hành trình di dân là tự nguyện hay không tự nguyện, (3) nguyên nhân tại sao di

² Đọc Clement John, “Migration, Displaced and Transient Peoples: A Challenge and Moment of Choice for the Churches,” in Feliciano V. Carino and Marian True, eds., *Faith and Life in Contemporary Asian Realities* (Hong Kong: Christian Conference of Asia, 2000), 188-189.

³ Tomas Zatel, “Toward a Theology of Migration,” *RAYS* 15 (June 2016): 184.

⁴ United Nations, “*Global Issues: Migration*,”

<https://www.un.org/en/sections/issues-depth/migration/index.html>, accessed August 16, 2020.

dân, hoặc (4) thời gian dự tính lưu trú trong vòng bao lâu”.⁵ Theo như định nghĩa của IOA, di dân căn bản là những người đã và đang di dời từ vùng đất thường trú sang một vùng đất mới. Trong bài tiểu luận này, cả hai định nghĩa về người di dân đều được sử dụng.

Lịch sử ơn cứu độ giới thiệu tới độc giả Kinh Thánh một Thiên Chúa của di dân. Nét thần học di dân này có thể nhận ra qua những câu chuyện di dân được ghi lại trong Cựu Ước và Tân Ước. Tương tự như thế, nét thần học di dân cũng có thể nhận ra trong lịch sử Việt Nam nếu phân tích lịch sử Việt dưới lăng kính thần học.

B. Di dân thời Cựu Ước

Sau khi Abraham và con cháu di dân sang Ai Cập, dân Do Thái sinh sôi nảy nở đông đúc tới nỗi đất Ai Cập tràn ngập ngoại kiều Do Thái (Xh 1,7). Vua Pharaô, người không biết Giuse, quyết định can thiệp. Nhà vua ra lệnh cho các bà mẹ Ai Cập và tất cả người Ai Cập giết bỏ các bé trai sơ sinh, chỉ giữ lại các hài nhi nữ (Xh 1,15, 22). Nhưng Thiên Chúa đã can thiệp. Ngài sai ngôn sứ Môsê – lúc đó đang chăn chiên ở Midian quay về lại Ai Cập, lãnh đạo dân Do Thái di dân vượt biên giới Ai Cập tới vùng đất hứa Canaan (Xh 3,1,10, 17). Martin Ueffing nhận xét: một trong những điều kiện căn bản của giao ước ký kết giữa Thiên Chúa và dân riêng là người Do Thái phải chăm sóc người hàng xóm ngoại kiều sống đời di dân trên vùng đất hứa, đặc biệt những người di dân có đời sống khó khăn.⁶ Điều kiện này bắt nguồn từ lịch sử của dân Do Thái; bởi đã có một thời họ sống đời di dân với nhiều thử thách tại Ai Cập. Theo như sách Xuất Hành và Đệ Nhị Luật, Thiên Chúa đã truyền lệnh tới dân Do Thái, “Các ngươi không được áp bức người ngoại kiều; chính các ngươi đã biết thân phận của người ngoại kiều, vì các ngươi đã là ngoại kiều ở đất Ai Cập” (Xh 23,9); bởi thế “các ngươi phải yêu thương người ngoại kiều bởi các ngươi đã từng là ngoại kiều ở đất Ai Cập” (Đnl 10,19).

⁵ Ibid.

⁶ Đọc Martin Ueffing, “Divine Hospitality and Migration,” in Jacob Kavunkal and Christian Tauchner, eds, *Mission beyond Ad Gentes* (Siegburg: Franz Schmitt Verlag, 2016), 171.

C. Di dân thời Tân Ước

Câu chuyện di dân điển hình thời Tân Ước được ghi lại trong bản Tin Mừng theo thánh Máttêu. Theo như Mt 2,13-15, sứ thần Thiên Chúa đã hiện ra trong giấc mộng, ra lệnh trưởng gia Giuse chạy trốn/di dân sang Ai Cập bởi vua Hêrôđê đang lùng kiếm hài nhi thánh. Ngay trong đêm đó, trưởng gia Giuse đã mang hài nhi và Mẹ ngài di dân sang Ai Cập. Gia đình hài nhi Giêsu theo như thánh sử Máttêu đã sống đời ngoại kiều tại Ai Cập cho tới khi vua Hêrôđê băng hà (Mt 2,19-21). Nhân vật khởi đầu và tạo ra cuộc di dân của gia đình thánh chính là Thiên Chúa. Bởi âm mưu đen tối của vua Hêrôđê, Ngài đã can thiệp. Bởi cuộc di dân sang đất Ai Cập, mạng sống của hài nhi Giêsu được bảo tồn.

Một câu chuyện di dân khác nổi bật trong dòng lịch sử Tân Ước được ghi lại trong Tông Đồ Công Vụ. Trước khi Ngài về trời, theo như cả bốn thánh sử Máccô 16,15, Máttêu 28,19, Luca 24,4, và Gioan 20,21, Đức Giêsu Phục Sinh truyền lệnh cho các môn đệ hãy đi “rao giảng Tin Mừng tới mọi loài thụ tạo” (Mc 16,15).

Từ phố Giêrusalem, Giáo hội tiên khởi nhận được Chúa Thánh Linh. Tiếp theo sau đó, Giáo hội bị bách hại. Thầy Phô té Stêphanô đã bị những nhà lãnh đạo Do Thái ném đá (Cv 7,58). Bởi thế, theo như Công Vụ Tông Đồ 7, những tín hữu tiên khởi đã rời bỏ thủ đô Giêrusalem, di dân tới Samaria, Phênixi, Sýp, và Antiôkhia (Cv 8,1, 11,19). Tại thành Antiôkhia, cộng đồng tiên khởi phát triển tới nỗi người tín hữu được biết đến với danh tính Kitô hữu/người theo Đức Kitô (Cv 11,26). Bởi di dân Kitô, thành Antiôkhia trở thành trung tâm truyền giáo lớn thứ hai sau thủ đô Giêrusalem. Từ Antiôkhia, tông đồ dân ngoại Phaolô và những nhà truyền giáo tiên khởi đã ba lần lên đường mang ánh sáng Tin Mừng tới dân ngoại (Cv 13-14, 15,36-18,22, 18,23-21,15).⁷ Những cộng đồng Kitô hữu tại

⁷ Đọc Walter A. Elwell and Robert W. Yarbrough, *Encountering the New Testament: A Historical and Theological Survey* (Grand Rapids, Michigan: Baker Books, 1998), 239-244.

Galát, Thêxalônica, Côrintô của đế quốc Rôma lần lượt được thành lập theo những bước chân truyền giáo của tông đồ Phaolô.

Từ năm trung tâm lớn của Kitô giáo, Giêrusalem, Antiôchia, Constantinôp, Rôma, và Alexandria, hành trình truyền giáo vừa đường bộ vừa đường biển đã mang những nhà truyền giáo tới bốn phương trời. Tông đồ Tôma theo như truyền thống đã đặt chân tới nam Ấn Độ năm 52,⁸ tông đồ dân ngoại Phaolô mang Phúc Âm tới đế quốc Rôma,⁹ và Alopen của Giáo hội Nestorian đặt chân tới kinh đô Trường An, nhà Đường để giảng thuyết năm 635.¹⁰ Sau cùng, Giáo hội theo dòng thời gian đã di dân tới bốn phương trời. Tin Mừng qua những bước chân truyền giáo di dân đã được giới thiệu tới nhiều sắc dân trên toàn thế giới.

D. Lịch sử di dân của Việt Nam

Phân tích dưới lăng kính thần học, lịch sử Việt Nam cũng là một dòng lịch sử di dân dưới sự hướng dẫn của Thiên Chúa.

Từ những ngày đầu tiên, hiện tượng di dân đã xảy ra sau cuộc chia tay của tổ phụ Lạc Long Quân và tổ mẫu Âu Cơ. Trong khi tổ phụ dẫn 50 con xuống đồng bằng, tạo ra người Kinh Việt; tổ mẫu dẫn 50 người con lên núi, phát triển ra người Việt miền núi. Người Việt sau đó tiếp tục di dân đi xuống phương nam, đặc biệt từ thời nhà Trần với bước chân di dân của Công chúa Huyền Trân vào năm 1306 để đổi lấy Châu Ô và Châu Ri.¹¹ Nổi bật nhất, từ khi tướng quân Nguyễn Hoàng cùng đại gia đình vượt Hoành Sơn di dân xuống Ái Tử, tỉnh

⁸ Đọc Thomas C. Fox, *Pentecost in Asia: A New Way of Being Church* (Maryknoll, New York: Orbis Books, 2002), 215.

⁹ Đọc Elwell and Yarbrough, *Encountering the New Testament*, 239-244.

¹⁰ Đọc Stephen B. Bevans and Roger P. Schroeder, *Constants in Context: A Theology of Mission for Today* (Maryknoll, New York: Orbis Books, 2004), 105.

¹¹ Đọc Pierre Huard and Maurice Durand, *Vietnam, Civilization and Culture*, trans. Vũ Thiên Kim (Paris: Imprimerie Nationale, 1998), 38.

Quảng Trị vào năm 1558,¹² lịch sử Việt Nam viết thêm nhiều trang sử mới với lãnh thổ kéo dài xuống tận Cà Mau và Hà Tiên.

Cũng bởi những bước chân di dân, văn hóa Việt Nam trở nên phong phú bởi những giao tiếp với nhiều nền văn hóa mới. Người dân Nam Hà/Đàng Trong, đặc biệt qua những triều đại thời Chúa Nguyễn, bởi điều kiện địa dư và lịch sử, không đóng nhưng mở cửa giao thương với người ngoại quốc trong vùng Á Châu và với cả phương Tây. Phố cổ Hội An pha trộn nét văn hóa Trung Hoa, Nhật, Việt và Tây phương trở thành một biểu tượng đặc thù cho một sắc thái phóng khoáng và hòa trộn của người di dân. Bởi di dân, nước Việt Nam được Thiên Chúa chúc phúc với nền văn hóa Việt Nam cộng vào thêm nhiều sắc thái mới, thí dụ như: văn hóa Trung Bộ với kinh đô Huế, văn hóa Nam Bộ với thành phố Sài Gòn. Nhìn dưới lăng kính bức tranh tổng thể văn hóa, trong khi Bắc Bộ có Chèo, Quan Họ Bắc Ninh; Trung Bộ có hò Huế, Nam Bình; và Nam Bộ với Cải Lương, Hát Bội.

E. Di dân: lời chúc lành của Thiên Chúa

Bởi thế, nhìn dưới lăng kính thần học, di dân chính là hoa trái nảy sinh từ lời chúc lành của Thiên Chúa. Thật vậy, từ buổi đầu theo trình thuật Sáng Thế Ký, Thiên Chúa tạo ra con người theo hình ảnh Thiên Chúa, và Ngài chúc phúc cho con người, “Hãy sinh sản và bao phủ trái đất” (St 1,28). Để “bao phủ trái đất” như lời phán truyền của Thiên Chúa, con người không chỉ ngồi yên và định cư tại một chỗ, nhưng di dân và tái định cư trên những vùng đất mới. Bởi thế, “con người phân tán trên trái đất là một yếu tố tạo nên [một trong những] phép lành đầu tiên của Thiên Chúa”.¹³

Nhưng Thiên Chúa không chỉ “ngồi yên” theo dõi vết chân của di dân. Nói một cách khác, Ngài không để mặc con người một mình di dân. Thật sự ra Ngài cũng đã đồng hành với con người trên mọi nẻo đường di dân. Khi Ngài đưa con người “di dân” vào sống ở

¹² Đọc Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược* (Sài Gòn: Bộ Giáo Dục – Trung Tâm Học Liệu, 1920), 200.

¹³ Zatel, “Toward a Theology of Migration,” 195.

khu đất mới trong Vườn Địa Đàng, Thiên Chúa ghé vào ngôi vườn thăm viếng đôi vợ chồng đầu tiên của dòng lịch sử ơn cứu độ. Ngài di dân theo Cain, Nôê (St 4, 6, 9), và con cháu của Nôê sau khi họ bị “phân tán trên khắp cùng mặt đất” (St 11,8). Sau cùng Ngài chọn tổ phụ Abraham, mang ông di dân sang đất Canaan (St 12). Từ Abraham, Isaac, Giacóp, và rồi Môsê, Thiên Chúa vẫn đồng hành di dân cùng dân Ngài tuyển chọn. Đặc biệt nhất, Ngài đã dựng lều sinh sống và đồng hành cùng di dân du mục Do Thái. Ngay cả khi di dân Do Thái đã định cư trên vùng đất hứa, Thiên Chúa vẫn đồng hành cùng dân riêng. Ngài ra mặt trận với họ. Ngài lập Quan Án và vương triều đại diện Ngài chăm sóc và hướng dẫn dân Do Thái.

Ngay cả khi dân riêng từ bỏ Thiên Chúa thờ phượng tà thần, Ngài luận phạt dân tuyển chọn; nhưng Ngài vẫn không hề bỏ rơi mà vẫn đồng hành với dân riêng. Sau cùng, khi ngày giờ ấn định đã tới, Ngôi Lời nhập thể, dựng lều sống giữa con người (Ga 1,14). Sau khi Đức Giêsu Phục Sinh quay về trời, Chúa Thánh Linh được gửi xuống trần gian để hướng dẫn và đồng hành với Giáo hội trên con đường lữ hành tiến về nước trời.¹⁴

Bởi thế, Thiên Chúa chính là Thiên Chúa của di dân. Di dân là dự tính và là lời chúc lành của Ngài. Giáo hội thuộc về Đức Giêsu, nhận vai trò đại diện Ngài tại trần thế. Giáo hội, do đó, cũng đại diện Thiên Chúa của di dân để đón nhận, đồng hành với và can thiệp khi người di dân gặp những khó khăn trong đời sống di dân.

III. Văn kiện Giáo hội – Mục vụ di dân

A. Di dân dân ngoại: *Redemptoris Missio* 37

Thiên Chúa là Thiên Chúa không phân biệt dân ngoại hay dân riêng. Khi Chúa gọi tổ phụ Abraham, ông ta chưa biết Chúa. Nhưng tin vào lời hứa của Thiên Chúa, Abraham và gia đình bỏ lại tất cả sau lưng, lên đường di dân về vùng đất hứa. Cho nên không lạ chi, Đức

¹⁴ Vatican II, Decree on the Church's Missionary Activity *Ad Gentes*, AAS 58 (1966), no. 2.

Giáo hoàng Gioan Phaolô II trong văn kiện *Redemptoris Missio* nhắc đến di dân dân ngoại, những người không chia sẻ chung niềm tin Kitô. Những người di dân dân ngoại, Đức Giáo hoàng đề nghị, Giáo hội địa phương phải mở rộng vòng tay, tiếp đón họ trong tình huynh đệ.

Trong số những thay đổi lớn đang diễn ra trong thế giới đương đại, di dân đã tạo ra một hiện tượng mới: những người ngoài Kitô giáo đang trở nên một con số đông ở các quốc gia Kitô giáo truyền thống, [họ] tạo ra những cơ hội mới để tiếp xúc và trao đổi văn hóa, và kêu gọi Giáo hội tiếp đãi, đối thoại, hỗ trợ, trong một từ: tình huynh đệ... Giáo hội phải biến họ trở thành một phần của chương trình mục vụ tông đồ của mình.¹⁵

Lời kêu gọi của Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II, đã được các linh mục và tu sĩ Việt Nam ở Đài Loan thực hành từ “những năm đầu tiên của thập niên [90].”¹⁶ Cô dâu và công nhân người Việt được Văn phòng Trợ Giúp Di Dân và Công Nhân Đài Loan do LM Phêrô Nguyễn Văn Hùng phụ trách, và nhiều linh mục và tu sĩ Việt Nam khác trên đảo quốc giúp đỡ vừa về mặt pháp lý vừa về mặt mục vụ. Rất nhiều di dân Việt Nam trên xứ Đài Loan không phải người Công giáo. Nhưng các linh mục và tu sĩ Việt Nam đã tận tình giúp đỡ khi họ gặp khó khăn, đặc biệt về mặt pháp lý.¹⁷

¹⁵ Pope John Paul II, Encyclical Letter on the Permanent Validity of the Church's Missionary Mandate *Redemptoris Missio*, AAS 83 (1990), no 37.

¹⁶ Nguyễn Trung Tây, *Bên Ni Bên Nớ: Cô Dâu và Công Nhân Đài Loan*, <https://www.nguyentrungtay.net/bennibenno.html>, accessed August 21, 2020.

¹⁷ Đọc Nguyễn Trung Tây, *Bên Ni Bên Nớ: Cô Dâu và Công Nhân Đài Loan*, accessed August 21, 2020; và Nguyễn Trung Tây, *Bên Ni Bên Nớ II: Hơn Một Năm Sau*, <https://www.nguyentrungtay.net/bennibennoi.html>, accessed August 21, 2020.

B. Di dân bởi suy thoái môi trường – *Laudato Si'* 25

Văn kiện *Laudato Si'* bàn về trái đất, ngôi nhà chung tuyệt đẹp, một người mẹ yêu thương, chăm sóc và nuôi dưỡng. Theo như Sáng Thế Ký, Thiên Chúa trong những ngày đầu tiên của dòng lịch sử đã lập ra Vườn Địa Đàng. Ngài tạo ra con người và đặt con người vào trong Vườn để “cấy trồng và chăm sóc [khu Vườn]” (St 2,15). Nhưng, thay vì chăm sóc và giữ gìn, con người lại đối xử với trái đất trong một mối tương quan “chủ-[tớ],”¹⁸ với lý luận Thiên Chúa đã truyền lệnh con người phải làm chủ “thống trị mặt đất” (St 1,28).¹⁹ Bởi thế, thay vì tôn trọng và chăm sóc, con người hành hạ và ngược đãi trái đất khiến Mẹ Đất “cất tiếng kêu gào.”²⁰ Biển cả và sông ngòi bị hóa chất thải ra từ những nhà máy công nghệ đầu độc, giết chết thủy sản. Đất canh tác bị thay thế bởi nhà máy công nghệ khiến nông dân không còn đất đai trồng trọt. Khí thải công nghệ và sản phẩm công nghiệp ô nhiễm bầu không khí, dẫn đến thay đổi khí hậu. Khí hậu trái đất đổi thay tạo nên nhiều ảnh hưởng tiêu cực tới đời sống của nhiều người trong nhiều ngành nghề khác nhau, thí dụ như: “nông nghiệp, hải sản và lâm sản”.²¹ Khi môi trường sống quen thuộc biến mất, thú vật phải di cư, bỏ đi tìm kiếm môi trường sống mới. Tương tự như thế, khi môi trường sinh nhai hằng ngày biến mất, nhiều người phải bỏ quê cha đất tổ di dân tìm kiếm những vùng đất mới để kiếm sống. Đức Giáo hoàng Phanxicô trong văn kiện *Laudato Si'* xác nhận điều này, và ngài gọi hiện tượng này “suy thoái môi trường/environmental degradation”,

¹⁸ Pope Francis, Encyclical Letter on Care for Our Common Home *Laudato Si'*, AAS 112 (2015), no. 2.

¹⁹ Đọc Denis Edwards, *Ecology at the Heart of Faith* (Maryknoll, New York: Orbis Books, 2006), 19-21, để hiểu rõ hơn về ý nghĩa của “sự thống trị” trong bối cảnh lịch sử và văn hóa của tác giả và cộng đồng Sáng Thế Ký, đặc biệt 12 chương đầu tiên. Theo như Edwards, cụm từ “sự thống trị” phải được hiểu trong mối tương quan “Chúa chăn nuôi tôi” của Thánh Vịnh 23.

²⁰ Pope Francis, *Laudato Si'*, no. 2.

²¹ Pope Francis, *Laudato Si'*, no. 25.

Có sự gia tăng bi thảm về số lượng người di dân tìm cách chạy trốn khỏi nghèo đói ngày càng tăng do suy thoái môi trường... Họ phải chịu tổn thất về cuộc sống mà họ đã bỏ lại, mà không được hưởng bất kỳ sự bảo vệ pháp lý nào. Buồn thay, có một sự dửng dưng trước sự bi đát này đang diễn ra trên thế giới. Sự thiếu sót về mặt phản ứng trước bi kịch này của anh em, chị em của chúng ta là một dấu chỉ [chúng ta] đánh mất cảm nghiệm về trách nhiệm với tha nhân, mà xã hội phải được xây dựng dựa vào đó.²²

Bàn về hiện tượng và con số di dân, Liên Hội đồng Giám mục Á Châu (Federation of the Asian Bishops' Conferences – FABC) nhận xét, “Philippines nói riêng với khoảng 600.000 người di dân ghi nhận hàng năm là quốc gia xuất khẩu lao động lớn nhất trên thế giới”.²³ Thật vậy, người di dân Philippines gần như có mặt khắp nơi trên trái đất, từ những quốc gia thuộc khối Hội giáo tại Trung Đông; Bắc Mỹ; Tây Phương; Đông Á: Nhật Bản, Nam Hàn, Hong Kong, Đài Loan; cho tới khu vực Nam Bán Cầu: Úc Châu và New Zealand. Một trong những lý do dẫn đến hiện tượng Philippines có số lượng di dân đông đảo và là quốc gia xuất khẩu lao động lớn nhất thế giới liên quan đến điều mà văn kiện *Laudato Si’* 25 nhắc đến: suy thoái môi trường. Philippines với nhiều đồng ruộng trên hai đảo lớn, Luzon và Mindanao, bị công nghiệp quặng mỏ khai thác đại trà, khiến người dân bản địa dần dần mất đất đai canh tác. Chưa hết, sông ngòi và biển cả bị đầu độc bởi hóa chất thải ra từ những nhà máy lọc kim khí phá hủy môi trường sống của cả con người lẫn thủy sản. Một khi môi trường canh tác mất đi bởi công nghệ, nhiều người dân Philippines không còn chọn lựa nào khác nhưng di dân sang những quốc gia lân bang khu vực Châu Á: Mã Lai, Thái Lan, Hong Kong, và sau cùng là toàn thế giới.

²² Pope Francis, *Laudato Si’*, no. 25.

²³ Graziano Battistell, “Journeying Together in Faith with Migrant Workers in Asia,” *FABC Papers*, no. 73 (January 1995): 3.

FABC ghi nhận vào năm 1995, Hong Kong có khoảng 130.000 người Philippines giúp việc nhà.²⁴ Đài Loan với con số khoảng 45.000 người Philippines làm việc trong các nhà máy. Tại Thái Lan, con số di dân Philippines làm việc tại những công xưởng và giúp việc nhà là một con số rất lớn.²⁵ Ngay tại sa mạc Úc Châu nông mênh của Thổ dân Úc, cộng đồng di dân Philippines cũng là một cộng đồng lớn. Trong nhiều thôn làng hẻo lánh tại sa mạc Úc Châu, thầy cô giáo tại trường học hoặc y tá trong những trạm y tế thường là người di dân Philippines.

C. Di dân: văn hóa mới và phát triển kinh tế – *Evangelii Gaudium* 210

Trong Tông huấn *Evangelii Gaudium*, Đức Giáo hoàng Phanxicô nhắc đến vai trò từ mẫu của Giáo hội. Là vị lãnh đạo đại diện Đức Giêsu của một Giáo hội toàn cầu không biên giới, ngài tự đặt mình vào vị thế của một bà mẹ của tất cả mọi người. Bởi thế, ngài kêu gọi tất cả mọi quốc gia nên mở cửa đường biên giới để đón nhận người di dân tới tái định cư. Sự xuất hiện của di dân, theo như vị đại diện Đức Giêsu, sẽ làm giàu thêm bằng cách cộng vào nền văn hóa địa phương những nền văn hóa mới. Ngoài văn hóa, không thể từ chối một điều rằng di dân cũng góp thêm nhiều bàn tay lao động cho công cuộc phát triển của nền kinh tế địa phương.

Những người di cư đặt ra cho tôi một thách đố đặc biệt vì tôi là mục tử của một Hội Thánh không biên giới, một Hội Thánh cảm thấy mình là mẹ của tất cả mọi người. Vì vậy, tôi kêu gọi các quốc gia hãy đại lượng mở rộng cửa, thay vì lo sợ bị mất căn tính địa phương, việc di dân sẽ có khả năng tạo ra một tổng hợp văn hóa mới. Đẹp thay các thành phố vượt qua được sự ngờ vực không lành mạnh, và hội nhập những người khác

²⁴ Ibid.

²⁵ Ibid., 4.

biệt, cùng biến việc hội nhập này thành một yếu tố mới trong việc phát triển! Đẹp thay các thành phố, mà thậm chí trong thiết kế kiến trúc của chúng, có đầy những không gian kết nối, liên kết, khuyến khích việc nhìn nhận những người khác!²⁶

Đóng góp thêm vào “tổng hợp văn hóa mới” và “việc phát triển” nền kinh tế địa phương có thể nhìn thấy qua đời sống đa văn hóa tại thung lũng điện tử ở bang San Jose, nước Mỹ. Những người di dân Việt Nam đã tới định cư tại thành phố điện tử San Jose vào cuối thập niên 70. Những di dân Việt đã dựng nên những khu phố Việt mang nét đặc thù văn hóa Việt. Như lời Đức Thánh cha vừa được trích dẫn ở trên, những khu phố Việt này góp thêm một nét văn hóa mới vào “tổng hợp văn hóa” của một thành phố vốn đã có sẵn những “thiết kế kiến trúc” của Mexicô và Nhật Bản cũng như những nền văn hóa khác. Chưa hết, ẩm thực Việt Nam, thí dụ, bánh mì Việt Nam đã trở thành một tên gọi quen thuộc với nhiều người Mỹ thuộc phố San Jose, bang California và toàn nước Mỹ. Andrew Lam nhận xét, “[bánh mì] đã di dân từ Sài Gòn tới California, và từ đó, tới toàn thể địa cầu. [Phần lớn những] thành phố [lớn] của Bắc Mỹ giờ đây đều có tiệm bánh mì”.²⁷ Thêm vào đó, di dân Việt vốn mang sẵn nét tỉ mỉ, khéo tay, kiên nhẫn, siêng năng, và hiếu học đã góp một số lượng rất lớn nhân công và chất xám cho những đại công ty điện tử của vùng thung lũng.

D. Di dân: FABC – đối thoại với người nghèo

Á Châu là một châu đa văn hóa và đa tôn giáo. Nơi đây đã phát sinh ra hai nền văn minh lớn: Trung Hoa và Ấn Độ. Bởi thế Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II nhận xét, “Á Châu là cái nôi của nhiều tôn giáo lớn trên thế giới – Do Thái giáo, Kitô giáo, Hồi giáo và Ấn

²⁶ Pope Francis, Apostolic Exhortation on the Proclamation of the Gospel in Today’s World *Evangelii Gaudium*, AAS 107 (2013), no. 210.

²⁷ Andrew Lam, “The Marvel of Bánh Mì: From France to Vietnam and Beyond: Journey of a Sandwich,” *Cairo Review* 18 (2015): 65.

Độ giáo”.²⁸ Á Châu, không thể từ chối, đã đạt được những tiến bộ kinh tế đáng kể trong những thập kỷ gần đây. Từ một nước chậm tiến, Hàn Quốc giờ đây trở thành một nước phát triển vượt bậc. “Mặc dù vậy, [Á Châu vẫn] là nơi sinh sống của gần một nửa số người nghèo nhất trên thế giới”.²⁹ Nói một cách khác, Á Châu là nơi có số đông người nghèo với mức sống “chuẩn nghèo” của 1.9 đô-la Mỹ một ngày. Bởi nét đa văn hóa, đa tôn giáo và đời sống kinh tế đặc thù của Á Châu, các Đức Giám mục Á Châu thuộc Liên Hội đồng Giám mục Á Châu – FABC trong lần họp tại Đài Bắc vào ngày 27/4/1974, qua văn kiện *Truyền Giáo Á Châu Thời Hiện Đại (Evangelization in Modern Day Asia)*, đã đề nghị một trong những phương cách truyền giáo hữu hiệu ở khu vực Á Châu là Tam Thoại (Triple Dialogue), danh từ nói tắt của ba cuộc đối thoại truyền giáo: Đối Thoại Văn Hóa, Đối Thoại Tôn Giáo, Đối Thoại Người Nghèo (Dialogue with Culture, Dialogue with Religion, Dialogue with the Poor).³⁰

Theo con số thống kê được Ngân Hàng Thế Giới (World Bank) ghi nhận vào năm 2018, trên thế giới có tất cả là 783 triệu người sống với mức sống chuẩn nghèo của 1.9 đô-la Mỹ một ngày. Trong số đó, 33% của con số 783 triệu đến từ vùng Đông Nam Á, và 9% đến từ Tây Á.³¹ Nói tóm lại, Á Châu, đặc biệt các quốc gia khu vực Đông Nam Á, là một trong những vùng có rất nhiều người nghèo. Và bởi người nghèo sống một đời sống chuẩn nghèo là một thực thể và chiếm một con số đông đảo ở Á Châu, FABC đề nghị Giáo hội Á Châu phải đối thoại với người nghèo. “Lựa chọn ưu tiên cho người nghèo (preferential option for the poor) [cũng] là một lựa chọn ưu tiên của người Kitô. Đó là một lựa chọn ưu tiên điển tả mỗi

²⁸ Pope John Paul II, Apostolic Exhortation on Jesus Christ the Savior and His Mission of Love and Service in Asia *Ecclesia in Asia*, AAS 92 (2000), no. 6.

²⁹ World Vision, *Poverty in Asia*,

<https://www.worldvision.org.hk/en/learn/poverty-in-asia>, accessed August 13, 2020.

³⁰ Federation of the Asian Bishops’ Conferences, “Evangelization in Modern Day Asia,” in Gaudencio Rosales and C.G. Arévalo, *For All the Peoples of Asia*, Vol. 1 (Quezon City: Claretian Publications, 1997), nos. 9 – 24.

³¹ World Vision, *Poverty in Asia*, accessed August 13, 2020.

quan tâm của Đức Kitô, Đấng đã đến thế gian để rao giảng ơn cứu rỗi tới người nghèo”.³² Nói một cách ngắn gọn, lựa chọn ưu tiên cho người nghèo, FABC đề nghị, phải là kim chỉ nam cho công tác và đời sống mục vụ của Giáo hội Á Châu. Thật vậy, Đức Giáo hoàng Phanxicô trong văn kiện *Evangelii Gaudium* nhấn mạnh, “[Nếu] không có lựa chọn ưu tiên cho người nghèo, ‘công cuộc loan báo Tin Mừng, nguyên thủy vốn là hình thức bác ái, có nguy cơ bị hiểu lầm hoặc nhấn chìm trong đại dương ngôn từ’”.³³

Nhưng câu hỏi đặt ra ở đây là người di dân thật sự có phải là người nghèo theo như định nghĩa phổ thông và mức sống chuẩn nghèo của 1.9 đô-la Mỹ hay không?

Nhiều người di dân Á Châu nói chung và Việt Nam nói riêng sự thực hằng năm gửi về cho gia đình ở quê hương và Việt Nam những đồng tiền lương nhận được ở quốc gia nơi họ di dân tới. Từ những số tiền này, gia đình di dân tại quê nhà đã xây nhà mới, mua tivi, xe máy, cải thiện bữa ăn hằng ngày, gửi con cái theo học những trường học phí cao. Giáo xứ gốc của di dân Việt Nam cũng được hưởng những lợi ích tài chánh từ những người di dân này. Khi được kêu gọi, những ngôi nhà thờ mới được trùng tu tại Việt Nam không thiếu những đồng tiền đóng góp từ bàn tay di dân Việt Nam. Bởi thế, FABC cũng đặt vấn đề: liệu di dân có thuộc về nhóm người nghèo của cụm từ chuyên môn “lựa chọn ưu tiên cho người nghèo”,³⁴ hay không, bởi “người di dân không xuất hiện như những người nghèo”.³⁵

Bởi không thuộc diện người nghèo, người di dân dễ rơi vào tình trạng không thuộc tầm nhắm mục vụ tại những giáo xứ nơi di dân sinh sống. Di dân thông thường bị bỏ rơi hoặc bị đối xử như ngoại kiều xa lạ, bởi họ không phải là con chiên “chính thức” của giáo xứ địa phương. Chưa kể, di dân dễ bị người địa phương đối nhìn với ánh mắt không thiện cảm, bởi di dân lấy mất công việc của người bản xứ.

³² Federation of the Asian Bishops' Conferences, “Total Human Development and the Church as a Community of Faith in Asia,” *FABC Papers* 33 (October 1982): 2.

³³ Pope Francis, *Evangelii Gaudium*, no. 199.

³⁴ Battistell, “Journeying Together in Faith with Migrant Workers in Asia,” 7.

³⁵ Ibid.

Hơn nữa, bởi di dân không thông thuộc ngôn ngữ địa phương, mục tử bản xứ gặp nhiều khó khăn khi muốn đối thoại với người di dân. Bởi thế, di dân dễ bị đẩy sang những mục tử cùng gốc di dân. Nhưng thông thường, những mục tử di dân cũng rất bận rộn với những công tác truyền giáo chuyên biệt. Bởi thế, mục vụ cho người di dân do chính mục tử di dân phụ trách, FABC nhận xét, thông thường cũng rơi vào tình trạng chỉ là tạm bợ, ngày một ngày hai.³⁶

IV. Di dân: những đề nghị mục vụ

Người di dân không thuộc diện người nghèo nếu phân tích dưới lăng kính vật chất. Nhưng FABC khẳng định và kết luận di dân vẫn thuộc diện người nghèo bởi ba lý do.

Thứ nhất, di dân chính là nạn nhân của một bối cảnh xã hội, nơi đó, họ bị đòi hỏi hoặc cài đặt vào tình thế bắt buộc phải duy trì hoặc cải thiện đời sống kinh tế của chính họ và gia đình. Bởi thế họ phải rời bỏ quê cha đất tổ! Bởi thân phận di dân, nơi đất khách quê người, họ sẵn sàng làm việc dưới những điều kiện và hoàn cảnh khắc nghiệt, bình thường người bản xứ sẽ không làm, hoặc nếu làm, mức lương tối thiểu cũng không phải mức lương di dân thông thường nhận được. Thứ hai, người di dân thuộc diện người nghèo, bởi họ bị chia cách với gia đình, bởi thế di dân sống nơi đất khách không thể hoàn thành thiên chức làm cha mẹ hoặc vợ chồng. Nơi quê nhà, con cái họ thiếu vắng hình ảnh và sự chăm sóc của bố mẹ. Sống nơi đất khách, di dân thiếu vắng tình thương của gia đình, sự bảo vệ của họ hàng, và tình liên đới với hàng xóm. Thứ ba, di dân thuộc diện người nghèo bởi chính hoàn cảnh di dân của họ. Bởi đời sống di dân đặc thù, người di dân sẵn sàng nhắm mắt làm ngơ trước những thử thách liên quan tới giá trị đạo đức và đời sống tôn giáo.³⁷ Nói một cách ngắn gọn, Liên Hội đồng Giám mục Á Châu – FABC khẳng định di dân thuộc diện người nghèo không phải dưới lăng kính vật chất, nhưng thuộc về lãnh vực của tâm lý và tâm linh.

³⁶ Ibid.

³⁷ Ibid., 8.

Bởi thuộc diện người nghèo, di dân xứng đáng nhận được sự hỗ trợ của Giáo hội địa phương. Thiên Chúa, như đã phân tích ở trên, là Thiên Chúa của di dân; và di dân đã được Thiên Chúa chúc lành từ những ngày đầu tiên trong dòng lịch sử ơn cứu độ. Và bởi di dân là người nghèo, họ được Đức Giêsu chúc lành trong Tám Mối Phúc Thật, “Phúc cho ai có tâm hồn nghèo khó” (Mt 5, 3). Chính Đức Giêsu cũng đã từng là di dân, và chính Ngài cũng đã tự khoác trên mình thân phận của người di dân khi Ngài phán, “Ta là khách lạ, và người đã tiếp đón ta” (Mt 25,35).³⁸ Bởi thế, như các văn kiện di dân của Giáo hội và FABC đề nghị, người di dân xứng đáng nhận được sự hỗ trợ mục vụ của Giáo hội địa phương.

Liên quan tới mục vụ cho người di dân, Liên Hội đồng Giám mục Á Châu – FABC đã đưa ra 5 đề nghị tới các Hội đồng Giám mục địa phương và 10 đề nghị tới các Địa phận Á Châu.³⁹ Riêng bài tiểu luận này chỉ gọi ra hai đề nghị: Tinh Thần Dẫn Thân và Sinh Hoạt Mục Vụ với Di Dân. Hai đề nghị này liên hệ tới một trong Tam Thoại Truyền Giáo của FABC: “Đôi Thoại Người Nghèo”.

A. Tinh thần dẫn thân

Đức Giáo hoàng Phanxicô trong văn kiện *Evangelii Gaudium* 49 đề nghị: “Cha thà có một Hội Thánh bị bầm dập, mang thương tích và nhơ nhuốc vì đi ra ngoài đường, hơn là một Hội Thánh ốm yếu vì bị giam hãm và bám víu vào sự an toàn của chính mình”.⁴⁰ Theo như Đức Thánh cha, người tín hữu nói chung và những nhà lãnh đạo trong Giáo hội nói riêng không chỉ là “môn đệ” và “người truyền giáo”, nhưng là những “môn đệ truyền giáo”.⁴¹ Căn tính của Giáo hội lẽ hành, qua văn kiện *Ad Gentes*, Công đồng Vatican II khẳng định là một căn tính truyền giáo.⁴² Nói một cách khác, Giáo hội đã được

³⁸ Ibid., 9.

³⁹ Ibid., 11-13.

⁴⁰ Pope Francis, *Evangelii Gaudium*, no. 49.

⁴¹ Pope Francis, *Evangelii Gaudium*, no. 120.

⁴² Vatican II, Decree on the Church's Missionary Activity *Ad Gentes*, AAS 58 (1966), no. 2.

Đức Giêsu Phục Sinh khai sinh như là một phương tiện, mà qua Giáo hội, mọi người trên trái đất lãnh nhận được hồng ân cứu chuộc của Thiên Chúa. Bởi thế, Giáo hội không chỉ sinh hoạt trong bốn bức tường, “bám víu vào sự an toàn của chính mình,”⁴³ tất cả những “môn đệ truyền giáo” còn phải bước ra ngoài, gỡ gỡ tha nhân trên những nẻo đường để loan báo Tin Mừng của Đức Giêsu. Để trung thành với căn tính truyền giáo của Giáo hội, Đức Giáo hoàng Phanxicô đề nghị, mọi người tín hữu hay mọi “môn đệ truyền giáo” của Đức Giêsu phải có tinh thần dấn thân, “sẵn sàng bị bầm dập, mang thương tích và nhơ nhuốc”⁴⁴ vì ơn cứu độ của Thiên Chúa.

B. Sinh hoạt mục vụ với di dân Việt Nam

Trong tinh thần dấn thân được Đức Giáo hoàng Phanxicô nhắc nhở, các linh mục và tu sĩ Việt Nam hiện đang sinh hoạt tại Châu Á ở những vùng có di dân Việt Nam đang sinh sống phải đại diện Thiên Chúa của di dân chăm lo mục vụ tới di dân Việt Nam. Mục vụ di dân Việt Nam có thể phân chia ra trong hai trường hợp đặc trưng: trong một giáo xứ và trong một khu vực có di dân Việt.

Trong một giáo xứ – mục tử Việt Nam có thể lập ban di dân trực thuộc hội đồng giáo xứ. Ban di dân đặc trách mục vụ tới di dân Việt Nam sinh sống trong giáo xứ và trong vùng. Ban di dân có thể lập văn phòng chuyên lo (1) vấn đề di dân, thí dụ, cung cấp vấn đề pháp lý cho di dân, mở những lớp ngoại ngữ hằng tuần để di dân có thêm cơ hội học hỏi và trau dồi khả năng đối thoại trong ngôn ngữ địa phương, (2) đối với những bạn trẻ, trại hè chủ đề “Tuổi Trẻ Việt Nam trong Đức Kitô Di Dân” là những sinh hoạt khả thi và thích hợp, (3) Chúa Nhật Truyền Giáo hoặc Chúa Nhật Hiện Xuống là những cơ hội Ban di dân có thể giới thiệu người di dân tới giáo dân bản xứ, và người bản xứ tới người di dân. Ban di dân có thể tổ chức ngày hội văn hóa cho giáo dân và di dân trong giáo xứ và trong vùng vào hai ngày Chúa Nhật đặc biệt này.

⁴³ Pope Francis, *Evangelii Gaudium*, no. 49.

⁴⁴ Pope Francis, *Evangelii Gaudium*, no. 49.

Những khu vực không phải giáo xứ – linh mục hoặc tu sĩ Việt Nam có thể tổ chức những ngày sinh hoạt văn hóa cho di dân, thí dụ, Tết Trung Thu, Tết Nguyên Đán, Lễ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam, và Lễ Giáng Sinh. Nếu cơ hội cho phép, lớp hướng dẫn và giới thiệu văn hóa mới tới được tổ chức vào ngày Chúa Nhật giúp di dân hiểu nhiều hơn về văn hóa địa phương. Lớp ngoại ngữ cũng là một cơ hội tốt cho di dân học hỏi và trở nên thông thạo tiếng địa phương cho những lợi ích cấp thời trong công việc hằng ngày tại quán xá, hãng xưởng và giao tiếp với dân địa phương.

C. Truyền giáo: đối thoại với người nghèo

Từ những ngày đầu tiên của Giáo hội, các Kitô hữu đầu tiên dưới sự hướng dẫn của các tông đồ đã bước ra khỏi căn phòng đóng kín để đối thoại với dân Do Thái và dân ngoại để giới thiệu Tin Mừng của Đức Giêsu Phục Sinh. Như đã trình bày ở trên, để loan báo Tin Mừng tới muôn dân như lời phán truyền của Đức Giêsu Phục Sinh, các môn đệ đã rời bỏ thành phố Giêrusalem, đi tới khắp vùng Giuđêa, Samaria, và sau cùng tới nhiều vùng đất của đế quốc Rôma để đối thoại với nhiều sắc dân trên thế giới. Dựa vào bối cảnh tôn giáo đa thần đặc thù của thủ đô Athêna, tông đồ dân ngoại Phaolô đã đối thoại với người dân Athêna tại Arêôpagô về một Đức Kitô Phục Sinh qua tượng đài thờ vị thần tên gọi “Thần Vô Danh” (Cv 17,23).

Tương tự như thế, FABC đã đưa ra một phương thức truyền giáo mới: “Đối Thoại Người Nghèo” dựa vào bối cảnh kinh tế của Á Châu. Qua những sinh hoạt mục vụ tới người di dân Việt Nam và dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Linh, hy vọng rất nhiều các mục tử, linh mục và tu sĩ Việt Nam trên thế giới có cơ hội đối thoại với và giới thiệu Phúc Âm tới những người Việt chưa có cơ hội nhận được ánh sáng Tin Mừng của Đức Kitô.

D. Lịch sử di dân Việt Nam nổi dài

Nếu người Việt Nam theo chân tổ mẫu Âu Cơ di dân lên núi khai phá lam sơn lập ra những sắc dân thiểu số, di dân theo chân tổ

phụ Lạc Long đi xuống đồng bằng lập ra nhà Hồng Bàng. Theo chân đoàn người di dân của tướng Nguyễn Hoàng, di dân Việt Nam đi xuống phương Nam, khai phá và lập nên Trung Bộ, rồi Nam Bộ, hai vùng đất mới. Bởi những bước di dân thời Chúa Nguyễn, Việt Nam có thêm một vựa lúa đồng bằng sông Cửu Long. Và trong vòng gần 50 năm mới đây, bước chân di dân Việt Nam đã vượt biên giới, tái định cư tại nhiều quốc gia trên thế giới. Những nơi người Việt tái định cư, bởi lời chúc lành của Thiên Chúa, di dân Việt góp văn hóa Việt làm đẹp thêm bức tranh “tổng hợp văn hóa” của địa phương, và nhân lực chất xám cho “việc phát triển” nền kinh tế của quốc gia sở tại, đúng như lời của Đức Giáo hoàng Phanxicô phát biểu trong văn kiện *Evangelii Gaudium* 120. Bởi thế, linh mục và tu sĩ Việt Nam, những môn đệ truyền giáo, đại diện Thiên Chúa di dân có nhiệm vụ góp phần và thúc đẩy, đồng thời tạo ra những sinh hoạt đáp ứng nhu cầu mục vụ và sinh hoạt tới tất cả mọi người di dân không phân biệt tôn giáo như lời đề nghị của Đức Thánh cha Gioan Phaolô trong văn kiện *Redemptoris Missio* 37.

V. Kết luận

Từ những ngày đầu tiên trong dòng lịch sử ơn cứu độ, hiện tượng di dân đã xảy ra. Trên tất cả, bởi di dân là một đề nghị của Thiên Chúa; vì thế, hiện tượng di dân và người di dân được Thiên Chúa chúc lành. Do bởi tin tưởng vào lời chúc lành của Ngài, tổ phụ Abraham đã lên đường di dân. Tổ phụ Lạc Long và tổ mẫu Âu Cơ cũng đã di dân. Từ những bước chân di dân đầu tiên của tổ phụ Abraham, tổ phụ và tổ mẫu Lạc Long Âu Cơ, Do Thái và Việt Nam đã xuất hiện trên bản đồ thế giới. Bởi di dân được Thiên Chúa chúc phúc và Đức Giêsu đã xác định thân phận của Ngài như một người di dân, Giáo hội của Đức Kitô không có chọn lựa nào khác, nhưng nổi bước Đức Giêsu lên đường dẫn thân, tiếp đón di dân và chăm sóc mục vụ tới người di dân Việt Nam tại bản địa. Qua văn phòng di dân sinh hoạt với tinh thần dẫn thân, linh mục và tu sĩ Việt Nam tại hải ngoại đã và đang chia sẻ và giới thiệu Tin Mừng của Đức Giêsu tới những

di dân chưa nhận được ánh sáng Phúc Âm, một điều FABC đề nghị qua phương thức truyền giáo Đối Thoại Người Nghèo.

Tài liệu tham khảo

- Battistell, Graziano. "Journeying Together in Faith with Migrant Workers in Asia." *FABC Papers*, no. 73 (January 1995): 1-34.
- Bevans, Stephen B. and Roger P. Schroeder. *Constants in Context: A Theology of Mission for Today*. Maryknoll, New York: Orbis Books, 2004.
- Edwards, Denis. *Ecology at the Heart of Faith* (Maryknoll, New York: Orbis Books, 2006).
- Elwell, Walter A. and Robert W. Yarbrough. *Encountering the New Testament: A Historical and Theological Survey*. Grand Rapids, Michigan: Baker Books, 1998.
- Federation of the Asian Bishops' Conferences. "Evangelization in Modern Day Asia." In Gaudencio Rosales and C.G. Arévalo, *For All the Peoples of Asia*, Vol. 1. Quezon City: Claretian Publications, 1997.
-
- _____. "Total Human Development and the Church as a Community of Faith in Asia," *FABC Papers* 33d (October 1982): 1-8.
- Huard, Pierre and Maurice Durand. *Vietnam, Civilization and Culture*. Trans. Vũ Thiên Kim. Paris: Imprimerie Nationale, 1998.
- John, Clement John. "Migration, Displaced and Transient Peoples: A Challenge and Moment of Choice for the Churches." In Feliciano V. Carino and Marian True, eds. *Faith and Life in Contemporary Asian Realities*. Hong Kong: Christian Conference of Asia, 2000.
- Lam, Andrew. "The Marvel of Bánh Mì: From France to Vietnam and Beyond: Journey of a Sandwich." *Cairo Review* 18 (2015): 65-71.

- Nguyễn Trung Tây. *Bên Ni Bên Nó: Có Dâu và Công Nhân Đài Loan*. June 16, 2006. <https://www.nguyentrungtay.net/bennibenno.html> (accessed August 13, 2020).
- _____. *Bên Ni Bên Nó II: Hơn Một Năm Sau*. June 1, 2007. <https://www.nguyentrungtay.net/bennibennoii.html> (accessed August 13, 2020).
- Pope Francis. Apostolic Exhortation on the Proclamation of the Gospel in Today's World *Evangelii Gaudium*. AAS 107 (2013).
- _____. Encyclical Letter on Care for Our Common Home *Laudato Si'*. AAS 112 (2015).
- Pope John Paul II. Apostolic Exhortation on Jesus Christ the Savior and His Mission of Love and Service in Asia *Ecclesia in Asia*. AAS 92 (2000).
- _____. Encyclical Letter on the Permanent Validity of the Church's Missionary Mandate *Redemptoris Missio*. AAS 83 (1990).
- Trần Trọng Kim. *Việt Nam Sử Lược*. Sài Gòn: Bộ Giáo Dục-Trung Tâm Học Liệu, 1920.
- Ueffing, Martin. "Divine Hospitality and Migration." In Jacob Kavunkal and Christian Tauchner, eds, *Mission beyond Ad Gentes*. Siegburg: Franz Schmitt Verlag, 2016.
- United Nations. "Global Issues: Migration." <https://www.un.org/en/sections/issues-depth/migration/index.html> (accessed August 12, 2020).
- Vatican II. Decree on the Church's Missionary Activity *Ad Gentes*. AAS 58 (1966).
- World Vision. *Poverty in Asia*. <https://www.worldvision.org.hk/en/learn/poverty-in-asia> (accessed August 13, 2020).
- Zatel, Tomas. "Toward a Theology of Migration." *RAYS* 15 (June 2016): 183-210.

Chương 3

THÔNGIỆP *FRATELLI TUTTI* VÀ VẤN ĐỀ DI DÂN

LM Giuse Nguyễn Hải Phương, OP

Thứ Bảy ngày 3/10/2020, tại Assisi nước Ý, Đức Thánh cha Phanxicô đã ký một thông điệp mới, tựa đề là “*Fratelli tutti* – Tất cả anh em”. Ngài gọi thông điệp này là một thông điệp xã hội. Qua thông điệp này, Đức Thánh cha đưa ra những phương thức là tình huynh đệ và tình bằng hữu để cùng nhau xây dựng một thế giới tươi đẹp, công bằng và hoà bình hơn, với sự nỗ lực của tất cả mọi người trên thế giới cũng như tất cả các tổ chức. Cùng nhau nói không với chiến tranh và vấn nạn toàn cầu hoá của sự thờ ơ.

Với chủ đề Di dân, qua chương hai và chương bốn, đặt nền tảng trên dụ ngôn “Người Samari nhân hậu”, Đức Thánh cha đưa ra những lời mời gọi, những cách thức, những giải pháp, ... cho vấn đề này. Những điều này không chỉ dành cho các Kitô hữu mà còn dành cho tất cả mọi người. Đức Giáo hoàng mời gọi mọi người hãy giang rộng vòng tay và con tim để giúp những cảnh đời di cư có cuộc sống đúng với phẩm giá con người. Bài viết này tóm lược chương hai và chương ba của thông điệp và đặt nó dưới góc nhìn di dân.

1. Tóm lược chương một, chương hai, chương ba và chương bốn của Thông điệp *Fratelli Tutti*

Bài viết không nhằm suy tư toàn bộ thông điệp nhưng chỉ tập trung trong chương hai và chương bốn của Thông điệp *Fratelli Tutti*.¹

¹ Phần tóm lược này chúng tôi dựa vào bài viết của Vatican news tại website <https://www.vaticannews.va/vi/pope/news/2020-10/tom-tat-thong-diep-fratelli->

Đức Thánh cha đã mở đầu thông điệp của ngài bằng một dẫn nhập và tiếp nối với tám chương. Nội dung tổng quát của thông điệp là những suy tư của Đức Giáo hoàng về chủ đề tình huynh đệ và bằng hữu được đặt trong bối cảnh toàn cầu. Đức Phanxicô đã kết nối thông điệp này với rất nhiều văn kiện mà ngài đã gởi đến các cá nhân và tổ chức khắp nơi trên thế giới.

Chương thứ nhất với tựa đề ‘Những bóng tối của một thế giới khép kín’ đề cập đến nhiều lệch lạc của thế giới hiện tại như việc chi phối và thay đổi những khái niệm như dân chủ, tự do, công lý; việc đánh mất ý nghĩa của xã hội và lịch sử; về chủ nghĩa ích kỷ và dửng dưng với công ích; về sự đề cao lô-gíc của thương trường dựa trên lợi nhuận và văn hoá phế thải; về vấn nạn thất nghiệp, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, sự nghèo đói; về sự bất bình đẳng quyền lợi và những biến thể của nó như sự nô lệ, buôn người, những phụ nữ bị lạm dụng và bị buộc phá thai, vấn nạn buôn bán nội tạng. Đức Thánh cha nhấn mạnh rằng những vấn nạn toàn cầu cần đến những hành động mang tính toàn cầu và bày tỏ lo ngại về nền “văn hoá xây tường” đang làm nảy sinh những hình thức tệ nạn gây ra lo sợ và cô lập.

Chủ đề của chương hai trong thông điệp là hình ảnh sáng ngời của người Samari nhân hậu. Tám gương người Samari nhân hậu như ngọn đuốc soi đường chỉ lối để con người có thể chiếu sáng và đi xuyên qua những bóng tối được đề cập trong chương một. Đức Thánh cha Phanxicô khẳng định rằng tình yêu bắc những nhịp cầu và “chúng ta được sinh ra cho tình yêu”, ngài khuyến khích cách đặc biệt các tín hữu nhận ra Đức Kitô nơi những ai bị loại trừ.

Chương ba của Thông điệp *Fratelli Tutti* đề cập đến nguyên lý về khả năng yêu thương ở mức độ phổ quát. Đức Giáo hoàng Phanxicô mời gọi chúng ta ra khỏi chính mình để thấy nơi tha nhân sự tăng trưởng của hiện hữu, học nơi tha nhân sự năng động bác ái hầu giúp chúng ta hướng đến sự hiệp thông phổ quát. Trên hết, thông điệp nhắc nhở rằng tầm vóc thiêng liêng của đời sống con người được định nghĩa bởi tình yêu là điều luôn ở vị trí đầu tiên và giúp chúng ta

nỗ lực hơn vì lợi ích của tha nhân, giúp ta tránh xa mọi hình thức của chủ nghĩa ích kỷ.

Đức Phanxicô nói rằng quyền được sống đúng với nhân phẩm là điều không thể bị từ chối đối với bất cứ ai, và bởi vì lợi ích không có ranh giới, không ai có thể bị loại trừ, bất kể người đó được sinh ra ở đâu. Trong cái nhìn này, Đức Giáo hoàng gợi mở việc suy tư về một nền đạo đức cho các mối quan hệ quốc tế, bởi mỗi quốc gia cũng là của người khác và tài nguyên quốc gia đó không thể bị từ chối cho những ai đang cần đến dù người đó đến từ nơi khác. Do vậy, quyền lợi tự nhiên đối với tài sản riêng là thứ yếu so với nguyên lý phổ quát là tất cả thụ tạo được trao tặng cho cả hoàn cầu.

Đặc biệt, chủ đề về anh chị em di dân được nói đến trong chương hai và chiếm trọn chương thứ tư với tựa đề ‘Một con tim mở ra với toàn thế giới’. Người di cư, với những mảnh đời vỡ vụn, chạy trốn khỏi chiến cuộc, bách hại, khỏi thiên tai, khỏi những kẻ buôn người vô lương tâm, buộc phải rời khỏi quê hương xứ sở vì lý do kinh tế hay những lý do khác như đoàn tụ với gia đình, vì học hành, ...; ngoài ra, còn có các chủ đề người di cư được đón nhận, được bảo vệ và hoà nhập. Đức Giáo hoàng Phanxicô nhắc đến việc tránh di cư không cần thiết bằng việc thiết lập nơi quốc gia sở tại những khả thể để họ sống đúng với nhân phẩm. Nhưng đồng thời cũng tôn trọng quyền được tìm một nơi ở xứng đáng hơn. Nơi ở mới, sự cân bằng chính đáng sẽ là giữa việc bảo vệ quyền lợi công dân và sự bảo đảm việc đón tiếp cũng như trợ giúp người di cư. Cách cụ thể, Đức Thánh cha chỉ ra một vài chỉ dẫn thiết yếu, đặc biệt cho những ai buộc phải di cư vì những khủng hoảng nhân đạo nghiêm trọng, đó là: đơn giản hoá việc cấp visa, mở ra những cánh cửa nhân đạo, bảo đảm chỗ ở và những điều kiện thiết yếu, tạo cơ hội việc làm và giáo dục, khuyến khích đoàn tụ gia đình, bảo vệ trẻ vị thành niên, bảo đảm tự do tôn giáo và kích lệ hội nhập xã hội. Đức Phanxicô còn nhắc đến việc cần xác định lại trong xã hội khái niệm “công dân toàn phần” nhằm loại trừ yếu tố phân biệt khi sử dụng từ “nhóm thiểu số”.

Thông điệp còn đề cập đến việc quản trị toàn cầu, một sự hợp tác quốc tế về người di cư, khởi sự cho những dự án lâu dài hơn là những trường hợp cấp thiết, trong danh nghĩa cho sự phát triển liên

đổi với mọi dân tộc và đặt nền tảng trên nguyên tắc vô vị lợi. Theo cách đó, các quốc gia được coi như một gia đình nhân loại. Như thế, tha nhân là một quà tặng và là sự phong phú cho mọi người, bởi sự khác biệt thể hiện khả năng lớn lên. Một nền văn hoá lành mạnh là nền văn hoá biết đón nhận và biết mở ra với người khác, đồng thời không phủ nhận chính mình, mà trao tặng cho người khác những gì là chân thật nhất. Như khối đa diện, hình ảnh mà Đức Giáo hoàng hay đề cập, tổng thể có giá trị hơn các phần riêng biệt, nhưng mỗi phần đều có giá trị của riêng mình.

2. Một người lạ nằm trên đường

*Người này cũng cho ông ấy một thứ mà trong thế giới
điên cuồng của mình, chúng ta thường bám lấy thật
chặt: ông đã cho ông ấy thời gian của mình. (63)*

Trong chương hai, Đức Giáo hoàng Phanxicô đã mượn dụ ngôn ‘Người Samari nhân hậu’ để làm nền tảng và bệ phóng dệt nên những chất liệu suy tư. Thật vậy, dụ ngôn này khắc họa rõ nét nhân cách đối xử đầy tình huynh đệ và bằng hữu của người Samari nhân hậu. Thật đẹp biết bao hình ảnh khi người Samari xuống ngựa và đến cúi xuống trên con người đang nằm quằn quại trên lề đường. Kẻ bất hạnh đang nằm đây là ai? Ông chẳng để ý. Là người Giuđa hay Samari? Ông không quan tâm. Vốn dĩ, chúng ta biết rằng hai nhóm dân này vẫn coi nhau như cừ địch. Tuy nhiên, người Samari này chỉ thấy kẻ đang nằm bên vệ đường đây là một người bất hạnh, cùng là phận người như mình mà trong hoàn cảnh này lại đau thương hơn mình. Bỏn phận và nhân tính đã trỗi dậy nơi người Samari và ông thấy trách nhiệm phải yêu thương người ấy như chính mình. Thế nên, ông đã xuống ngựa xúc dầu, thoa rượu và băng bó cẩn thận các vết thương, vức người ấy lên ngựa, và nhanh chóng đưa nạn nhân đến quán trọ gần nhất. Sau khi tận tình chăm sóc cho người bị nạn, người Samari đã giao lại cho chủ quán săn sóc và dặn rằng khi quay trở lại ông sẽ trang trải mọi chi phí. Tình cảm người đàn ông Samari dành

cho nạn nhân người Do Thái bị cướp đánh thật đáng trân trọng và tốt đẹp biết bao.

Dụ ngôn còn đề cập đến thầy tư tế và thầy Lêvi, hai người này vừa là người Do Thái vừa là những người có địa vị trong xã hội Do Thái lúc bấy giờ, nhưng đã bỏ mặc nạn nhân với những lý do có thể liên quan đến tôn giáo và sắc tộc. Nếu so sánh hai hình ảnh: thầy tư tế và thầy Lêvi đã vô cảm với người anh em của mình; còn người Samari đã vượt qua được những định kiến về sắc tộc, về tôn giáo để thể hiện tình thương với nạn nhân, và câu hỏi đặt ra ở đây: ai là người thân cận, là hàng xóm láng giềng tối trời tắt đèn có nhau, là người gần gũi với nạn nhân? Hỏi tức là trả lời. Đó là người Samaria nhân hậu, mặc dù ông ta không cùng nòi giống và tôn giáo với người kia nhưng ông đã chứng minh tình người bằng những hành động cụ thể.

Dụ ngôn này còn làm nảy bật lên những câu hỏi: phải chăng những hành vi bác ái sẽ minh chứng ai thật là người có lòng nhân? Ai là người nhân hậu? Ai mang bản tính nhân loại trong mình? Ai là người đã đối xử với anh em của mình xứng đáng với nhân phẩm? Vì thế, Chúa Giêsu đã nói: hãy đi và làm như vậy. Như vậy, lòng thương xót đã chiến thắng hận thù, nhân tính vượt qua được những định kiến về sắc tộc và tôn giáo, để làm cho những người trước đây xa lạ trở nên thân cận và gần gũi. Có thể nói, giáo huấn của Chúa Giêsu kiện toàn và làm mới Luật Cựu Ước. Trên phương diện nhân bản, sứ điệp của Đức Giêsu có thể đặt làm nền tảng và giúp phát triển đời sống con người trở nên nhân văn hơn. Yêu thương là luật nền tảng của con người.

Qua lăng kính di dân, khi mà:

Người di dân chúng tôi luôn được nhìn như những thành phần “vô xứ”, những kẻ làm cho thành phố lộn xộn, những kẻ mang theo tệ nạn, là gánh nặng cho thành phố... Những định kiến này đã làm cho chúng tôi không khỏi tự ti với thân phận vô xứ của mình. Nhưng ít ai lại biết chúng tôi có một đời sống không mấy dễ dàng nó luôn đầy rẫy những rủi ro, thử thách. Nơi mảnh đất xa lạ này chúng tôi đôi khi không được

chào đón nhưng quyết định ra đi cũng là phương cách duy nhất còn lại chúng tôi có thể lựa chọn, đôi khi còn là sự đánh cược của số phận mình trong dòng mưu sinh.²

Ta có thể thấy anh chị em di dân rất nhiều khi bị bỏ rơi, bị lãng quên bị đặt “nằm bên lề đường” hay bên lề xã hội. Ai sẽ là người thân cận của anh chị em di dân? Ai là người Samari nhân hậu trong bối cảnh di dân? Ai là thầy tư tế và thầy Lêvi?

Chương hai của Thông điệp *Fratelli Tutti* gợi mở cho chúng ta như sau:

Thánh Phaolô, nhận ra cơn cám dỗ của các cộng đồng Kitô hữu đầu tiên muốn thành lập các nhóm khép kín và cô lập, đã thúc giục các môn đệ của ngài trở vượt về tình yêu thương “với nhau và với mọi người” (1 Tx 3,12). Trong cộng đồng Thánh Gioan, các Kitô hữu đồng đạo phải được chào đón, “dù họ là những người xa lạ đối với anh em” (3 Ga 5). Trong bối cảnh này, chúng ta có thể hiểu rõ hơn ý nghĩa của dụ ngôn Người Samaritanô nhân hậu: tình yêu thương không quan tâm đến việc anh chị em đang gặp khó khăn phát xuất từ nơi này hay nơi nọ. Vì “tình yêu phá tan xiềng xích vốn khiến chúng ta bị cô lập và cách biệt; ở nơi họ, nó xây dựng các cây cầu. Tình yêu giúp chúng ta tạo ra một gia đình lớn lao, trong đó, tất cả chúng ta có thể cảm thấy như ở nhà... Tình yêu tràn chảy lòng cảm thương và phẩm giá”. (62)

Một lần nữa, những câu hỏi sau sẽ chất vấn lương tâm chúng ta. Anh chị em di dân của chúng ta sẽ là gánh nặng để chúng ta tránh qua một bên rồi bước đi như thầy tư tế và thầy Lêvi trong dụ ngôn? Đây là người Samari đã xuống ngựa chăm sóc nạn nhân rồi đưa về

² <https://gpcantho.com/nguoi-giao-dan-di-dan-nhung-thao-thuc-va-nguyen-vong/>

quán trọ? Ai là người đồng hành với anh chị em di dân như người Samari đồng hành với nạn nhân bên lề đường? Chúng ta có thể lập luận: mọi sự so sánh đều là khập khiễng, mọi người đều phải tự đứng trên đôi chân của mình để bước đi. Tuy nhiên, nếu lập luận như thế dẫn đến một xã hội cạnh tranh “mạnh được yếu thua” hay “cá lớn nuốt cá bé” mà thiếu đi tình liên đới giữa con người với nhau. Chính tình liên đới này tạo ra sự khác biệt giữa xã hội loài người với xã hội thú vật. Vì vậy chính tình liên đới của mỗi người chúng ta với anh chị em di dân sẽ làm cho “tình yêu tràn chảy lòng thương cảm và phẩm giá” (62).

3. Một trái tim biết mở ra với mọi người

Phản ứng của chúng ta đối với việc các di dân đến với chúng ta có thể được tóm tắt trong bốn chữ sau đây: chào đón, bảo vệ, phát huy và hòa nhập. Vì “đây không phải là trường hợp thực hiện các chương trình phúc lợi từ trên xuống, mà đúng hơn, là cùng đảm nhiệm một hành trình với nhau, qua bốn hành động này, để xây dựng các thành phố và quốc gia, những thực thể, trong khi bảo tồn bản sắc văn hóa và tôn giáo tương ứng của họ, cởi mở đối với các khác biệt và biết cách phát huy chúng trong tinh thần huynh đệ nhân bản”. (129)

Ở mục 3 này chúng tôi khởi đi từ những khao khát, những ao ước của anh chị em di dân Công giáo.

Chúng tôi cũng luôn ao ước có được những sự thấu hiểu đúng đắn và quan tâm của các vị chủ chăn cho những người con xa quê như chúng tôi. Việc không ổn định nơi ở, cùng những thách đố của cuộc sống làm cho chúng tôi cảm thấy lạc lõng trên bước đường mưu sinh của mình, cùng những mặc cảm, tự ti với thân phận “vô xứ” tất cả khiến chúng tôi khó có thể hòa

nhập vào với đời sống của giáo xứ sở tại một cách trọn vẹn. Cùng những sự hiểu biết ít ỏi của chúng tôi về những giáo lý, giáo luật của Hội Thánh về người di dân chúng tôi nên việc thực hiện nhập xứ, hay tham gia sinh hoạt với các giáo xứ sở tại là một khó khăn của chúng tôi.

Chúng tôi ao ước có những chương trình chuẩn bị cho các bạn trẻ trước khi rời khỏi quê hương để họ có thể có những chuẩn bị để bước vào một đời sống xa lạ nhưng có thể tránh được những khủng hoảng đức tin, những khủng hoảng của cuộc sống ban đầu. Cùng những việc phổ biến giáo luật hay quy định để cho chính những người di dân như chúng tôi được học hỏi và thực hiện. Chúng tôi cũng ước mong các tổ chức của Giáo hội có thể chú trọng đến nhu cầu của người giáo dân di dân trong những hoàn cảnh phù hợp bởi đôi khi những chuẩn mực hay những quy định giáo lý lại là trở ngại cho chính cuộc sống của người di dân khiến cuộc sống nơi đô thị đã vốn không dễ dàng nay lại càng không dễ dàng hơn và sẽ có nguy cơ làm mất đi căn tính tôn giáo của mình nhiều hơn.³

Đoạn trích dẫn trên cho chúng ta thấy những ao ước của anh chị em di dân có thể tóm gọn như sau:

- a) Ao ước được hòa nhập vào cuộc sống nơi họ đang sống, dù đó là đời sống bình thường của một con người hay đời sống đạo.
- b) Được sự quan tâm của các vị chủ chăn.
- c) Được học hỏi để hiểu biết những vấn đề liên quan đến giáo lý hay giáo luật.

³ <https://gpcantho.com/nguoi-giao-dan-di-dan-nhung-thao-thuc-va-nguyen-vong/>

- d) Sự chuẩn bị hay trang bị những kiến thức, kỹ năng cho các bạn trẻ tại những xứ ở quê quán để các bạn này nếu bước chân vào con đường di dân thì tránh được những khủng hoảng đức tin.
- e) Các tổ chức của Giáo hội chú trọng hơn nữa đến các nhu cầu của anh chị em giáo dân di dân.

Đặt trong bối cảnh di dân tại Thái Lan, có thể thấy những ao ước trên của anh chị em di dân tại Sài Gòn trong trích dẫn ở trên, một cách tổng quát cũng tương đồng với những ao ước của anh chị em di dân tại Vương quốc Thái Lan, tuy nhiên “mức độ ao ước” cũng có vài điểm khác biệt tùy hoàn cảnh cụ thể của mỗi người và của từng vùng miền.

Đọc lại chương bốn của Thông điệp *Fratelli Tutti* chúng ta có được sự hướng dẫn của Đức Phanxicô như thế nào?

Phản ứng của chúng ta đối với việc các di dân đến với chúng ta có thể được tóm tắt trong bốn chữ sau đây: chào đón, bảo vệ, phát huy và hòa nhập. Vì “đây không phải là trường hợp thực hiện các chương trình phúc lợi từ trên xuống, mà đúng hơn, là cùng đảm nhiệm một hành trình với nhau, qua bốn hành động này, để xây dựng các thành phố và quốc gia, những thực thể, trong khi bảo tồn bản sắc văn hóa và tôn giáo tương ứng của họ, cởi mở đối với các khác biệt và biết cách phát huy chúng trong tinh thần huynh đệ nhân bản”. (129)

Đây quả thực là một hướng dẫn lý tưởng theo góc nhìn của Giáo hội mời gọi các nhà chức trách của cả xã hội lẫn Giáo hội Công giáo cũng như những anh chị em của vùng đất sở tại có các anh chị em di dân đang sinh sống. Lý tưởng này không xa rời bối cảnh thực tế của thế giới hiện nay bởi lẽ, những suy tư như ngọn đuốc được thắp lên, như tiếng kêu trong sa mạc của thánh Gioan tẩy giả trong sa mạc xưa kia vang vọng không ngừng trong một thế giới đang mãi mê chạy theo những giá trị vật chất, tiền tài, quyền lực và danh vọng.

Tuy nhiên, theo suy nghĩ của người viết, trong bối cảnh di dân tại Thái Lan, bốn chữ ‘chào đón, bảo vệ, phát huy và hội nhập’ rất khó để thực hiện, có chăng chỉ một phần nào đó, vì những khó khăn cả chủ quan lẫn khách quan mà anh chị em di dân tại Thái Lan gặp phải. Những khó khăn khách quan chẳng hạn như vấn đề visa, tệ nạn bị ức hiếp, bị ăn chặn tiền của cảnh sát nước sở tại, bị người dân nước sở tại khinh thường, rẻ rúng, ... Còn những khó khăn chủ quan đến từ phía anh chị em di dân có thể kể ra: trình độ học vấn thấp nên người di dân phần lớn làm công việc tay chân, bán quán, làm nhân viên nhà hàng, bán hàng rong, rào cản về ngôn ngữ, về văn hóa, về tôn giáo, ... Để hiểu rõ và chi tiết hơn về những khó khăn anh chị em di dân tại đất nước Thái Lan gặp phải, chúng ta có thể tham khảo bài viết “Vai trò của mạng xã hội trong đời sống tinh thần của lao động nhập cư Việt Nam tại Thái Lan” của linh mục Anthony Lê Đức, SVD.

Tuy vậy, nói như trên không có nghĩa là anh chị em di dân là “gánh nặng” hay chỉ là “người đến lấy mất công việc của người dân nước sở tại”. Thật vậy, nếu nhìn rộng ra theo cách nhìn của Thông điệp *Fratelli Tutti* đoạn sau, ta thấy những ưu điểm của sự di dân mang lại trong bối cảnh toàn cầu chứ không bó hẹp vào chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa địa phương cục bộ hay quốc gia.

Cần lưu ý rằng “hiện có sự căng thẳng có hữu giữa việc hoàn cầu hóa và địa phương hóa. Chúng ta cần chú ý đến khía cạnh hoàn cầu để tránh sự hẹp hòi và tầm thường. Tuy nhiên, chúng ta cũng cần nhìn khía cạnh địa phương, nơi giữ chúng ta luôn ở thế có cơ sở thực tiễn. Cùng với nhau, cả hai khía cạnh ngăn chúng ta rơi vào một trong hai thái cực sau đây: Đầu tiên, con người bị cuốn vào một chủ nghĩa vũ trụ trừu tượng, hoàn cầu hóa... Mặt khác, họ tự biến mình thành một viện bảo tàng văn hóa dân gian ảm đạm khép kín, cứ phải lặp đi lặp lại cùng những điều y như nhau, không có khả năng để mình bị chất vấn bởi những gì khác biệt, hoặc đánh giá được vẻ đẹp mà Thiên Chúa vốn ban tặng ở bên ngoài biên giới của họ” [124]. Chúng

ta cần có một cái nhìn hoàn cầu để tự cứu chúng ta khỏi chủ nghĩa tỉnh lẻ nhỏ nhen. Khi ngôi nhà của chúng ta không còn là một ngôi nhà và bắt đầu trở thành một khu bị rào vây quanh, một phòng giam, thì nhân tố hoàn cầu sẽ đến giải cứu chúng ta, như một “chính nghĩa cuối cùng” lôi kéo chúng ta hướng đến việc viên mãn của mình. Trong khi cùng một lúc, nhân tố địa phương cũng cần được đón nhận một cách thiết tha, vì nó có một điều mà nhân tố hoàn cầu không có được: nó có khả năng là một chất men, đem lại sự phong phú hóa, phát khởi các cơ chế phụ đới. Vì vậy, tình huynh đệ phổ quát và tình bạn xã hội là hai cực không thể tách rời và quan trọng như nhau trong mọi xã hội. Tách chúng ra sẽ làm biến dạng mọi điều và tạo ra sự phân cực đầy thành kiến. (142)

Đặt trong bối cảnh toàn cầu hóa, Đức Phanxicô đã mời gọi tất cả chúng ta cùng nhau vượt qua những thiên kiến từ suy nghĩ chủ quan, vượt qua những giới hạn của bản thân, vượt qua những tư duy hẹp hòi của chủ nghĩa cục bộ, địa phương, sắc tộc, tôn giáo để mở rộng vòng tay chào đón nhau, mở rộng con tim để sưởi ấm cho nhau, mở rộng trí óc để xóa đi những rào cản thiên kiến và đón nhận nhau trong tinh thần huynh đệ và bằng hữu.

Sau hết, bài viết này không phải là một bài nghiên cứu nhưng chỉ là một sự tổng hợp và suy tư của tác giả về Thông điệp *Fratelli Tutti* qua góc nhìn người di dân trong hoàn cảnh cụ thể tại vương quốc Thái Lan. Thông điệp *Fratelli Tutti* chắc chắn còn chắt chứa rất nhiều chất liệu để suy tư cũng như nghiên cứu về chủ đề di dân, một chủ đề mang tính thời sự trong thời đại này, cả trên phương diện xã hội và Giáo hội.

Chương 4

DI DÂN VIỆT NAM TẠI NHẬT BẢN, ĐỔI MẠNG ĐỂ ĐỔI ĐỜI

LM Đaminh Nguyễn Quốc Thuận, MA

Dẫn nhập

Ngày 14/5/2019, Trung tâm ASEAN – Nhật Bản đã tổ chức cuộc hội thảo “Việt Nam: Hiện tại và triển vọng” tại Tokyo, với sự tham dự của gần 200 doanh nghiệp và chuyên gia nghiên cứu về Việt Nam của Nhật Bản nhằm giới thiệu chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Việt Nam và quan hệ kinh tế Việt – Nhật trong thời gian qua. Cũng tại cuộc hội thảo trên, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Nhật Bản, Vũ Hồng Nam cho biết, Việt Nam và Nhật Bản sẽ ký biên bản hợp tác về lao động kỹ năng đặc thù người nước ngoài nhằm tạo điều kiện cho các lao động Việt Nam sang Nhật Bản làm việc theo chính sách thị thực mới của nước này. Ông Vũ Hồng Nam khẳng định Chính phủ Việt Nam ủng hộ việc nói lỏng các quy định về thị thực để thu hút nguồn lao động nước ngoài. Đây là nhu cầu khách quan của tất cả các nước khi hội nhập kinh tế quốc tế bởi vì, khi nền kinh tế thiếu nhân lực, có thể dẫn tới hai hệ lụy là giá nhân công nguồn cao do sự chênh lệch cung – cầu về lao động và doanh nghiệp phá sản vì không có đủ nhân lực để đáp ứng yêu cầu sản xuất. [1]

Phải biểu trên đây của ông Vũ Hồng Nam nghe qua có vẻ thực tế, hợp lý và bắt kịp thời cuộc, giải quyết được vấn đề nguồn lao động “cung – cầu” cho cả hai quốc gia Việt – Nhật, thắt chặt thêm mối quan hệ giữa hai bên. Tuy nhiên, thực tế lao động Việt Nam tại Nhật Bản trong những năm gần đây mang sắc màu hoàn toàn khác và đa diện hơn. Trong bài viết tổng hợp và khảo sát dưới đây, chúng tôi xin

sơ lược bức tranh toàn cảnh về lao động Việt Nam dưới góc nhìn di dân theo nhãn quan người làm mục vụ trong Kitô giáo. Qua đó, chúng tôi mong ước, các vị hữu trách cùng những ai quan tâm hãy cộng tác với nhau trong việc chăm sóc một mảng nhỏ nơi đời sống người di dân để người Việt Nam không đến Nhật Bản làm việc nhằm mục đích “Đổi mạng để đổi đời”.

1. Thực trạng di dân Việt Nam tại Nhật Bản

1.1. Bối cảnh

1.1.1. Nhật Bản, nơi cần nguồn lao động.

Nhật Bản hiện nay đang là một trong những siêu cường kinh tế trên thế giới, với chỉ số GDP bình quân đầu người (GDP/người) của Nhật Bản là 39.287 USD/người vào năm 2018. Tốc độ tăng trưởng trên đạt 2% trong năm 2018, với mức tăng 955 USD/người so với con số 38.332 USD/người của năm 2017. GDP bình quân đầu người của Nhật Bản năm 2019 dự kiến sẽ đạt 40.072 USD/người nếu nền kinh tế Nhật Bản vẫn giữ nguyên tốc độ tăng trưởng GDP và mức dân số như năm vừa rồi. [2] Chính mức tăng trưởng kinh tế trên đã biến đất nước Nhật Bản thành một quốc gia siêu cường kinh tế và để phát triển hơn nữa thì họ luôn cần nguồn nhân lực lao động trẻ. Do đó, để có thể tìm được nguồn lao động thích ứng, họ phải lựa chọn cách nhập khẩu lao động nước ngoài, nên Việt Nam là một trong những đất nước được Nhật Bản tiếp nhận lao động lớn thứ 2 hiện nay chỉ sau Trung Quốc.

Thêm vào đó là yếu tố dân số suy giảm và lão hoá cao. Tính đến ngày 1/10/2019, tổng dân số Nhật là 126,167 triệu người, giảm khoảng 276.000 người (0,22%) so với năm 2018. Trong đó, người mang quốc tịch Nhật là 123,731 triệu người, giảm khoảng 487.000 người (0,39%). Nhật Bản đang đứng hạng 11 trong bảng xếp hạng dân số các nước trên thế giới, giảm một hạng so với năm 2018. Dân số Nhật Bản bắt đầu giảm sau khi đạt đỉnh vào năm 2008 với 128,808 triệu người. Điều này có nghĩa là dân số Nhật Bản đã giảm liên tục trong suốt 11 năm. Và dự kiến trong tương lai sẽ tiếp tục giảm. Trong

khi người mang quốc tịch Nhật đang giảm dần thì số người nước ngoài nhập cư vào Nhật Bản lại tăng lên. Bắt đầu từ năm 2013 đến nay, số người nhập cư Nhật Bản tăng liên tục hằng năm. Năm 2019, con số này đã tăng ở mức kỷ lục là 211.000 người, tăng tổng số người nhập cư Nhật Bản lên 2,44 triệu người.

Một xã hội suy giảm dân số, nghĩa là tỷ lệ tử cao hơn tỷ lệ sinh và dân số giảm liên tục qua mỗi năm như thế làm cho Nhật Bản đang phải đối mặt với tình trạng khủng hoảng về mọi mặt. Có nhiều nghiên cứu cho rằng đến năm 2050, dân số Nhật Bản sẽ giảm còn dưới 100 triệu người và dân số già sẽ chiếm gần 40%. Tuy nhiên, con số thực tế có thể còn nghiêm trọng hơn so với dự kiến. [3] Đây là nguyên nhân chính gây ra tình trạng Nhật Bản bị thiếu hụt lao động trong nước, nên chính phủ đã giải quyết bằng cách tuyển lao động từ nước ngoài.

1.1.2. Việt Nam, nơi cung ứng nguồn lao động

Việt Nam là một nước nông nghiệp, chủ yếu sống bằng nghề trồng trọt, chăn nuôi hay đánh bắt thủy hải sản. Do vậy khi đề cập đến sự chuyển biến về cơ cấu lao động, trình độ lao động Việt Nam đã và đang chuyển mình ra sao, Thứ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Lê Quân cho biết: “Số liệu của Tổng cục Thống kê, Quý II/2019, dân số nước ta đạt 96,2 triệu người, trong đó dân số nam là 47.881.061 người (chiếm 49,8%) và dân số nữ là 48.327.923 người (chiếm 50,2%).

Với kết quả này, Việt Nam là quốc gia đông dân thứ 15 trên thế giới, tụt 2 bậc so với cách đây 10 năm, và đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á (sau Indonesia và Philippines).

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước quý II năm 2019 ước tính là 55,46 triệu người (chiếm hơn một nửa dân số với tỷ lệ 57.65%). Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động là 76,21%”.

Theo đánh giá của Thứ trưởng Lê Quân, từ những con số thống kê cụ thể cho thấy lực lượng lao động của Việt Nam khá dồi

đào, sẵn sàng đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước. (Xin tham khảo thêm ở [4])

Báo cáo trên đây đã chỉ ra cho thấy lực lượng lao động trẻ của Việt Nam rất dồi dào do dân số phát triển; Bên cạnh đó do yếu tố thiên nhiên bị phá hủy, đồng bằng ngập mặn, vùng biên ô nhiễm nên tình trạng thất nghiệp gia tăng. Trong khi đó, tầm suất công việc không nhiều để cân đến lực lượng lao động mà vì thế kiếm tìm công việc nơi quốc gia khác đang là giải pháp hay lối thoát cho người lao động cũng như cho nền kinh tế nước nhà.

1.2. Nguyên nhân

Do đâu thị trường Nhật Bản lại chọn lao động Việt Nam?

Nhiều chủ hãng xưởng người Nhật không thích lao động Việt Nam cho biết họ vẫn thích lao động người Trung Quốc hơn. Bởi vì, lao động người Trung Quốc làm ra sản lượng gấp 1,5 lần so với người Việt; bên cạnh đó họ rất cẩn thận trong công việc hơn người Việt. Mặc dù thế, các chủ Nhật họ vẫn buộc phải tiếp nhận nguồn lao động Việt nhiều nhất. Vì những lý do sau :

1. Vì người Việt học việc rất nhanh, nắm bắt lẹ và cũng thích sang Nhật Bản làm việc để có tiếng làm việc ở một đất nước phát triển.

2. Vì mấy năm gần đây giữa Trung Quốc và Nhật Bản đã xảy ra tranh chấp đảo Senkaku (Điếu Ngư) và vùng lãnh hải, nên nhiều chủ nhân Nhật quyết không nhận lao động người Trung Quốc để phản đối. Mặt khác nữa, cũng vì thu nhập bình quân của người Trung Quốc hiện đã tăng cao nên họ không thích sang Nhật Bản làm việc như trước đây.

3. Vì hiện nay Việt Nam đã được người Nhật xem là “sân sau” hậu thuẫn cho tương lai, là một nơi để đặt các công ty, nhà máy lớn của họ ở đây. Chính vì thế mà chính phủ Nhật rất ưu tiên và khuyến khích chủ Nhật chọn lao động của Việt Nam sang Nhật Bản vừa thực

tập công việc, vừa làm kiếm tiền để sau này, khi trở về nước, họ sẽ làm việc trở lại cho các công ty của Nhật ở Việt Nam.

4. Vì lực lượng lao động trẻ người Philippines không quá nhiều và cũng không nhanh ý như người Việt.

5. Vì lực lượng lao động người Indonesia không phù hợp về văn hoá và tôn giáo, vì người Indonesia hầu hết theo đạo hồi, nên ảnh hưởng không nhỏ đến công việc.

6. Vì người Châu Phi thì đương nhiên cũng không hợp với văn hóa Nhật Bản.

Với các lý do chính nêu trên mà những năm gần đây người Nhật đã chọn lao động Việt sang Nhật Bản tăng đột biến: Năm 2014 có 19.766 người – Năm 2015 có 27.000 người – Năm 2016 có 39.938 người – Năm 2017 có 50.000 người – Năm 2018 có hơn 310.000 người và Năm 2019 có 401.326 người.

Theo Hãng thông tấn Kyodo (Nhật Bản) dẫn nguồn tin từ Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản cho biết, tính đến tháng 10/2019, số lượng lao động người nước ngoài tại Nhật Bản đã đạt mức kỷ lục gần 1,66 triệu người. Theo số liệu công bố thì lao động người Việt Nam có mức tăng cao nhất với 26,7%, đạt 401.326 lao động; tiếp theo là Philippines có mức tăng 9,6% đạt 179.685 lao động. Lao động người Trung Quốc có mức tăng 7,5% nhưng vẫn là số lao động nước ngoài lớn nhất tại Nhật Bản với 418.327 người. [5] Với chỉ số trên đây thì lao động Việt Nam chỉ đứng sau lao động Trung Quốc ở Nhật.

1.3. Tác động

Vấn đề di dân – 移民問題 (いみんもんだい) , dân tị nạn 難民 (なんみん) đã tác động không nhỏ đến lịch sử nước Nhật Bản. Vốn cũng là quốc gia phát triển, và cũng như các nước phát triển khác thì Nhật Bản cũng có chính sách tiếp nhận di dân tị nạn, tiếng Nhật gọi là 難民 (なんみん) . Từ sau chiến tranh Việt Nam, làn sóng người tị nạn Đông Dương (Việt Nam, Lào, Cambodia) khi đó chính là những nhóm người đầu tiên được hưởng chính sách tị nạn

của Nhật Bản. Từ năm 1979, họ được tiếp nhận ở các trại tị nạn ở thành phố 姫路 Himeji (tỉnh 兵庫 Hyogo) và thành phố 大和 Yamato (tỉnh 神奈川 Kanagawa), hình thành những nhóm người “Việt Kiều” lớn đầu tiên ở Nhật Bản.

Sau đợt 1979 đó thì Nhật Bản hầu như không tiếp nhận người tị nạn mấy nữa so với các nước Âu Châu. Bởi lẽ Nhật Bản vốn rất dè dặt với người nước ngoài di cư, tiếng Nhật gọi là 移民 (いみん) nói chung, người tị nạn nói riêng. Thế nhưng, nhờ có những người tị nạn nhập cư mà người Nhật nói chung và chính phủ nói riêng có cái nhìn khá thiện cảm với người Việt Nam từ thế hệ này. Bên cạnh đó khi tiếp nhận người tị nạn hội nhập với xã hội Nhật, đất nước này có thêm một nguồn lực lao động khác cần cù, trẻ trung và lành lợi.

Mặc dù nguồn nhân lực lao động từ làn sóng tị nạn đã góp phần không nhỏ cho nền kinh tế và sinh hoạt nơi xã hội Nhật Bản, thế nhưng người Nhật vẫn mang thái độ e dè khi tiếp nhận dân lao động nhập cư? – Bởi lẽ trong tâm thức, người Nhật vẫn tự hào về nguồn gốc thuần chủng, về dân tộc tính đặc biệt của mình. Do vậy, họ vừa e dè cảnh giác vừa khó chịu với những người nước ngoài định xâm nhập và phá vỡ sự thuần chủng, văn hoá của họ. Cho dù đó là người Âu Châu mà họ vừa nể vừa thích, hay người Á Châu họ vừa thích vừa ghét, vừa tò mò, vừa xem thường. Đơn giản chỉ vì là người Nhật hoặc không phải người Nhật. Thế nhưng do thực tế đòi buộc và biến đổi xã hội mà Nhật Bản đã phải mở cửa để nhập khẩu nguồn lao động từ các nước, cách riêng từ Việt Nam.

Do không hiểu biết về bối cảnh lịch sử và tâm thức suy nghĩ của người Nhật mà gần đây, có nhiều lao động Việt Nam sau khi hết hạn visa, hay sau khi bỏ trốn ra ngoài đã tìm cách ở lại Nhật Bản bằng việc xin xét hồ sơ “tị nạn”. Không hiểu ai xúi bầy, nhưng xác suất được chấp nhận làm người tị nạn ở Nhật Bản gần như bằng không. Dẫu cho những người này có là người bất đồng chính kiến, nhưng không chứng minh được mình đang bị đe dọa đến tính mạng thì cũng không được xét. Còn vì lý do kinh tế thì chính phủ Nhật không bao giờ chấp nhận. Mặc khác, thời gian để duyệt xét đơn xin tị nạn mất 3-5 năm, và kết quả là hầu như bằng không. Đơn cử, năm 2013 chỉ

có 6 người được duyệt từ khoảng 5.000 người thuộc các quốc tịch khác nhau xin xét đơn. Trong thời gian xét duyệt đơn đó thì hầu như không được trợ cấp gì mấy trong việc ăn ở, mà đi làm thêm cũng không được. Trở về Việt Nam cũng không xong vì không còn hộ chiếu nữa. Tình trạng này không khác gì bị giam lỏng.

2. Vấn nạn di dân Việt Nam tại Nhật Bản

2.1. Tích cực

2.1.1. Cho xã hội

Với nguồn nhân lực từ Việt Nam các ngành nghề thiếu hụt nguồn lao động truyền thống cũng như hiện đại ở Nhật Bản đã được đáp ứng và không suy giảm. Cho đến nay, vẫn chưa có một tổ chức hay nghiên cứu xã hội nào đánh giá đầy đủ, toàn diện về những lợi nhuận mà lao động Việt Nam mang lại cho đất nước Nhật Bản. Tuy nhiên, chúng ta có thể lấy số liệu thống kê thu thập từ Bộ Lao Động để đánh giá lợi tức đã và đang mang lại cho xã hội Nhật cũng như cho chính lao động nhập cư.

Theo đó, số liệu sơ bộ của “Cuộc khảo sát thống kê lao động hàng tháng” do Bộ Lao động và Phúc lợi điều tra tại 31.000 cơ sở kinh doanh, xí nghiệp trên phạm vi toàn Nhật Bản thì tổng thu nhập của một người lao động Nhật Bản trong tháng 8/2019 tính cả tiền lương cơ bản, tiền tăng ca là 276.296 yên (tương đương với hơn 55 triệu đồng).

Trong đó, tổng thu nhập của người làm việc toàn thời gian là 357.712 yên (khoảng 72 triệu đồng). Còn tổng thu nhập của người làm việc bán thời gian là 99.111 yên (khoảng 20 triệu đồng). Với mức lương trên, người lao động Việt Nam đủ sống và nếu biết tiết kiệm vẫn có thể gửi về cho gia đình ở Việt Nam.

Cũng theo Bộ Lao động và Phúc lợi thì mặc dù các chỉ số giá tiêu thụ năm 2019 đều tăng so với năm 2018 nhưng tổng thu nhập bình quân vẫn tiếp tục có xu hướng giảm. Tại buổi họp báo sau cuộc họp Nội các, ông Yasutoshi Nishimura – Phó chánh Văn phòng Nội các Nhật Bản phát biểu nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên chủ yếu

là do ảnh hưởng của việc tăng tỉ lệ số người lao động làm việc bán thời gian, có mức lương tương đối thấp so với nhân viên làm việc chính thức. [6] Tuy nhiên, so với mức lương nhận được và mức sống phải chi trả thì người lao động Việt Nam không quá khó khăn để cân đối chi thu cho cuộc sống.

2.1.2. Nơi Giáo hội

Theo thống kê chính thức của Giáo hội Công giáo năm 2018, số tín hữu Công giáo Nhật Bản là 440.893, chiếm khoảng 0,3% trong tổng số 127 triệu dân. Tuy nhiên, nếu tính cả con số các tín hữu không đăng ký vào các giáo xứ, con số đúng thực tế có thể là nhiều gấp đôi. Phần lớn tín hữu không đăng ký không phải là người Nhật; nhiều giáo phận tại Nhật Bản có số tín hữu ngoại quốc nhiều hơn tín hữu người Nhật. Nhiều người trong số không đăng ký là những người cư trú bất hợp pháp và từ chối đăng ký tên vì sợ thông tin của họ bị cơ quan nhập cư và cảnh sát biết.

Theo thống kê năm 2018, trong 10 năm qua, số người Công giáo đăng ký tại nước này giảm dần (440.893 người Công giáo năm 2018 so với 447.886 năm 2008).

Trong năm 2018, số người trưởng thành được rửa tội vượt quá số trẻ sơ sinh: 2.689 người lớn so với 2.329 trẻ sơ sinh. Số người chịu phép rửa tội cũng giảm sút kể từ năm 2006 (518 người năm 2018 so với 7.193 người năm 2006). [7]

Thực tế với số tín hữu suy giảm và số tín hữu còn lại thì cũng già nua theo bối cảnh xã hội, nên con số người Công giáo nhập cư, đa phần là người trẻ đến từ Việt Nam, lẽ ra, sẽ mang đến niềm hy vọng năng động, tươi mới cho đời sống đức tin nơi Giáo hội Nhật Bản.

Thế nhưng, sinh hoạt thực tế lại hoàn toàn khác; có khi còn mang đến nỗi nghi ngại và đề phòng đối với các vị lãnh đạo trong Giáo hội Nhật Bản hay các linh mục, tu sĩ người Việt Nam đang thi hành mục vụ tại Nhật Bản.

2.2. Tiêu cực

Theo trang VOA, ngày 12/4/2018 công bố số liệu do cảnh sát Nhật công bố cho thấy cùng lúc với số cư dân người Việt Nam tăng vọt ở Nhật Bản, số tội phạm hình sự do người Việt gây ra cũng tăng theo, khiến người Việt trong năm 2017 lần đầu tiên đứng đầu về số tội phạm hình sự của người nước ngoài không thuộc diện thường trú nhân ở Nhật Bản.

Tính theo quốc tịch, cảnh sát ghi nhận 5.140 vụ tội phạm do người Việt Nam gây ra trong năm 2017, so với 3.177 vụ năm trước đó, chiếm 30,2% tổng số. Theo số liệu của Cơ quan Cảnh sát Quốc gia Nhật Bản, trước đây Trung Quốc chiếm vị trí số một, nhưng năm 2017 họ đứng thứ hai với 4.701 vụ án hình sự.

Số liệu từ Trung tâm nghiên cứu Pew, một tổ chức tư vấn phi đảng phái Hoa Kỳ, cho thấy Nhật Bản là một trong 10 nước tiếp nhận nhiều di dân Việt Nam nhất trong năm 2017. Số người Việt Nam không thuộc diện thường trú ở Nhật đã tăng gấp sáu lần từ năm 2008, đạt con số khoảng 260.000 người vào năm 2017.

Số sinh viên Việt Nam tại Nhật Bản đã tăng gấp 12 lần trong giai đoạn 2012-2016, lên tới khoảng 54.000 người.

Tuy nhiên, mặt trái của xu hướng này là số vụ tội phạm của người Việt cũng tăng lên. Số vụ trộm cắp trong các cửa hàng, siêu thị lên đến 2.037 trường hợp, trộm cắp vật đã tăng tới 325 vụ trong năm 2017 so với 12 vụ xảy ra trong năm 2016.

Một thông dịch viên cho cảnh sát ở vùng Chubu nói với Japan Times rằng khoảng một nửa số thực tập sinh và du sinh Việt Nam không thể trang trải học phí và phải bỏ học, chuyển sang cuộc sống tội phạm.

Tổng số vụ tội hình sự của các cư dân ngoại quốc, trừ quân nhân Mỹ, là 17.006, tăng 20,3% so với năm trước đó. Brazil xếp hạng ba với 1.058 vụ, tiếp theo là Hàn Quốc với 1.038 vụ.

Về số người vi phạm, Trung Quốc đứng đầu với 3.159 người, tiếp theo là Việt Nam với 2.549 người. Tổng số người nước ngoài phạm tội là 10.828, tăng 7,1% so với một năm trước đó. [8]

Bên cạnh tội phạm ăn cắp thì gần đây các tội phạm giết người, đánh nhau, trộm và tiêu thụ ma túy, ngay cả bán dâm cũng đã xảy ra nơi người lao động Việt Nam.

Sự vụ mới nhất xảy ra nơi người Việt là vào ngày 11/5/2020, cảnh sát tỉnh Toyama – Nhật Bản bắt bạn cùng phòng là Ngô Công Minh (20 tuổi) do liên quan đến vụ án giết hại thực tập sinh Nguyễn Văn Đức (21 tuổi), rồi phi tang dưới cống thoát nước khu dân cư ở Akada.

Tháng sau đó, cảnh sát Nhật Bản bắt 5 nghi phạm người Việt với cáo buộc vận chuyển các loại ma túy với tổng trị giá gần 6 triệu yên.

Theo Sở Cảnh sát thành phố Ageo, tỉnh Saitama, miền trung Nhật Bản, nhóm nghi phạm gồm cả đàn ông và phụ nữ cuối tháng 4 gửi số ma túy từ Việt Nam sang Nhật Bản qua đường bưu điện.

Khi kiện hàng đến sân bay quốc tế Narita, các nhân viên phát hiện chất kích thích và thuốc lắc có tổng giá trị 5,8 triệu yên (hơn 53.000 USD) được giấu dưới đế giày thể thao trong kiện hàng. Cảnh sát đã lấy số ma túy này ra, sau đó cho kiện hàng tiếp tục thông quan để theo dõi. Họ bắt 5 người trên khi nhận hàng tại nhà hôm 1/6/2020. Họ cho rằng nhóm này nhập ma túy để bán cho cộng đồng người Việt tại Nhật Bản. 4 nghi phạm thừa nhận hành vi buôn bán ma túy và giải thích rằng mình bị mất việc do Covid-19 nên gặp khó khăn về tiền bạc, dẫn tới phạm pháp. Cảnh sát Ageo đang tiếp tục điều tra sự việc. [9]

Năm 2018, Cảnh sát Nhật Bản đã tiến hành bắt giữ một phụ nữ mang quốc tịch Việt Nam, vì đã tình nghi cung cấp dịch vụ bán dâm tại cửa hàng mát xa của mình trong khu vực cấm các cửa hàng dịch vụ tình dục tại quận Minato – Tokyo Nhật Bản.

Người phụ nữ này có tên チャン・テイ・ハン (Trần Thị Hạnh) 41 tuổi, là một người kinh doanh mở cửa hàng mát-xa 「プリンセス」 (Công Chúa) tại nhà thuộc tòa nhà cao tầng ở quận Minato. Cảnh sát đã bắt Hạnh vì nghi rằng đã cho nhân viên cung cấp dịch vụ tình dục cho một nam khách hàng (40 tuổi).

Theo cảnh sát cho biết, cửa hàng của Hạnh chuyên tập trung những người phụ nữ Việt Nam bỏ trốn sau khi sang Nhật Bản với tư cách tu nghiệp sinh, du học ... để nhận vào làm nhân viên bất hợp pháp. Từ tháng 6/2017 đến khi bị bắt, doanh thu của cửa tiệm đạt khoảng 20 triệu yên (khoảng 4 tỷ đồng).

Hạnh đã phủ nhận lời cáo buộc của cảnh sát rằng “Không cho nhân viên cung cấp dịch vụ tình dục”. [10] Tuy nhiên, có 4 nhân viên đều là du học sinh và tu nghiệp sinh trốn ra ngoài bán dâm nơi tiệm của Hạnh. Với mỗi lần mua bán dâm, gái bán dâm sẽ thu của khách từ 15.000 đến 60.000 yên. Và sau mỗi lần như thế, chủ quán Trần Thị Hạnh sẽ được chia một nửa số tiền.

Khi các đối tượng đang hành lạc thì đội thám phục thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội – cảnh sát quận Minato ập đến bắt giữ quả tang. Hạnh bị bắt về hành vi chứa chấp gái mại dâm.

Cảnh sát trật tự xã hội Nhật Bản cho biết nhiều cửa hàng Việt mọc ra ngày càng nhiều như tình trạng du học sinh vào bar, ăn chơi bay lắc rất nhiều, hay các quán karaoke tụ tập tạo ra những điếm không lành mạnh cho người Việt cần phải loại bỏ tiếp. [11]

Những tiêu cực đang diễn ra nơi lao động Việt Nam có nhiều nguyên nhân, nhưng căn cội có thể do việc thờ ơ hoặc thiếu vắng sự nâng đỡ, chia sẻ trong đời sống, tinh thần, tâm linh và tôn giáo. May mắn cho những ai biết đặt niềm tin vào tôn giáo như Phật giáo, Công giáo, Tin lành thường dễ tìm được nơi nâng đỡ, giải bày những khó khăn và đồng thời cũng là nơi có thể bàn hỏi, chia sẻ, trợ giúp.

Nhưng đại đa số người Việt hiện diện ở Nhật Bản đã không tự dẫn thân truy tìm, mưu cầu sự liên kết nâng đỡ với các đoàn thể nhân đạo, từ thiện hoặc tôn giáo... nên vấn đề sơ cứng, nghèo nàn về mặt tâm linh, tình cảm, tinh thần là điều dễ dàng xảy ra. Theo thời gian dần dà dẫn đến sự cô độc, vô vị, hụt hẫng tâm lý, tâm linh nên dễ bị ngã theo những cám dỗ tham lam, lừa đảo, có khi còn gây ra nhiều tội phạm rất bất nhân, vô nghĩa ...

Một nguyên nhân khác nữa đó có thể là vấn đề nhận thức việc đi nước ngoài lao động hoặc du học, thực chất là “tha phương cầu thực” được đánh bóng mỹ miều là lao động giúp nước.

Mục đích đi du học lẽ ra phải được chuẩn bị về mặt trí tuệ, tâm linh và tài chánh khả dĩ có thể thành tựu, giờ trở thành một phương tiện kiếm tiền vừa vẻ vang vừa tiện ích ... khiến cho nhiều lao động dễ rơi vào tình trạng thiếu ý thức, thiếu tự tin và biến thành công cụ trực lợi cho các tổ chức môi giới, một phần là sự liêu lĩnh tính toán nông cạn của gia đình. Với tỷ lệ thành công quá thấp và kết quả thu lượm cũng thật ít ỏi, so với con số vài chục ngàn sinh viên Việt Nam tại Nhật Bản.

Thêm vào đó là nguyên nhân do sự vô tâm, trực lợi của cơ quan đại diện nhà cầm quyền Việt Nam. Đây là vấn đề nhức nhối. Vì biết bao nhiêu những vấn nạn, khó khăn đến với thực tập sinh, du sinh tại nước người mà họ phải trực diện, gánh chịu... không được nhà cầm quyền Việt Nam quan tâm, thông tin minh bạch, hoặc can thiệp kịp thời, bảo vệ đúng lúc, xứng hợp. Nếu so sánh với chính sách khích lệ lao động tại hải ngoại của Philippines, thì người Việt Nam quá thiệt thòi.

2.3. Hệ lụy

Đối diện với những vấn nạn và tệ nạn do lao động Việt Nam gây ra, chính phủ Nhật Bản đã phối hợp với các công ty, doanh nghiệp từ phía Nhật Bản cùng hợp tác với các công ty giới thiệu việc làm và môi giới người lao động đề ra những giải pháp như sau:

Đề hỗ trợ người nước ngoài, chính phủ Nhật cũng đưa ra nhiều chính sách giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi như giới thiệu nhà ở, hỗ trợ tiền vay thuê nhà, cho vay tài chính... Theo Bộ Nội vụ Nhật Bản, xu hướng những người nước ngoài ở Nhật Bản đều là những người trẻ. Do đó, chính phủ đã phối hợp với các trường học dạy tiếng cho các lao động trẻ để họ có thể hội nhập với cuộc sống tại Nhật Bản và làm việc lâu dài.

Thêm vào đó, chính phủ Nhật còn cho phép người có visa du học được lao động tối đa 28 tiếng một tuần. Thế nhưng, hầu hết các du học sinh sang Nhật Bản lao động thường lao động quá thời gian pháp luật quy định. Có khi làm suốt đêm, ban ngày thì ngủ (ngủ ngay

trong lớp học tiếng Nhật, hoặc bỏ học để ngủ lấy sức) sau đó dùng thời gian còn lại để làm việc. [12]

Nhiều em làm việc 1 ngày gần 20 tiếng. Cũng kiếm được khá nhiều tiền nếu may mắn được làm việc liên tục. Nếu tính 1 tiếng 800 yên thì 1 ngày người làm việc gần 20 tiếng sẽ có 16,000 yên, 1 tháng nếu công việc đều đều sẽ kiếm được hơn 60-70 triệu đồng.

Với số tiền kiếm được quá lớn so với mức sống ở Việt Nam, nên các em đã bỏ qua mục đích ban đầu khi đến Nhật Bản là để học, chuyển sang mục đích kiếm tiền. Hậu quả là học lực kém, tiếng không biết nên không thể thi vào các trường đại học hay chuyên môn. Kéo theo đó là hệ lụy khi hết visa thì bỏ trốn và phạm pháp. Có em khác thì làm việc quá sức dẫn đến đột tử mà không ai biết.

Riêng đối với một số lao động Việt Nam, họ lầm tưởng rằng: “Đi xuất khẩu lao động Nhật Bản rất dễ kiếm tiền, làm công việc nhẹ nhàng mà thu nhập hàng tháng 40-50 triệu đồng/tháng”. Tuy nhiên, thực tế lại không như vậy khiến họ chán nản và muốn xin về nước trước hạn. Việc về nước trước hạn hợp đồng như thế, không chỉ khiến người lao động mất thời gian và chi phí đã bỏ ra. Mà còn ảnh hưởng đến uy tín của công ty giới thiệu người đó sang Nhật Bản. Cơ sở tiếp nhận người lao động đó tại Nhật Bản cũng bị ảnh hưởng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và mất thời gian tuyển nhân sự để điền vào chỗ trống.

Nhiều bạn trẻ, trước khi có ý hướng đến Nhật Bản làm việc đã mang quan niệm sẽ kiếm rất nhiều tiền (có những người nghĩ rằng có thể kiếm năm bảy chục triệu mỗi tháng) nên việc sau khi nhập cảnh, đối diện với khối lượng công việc cùng mức lương không như mong muốn và đảm bảo cho cuộc sống, họ chán nản, muốn bỏ về cũng là điều không tránh khỏi, và khi không có tâm lý làm việc thì việc buộc phải trở về nước giữa chừng là điều tất yếu xảy ra.

Ngoài những lý do chính yếu nêu trên là vì thu nhập không như mong muốn và cuộc sống không như mong đợi, lao động Việt Nam đến Nhật Bản làm việc có thể chỉ với mong muốn làm giàu cách nhanh chóng hay phải gánh trả số nợ ở quê nhà, nên họ tìm đủ mọi cách, dùng mọi thủ đoạn để kiếm tiền, ngay cả việc trở thành tội

phạm. Đến khi bị bắt đưa ra tòa thì viện dẫn lý do đưa đến hành vi phạm tội là vì nghèo đói và nợ nần.

Tìm hiểu cụ thể và sâu sát hơn trước những hệ lụy do di dân Việt Nam gây ra, không chỉ ảnh hưởng đến chính bản thân mà còn tác động xấu đến hình ảnh, danh dự về người Việt Nam và các thế hệ đến sau, có thể thấy nguyên nhân do trình độ văn hóa thấp, không có trình độ và thực lực; Bên cạnh đó là lối sống giả dối từ con người đến bằng cấp. Thực tế, có khá nhiều thành phần thực tập sinh chưa xong trình độ Trung học, nhưng dùng bằng tốt nghiệp giả để được đến Nhật Bản. Do đó, trong sinh hoạt thường ngày ở Nhật gây ra rất nhiều điều ấu trĩ sai trái, vô văn hóa, thiếu ý thức và lòng tự trọng...

Sự giả dối không chỉ trên bình diện cá nhân, nhưng đã trở thành tổ chức và công khai rao bán bằng cấp và các giấy tờ tùy thân trên các trang mạng xã hội. Do có cầu nên có cung, mà có nhiều người dùng tiền để mua bằng cấp giả, đăng ký hôn phối giả, bán buôn hàng giả và đồ hàng ăn cấp... cách công khai trong thế giới lao động Việt Nam.

Với mục đích đến Nhật Bản bằng mọi giá, nên nhiều người lạm dụng quy chế du học để sau khi sang Nhật Bản rồi bỏ học đi làm và con số này có thể là chiếm đa số theo tỷ lệ sinh viên du học. Mặc dù các trường học có kiểm soát giờ giấc đến lớp, nhưng hầu như là chuyện đã rồi, vì các đương sự sau đó không chịu trở về nước do bị ché tài lại bỏ trốn ra xã hội tìm việc. Tiếng lóng trước đây gọi những người bỏ trốn là “người rom”, nhưng nay họ được gọi là “đi bộ đội”. Đây cũng là một nguyên nhân gây ra tình trạng phạm pháp, tiếp tay với các hành vi vô pháp như buôn bán bằng giả, đồ ăn cấp, ma túy, băng đảng xã hội ...

Mặt khác, cũng chính vì việc liều lĩnh để có cơ hội đến Nhật Bản, mà nhiều người phải “vay nóng” để có tiền nộp cho các tổ chức môi giới, mà không suy nghĩ cách thức hoặc khả năng hoàn trả. Điều này gây ra tình trạng phải trả lãi quá nặng so với khả năng thu nhập ở Nhật Bản. Thường thì phải có nhà cửa tài sản để thế chấp, cầm cố nhưng nếu không có, thì phải vay mượn vài trăm triệu mới lọt vào danh sách đi thực tập lao động. Vô hình chung, người lao động lại chông vào cổ mình gánh nặng nợ nần, mà đa số các dịch vụ cho vay

mượn được bảo kê bởi tổ chức bất hợp pháp, nên nếu xảy ra việc trẽ nợ, gia đình ở lại rất dễ bị áp lực mất nhà, mất mạng.... Điều này dẫn đến việc có hàng trăm người trẻ đã bỏ mạng tại Nhật Bản trong những năm gần đây. Bởi lẽ, học không được thì xấu mặt gia đình, vừa học vừa làm thì không đủ tiền trả lãi đã vay trước khi đi hoặc vì nguyên có bệnh tật đã dẫn đến tình trạng tuyệt vọng, và tệ hại nhất là tự tử, phát cuồng sinh bệnh mà chết.

3. Mục vụ di dân Việt Nam hiện nay tại Nhật Bản

3.1. Xã hội

Nhật Bản là một trong những thị trường xuất khẩu lao động tốt nhất Việt Nam, với thu nhập cao hơn hẳn so với các thị trường lao động khác, chế độ phúc lợi xã hội tốt. Đặc biệt, khi làm việc tại Nhật Bản thì người lao động sẽ được chỉ dẫn đặc biệt chặt chẽ ngay từ đầu vào, đào tạo định hướng kỹ lưỡng, hợp đồng rõ ràng và được thỏa thuận hài lòng giữa hai bên chủ xí nghiệp và người lao động.

Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp và nhà trường, hay các nghiệp đoàn của Nhật đã cố gắng hoạt động để bảo vệ quyền và nghĩa vụ của du học sinh, hay các thực tập sinh và người lao động. Tuy nhiên, cũng không thiếu những nghiệp đoàn của Nhật, ăn chia cùng với các nghiệp đoàn Việt Nam để bóc lột sức lao động và thông đồng bảo vệ quyền lợi của các chủ nhân hơn cho người lao động.

Một hiện tượng khác là trong khoảng 5 năm trở lại đây, khi chính phủ Nhật thắt chặt quan hệ với Việt Nam, đồng thời tích cực hơn trong việc tiếp nhận lao động từ Việt Nam để bù đắp lượng lao động thiếu hụt trong nước thì một dịch vụ “xuất khẩu lao động mới - hay du học kiểu mới” xuất hiện ở Việt Nam. Trước đây, đi xuất khẩu lao động là hình thức sang lao động nước ngoài ở một công ty cùng hoặc gần ngành nghề công ty người lao động đó ở Việt Nam, nhằm tạo điều kiện thuận lợi để cho người lao động đó được học hỏi, tu nghiệp ở nước ngoài trong khoảng 3 năm. Xuất khẩu lao động theo hình thức tu nghiệp này đòi hỏi nhiều thủ tục xét duyệt và người tu nghiệp sinh chỉ được ở Nhật Bản trong khoảng 3 năm, sau đó buộc

phải về nước. Tuy nhiên, dịch vụ “xuất khẩu lao động mới” đang được nhiều bạn trẻ quan tâm hiện nay là: Sang Nhật Bản dưới dạng du học sinh (xin visa du học, có đăng kí lớp tại một trường tiếng Nhật để có visa) nhưng thực tế khi sang Nhật Bản rồi du học sinh này sẽ không đi học mà chủ yếu là đi làm kiếm tiền. Vì thế cũng có thu nhập như đi lao động và có khi còn có thu nhập nhiều hơn tu nghiệp sinh. Vì thế, nhiều người muốn sang Nhật Bản kiếm tiền, qua con đường lách luật này.

Tuy nhiên, suy tính trước khi đi và thực tế khi đặt chân đến hoàn toàn khác. Do vậy, trong số các bạn du học sinh hay lao động có những người phải mang nợ nhiều hoặc đặt cọc nhiều tiền, hay chi trả nhiều phí mang nhiều tên khác, nên không ít các bạn đã có sẵn gánh nặng về tài chính và tâm lý.

Thêm vào đó, trước khi sang Nhật Bản, họ có thể được nghe nhiều thông tin màu hồng, chưa khách quan về cuộc sống tại Nhật Bản, họ chưa có điều kiện để tiếp cận nguồn thông tin đa chiều, mà có khi họ nghe những thông tin chủ quan từ các tổ chức môi giới. Để hạn chế tệ trạng trên, chính phủ Nhật đã xóa bỏ cơ chế “đặt tiền cọc” hay còn gọi là tiền thế chân nhằm giảm bớt gánh nặng tâm lý cho lao động Việt Nam.

3.2. Giáo hội

Đón nhận làn sóng di dân lao động đến từ Việt Nam, Giáo hội tại Nhật Bản, qua Ủy ban về Người Di dân, Tị nạn và Di trú đã nỗ lực hết mình và đề ra những kế sách thực tế đáp ứng, chăm sóc mục vụ. Thế nhưng, những vấn đề gai góc vẫn tiềm tàng nội tại nơi chính người di dân Việt Nam, nên khó có thể giúp giải quyết tận gốc rễ mọi vấn đề.

Bởi lẽ, từ sự nhận thức yếu kém đến cảm thức đức tin hời hợt, người di dân Công giáo Việt Nam đến Nhật Bản vẫn sống đạo theo hình thức với những lễ thói, lễ hội mang tính biểu dương sắc tộc hơn diễn tả đức tin theo truyền thống văn hóa tổ tiên Dân Việt.

Các nhóm, hội Công giáo được thành lập mang tính đồng hương, vùng miền, khẳng định bản tính làng xã hơn tinh thần “Công

giáo” chung cho mọi người. Chính từ tâm thức cục bộ mà hầu như di dân Việt Nam đã không hòa nhập vào với Giáo hội tại Nhật Bản hay cởi mở đón nhận sự nâng đỡ đức tin từ Giáo hội địa phương nơi tòng thổ.

Riêng nơi bình diện cá nhân, đời sống luân lý tháo thứ, với quan niệm sống thực dụng đã làm cho đời sống đức tin bị băng hoại hay biến chất. Điều này thể hiện trong đời sống qua việc kết hôn giả, chung sống trước hôn nhân, chung sống ngoài hôn nhân chính thức, quan hệ tình dục vô trách nhiệm, phá thai... đây là những quan ngại đáng báo động trong đời sống tôn giáo, nhu cầu tâm linh nơi người Công giáo di dân Việt Nam.

Nhìn sâu vào hiện trạng sống đạo trên, có thể thấy đức tin nơi người di dân Việt Nam vẫn chưa chạm ngưỡng trưởng thành căn bản; đồng thời, phản tỉnh việc đào luyện về phương diện tâm linh tại quê hương, giáo xứ nơi quê nhà vẫn chưa đủ để làm hành trang cho người tín hữu Việt Nam sống, giữ và thể hiện niềm tin của mình nơi xứ sở văn minh, trong thế giới hiện đại và tự do Nhật Bản.

Dưới khóe nhìn mục vụ, có thể thấy, bên cạnh việc không được giáo dục căn bản về văn hóa nhận thức, ứng xử; chưa được trang bị kỹ năng sống cùng đào luyện các giá trị tâm linh, nên phần đông di dân đến từ Việt Nam hụt hẫng, thiếu nhân bản trong ứng xử nơi đất nước nổi tiếng nhân văn, lại càng khập khiễng trong đời sống nhân linh.

Trước con số di dân đến từ Việt Nam bùng nổ kéo theo đó là những tệ nạn và tệ trạng nảy sinh. Hội đồng Giám mục Nhật Bản, qua Ủy ban về Người Di dân, Tị nạn và Di trú (J-CaRM – Catholic Commission of Japan for Migrants, Refugees and People on Move) trong những năm qua đã tổ chức các khóa hội thảo về di dân người Việt Nam tại Nhật Bản, với sự tham dự của các tu sỹ, linh mục và nhân viên công tác xã hội đang phục vụ trong giáo hội tại Nhật Bản.

Hơn nữa, để cụ thể hóa việc quan tâm chăm sóc mục vụ cho di dân người Việt Nam, nên từ ngày 23 đến 28 tháng 9 năm 2017, phái đoàn của Ủy ban Mục vụ Di dân (UBMVDD) trực thuộc Hội đồng Giám mục (HĐGM) Việt Nam do Đức cha Giuse Đỗ Mạnh Hùng - chủ tịch UBMVDD - làm trưởng đoàn, đã đi thăm và làm việc

với Ủy ban về Người Di dân, Tị nạn và Di trú (J-CaRM) của HĐGM Nhật Bản do Đức cha Micae Goro Matsuura - giám mục Giáo phận Nagoya - làm chủ tịch.

Trong chuyến viếng thăm mục vụ này, Đức cha Micae Matsuura và các chuyên viên của J-CaRM đã trình bày hiện trạng di dân Việt Nam tại Nhật Bản cùng những vấn nạn và các quan ngại xã hội. Đối diện với thực tế di dân Việt Nam đến Nhật Bản quá đông, trong đó có không ít người Công giáo, đang làm cho Giáo hội tại Nhật Bản gặp phải không ít khó khăn về đời sống mục vụ và đức tin. Sau 2 tiếng trao đổi, và suy xét, hai Ủy ban Việt Nam - Nhật Bản đã đi đến thỏa thuận: thành lập nhóm chuyên trách chung gồm đại diện linh mục, tu sĩ Việt Nam tại Nhật Bản và đại diện thuộc UBMVDD Việt Nam để tư vấn và đề ra chương trình mục vụ và xã hội cho người Việt tại Nhật Bản cũng như người Nhật tại Việt Nam; chuẩn bị thiết lập hai trung tâm mục vụ cho di dân Việt Nam tại Nhật Bản trong giáo tỉnh Tokyo và Osaka. [13]

Tiến xa hơn nữa, từ ngày 22 – 25 tháng 4 năm 2018, phái đoàn Ủy ban về Người di dân, tị nạn và di trú (J-CaRM) của HĐGM Nhật Bản do Đức cha Micae Goro Matsuura cũng đã đến Việt Nam gặp gỡ và trao đổi cụ thể với Đức cha Giuse Đỗ Mạnh Hùng về chương trình mục vụ cho người Việt Nam tại Nhật Bản cũng như người Nhật tại Việt Nam.

Cùng chia sẻ gánh nặng mục vụ với các vị lãnh đạo trong Giáo hội, các dòng tu cũng nỗ lực với công tác chăm sóc cho người di dân. Đi đầu cho việc dân thân này có anh em Dòng Tên, qua văn phòng xã hội đặt trụ sở ở Tokyo (Jesuit Social Center Tokyo). Các tu sĩ Dòng Tên đã tư vấn, hướng dẫn và giúp chăm sóc cho đời sống tinh thần qua các Thánh lễ và chương trình học hỏi dành cho di dân Việt Nam. Trong đại dịch Covid-19, văn phòng xã hội Dòng Tên đã cùng phối hợp với Ủy ban Di dân để tư vấn pháp luật cho các lao động người Việt qua chương trình: Solidarity Network with Migrants Japan (SMJ).

Bên cạnh Dòng Tên thì anh em Dòng Salesian Don Bosco, Tỉnh Dòng Nhật Bản cũng nhắm hướng tới việc phục vụ cho giới trẻ Việt Nam tại Nhật Bản. Nền tháng 7/2020, tỉnh dòng Nhật đã chính

thức mở văn phòng và địa điểm sinh hoạt cho giới trẻ và người Việt tại địa chỉ: Salesio Seminary, Chofu-shi Fujimicho 3-21-12, Tokyo. Tel: 042-482-3117. Với tên gọi: Nguyễn Xá Don Bosco (Don Bosco Oratorio). Tỉnh dòng Nhật đã mời một sư huynh từ Việt Nam đến để hợp tác mục vụ này.

Hiện nay Nguyễn xá Don Bosco có 2 lớp tiếng Nhật cho giới trẻ lao động vào buổi tối thứ 2 và thứ 4 và mỗi chiều Chúa Nhật tuần thứ 4 sẽ có lớp Giáo lý, hội cầu nguyện, thánh lễ và thể thao.

Cũng với thao thức làm cầu nối và chỗ dựa tinh thần cho người Việt Nam cũng như để người bản xứ hiểu biết hơn về Việt Nam, Hội Bạn Hữu Việt Nam – Vietnamese Friendship Association - VFA đã được thành lập với văn phòng đặt tại Thành phố Kobe. Tổ chức Hội Bạn Hữu Việt Nam do các linh mục và người Việt định cư lập ra nhằm hỗ trợ đời sống văn hóa, pháp luật, đức tin... cho người Việt Nam và người Nhật muốn tìm hiểu về Việt Nam để học tập hay tìm kiếm cơ hội làm việc.

3.3. Các tổ chức thiện nguyện

Nghiên cứu và khảo sát thực trạng di dân người Việt với đặc trưng tội phạm thường hoạt động trộm cắp tại các siêu thị và các cửa hàng bán mỹ phẩm, sữa bột trẻ em và các mặt hàng theo yêu cầu. Bên cạnh đó là những hành vi như gây mất trật tự công cộng, đánh nhau, trốn vé tàu... nên có một số doanh nghiệp, trường học, hay các nghiệp đoàn của Nhật đã mở ra như một tổ chức phi chính phủ - NGO để bảo vệ quyền lợi và thiện ích cho du học sinh, hay người thực tập kỹ thuật.

Tuy nhiên, hầu hết các tổ chức này đều mang tính cách cá nhân và người lao động Việt Nam không rành ngôn ngữ để tìm đến xin hỗ trợ hay chỉ tìm đến khi xảy ra những sự việc ảnh hưởng đến quyền lợi mà thôi.

4. Hướng mục vụ di dân trong tương lai

4.1. Liên kết

Sau cuộc gặp gỡ giữa hai Ủy ban Di dân Việt – Nhật, từ năm 2017 đến nay hướng mục vụ cho người di dân nơi cả hai bên đã có sự quan tâm và hoạt động cụ thể. Tuy nhiên, vẫn chưa mở rộng và cụ thể hóa hoạt động mục vụ.

Bên cạnh đó, hoạt động mục vụ di dân chỉ gói gọn trong từng nhóm, theo từng cá nhân mà chưa có sự liên kết toàn quốc. Ngay trong hoạt động mục vụ cũng chỉ lo chăm sóc phần thiêng liêng như Thánh lễ, các lớp học giáo lý dự tòng, hôn nhân hay tụ hội vui chơi mà chưa liên đới mở rộng với các tổ chức xã hội dân sự khác. Nên chăng, có một ban liên lạc để nối kết giữa hai Ủy ban và các nhóm với nhau; đồng thời nối kết với các tổ chức dân sự và thiện nguyện chăm sóc đời sống cho di dân.

4.2. Thông tin

Hầu hết trước khi đến Nhật Bản, lao động Việt Nam mù thông tin về cuộc sống và đất nước mà họ sẽ đặt chân đến làm việc. Nếu có được nghe thì cũng là những thông tin tốt đẹp màu hồng, chưa khách quan về cuộc sống thực tế tại đây. Bởi vì, họ chưa có điều kiện để tiếp cận nguồn thông tin đa chiều, mà có khi họ nghe những thông tin chủ quan của các tổ chức môi giới nên khi đến Nhật Bản thì thấy thực tế lại khác hẳn. Chính vì thế, qua trang thông tin của UBDD/HĐGMVN nên dành một góc giới thiệu về đất nước mà họ sẽ đặt chân đến, không những để chuẩn bị tâm lý cho họ không ngỡ ngàng mà còn được đón nhận chăm sóc mục vụ về đời sống thiêng liêng và xã hội.

4.3. Hợp tác

Đối diện với thực trạng quá mới mẻ và vô định về phía trước, cũng như những tệ trạng đã xảy ra trong quá khứ, người làm mục vụ

di dân Kitô giáo, nói riêng và những ai thiện chí, nói chung nên cùng hợp tác với nhau và với mọi người. Bởi lẽ, một mặt có không ít doanh nghiệp, nhà trường, hay các nghiệp đoàn của Nhật cũng như Việt hành động chưa hẳn bảo vệ quyền và nghĩa vụ của du học sinh, người lao động hay các thực tập sinh.

Mặt khác, ở Việt Nam có những đơn vị tư vấn du học, hay các doanh nghiệp, cơ quan cử thực tập sinh kỹ thuật cung cấp thông tin chưa khách quan, chính xác, thu những khoản phí, thù lao không rõ ràng dẫn đến tình trạng các bạn phải vay nợ tiền trước khi đến Nhật Bản.

Do đó, với lương tâm bảo vệ người nghèo và lên tiếng nói trước những bất công xã hội, người làm mục vụ cần hợp tác với nhau, giữa quê nhà và đất khách, giữa tôn giáo và xã hội để có những giải pháp thiết yếu và thiết thực giúp cho người di dân.

Cụ thể, các linh mục, giáo xứ quê nhà Việt Nam, nhất là những vùng miền có số lượng người đi lao động, du học nhiều như: Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa và các tỉnh phía Bắc nên liên kết với các tổ chức bên Nhật Bản, mở các buổi tư vấn trực tuyến để tư vấn, tìm hiểu pháp luật, văn hóa nước sở tại trước khi chọn đi du học hay lao động. Các linh mục nơi giáo xứ với tâm tình là mục tử nên nắm bắt số lượng con em trong giáo xứ sắp đi du học, lao động nước ngoài để nối kết với các tổ chức phía Nhật, giúp tìm hiểu trước công ty, trường học nơi con em có dự định đến học tập hay làm việc có tồn tại thật sự không để tránh tình trạng các em bị lừa đảo. Mặt khác, qua đó các tổ chức đoàn thể ở Nhật Bản sẽ dễ dàng trợ giúp các em hơn khi đặt chân đến Nhật Bản.

Tác nhân chính vẫn là các du học sinh, tu nghiệp sinh, lao động di dân Việt Nam. Thế nên, cần giáo dục từ quê nhà ý thức việc đến Nhật Bản không chỉ để kiếm miếng ăn, nhưng còn là để học hỏi ngôn ngữ, văn hóa, các giá trị nhân bản và nhân văn để bản thân trưởng thành hơn và sau này khi trở về, biết thi thố những điều tốt đẹp đã học được để phục vụ quê nhà.

Tạm kết

Đức Thánh cha Phanxicô trong sứ điệp nhân Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn lần thứ 106, vào ngày 27/09/2020, đã viết:

Khi chúng ta nói về những người di cư và di tản, chúng ta thường dừng lại ở những con số thống kê. Nhưng đây không phải là những con số, mà là những con người! Nếu chúng ta gặp họ, chúng ta sẽ biết nhiều hơn về họ. Và khi biết những câu chuyện của họ, chúng ta sẽ có thể hiểu họ.

Cùng thao thức với Đức Thánh cha trong sứ vụ chăm sóc cho người di dân, những dữ kiện được nêu ra trong bài khảo cứu trên chỉ là một mảnh nhỏ trong toàn cảnh về cuộc sống người di dân. Thế nhưng đây cũng là động lực để các Kitô hữu, nhất là các mục tử quan tâm hơn đến đời sống Dân Chúa; Đồng thời, định hướng để đưa ra hướng đường cụ thể, thiện ích cho người di dân cũng như góp phần làm cho xã hội trở nên tốt đẹp hơn.

Gần đây, điện ảnh Nhật Bản đã phản ánh một phần nào về thực trạng di dân qua bộ phim Drama Nhật “MIU 404” với trích đoạn về thực trạng du học sinh Việt Nam tại Nhật Bản. [14]

Còn chúng ta, sẽ phản ánh gì về đời sống di dân qua niềm tin tôn giáo mà chúng ta đang tin, sống và cử hành?

[1] <http://www.vnembassy-jp.org/vi/vi%E1%BB%87t-nam-v%C3%A0-nh%E1%BA%ADt-b%E1%BA%A3n-s%E1%BA%AFp-k%C3%BD-h%E1%BB%A3p-t%C3%A1c-v%E1%BB%81-lao-%C4%91%E1%BB%99ng-k%E1%BB%B9-n%C4%83ng-%C4%91%E1%BA%B7c-th%C3%B9>

[2] <https://solieukinhhte.com/gdp-binh-quan-dau-nguoi-cua-nhat-ban/>.

[3] <https://kilala.vn/van-hoa-nhat/dan-so-nhat-ban-nhung-so-lieu-khien-chinh-phu-phai-e-ngai.html>.

[4] <https://m.giaoduc.net.vn/tieu-diem/trinh-do-lao-dong-cua-viet-nam-dang-dung-o-dau-tren-the-gioi-post205453.gd>

[5] <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-the-gioi/nam-2019-so-lao-dong-viet-nam-tai-nhat-ban-tang-cao-nhat-448422/>.

[6] Theo NHK News,

Nguồn:

<https://www3.nhk.or.jp/n.../html/20191008/k10012116821000.html>

[7] <https://www.vaticannews.va/vi/church/news/2019-10/thong-ke-giao-hoi-nhat-ban.html>

[8] Kyodo, Nhật Bản Times, VNE

<https://www.voatiengviet.com/a/vn-dung-dau-ve-toi-pham-nguoi-nuoc-ngoai-o-nhat/4343994.html>

[9] <https://vnexpress.net/nhat-bat-nhom-nguoi-viet-buon-ma-tuy-4110099.html>

[10] Lược dịch từ báo: http://news.tv-asahi.co.jp/news_society/articles/000127908.html

[11] <http://nuocnhat.org/2018/05/bat-nu-nguoi-viet-cung-cap-dich-vu-ban-dam-o-nhat.html>

[12] <https://www.youtube.com/watch?v=YSenge33NIo>

[13] <https://www.tgpsaigon.net/bai-viet/hop-tac-muc-vu-di-dan-viet-nam-nhat-ban-47812>

[14]

<https://www.facebook.com/anime.drama.fanpage/videos/1704982969639706>.

Chương 5

NHỮNG MẢNH ĐÒI DI DÂN TRÊN ĐẤT NƯỚC NHẬT BẢN

Sr. Catarina Xiêna Đặng Thị Bích Liễu, LHC
C. Têrêsa Hà Thị Mỹ Hạnh
C. Xêxilia Lê Phan Bảo Khanh

*(Chia sẻ của Sr. Catarina Xiêna – Đặng Thị Bích Liễu, Dòng Mến
Thánh Giá Nha Trang.)*

Dẫn nhập

Với sứ mạng là một tu sĩ được sai đi như những chị em khác, tôi được sai đến Nhật Bản làm việc hơn mười năm qua. Môi trường hoạt động mục vụ tuy không trải rộng khắp nơi, nhưng lại cho tôi cơ hội được tiếp xúc, gặp gỡ với rất nhiều người khác nhau, đa dạng và phong phú qua các công việc và ngành nghề mà cuộc sống vốn đã là một sự phức hợp. Bên cạnh những người định cư lâu năm tại Nhật Bản, thì trong những năm gần đây, phong trào đi du học hay đến Nhật Bản làm việc ngày một tăng lên. Khi bước chân ra đi chắc hẳn ai cũng mang trong mình những ước mộng đẹp về một tương lai tươi sáng. Nhưng đời không như là mơ, cũng giống như dòng sông có những ngày nước chảy êm đềm nhưng cũng có những ngày dậy sóng dâng trào. Khi phải đối diện với thử thách có nhiều người vượt qua được, xong cũng có không ít người chấp nhận thất bại, thậm chí sẵn sàng đánh đổi tất cả kể cả danh dự, để chạy theo chút hạnh phúc tạm bợ chóng qua, bất chấp luật lệ, đối diện với sự thật phũ phàng mất tất cả, và cánh cửa tương lai khép lại, hối hận thì cũng đã quá muộn không còn đường quay trở về.

Ngày qua tháng lại khi chứng kiến và giải quyết nhiều vấn đề của các bạn trẻ Việt Nam đang sống và làm việc quanh mình cần được

giúp đỡ, tôi đã không an tâm bỏ mặc nhưng quyết định dần thân để giúp đỡ các bạn trẻ. Dưới đây xin chia sẻ những cảnh huống mà tôi đã có cơ hội đồng hành cùng các em di dân; Qua đó, tôi mong ước nhiều người sẽ thấu hiểu và thấu cảm hơn về thực tế di dân Việt Nam trên đất Nhật, xứ sở được “mệnh danh” là “quốc gia đáng sống nhất thế giới”.

1. Các hoạt động mục vụ

Trước khi trình bày về các hoạt động mục vụ, chúng ta cùng nhau tìm hiểu thế nào là du học sinh và tu nghiệp sinh theo quy định luật pháp ở Nhật Bản.

1. Du học sinh là việc đi học ở một nước khác nhằm bổ sung thêm kiến thức, ngành nghề theo nhu cầu học tập của bản thân hay theo yêu cầu, đề xuất của một cơ quan, xí nghiệp hay tổ chức nào đó. Du học có rất nhiều dạng thức: thạc sĩ, tiến sĩ, kỹ sư, đào tạo tay nghề, hay theo một chuyên môn nào đó.

2. Tu nghiệp sinh, mục đích của chương trình này là do chính phủ Nhật Bản viện trợ, giúp đỡ, truyền bá khoa học kỹ thuật tân tiến cho Việt Nam, đào tạo công nhân kỹ thuật, công nhân nghề để bổ sung, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong nước. Nhưng thực tế đây là một hình thức tiếp nhận nguồn lao động rẻ mạt đến từ các nước nghèo hay đang phát triển. Vì vậy tu nghiệp sinh sang Nhật Bản gần giống như xuất khẩu lao động, mục đích là để kiếm tiền, cải thiện kinh tế, nâng cao mức sống.

1.1. Đồng hành trong đời sống đức tin

Nhật Bản là một đất nước phát triển về mọi mặt nhưng ngược lại số người theo đạo Công giáo rất ít và mỗi ngày một giảm sút với nhiều lý do và nguyên nhân khác nhau. Do đó, khi người Công giáo Việt Nam đến Nhật Bản, một trong những khó khăn bước đầu dành cho họ, là việc tìm được một nhà thờ Công giáo để tham dự Thánh lễ, lãnh nhận các bí tích. Các bạn dễ dàng tìm được rất nhiều chùa chiền, trung tâm thương mại, khu vui chơi mua sắm nhưng khó lòng tìm ra

được một ngôi thánh đường. Thế nên khi không tìm được nhà thờ để tham dự Thánh lễ thì việc bỏ lễ là đương nhiên, điều này dẫn đến tâm lý các em dễ dàng bỏ lễ, mà không cảm thấy áy náy với lý do rất dễ hiểu, không phải là lỗi của tôi mà tại vì không tìm được nhà thờ.

Đứng trước thực trạng này, tôi đã xin phép cha xứ người Nhật mỗi tháng cho cử hành một Thánh lễ bằng tiếng Việt dành cho di dân tại Giáo xứ Joosuidooiri thuộc Giáo phận Fukuoka. Bởi vì giáo phận không có linh mục Việt Nam thường trú nên chỉ có thể cử hành mỗi tháng một lần, nhờ các linh mục ở nơi khác đến dâng thánh lễ và cử hành các bí tích cho các em.

Thêm vào đó là nhu cầu kết hôn ngày càng tăng, nên việc dạy giáo lý hôn nhân và giáo lý dự tòng cho các bạn cũng được mở ra. Các em bé sinh ra trên nước Nhật Bản cũng tăng theo cấp số nhân. Mặc dù các em được rửa tội nhưng việc dạy giáo lý cho các em nhỏ thì hoàn toàn chưa có.

1.2. Hỗ trợ đời sống xã hội

1.2.1. Nơi học đường

Như đã khát quát ở trên về tư cách du học, nếu quả thật đúng là thế, thì chắc hẳn đã không có gì để tôi kể ra đây cho mọi người tham khảo, thấy được sự thật đằng sau của bức màn ngụy trang và sự giả dối của hai từ “du học” nghe rất ư là trí thức.

Ở Việt Nam có rất nhiều trung tâm môi giới về việc du học mọc lên như nấm sau cơn mưa, từ Bắc chí Nam. Để các bạn có thể đăng ký vào trung tâm của mình thì lẽ đương nhiên họ phải ra sức dùng những ngôn từ mỹ miều, những lời nói phóng đại, vẽ ra bức tranh toàn cảnh hạnh phúc, tương lai sáng sủa... Quả thật, nếu bạn nào may mắn đăng ký học đúng trung tâm giới thiệu tốt thì cơ hội đổi đời và có công ăn việc làm trong tương lai. Nhưng chẳng may đăng ký sai lầm trung tâm lừa đảo thì chẳng những mất tiền mà còn mất cả tương lai. Bởi những ngôi trường các em vào học chỉ là trá hình của một hình thức ăn cướp trắng trợn không hơn không kém.

Điển hình có một trường mà tôi biết: Các em phải đóng tiền nhập học cao để mua tài liệu, mua máy vi tính cũ kỹ lúc hoạt động

được lúc thì không. Các giáo viên không có chuyên môn, không bằng cấp, họ đến dạy theo hợp đồng và đủ thứ chương trình vớ vẩn không liên quan đến sách giáo khoa. Máy vi tính của các em bỏ tiền ra mua nhưng không được đem về nhà, hết khóa học thì bị nhà trường thu lại để bán cho các khóa tiếp theo. Mỗi bài kiểm tra nếu em nào không qua được thì chỉ cần đóng 2.000 yên cho kỳ thi lại, là có thể qua dễ dàng, dù không viết chữ nào cũng đậu, chỉ mỗi việc viết tên vào tờ giấy kiểm tra. Nếu học ở trường này thì chắc chắn 100% không có công ty nào của Nhật nhận vào làm việc sau khi ra trường. Vì thế khi biết được sự thật phũ phàng này thì đã có nhiều em tìm cách trốn ra ngoài đi làm trả nợ, vì món tiền các em phải vay để đóng thế chân trước đó có khi lên đến hàng trăm triệu, giờ đây lãi mẹ đẻ lãi con. Nhưng các em đâu biết rằng rủi ro trước mắt rất lớn, không may bị cảnh sát phát hiện sống bất hợp pháp, là mất tất cả.

Một điều không thể không nhắc đến ở ngôi trường mang tên quốc tế ảo này là: Nếu em nào gặp phải bệnh tật, tai nạn, không có việc làm thì tự giải quyết lấy, nhà trường không quan tâm, nên không mong gì nhận được sự can thiệp trợ giúp từ họ.

Một trường hợp điển hình dưới đây đã làm cho rất nhiều người phần nộ. Một bạn sinh viên nam trẻ tuổi, quê ở Hà Nội chẳng may bị tai nạn giao thông, xe hơi cán giập nát xương đùi của em. Vì mới sang Nhật Bản được nửa năm nên tiếng cũng chưa giỏi. Trong lúc nguy hiểm và cần đến sự trợ giúp của nhà trường nhất thì họ lại chối từ. Từ ngõ ngang đến tuyệt vọng tại sao các thầy cô lại có thể đối xử với mình như thế này quả là không hiểu nổi. Có người đã giới thiệu trường hợp của em cho tôi và tôi đã nhờ luật sư can thiệp. Khi luật sư yêu cầu nhà trường cung cấp giấy tờ của em thì họ từ chối, rất khó khăn luật sư mới có được giấy tờ của em để thụ lý hồ sơ trước pháp luật, nhằm đòi lại sự công bằng và tiền bồi thường cho thân chủ của mình. Sau gần hai năm điều trị và tập vật lý trị liệu tích cực. Cuối cùng em đã đi lại một cách bình thường mà không bị biến chứng. Và công ty bảo hiểm đồng ý trả cho em số tiền bồi thường 3.500.000 yên, tương đương 700 triệu đồng. Những ngày em nằm viện cứ đến ngày Chúa Nhật tôi lại mang Minh Thánh Chúa cho em, chở linh mục đến cho em lãnh nhận bí tích hòa giải. Bố mẹ em ở Việt Nam không thể

làm gì để giúp con, nhưng khi biết được con mình có người quan tâm thì bố mẹ cũng phần nào bớt được nỗi lo lắng và an tâm hơn.

Sau khi xuất viện biết được sự thật ngôi trường con mình học sau khi tốt nghiệp sẽ không thể xin việc làm, bố mẹ em đành chấp nhận bỏ tiền mua vé máy bay cho con mình trở về Việt Nam với hai bàn tay trắng làm lại từ đầu.

Trường hợp của một em sinh viên nữ mới sang Nhật Bản được chưa đầy một tháng đã bị chứng tâm thần nặng. Sau khi phục hồi em đã kể lại cho tôi nghe đầu đuôi câu chuyện. Trước khi sang Nhật Bản em được một trung tâm giới thiệu mời chào rằng: chỉ cần đóng 200 triệu để đi du học, sang Nhật Bản mỗi tháng làm thêm kiếm được rất nhiều tiền, vừa có thể trả nợ mà còn giúp được gia đình. Phòng trọ sạch sẽ đầy đủ tiện nghi, một bức tranh quá hoàn hảo trong mắt em. Nhưng khi vừa đến Nhật Bản, em được đưa về ký túc xá của nhà trường, bước chân vào phòng trọ dơ dáy bẩn thỉu, nhà cửa xuống cấp trầm trọng không thể tưởng tượng được. Em bị sốc ngay giây phút đầu tiên. Xin việc hai ba chỗ mà chưa được đến khi được rồi thì lương lại quá thấp, vì mới sang chưa biết tiếng nên em chỉ phụ rửa chén cho quán ăn. Tất cả những gì em được nghe ở Việt Nam hoàn toàn trái với thực tế. Do đó, vì thất vọng và suy nghĩ quá sức nên em bị rối loạn tâm thần, rồi lên cơn co giật và bắt đầu nói sảng, người lúc tỉnh lúc mê. Nhà trường đã đưa em đến bệnh viện nhưng phải bịt mắt lại để em không nhìn thấy ai, tất cả mọi người điều giống như ma quái trước mặt em kể cả bác sĩ. Em không phân biệt được ai cả trừ người bạn cùng phòng. Rồi có người giới thiệu em cho tôi xin sự trợ giúp. Tôi đã gọi điện cho em những lúc em bình thường để nói chuyện. Em xin được nói chuyện với tôi mỗi ngày vì cảm thấy thoải mái và dễ chịu nhưng chưa thể gặp mặt. Em đã phải dùng thuốc an thần và thuốc ngủ liều cao như thế gần một tháng. Em xin phép bố mẹ cho về nước nhưng bố mẹ không cho vì họ nghĩ con gái nhớ nhà, nhớ người yêu lấy có đòi về, cùng với món nợ 200 triệu chưa trả. Cuối cùng tôi phải gọi điện thoại cho gia đình và kể rõ cho họ nghe về bệnh tình của em, nếu gia đình không sớm cho về để điều trị đến nơi đến chốn thì nguy hại cho em hơn, và gia đình đã đồng ý. Trước khi về nước em hẹn tôi đến phòng trọ của mình để gặp mặt. Vừa bước chân lên cầu thang

một mùi khai nước tiểu không sao chịu nổi. Mới vừa ngồi xuống sàn nhà thì mấy con chuột cống to chạy khắp phòng, nhìn rất kinh sợ. Em bảo thức ăn mua về chưa kịp ăn để trên bàn là chuột ăn mất, tối ngủ nó chạy khắp nơi dưới chân. Nửa ký hạt tiêu mang từ Việt Nam sang nó cũng tha đi. Tôi nhìn sàn nhà cùng vách tường bần thiu vẽ đủ thứ bậy bạ, ván gỗ lâu năm mục nát, cánh cửa không dám động tay vào vì sợ dơ dáy. Tôi bước vào nhà vệ sinh thì choáng váng vì quá bần thiu, dơ hôi. Tôi hỏi em sao không ai có ý kiến đổi chỗ ở hay yêu cầu nhà trường sửa nhà. Em nói thầy hiệu trưởng hứa sẽ làm mới nhưng mãi mà không thay đổi gì cả. Chúng em không biết kiện tụng ở đâu đành phải sống chung với lũ chuột như thế này. Hỏi sao em không bị bệnh.

1.2.2. Công ty, xí nghiệp

Trong những năm gần đây phong trào đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài ngày càng nhiều, Nhật Bản là một trong những nước được các bạn trẻ Việt Nam chọn lựa nhiều nhất.

Cũng như đi du học, các công ty môi giới xuất hiện khắp nơi, người ta mời chào với viễn cảnh tương lai tươi sáng, công việc nhẹ nhàng lương cao. Để được đi các em phải bỏ ra một số tiền lớn ban đầu, thậm chí cả việc thế chấp nhà cửa, sổ đỏ, với cam kết không được bỏ trốn, nếu bỏ trốn thì mất luôn cả tiền cọc thế chấp.

Thế rồi, khi bước chân vào vùng đất xa lạ, gặp được công ty tốt uy tín thì mừng cho các em. Trái lại nếu là công ty lừa đảo thì coi như khổ đủ điều, nào là công việc không đúng với hợp đồng, làm việc nhiều giờ nhưng lương lại thấp. Chỗ ở chật chội đông đúc thiếu tiện nghi, lao động nguy hiểm mà không có bảo hiểm cho sức khỏe, đau ốm không được điều trị đến nơi đến chốn. Bị bạo hành trong công việc thể xác cũng như tinh thần và nhiều vấn đề khác nữa.

Phía các em khi gặp những khó khăn xảy ra thì không biết nhờ ai làm trung gian để can thiệp, lại thêm tâm lý sợ công ty biết họ sẽ đuổi việc cho về nước bất kỳ lúc nào, nên thường giấu giếm che giấu hoặc im lặng chấp nhận.

Với hai trường hợp điển hình sau đây:

Em N là tu nghiệp sinh của một công ty chuyên về trồng trọt. Chẳng may bị bệnh hai chân sưng phù to, đau nhức và càng ngày càng nặng. Em đã xin phép họ được đến bệnh viện lớn để kiểm tra xem bị gì vì ở bệnh viện nhỏ họ không tìm ra nguyên nhân bệnh. Thế nhưng ông chủ không chấp nhận yêu cầu của em. Cuối cùng em phải nhờ đến tôi để nhờ tổ chức của người Nhật can thiệp. Vào một ngày nọ, 5 người trong tổ chức Union chuyên giúp đỡ cho tu nghiệp sinh, đã đến công ty của em N để nói chuyện. Khi thấy mọi người đến thì ông chủ công ty trốn trong phòng không dám đối đầu trực tiếp, ông phái người vợ của mình ra tiếp khách. Người vợ đã nói dối chồng cô đi Việt Nam rồi, nhưng sau đó em thông dịch người Việt cho tôi biết là ông chủ trốn trong phòng vì sợ. Nhờ tổ chức này can thiệp mà em N được đưa lên bệnh viện lớn của thành phố Fukuoka điều trị và tìm ra nguyên nhân bệnh.

Một trường hợp điển hình khác vì thiếu thông tin và hiểu biết mà gây ra tội ác cho bản thân và con của mình như sau:

Theo luật cũ và những năm trước đây thì tu nghiệp sinh nữ không được mang thai trong thời gian hợp đồng, nếu vi phạm tức khắc bị trục xuất cho về nước. Nhưng luật mới hiện hành cho phép các em được có thai trong thời gian hợp đồng. Cả mẹ và thai nhi được hưởng chế độ chăm sóc thai kỳ như khám thai định kỳ. Người mẹ sinh con ở Nhật Bản hay ở Việt Nam đều được hưởng trợ cấp 420.000 yên (tương đương 84 triệu) như bao người khác.

Vì không biết luật mới, nên em B trong thời gian đang lao động tại Nhật Bản đã mang thai và em đã cố tình giấu công ty được 7 tháng, dự định đến ngày gần sinh, sẽ xin phép công ty cho nghỉ hai tuần về Việt Nam, với lý do thăm gia đình và rồi sẽ sinh con. Nhưng chẳng may em bị sẩy thai khi đi vệ sinh, và vì quá lo sợ bị phát hiện nên em đã xả nước nhiều lần cho thai nhi trôi xuống bồn cầu hầu phi tang chứng cứ. Nhưng em đã bị phát hiện và bị cảnh sát bắt giam. Qua một bài báo đăng tin, Hội Phụ Nữ Nhật Bản đã tìm đến tôi để cùng nhau giúp đỡ em này. Tôi đã nhiều lần vào thăm em trong thời gian tạm giam để điều tra trước khi ra tòa. Em đã bị hình ảnh của thai nhi đem nào cũng về quấy phá đến mất ngủ, nhìn em hốc hác và xanh xao. Tôi cũng sợ em bị tâm thần vì nghĩ quẩn. Tôi đưa cho em tấm

hình Đức Mẹ và dạy em học thuộc kinh Kính Mừng, vì em không phải là người Công giáo. Ngày nào em cũng nhìn vào hình Đức Mẹ mà cầu nguyện và xin Đức Mẹ chữa lành. Dần dần tâm trí em tỉnh táo hơn và lương tâm bớt giày vò vì hành động đại dột đối với thai nhi. Nhờ Hội Phụ Nữ và luật sư tận tình giúp đỡ cũng như biện hộ và bảo vệ cho em trước tòa. Cuối cùng em đã bị tòa tuyên án ba năm tù, nhưng được hưởng án treo tại Nhật Bản. Sau khi được trả tự do mọi người tiếp tục giúp đỡ em, xin công ty cho em được ở lại để làm việc cho đến khi hết hạn visa.

1.3. Thăm trại giam

Trại giam ở Nhật Bản hiện nay không chỉ giam giữ những tội phạm mà cả những người bỏ trốn ở lại Nhật Bản không phân biệt quốc tịch; Và mỗi người trong số họ là mỗi hoàn cảnh, trường hợp khác nhau.

Tức đây mỗi tháng một lần tôi đi chung với những người Nhật thiện nguyện trong đó có các linh mục, giáo dân, luật sư, mục sư và các tổ chức khác lo cho người ngoại quốc đến thăm viếng.

Ở đó tôi đã gặp gỡ và lắng nghe các em kể rất nhiều về những gì mà các em đã gặp phải tại các công ty, và đâu là lý do mà các em trốn ra ngoài. Nào là làm việc nặng nhọc nguy hiểm mà lương lại thấp cho đến việc không có quần áo bảo hộ lao động; Các em bị bắt làm việc trên các giàn giáo rất cao và bị té nhiều lần nên tìm cách bỏ trốn; Bị đánh đập chửi bới, công việc không đúng với hợp đồng, hoặc nghe bạn bè rủ rê bỏ học trốn ra đi làm kiếm tiền vì đi học phải đóng nhiều tiền.

Trong đó cũng có rất nhiều em vì nghe theo bạn bè rủ rê trốn ra ngoài để làm những việc phi pháp hầu có nhiều tiền như: buôn bán thuốc phiện, ma túy, trộm cắp đồ đắt tiền, trộm xe hơi và các đồ vật khác nữa.

Bởi các em vẫn hy vọng một ngày nào đó có người Nhật thiện nguyện bảo lãnh cho mình ra và thế là có thể đi làm, nên cứ cố ở lại trong trại giam. Một sự thật đau lòng và tội tệ đối với người Việt là, khi các em được bảo lãnh ra ngoài sống, thay vì biết ơn người đã giúp

đỡ mình mà sống cho tử tế, để họ có thể bảo lãnh em tiếp theo. Nhưng ngược lại hầu hết các em lại bỏ trốn lần nữa, khiến họ không được phép giúp em khác lần nữa.

Mỗi lần đến thăm các em, chúng tôi thường mang cho các em những thứ các em xin, ngoài ra tôi còn gói vào trong đó rất nhiều Chuối Mân Côi, các sách thiêng liêng, sách Tin Mừng cả tiếng Việt lẫn tiếng Nhật. Để bất cứ ai cần điều có thể dùng. Chúng tôi luôn động viên khuyến khích các em nên về nước làm lại từ đầu không nên chôn vùi tương lai ở Nhật Bản.

Có một trường hợp chúng tôi đã giúp đỡ bước đầu như thuê nhà trọ tại Sài Gòn, cho vay vốn để tìm việc làm, sau này có thể gửi trả lại. Hiện tại em đã có công việc ổn định làm thông dịch cho một công ty Nhật, lương mỗi tháng gần 20 triệu. Em trả lại tiền đã vay, hài lòng và hạnh phúc với công việc hiện tại của mình. Gia đình em rất vui. Người mẹ cảm động nói trong nước mắt: “Tôi sinh ra cháu lần một còn chị là người sinh ra cháu lần thứ hai trong đời”.

2. Nhận định và đề nghị

Sau thời gian đồng hành với di dân người Việt, tôi rút ra một vài nguyên nhân, nhận định cùng đề nghị sau:

2.1. Nhận định

1. Các công ty môi giới về lao động của Việt Nam thường KHÔNG nói một cách trung thực về công việc, tiền lương. Người lao động không được tư vấn rõ ràng và căn kẽ về những thuận lợi và khó khăn khi làm việc tại Nhật Bản. Họ chủ yếu đưa được người đi và có tiền bỏ túi là xong. Khi các em gặp vấn đề rắc rối cần được giúp đỡ thì bỏ mặc. Các em chưa được chỉ dạy đầy đủ về văn hóa, phong tục tập quán, qui tắc ứng xử, tính cách, phong cách làm việc, những điều cần biết về cuộc sống tại Nhật Bản. Dẫn đến những va chạm xích mích hiểu lầm đáng tiếc từ hai phía.

2. Các em chưa được đào tạo đến nơi đến chốn về ngôn ngữ, thường mới học xong vài câu giao tiếp cơ bản, nên không đủ khả năng để nghe hiểu, gây ra khó khăn, cản trở trong công việc và sinh hoạt.

3. Người lao động luôn được môi giới công việc nhân hạ lương cao. Nên các em có tư tưởng đi Nhật Bản là để đổi đời, sẽ có nhiều tiền. Gia đình sẵn sàng chi một số tiền lớn cho con bằng cách vay với lãi suất cao, vay ngân hàng, thế chấp sổ đỏ. Gánh nặng về nợ nần đổ lên vai các em, vì thế khi sang Nhật Bản nếu không vào đúng công ty, không làm đúng việc và thu nhập với mức lương thấp, thì các em tìm cách bỏ trốn, với hy vọng đi làm ở ngoài được nhiều tiền hơn. Và cái vòng luẩn quẩn bỏ trốn, bị bắt, vào trại giam, hết em này đến em khác cứ thế mà xoay vần.

4. Ý thức kỷ luật trong công việc nơi các bạn tu nghiệp sinh còn thấp kém, nên thành hình những thói xấu như: bỏ trốn, đánh nhau, ghen tỵ, nghe điện thoại trong giờ làm việc, đi làm trễ, hay than phiền, khó chịu, ăn cắp vặt... Các em chưa học biết tập sống nhẫn nại cần cù hết mình trong công việc, tích cực học tập trao dồi kiến thức.

Riêng các em du học sinh cũng còn thiếu kỹ năng sống nghiêm túc trong các ký túc xá, phòng trọ; Không biết giữ gìn vệ sinh chung, rác xả bừa bãi, bần thiu trong khu tập. Tệ hại nhất là thói quen hay tập hợp lại ăn uống nhậu nhẹt, nói lớn tiếng gây ồn ào cho các gia đình xung quanh.

2.2. Đề nghị

Với các em du học sinh, trước khi đi du học cần tìm hiểu rõ thông tin về trường lớp mà mình dự định đăng ký học để khỏi bị lừa. Đừng nghe theo bạn bè bỏ học trốn ra ngoài đi làm kiếm tiền. Tuyệt đối không được ăn cắp, không hái trộm cây trái. Sống ngay thẳng trung thực với chính mình và người khác ở bất cứ nơi đâu.

Thứ đến, trong đời sống phải nghiêm túc trong tình yêu, không chòng chọi vợ chạ, quan hệ bất chính, sống vô kỷ luật, phá thai bừa bãi. Chẳng những có hại cho sức khỏe của bản thân nơi người

nữ, mà còn đánh mất phẩm giá làm người và giá trị của đời sống hôn nhân gia đình.

Đối diện với những vấn đề của các tu nghiệp sinh, du học sinh hiện nay, rất nhiều tổ chức đang cố gắng giúp đỡ cho các em khi gặp khó khăn. Do đó, từ cấp giáo phận đến giáo hạt, giáo xứ cũng nên phối hợp với các tổ chức thiện nguyện để có những thông tin và hướng dẫn đầy đủ cho người Công giáo trước khi đến Nhật Bản làm việc hay du học. Bên cạnh đó, ở cấp giáo phận nên có người chuyên môn am hiểu trong các lãnh vực để tư vấn cho các bạn trẻ. Cung cấp cho các em các trang web, số điện thoại về các tổ chức thiện nguyện luôn sẵn sàng trợ giúp khi gặp khó khăn.

Một hướng mở khác dành cho trẻ em có cha mẹ sống và làm việc ở Nhật Bản ngày càng tăng, nhưng môi trường để dạy giáo lý truyền bá đức tin cho trẻ em còn rất hạn chế hay thậm chí là không có. Vậy phải làm gì cho các em để chúng được biết Chúa và lãnh nhận đức tin?

Đó là những trăn trở mà tôi phải đối diện khi dẫn thân trong công tác mục vụ cho các em di dân Việt Nam tại Nhật Bản.

(Chia sẻ của Chị Têrêsa Hà Thị Mỹ Hạnh, thông dịch viên. Hiện làm việc ở Fukuoka.)

Trong tư cách là một thông dịch viên, tôi xin thuật lại những trường hợp điển hình mà tôi đã tham gia dịch thuật cho các bạn tu nghiệp sinh và du học sinh sinh sống tại vùng Kyushuu, Miền Nam nước Nhật Bản.

1. Các trường hợp thông dịch cho luật sư

1.1. Vào khoảng năm 2018, một em du học sinh Việt Nam tên Thanh (nam) hơn 20 tuổi bị bắt vì tội ăn cắp chiếc vali xách tay. Vào khoảng 12 giờ đêm, Thanh cùng một bạn nam nữa vào cửa hàng Donkihote ngay khu trong tâm Tenjin mục đích để đi ăn cắp. Khi cả

hai cùng vào cửa hàng, bạn thanh niên đi cùng Thanh đã dùng thanh kềm để mở khóa tủ đựng ví hiệu và lấy đi vài chiếc ví, sau đó lập tức ra khỏi cửa hàng, còn Thanh có nhiệm vụ che chắn và canh chừng bảo vệ. Sau khi bạn nam đi cùng đã ra khỏi cửa hàng, Thanh cũng nhanh chóng lấy chiếc vali xách tay và định rời khỏi cửa hàng thì bị bảo vệ phát hiện qua camera, trong lúc bảo vệ đang chạy ra hiện trường thì bạn nam đi cùng Thanh đã nhanh chóng ra trước nên thoát khỏi còn Thanh ra sau nên bị bảo vệ chặn lại và báo cho cảnh sát biết.

Trong quá trình điều tra, cảnh sát còn phát hiện ra Thanh là du học sinh từng sinh sống tại Aichi ken, đã từng thực hiện nhiều vụ ăn cắp trót lọt những túi xách hàng hiệu sau đó gửi về Việt Nam bán lấy tiền và tặng cho người yêu, tổng cộng những lần ăn cắp trước đó nữa ước tính gần cả 1.000.000 yên, sau đó bị công an bắt, và bị ra tòa hai lần, kết quả lần đầu bị án treo 1 năm (執行猶予 1 年) và lần sau 1 năm rưỡi.

Sau đó Thanh chạy xuống Fukuoka ở nhà người quen, cũng chính là em họ của Thanh, cũng là người cùng Thanh đi lấy trộm ví hiệu lần này. Luật sư cho biết số tiền thiệt hại lần này khoảng gần 400.000, nên khi đền bù thiệt hại có thể bị tính gộp hai lần mang án treo, lần trước là hai năm rưỡi, cộng với lần này có thể khoảng một năm rưỡi nữa nên phải ở tù tại Nhật Bản ba năm rưỡi đến bốn năm, sau đó mới được trả về nước.

Vì không phải lần đầu phạm tội nên khi phạm tội lần nữa bị tính nặng hơn, khó tìm được sự khoan hồng của thẩm phán. Vì sợ phải ở tù tại Nhật Bản nên Thanh và chị gái bên Việt Nam đã liên lạc với luật sư để gửi tiền sang Nhật Bản xin được đền bù số tiền thiệt hại cho cửa hàng và viết thư xin lỗi. Do không tham dự phiên tòa phán quyết nên tôi không biết tòa xét xử trường hợp Thanh như thế nào.

1.2. Năm 2019, tôi thông dịch cho luật sư về một bạn nữ tên Hương người Việt Nam khoảng hơn 20 tuổi, sang Nhật Bản với tư cách tu nghiệp sinh đã bỏ trốn từ công ty thuộc một tỉnh phía Bắc Nhật Bản đến Fukuoka trên một chiếc xe hơi cùng với 5 người nam khác, trong đó có người yêu của Hương, tất cả 6 người đều bị bắt.

Nhóm 6 người này chủ yếu đi ăn cấp thuốc, mỹ phẩm, quần áo thể thao hiệu Nike, Addidas, Puma... tại các tiệm thuốc EONMALL nơi có bán các loại thuốc như xương khớp, thực phẩm chức năng, tảo biển. Nhóm này chỉ lấy những loại mắc tiền để chuyển về Việt Nam bán. Vì thị trường Việt Nam đang rất ưa chuộng những loại trên. Còn khi vào EONMALL thì lấy quần áo thể thao hàng hiệu như Nike, Addidas, Puma....

Đến các tiệm thuốc, trước khi lấy một bạn sẽ đưa ra kế hoạch cụ thể ai sẽ lấy mặt hàng gì, ai có nhiệm vụ phải che chắn, giả bộ hỏi han nhân viên bán hàng để đánh lạc hướng, ai có nhiệm vụ mua vài thứ rẻ tiền để nhân viên tính tiền bận rộn, còn những người khác sau khi đã lấy được hàng thì nhanh chóng rời khỏi tiệm vào xe hơi đợi, còn lại nếu ai thích món gì cứ lấy rồi nhanh chóng ra xe về nhà.

Đến các siêu thị EONMALL, các bạn cũng lên kế hoạch lấy quần áo hiệu gì, size gì, màu gì đều có tính toán trước. Sau khi đã lựa được cái mình muốn lấy, sẽ cho tất cả vào trong giỏ tính tiền, sau đó vào trong phòng thử đồ bỏ hết những thứ lấy được vào trong balo, làm như vậy hai đến ba lần, sau đó nhanh chóng rời khỏi hiện trường; tất cả lên xe hơi về nhà. Sau khi ăn uống xong, một người sẽ đem hàng rồi đóng thùng gửi đến thành phố Kobe.

Nhóm này hoạt động từ vùng Tokyo, Kobe đến Fukuoka, tất cả đều di chuyển bằng xe hơi. Các món hàng lấy được đều do một người từ thành phố Kobe đặt hàng trước, quần áo size gì, màu gì, hiệu gì, bao nhiêu cái, thuốc hiệu gì, loại nào và các loại khác miễn đắt tiền là được.

Quần áo thể thao hàng hiệu giá 4.000 – 5.000 yên thì sẽ được trả 2.000 yên một cái, khi lấy, cái nào được đặt hàng thì lấy trước, sau đó ai thích gì cứ lấy. Mỗi ngày nhóm sẽ đi từ bốn đến năm cửa hàng khác nhau, mỗi nơi cách nhau hơn một tiếng đi bằng xe hơi.

Qua lời khai của các bạn, cảnh sát Fukuoka đã liên lạc với cảnh sát Tokyo, Kobe, và các tỉnh khác và họ đã xuống tận Fukuoka để xác minh, hỏi cung và xác nhận khuôn mặt qua các máy ghi hình mà các cửa hàng cung cấp.

Mỗi bạn đều bị cảnh sát hỏi riêng, xác nhận lấy những món gì, đền bù thiệt hại (nếu muốn khỏi bị tù), sau đó bị trục xuất về nước.

1.3. Tiếp theo là trường hợp một em du học sinh Việt Nam bị bắt vì tội quá hạn visa, trong quá trình điều tra phát hiện thêm tội khác nữa là ăn cắp xe đạp. Khi được hỏi tại sao lại ăn cắp xe đạp, bạn ấy trả lời thấy xe để ngoài đường tưởng người ta vứt bỏ nên mang về.

Khi Luật sư hỏi tại sao để quá hạn visa không đi gia hạn mà trốn ra ngoài luôn như vậy? thì bạn trả lời: Trước khi qua Nhật, giám đốc công ty tư vấn du học cam kết khi qua đến Nhật Bản sẽ giới thiệu việc làm ngay cho, đồng thời có thể làm một lúc hai việc để kiếm tiền gửi về nhà trả nợ. Nhưng thực tế khi qua đến Nhật Bản rồi mới biết không phải như những gì công ty tư vấn nói. Những tháng đầu nhà trường giới thiệu cho việc làm, nhưng nếu làm việc thì không đủ tiền sinh hoạt, đóng học phí nói gì đến việc gửi về trả nợ, sau đó bạn tìm thêm được việc khác nữa làm ban đêm. Khi làm như vậy cơ thể quá mệt không thể đến trường để học nữa, nên cứ ở nhà ngủ và đi làm. Cứ như vậy bạn không đến trường để tiếp tục học nữa, bị trường đuổi học nên sang nhà người bạn để ở cho đến khi bị cảnh sát bắt.

Mục đích ban đầu của bạn này không phải qua để học hành mà mục đích để đi làm, lúc đầu bạn ấy không muốn sang Nhật Bản nhưng nghe giám đốc công ty tư vấn nói sang Nhật Bản kiếm tiền dễ dàng hơn ở Việt Nam, lương một tháng nếu làm hai việc khoảng 100.000 – 200.000 yên, trong vòng 6 tháng là có thể trả hết được nợ nên lòng tham nổi lên, bạn này đã đi mượn nợ để được sang Nhật Bản.

1.4. Rất nhiều trường hợp quá hạn visa, trong đó có một em người Công giáo. Tôi vẫn gặp em trong những Thánh lễ tiếng Việt, thật bất ngờ khi tôi gặp em trong trại giam.

Ở Fukuoka có một trường tiếng Nhật rất lớn, đó là trường Nishi nihon. Khi đi thông dịch cho các em du học sinh bị cảnh sát bắt, tôi ngạc nhiên khi thấy phần lớn được hỏi đều nói xuất thân từ trường này. Tìm hiểu thêm tôi mới biết được trường này có công ty tư vấn du học ở Hà Nội, hay dùng những lời đường ngọt để đưa học sinh qua Nhật, nhưng sau khi đến Nhật Bản rồi thì đem con bỏ chợ, xem như rũ bỏ trách nhiệm, không tư vấn thêm bất cứ điều gì khác, và có một điều khác nữa là các em sau khi tốt nghiệp hai năm học

tiếng bị bắt buộc phải học trường chuyên môn thuộc hệ thống liên kết của trường này chỉ với hai chuyên ngành một là IT, hai là dịch thuật. Nhiều em muốn đi trường khác hay học đại học khác có chuyên ngành mà các em yêu thích thì bị trường ràng buộc không thể theo học được.

Do đó một em khi bị bắt nói vì những chuyên ngành đó không phù hợp với bản thân nên các em hầu như chẳng học hành gì trong lớp, thậm chí em nói tất cả các bạn trong lớp đều như vậy, làm hai hay ba công việc, nên mệt mỏi sau đó mang gối theo để lên trường ngủ và thầy dạy các em cũng ngủ.

1.5. Một bạn nam bị bắt vì tội quấy rối tình dục người Nhật.

Vào một buổi tối bạn đang đi xe đạp về nhà thì bắt gặp một cô người Nhật đang đi bộ hướng ngược lại, cô vừa đi bộ vừa xem điện thoại. Khi chạy gần tới cô người Nhật này, thì bạn đưa tay ra bóp mạnh vào ngực cô này rồi bỏ chạy.

Cô này la lên và đến báo tại đồn cảnh sát, cô được đưa đi chụp X quang và phát hiện có vết bầm tím bên ngực.

Cảnh sát đã mai phục và bắt được bạn này. Bạn phải ở trong trại giam 7 đến 8 tháng để cảnh sát điều tra, hỏi cung, với các chứng cứ rõ ràng nhưng em vẫn không chịu nhận tội. Tòa đã xử bạn có tội và bị trục xuất về nước.

2. Các trường hợp thông dịch cho nghiệp đoàn

Phần lớn các bạn tu nghiệp sinh qua Nhật chủ yếu làm các ngành nghề như nông nghiệp (trồng rau củ, trái cây), may mặc (may quần áo, dệt vải), gia công chế biến thực phẩm (đóng gói thịt, cá), lắp ráp phụ kiện xe hơi, xây dựng (cầu đường, giữ bờ các tòa nhà, công trình và tham gia xây dựng tại những nơi đã xảy ra nỏ hạt nhân như Fukushima)...

2.1. Hiện tại đối với nghiệp đoàn có đưa bảy em nam sang Nhật Bản làm việc tại những nơi đã xảy ra cháy nỏ hạt nhân như Fukushima mà tôi đang thông dịch, các bạn này may mắn được làm tại công ty có giám đốc tốt, ngoài tiền lương cơ bản các bạn được trợ

cấp tiền phụ cấp độc hại, và không có tăng ca. Vì nơi này chưa có điện nên hiện chỉ làm việc đến 5 giờ chiều, xung quanh không có tiệm ăn, cũng chẳng có tiệm tạp hóa, không có khu vui chơi nên các bạn hầu như không có cơ hội tiêu xài nên tiết kiệm được nhiều và gửi về giúp đỡ cho gia đình.

Văn phòng công ty nằm tại thành phố Kumamoto nên khi di chuyển đến công trình làm việc phải đi bằng máy bay, và ở lại đó trong thời gian 3 tháng. Sau 3 tháng về lại Kumamoto và làm công trình tại nơi này khoảng 2 đến 3 tháng sau đó tiếp tục quay lại Fukushima.

2.2. Tại một công ty dệt may quần áo cho thị trường nội địa Nhật Bản, có 6 em nữ làm việc, 3 em sang Nhật Bản trước và 3 em sang Nhật Bản sau. 3 em sang sau than rằng rất mệt và mỗi chân vì loại máy may công ty đang sử dụng là loại đứng may chứ không phải loại ngồi. Ông chủ thì hay cáu gắt, la lớn tiếng và không cho nói chuyện phiếm trong lúc làm việc. Ngoài ra khi tăng ca lại bị ông chủ không trả đúng lương tăng ca (tiền lương cơ bản là 750 yên, nhưng khi tăng ca đáng lẽ phải được trả nhân 1.5 lương cơ bản thì các em chỉ được trả 390 yên), các em này đã cố gắng chịu đựng hai năm trời, đến năm thứ ba do không thể kiếm chế được nữa nên đã thưa lên cục quản lý xuất nhập cảnh Nhật Bản, do đó công ty bị truy thu tiền lương tăng ca từ 2 năm về trước của các em này, cộng thêm thời điểm đó công ty ít nhận được hợp đồng đặt hàng nên đã nộp đơn xin phá sản. Về phần nghiệp đoàn quản lý các em này Cục quản lý xuất nhập cảnh đã đề nghị tìm công ty khác cho các em tiếp tục làm việc cho đến khi hết thời hạn 3 năm.

3. Các trường hợp dịch thuật trong trại giam

3.1. Một em tu nghiệp sinh khoảng 20 tuổi bị nhốt trong trại giam ở Fukuoka, em được chuyển từ trại giam Osaka về Fukuoka. Em bị bắt vì tội trốn khỏi nơi làm việc chạy ra bên ngoài, trên đường đi làm thêm về gặp cảnh sát hỏi giấy tờ, do không có giấy tờ tùy thân nên bị bắt và nhốt vào trại giam.

Theo lời kể của em, em qua Nhật làm việc cho công ty chuyên tháo dỡ các công trình, tòa nhà lớn. Khi tháo dỡ các công trình như vậy, sẽ phát sinh hóa chất độc hại, trong khi những người Nhật khác thì được phát mặt nạ chống hóa chất còn thì không được. Ngoài ra, em bị những người Nhật trong công ty đối xử ngược đãi, nhiều khi bị đâm vào mặt, đôi khi bị ném vật dụng lao động vào người. Nhiều lần thấy mình bị đối xử bất công như vậy nên em đã trốn ra ngoài. Tôi đã rơi nước mắt vì thấy em tội nghiệp như vậy. Nghe mấy người đang bị nhốt chung bảo nộp đơn xin tỵ nạn em cũng xin theo nhưng cuối cùng không được và bị trục xuất về nước.

3.2. Một em nam tên Thảo, cũng chừng 20 tuổi, trong số các em tôi gặp ở trại giam thì Thảo là người giỏi tiếng Nhật nhất. Em qua Nhật du học, quen với cô gái người Nhật và sống chung với cô cùng với hai người con riêng của cô. Em bị bắt vì tội hết hạn visa, do không đủ tiền đóng học phí cho trường nên trường không gia hạn visa cho. Trong lúc đang đi đá banh với bạn về tại nhà ga, gặp cảnh sát hỏi giấy tờ. Vì không có giấy tờ hợp lệ nên đã bị cảnh sát bắt và giao cho trại giam để cho về nước. Em nộp đơn xin tỵ nạn hy vọng có thể ra ngoài lại với lý do đã có vợ là người Nhật (sống chung nhưng về mặt pháp lý chưa có giấy tờ gì hết). Em ở trong đó cũng gần hai năm.

Khi thăm và nghe hoàn cảnh, tôi thấy tiếc cho em tiếng Nhật rất giỏi mà cứ ở lì trong đó để xin tỵ nạn. Sau khi tham khảo ý kiến của nhiều người, chúng tôi quyết định thuyết phục em về nước tìm việc làm để làm lại cuộc sống. Vì lúc đó tôi sắp về thăm gia đình nên bảo em xin ban quản lý trại giam cho về Việt Nam. Chúng tôi gặp nhau tại Việt Nam. Sau đó tôi mượn nhà trọ cho em tại Sài Gòn vì em không quen ai. Sắm sửa các dụng cụ, đồ đạc cần thiết cho em, sau đó tôi gọi điện cho bạn bè đang làm việc tại các công ty tuyển dụng nhân lực, các công ty Nhật và các người Nhật mà tôi quen biết để tìm việc cho em và có nhờ người thân phía Việt Nam giúp đỡ em trong lúc tôi trở lại Nhật. Chúng tôi trích một số tiền quỹ của Hội Công giáo người Việt Nam tại Fukuoka trao cho em để trang trải cuộc sống trong thời gian tìm việc. Sau đó em tìm được công việc phiên dịch tại công ty Nhật, sau này lên chức quản lý và được giám đốc tin tưởng, có cơ

hội sang Nhật Bản du lịch và làm việc. Chúng tôi rất vui mừng và tạ ơn Chúa vì đã giúp em xây dựng lại cuộc sống của mình và đạt được thành công trong công việc. Cho đến thời điểm hiện tại chúng tôi vẫn giữ liên lạc và hỏi thăm sức khỏe lẫn nhau.

3.3. Một em học sinh hai mươi mấy tuổi, sinh tại Nghệ An, Hà Tĩnh bị nhốt trong trại giam vì tội quá hạn visa và đang xin tỵ nạn.

Theo lời kể của em, vì không tìm được việc làm đủ để đóng tiền học phí nên bị trường đuổi học, rồi trốn ra ngoài. Em bị cảnh sát bắt và nhốt trong trại giam, nhưng em đang nộp đơn xin tỵ nạn với lý do không thể trở về Việt Nam được, nếu về Việt Nam sẽ bị công an bắt ngay. Nguyên nhân vì em là người Công giáo và thường hay đi lễ sớm khoảng 4 giờ sáng. Trên đường đi nhà thờ, em thường đi qua nhà sàn Bác Hồ. Một hôm em và một bạn nam nữa khoảng 3 giờ sáng đi vào trong nhà sàn Bác Hồ phóng hỏa, sau đó cả hai bỏ chạy nên không biết sau đó kết quả như thế nào, có cháy hay không? Và họ dập lửa bằng cách nào. Hai em chỉ đốt lửa vút vào nhà sàn rồi tháo chạy. Khi được hỏi tại sao làm vậy em nói, ở Nghệ An, Hà Tĩnh giữa người Công giáo và chính quyền hay xảy ra mâu thuẫn. Vì 3 giờ sáng nên trời còn tối, khu nhà sàn cũng không có ai canh gác nên hai em bàn nhau làm chuyện phóng hỏa này mà không báo cho ai biết cả. Sau thời gian đó em xin đi Nhật, bạn em cũng xin đi Hàn Quốc và không dám về Việt Nam nữa. Với lý do đó em xin tỵ nạn tại Nhật Bản, nhưng cuối cùng lý do không được chấp thuận và em cũng bị trục xuất về nước.

4. Một số trường hợp khác

Một vấn nạn mà có lẽ nó cũng là một trong những nguyên nhân gây ra các vụ vi phạm pháp luật trên đất nước Nhật Bản, đó là việc các đối tượng xã hội đen trong thành phần du học sinh, tu nghiệp sinh hoạt động cho vay nặng lãi. Các em học sinh hoặc tu nghiệp sinh vì tới kỳ đóng tiền học phí hoặc cần phải gửi về Việt Nam gấp mà lỡ mượn tiền từ thành phần này thì coi như đi làm không công để nuôi

các thành phần này hoặc để có tiền trả lãi đành phải phạm pháp. Một số trường hợp cụ thể như sau:

4.1. Một em du học sinh trường tiếng Nhật Kitakyushu Nihon Bunka Gakuin ở Kitakyushuu, 26 tuổi, quê quán ở Huế. Vì đến kỳ đóng học phí và cần gửi một ít về gia đình đã mượn tiền từ anh của bạn (một thành phần xã hội đen) số tiền 200.000 yên và phải trả lãi 30.000 yên mỗi tháng và thế chân hộ chiếu, giấy nợ có ghi địa chỉ bên Việt Nam. Em mượn từ tháng 3/2019 và mỗi tháng trả đều đặn 30.000 yên tiền lãi mà tiền gốc thì không thể nào trả nổi. Đến nay số lãi đã trả là gần 400.000 yên trong khi vẫn còn tiền gốc chưa trả được. Nếu không trả sẽ có người bên Việt Nam đến tận nhà đòi nợ. Em hiện tại đã nghỉ học ở trường và hết visa nhưng vì không có hộ chiếu nên không thể xin visa được, không có việc làm và phải làm công việc dành cho những người lao động bất hợp pháp và bị quỵt tiền công. Tuy nhiên em không dám liên lạc bên Việt Nam vì bố mẹ đang bị tai biến và hiện đang nợ khoảng 100 triệu tiền để đi du học.

4.2. Một em khác cũng là du học sinh ở Fukuoka, 25 tuổi, quê quán ở Sài Gòn và hiện đã đi làm cho một công ty Nhật. Vì cần trả nợ bên Việt Nam và nghĩ rằng sẽ trả ngay được đã vay nặng lãi số tiền 200.000 yên và 40.000 yên tiền lãi mỗi tháng qua lời giới thiệu từ bạn bè. Tuy nhiên số tiền kiếm được hàng tháng cũng chỉ đủ trả tiền nhà và tiền lãi vay mỗi tháng. Em may mắn là có người quen bên Nhật cho mượn tiền để trả tiền gốc sau khi đã trả tiền lãi 4 tháng (hơn 150.000) và thoát ra được.

Các trường hợp nêu trên khi được yêu cầu báo cảnh sát thì các em không dám vì sợ xã hội đen sẽ đến phá nhà các em ở Việt Nam.

Một số trường hợp điển hình trên cũng cho chúng ta thấy rằng sẽ có rất nhiều những trường hợp khác biến các em thành các cỗ máy kiếm tiền hoặc tham gia vào con đường bất hợp pháp làm gia tăng tình trạng tội phạm Việt Nam trên đất Nhật.

(Chia sẻ của Chị Xêxilia Lê Phan Bảo Khanh. Hiện đang làm thông dịch viên cho Trung Tâm Hành Chánh, Tỉnh Hyogo.)

1. Tình hình phạm tội của người Việt Nam tại Nhật Bản

Tính đến tháng 12 năm 2019 số lượng người Việt Nam sinh sống tại Nhật Bản là 411.968 người. Tính từ năm 2012 số lượng du học sinh và tu nghiệp sinh người Việt Nam tại Nhật Bản đã tăng lên gấp 7 lần.

Tuy nhiên điều đáng để suy nghĩ là cùng với sự gia tăng số lượng tu nghiệp sinh và du học sinh là sự gia tăng tỷ lệ phạm tội của người Việt Nam tại Nhật Bản.

Căn cứ theo dữ liệu của sở cảnh sát Nhật Bản, trong năm 2019 số lượng vụ án điều tra liên quan đến người Việt Nam là 6.040 vụ. So với năm 2017 tăng 900 vụ, tính theo bình quân quốc gia số lượng người nước ngoài sinh sống tại Nhật Bản, người Việt Nam đứng đầu về số vụ phạm pháp tại đây.

Cụ thể số lượng người Việt Nam chiếm 14% trong tổng số lượng người nước ngoài sinh sống tại Nhật Bản, nhưng chiếm 35% tỷ lệ phạm tội. Xét về tư cách lưu trú 43% là tu nghiệp sinh, 34% là du học sinh. Việc ăn cắp là hành vi phổ biến nhất trong các vụ phạm pháp trong đó nhiều nhất là ăn cắp thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, quần áo tại cửa hàng thuốc mỹ phẩm, quần áo. Kế đến là ăn trộm nhà dân, đánh nhau, buôn bán, trồng cây cần sa trong nhà, cư trú, bỏ trốn và lao động bất hợp pháp.

Điểm xuất phát của hành vi phạm pháp nơi du học sinh và tu nghiệp sinh có cùng một điểm chung là gánh trên vai gánh nợ lớn về tiền bạc để có thể qua Nhật lao động và học tập.

Tại tỉnh Hyogo đã xảy ra tình trạng giao dịch lôi kéo phạm tội như buôn bán số ngân hàng, giới thiệu việc làm bất hợp pháp trên mạng Facebook. Điều này cho thấy mức độ nguy hiểm và khuynh hướng gia tăng phạm pháp của người Việt Nam tại Nhật Bản trong xã hội có sự kết nối với nhau như hiện nay.

Đối với du học sinh và tu nghiệp sinh, nếu phạm tội ở mức độ nhẹ sẽ bị cảnh cáo và phạt hành chính tuy nhiên nếu phạm tội ở mức

độ nghiêm trọng như trộm cắp, gây rối trật tự,... có thể bị buộc thôi học, chấm dứt hợp đồng và trục xuất về nước. Tuy nhiên mức độ hình phạt như trên vẫn không làm giảm số lượng hành vi phạm pháp của người Việt Nam tại Nhật Bản.

2. Nguyên nhân phạm pháp của du học sinh và tu nghiệp sinh Việt Nam tại Nhật Bản

Nguyên nhân phạm pháp của du học sinh và tu nghiệp sinh Việt Nam tại Nhật Bản được nhìn từ hai phía như sau:

2.1 Cá nhân

- Trình độ học vấn kém, cả tin dẫn đến dễ dàng bị lừa gạt về bức tranh cuộc sống và công việc tại Nhật Bản.

- Thiếu hiểu biết về đời sống và pháp luật của Nhật Bản cũng như các ràng buộc về pháp lý đối với người nước ngoài tại Nhật Bản.

- Thiếu tinh thần phấn đấu lành mạnh, nhưng lại có tâm lý mạnh muốn nhanh chóng kiếm tiền nhiều và nhanh chóng.

- Trình độ tiếng Nhật yếu kém, kiến thức chuyên môn công việc không có, do đó không có khả năng tìm được công việc phù hợp nếu có vấn đề về cá nhân hay trong công ty (như trường hợp mang thai ngoài ý muốn)

- Đạo đức, sự lương thiện trong cách suy nghĩ bị suy giảm.

- Gánh nặng nợ nần về tiền bạc để qua Nhật sinh sống và làm việc.

- Trong trường hợp là tu nghiệp sinh, may rủi gặp phải công ty xấu bị bóc lột sức lao động. Giờ làm việc nhiều nhưng không nhận được mức lương phù hợp, cuộc sống thiếu thốn.

- Thiếu các mối quan hệ lành mạnh để hỗ trợ trong cuộc sống, dẫn đến tình trạng dễ bị lừa rập phạm pháp v.v.

2.2. Xã hội

- Chế độ xuất khẩu lao động và các khoản chi phí dịch vụ là một gánh nặng lớn đối với tu nghiệp sinh, những người xuất thân ở nông thôn với mức thu nhập thấp và trình độ văn hoá thấp.

- Không có các chính sách biện pháp cần thiết hỗ trợ tu nghiệp sinh, du học sinh khi gặp tình trạng khó khăn

- Thành kiến đối với người nước ngoài, đặc biệt là người Á Châu trong xã hội Nhật Bản, dẫn đến khó hoà nhập cuộc sống nếu như bản thân tu nghiệp sinh, du học sinh không nỗ lực phấn đấu khẳng định chính mình.

- Một số doanh nghiệp đen của Nhật Bản, thông qua chế độ tu nghiệp sinh, bóc lột sức lao động của người Việt Nam v.v.

3. Đề xuất

Để giảm tình trạng người Việt Nam phạm pháp tại Nhật Bản, xin có những ý kiến đề xuất như sau:

3.1. Tại Việt Nam

- Cung cấp những kiến thức cần thiết và chính xác về cuộc sống thực sự của tu nghiệp sinh, du học sinh tại Nhật Bản.

- Tìm hiểu biết về chế độ pháp luật Nhật Bản, văn hóa của xã hội Nhật Bản trong tương quan với người nước ngoài, rủi ro khi sinh sống và học tập tại đây.

- Cung cấp thông tin về mức lương thực sự kiếm được tại Nhật Bản sau khi chi trả các khoản chi phí sinh hoạt. Công việc và thời gian làm việc được quy định đối với du học sinh.

- Khuyến khích tu nghiệp sinh, du học sinh cố gắng nâng cao trình độ tiếng Nhật, kiến thức xã hội.

- Cơ hội học tập và phát triển bản thân ở Nhật Bản khá tốt, nếu có ý chí phấn đấu lành mạnh thì cũng không khó để có được cuộc sống ổn định tại Nhật Bản. Do đó nên hướng dẫn định hình tư tưởng phấn đấu vươn lên lành mạnh trước khi qua Nhật.

- Đạo đức, sự lương thiện là yếu tố cần thiết để sinh sống ổn định tại Nhật Bản. Do đó nên nói rõ sự khinh miệt của người Nhật đối với tình hình phạm pháp gia tăng của người Việt nam tại đây.

- Đồng thời cũng giải thích cái giá mà tu nghiệp sinh và du học sinh phải trả, đó chính là sinh mạng của mình vì sự thiếu biết về cuộc sống tại Nhật Bản v.v.

3.2. Tại Nhật Bản

- Liên kết với các đoàn thể xã hội và cá nhân tại đây, để được giúp đỡ, bảo vệ cách thiết thực.

- Tổ chức mạng lưới chia sẻ thông tin lành mạnh, để hỗ trợ cuộc sống cho tu nghiệp sinh và du học sinh tại đây.

- Liên kết với các đoàn thể xã hội, cá nhân tổ chức các lớp học tiếng Nhật và giao lưu với người Nhật để nâng cao trình độ tiếng Nhật, sự hiểu biết về xã hội và con người nơi đây.

- Tư vấn, cung cấp thông tin và các biện pháp hỗ trợ cần thiết về mặt pháp lý và giải quyết các khó khăn trong cuộc sống.

- Nếu có thể hình thành một quỹ tài chính từ các nhà hảo tâm để có thể hỗ trợ về mặt tài chính cho tu nghiệp sinh và du học sinh hay những người có khó khăn về tài chính để hạn chế tội phạm.

- Tổ chức các hoạt động học tập và giao lưu định kỳ để tạo sự kết nối, từ đó tu nghiệp sinh, du học sinh có một cuộc sống lành mạnh tại Nhật Bản v.v.

Kết luận

Tháng 9/2020, tại Liên hoan phim San Sebastian lần thứ 68, một bộ phim mang tên “Along the Sea” đã được gửi tới tham dự với đề cử tại hạng mục New Directors (Đạo diễn mới). Giới nghệ thuật điện ảnh luôn xem Liên hoan phim San Sebastian là một trong những cuộc Liên hoan phim danh giá nhất trên thế giới được thành lập từ năm 1953.

“Along the Sea” là bộ phim điện ảnh được sản xuất bởi Ever Rolling Films (Việt Nam) và Công ty E.x.N K.K (Nhật Bản), được

thực hiện bởi đạo diễn người Nhật, Akio Fujimoto. “Along the Sea” là một trong số ít dự án điện ảnh độc lập do Nhật Bản và Việt Nam đồng sản xuất. Bộ phim còn nhận được sự hỗ trợ từ Japan Foundation và văn phòng Japan Foundation tại Việt Nam.

Cuốn phim miêu tả lại cuộc sống khó khăn, vất vả của những nữ lao động Việt Nam, thể hiện rõ nét qua hình ảnh và cuộc đời của ba cô gái Việt Nam ngoài 20, từ những thực tập sinh kỹ thuật trở thành cư dân bất hợp pháp tại Nhật Bản. Những thước phim đặc tả cuộc sống vất vả, hoàn cảnh ngặt nghèo, sức khỏe không được bảo đảm của những nữ lao động trẻ trong “Along the Sea” hẳn sẽ khiến nhiều người xem phải rơi nước mắt.

Sau khi công chiếu vào tháng 9 tại Liên hoan phim San Sebastian, bộ phim dự kiến sẽ phát hành tại Nhật Bản vào tháng 3/2021.

Không phải xã hội và đất nước Nhật Bản thiếu nguồn cảm hứng để cho giới điện ảnh dựng thành phim, nhưng khi “Along the Sea” được gửi tham gia liên hoan phim quốc tế, chắc hẳn nội dung phim đang là cảnh sống thật và tác động đến xã hội Nhật, nên đạo diễn Akio Fujimoto mới khai thác và đưa vào nghệ thuật điện ảnh như thế.

Với ơn gọi là người Kitô hữu, chúng tôi được mời gọi dẫn thân vào đời và sống ơn gọi của mình qua việc cùng đồng hành và nâng đỡ các anh chị em di dân.

Bên cạnh đó, cũng là người mang dòng máu Dân Việt, chúng tôi không thể lạnh lùng vô tâm chứng kiến những anh chị em di dân lao mình vào vòng lao lý, khốn cùng mà không được ai thương giúp.

Chúng tôi ước mong những gì được nêu lên trong bài viết sẽ được nhiều người quan tâm và cách riêng, Ủy ban Di dân, trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam sẽ lưu tâm, mở hướng hoạt động cụ thể cho các bạn di dân Việt trên đất Nhật.

Chương 6

VÀI NÉT VỀ MỤC VỤ DI DÂN CỦA GIÁO HỘI ĐÀI LOAN

LM Antôn Phạm Trọng Quang, SVD, MA

Dẫn nhập

Mục vụ di dân là một đề tài được bàn thảo rất nhiều trong những năm gần đây trong Giáo hội Việt Nam, vì những thập niên gần đây mỗi năm có hàng chục ngàn người trẻ Việt Nam kéo ra nước ngoài làm việc, trong đó nổi bật là Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan... Với tư cách là một người sống và làm việc truyền giáo nhiều năm ở Đài Loan, tôi xin mạo muội chia sẻ một ít thông tin liên quan đến vấn đề di dân, các chương trình mục vụ di dân của Giáo hội Đài Loan, đồng thời muốn nêu lên một vài phản tỉnh về công việc mục vụ di dân. Cụ thể bài viết này sẽ đề cập đến sự bùng phát kinh tế của Đài Loan vào những thập niên cuối của thế kỷ 20 và nhu cầu tuyển dụng nguồn lao động từ các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Khi các công nhân đến với đất nước Đài Loan họ đã gặp những khó khăn và thách đố nào, để rồi nhiều tổ chức phi chính phủ và nhất là các tổ chức tôn giáo đã ra tay hành động, nhằm đấu tranh và đòi lại quyền lợi cho người lao động.

Dĩ nhiên, đứng trước những khó khăn của công nhân, Giáo hội Công giáo cũng đã có nhiều nỗ lực và hành động để không chỉ bênh vực cho quyền lợi và giá trị của người lao động và còn kiến tạo một môi trường sống và làm việc lý tưởng cho họ. Nhờ những nỗ lực của Giáo hội mà chính phủ đã có nhiều thay đổi theo hướng tích cực trong chính sách thuê và trả tiền lương xứng đáng cho công nhân. Thiết nghĩ, chính phủ Việt Nam và Giáo hội Việt Nam nói chung và các gia đình có con đi làm ở Đài Loan nói riêng không nên tiếp tục

“bắt con bỏ chợ”, mặc kệ người lao động chịu kham chịu khổ nơi đất khách quê người. Bài viết này rất mong người đọc ý thức được rằng mọi người cần có trách nhiệm bảo đảm quyền làm việc của người lao động và Giáo hội cần có sự vụ chăm lo đời sống tinh thần cho người công nhân, nhất là các “chiên lạc” của mình.

2. Sự bùng phát kinh tế và chính sách di dân tại Đài Loan

Theo các nhà nghiên cứu, Đài Loan, một hòn đảo nhỏ với diện tích gần 36.000 m², với tổng dân số gần 24 triệu. Người Tây phương đặt cho cái tên cho đất nước này là Formosa (Hòn Đảo Ngọc). Trong nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, Đài Loan đã đón nhận nhiều đợt người nhập cư và là thuộc địa của nhiều quốc gia. Trước hết, vào thế kỷ thứ 16, hòn đảo này bị người Hà Lan chiếm đóng. Đến cuối thế kỷ 20, người Nhật thống trị hòn đảo này với gần một trăm năm. Đến năm 1949 Tưởng Giới Thạch và gần hai triệu lính của Quốc Dân Đảng du nhập từ Trung Quốc sau khi họ thua trong cuộc nội chiến với Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Sau khi nắm quyền lãnh đạo Đài Loan, Tưởng Giới Thạch đã dùng chính sách thắt chặt việc quản lý người nhập cư, nhằm đề phòng người nhập cư từ đất nước cộng sản Trung Quốc. Như vậy, trong khoảng thời gian từ năm 1950 đến những năm 1970, người Đài Loan không được tự do đi ra nước ngoài. Nếu ai có nhu cầu đi nước ngoài, họ phải có cuốn hộ chiếu, và còn phải có giấy “đồng thuận” của chính phủ.

Thế nhưng vào những năm 1980, việc đi lại của người Đài Loan trở nên dễ dàng hơn, khi chính phủ bắt đầu nới lỏng việc quản lý người xuất ngoại và tiếp nhận người nước ngoài vào Đài Loan. Kể từ lúc đó, người Đài Loan bắt đầu di cư qua Mỹ, Canada và nhiều nước Châu Âu. Các doanh nghiệp cũng bắt đầu mở rộng đầu tư sang Trung Quốc và nhiều quốc gia Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Cũng trong thời gian này nhiều người nước ngoài cũng bắt đầu đến Đài Loan làm việc. Theo nghiên cứu của Trần Thị Duyên:

Vào tháng 10 năm 1989, Bộ Lao Động Đài Loan đã ký quyết định cho phép tuyển dụng lao động nước

ngoài để đáp ứng nhu cầu lao động cho mười bốn dự án cơ sở hạ tầng quan trọng của quốc gia. Nhờ đó, lao động nước ngoài đã được tuyển dụng vào Đài Loan như một phần trong nỗ lực của chính phủ nhằm giải quyết vấn đề thiếu hụt lao động.¹

Theo tìm hiểu, vào năm 1994, lần đầu tiên chính phủ Đài Loan công bố một “Chính Sách Hướng Nam” (Go South Policy, Hsin-Huang, 2018), với quyết định hướng đến các nước Đông Nam Á chủ yếu là Thái Lan, Phillipines, Indonesia và Việt Nam để tìm kiếm người lao động. Việc Đài Loan chọn công nhân đến từ các nước này, là vì họ có nhiều điểm tương đồng về văn hóa và phong tục tập quán, đồng thời họ chấp nhận làm việc trong những môi trường được cho là có nhiều thử thách và nguy hiểm cao.

Về phía Việt Nam, từ sau khi chấm dứt chiến tranh vào năm 1975, không có một quan hệ song phương nào với Đài Loan. Cho đến sau những năm 1980, khi kinh tế Đài Loan phát triển, nhất là khi Đài Loan có Chính Sách Hướng Nam thì Việt Nam bắt đầu tìm ra cơ hội hợp tác với đất nước này. Cùng lúc đó, Việt Nam bắt đầu với chương trình đổi mới chính sách kinh tế và chính sách ngoại giao, nhằm tạo điều kiện cho các công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam và tạo điều kiện để người Việt ra nước ngoài làm việc.

Khi các công ty Đài Loan bắt đầu vào Việt Nam, họ lựa chọn công nhân có triển vọng, đưa họ sang Đài Loan đào tạo trong thời gian ngắn, sau trở về nắm giữ những công việc chủ chốt trong công xưởng. Các công ty xí nghiệp này sau đó cũng trở thành nhịp cầu kết nối giữa các công ty bên Đài Loan và lao động Việt Nam. Đáng kể nhất là sự kiện chính phủ hai nước bắt đầu thiết lập Văn Phòng Kinh

¹ In October 1989, the Taiwan Council of Labor Affairs accepted permission for the legal recruitment of foreign workers to supply the labour for fourteen key national infrastructure projects. Thus, foreign workers were employed in Taiwan as a part of government efforts to solve the problem of labor shortages. Nguồn: Trần Thị Duyên, *The Human Resource Cooperation between Vietnam and Taiwan: Situation, Problems and Solutions*, Proceedings of ISER 55th International Conference, Tokyo, Japan, 29th -30th March 2017, p.1.

Tế và Văn Hóa để cho tiện việc giao dịch và làm thủ tục qua lại của người dân. Theo nghiên cứu, năm 1992, Đài Loan thiết lập văn phòng này tại Hà Nội, và năm 1993 thiết lập văn phòng thứ hai tại thành phố Hồ Chí Minh. Về phía Việt Nam, đến năm 1999 cũng đã thiết lập đại diện tại thành phố Đài Bắc, có tên gọi là Văn Phòng Kinh Tế Văn Hóa Việt Nam Tại Đài Bắc (Trần Thị Duyên, 2017).

Sau khi hai bên đã có văn phòng giao dịch, Việt Nam và Đài Loan đã bắt đầu kế hoạch hợp tác song phương. Phía Đài Loan cần nguồn lao động trẻ làm việc trong các xí nghiệp và nhà máy cơ khí, hộ lý, lao động giúp việc nhà, và chăm sóc người già. Do “tỷ lệ sinh của Đài Loan giảm sút, việc thiếu thốn nguồn lao động trở nên nghiêm trọng, nhất là tỷ lệ người già cần được chăm sóc tăng nhanh” (Ji-ping Lin, 2018), thì đối với Việt Nam, Đài Loan là một thị trường lao động hết sức quan trọng, nhất là cho những lao động phổ thông.

Theo tài liệu của Bộ Lao Động Đài Loan, năm 1999, chỉ có 131 lao động Việt Nam đến Đài Loan, và một năm sau đã có 7.746 lao động. Con số này bắt đầu tăng vọt, khi đến năm 2005, số lao động đến từ Việt Nam đã nhảy lên tới con số 84.185 người, tức là gấp gần 6 trăm lần so với năm đầu tiên xuất khẩu lao động của Việt Nam tới Đài Loan. Con số này chiếm gần 26% trong tổng số 327.396 lao động nước ngoài tại đất nước Hòn Đảo Ngọc. Cũng theo số liệu của Bộ Lao Động, con số này thay đổi rất nhanh năm, đến năm 2015, lao động Việt Nam lên tới 160,581 người. Cuối năm 2019 đạt tới 224.713 lao động người Việt động tại Đài Loan, chiếm 32% tổng số lao động nước ngoài, chỉ đứng sau Indonesia với 272.403 lao động (Bộ Lao Động, ngày 17/08/2020).

Để nói thêm tại sao con số người lao động Việt Nam đến Đài Loan tăng nhanh như vậy? Thứ nhất, vì chính sách đổi mới kinh tế của Việt Nam, nhà nước chủ động và tích cực thúc đẩy việc xuất khẩu lao động ra nước ngoài, nhằm tăng trưởng mức thu nhập cho đất nước. Thứ nhì, vì nhu cầu thuê lao động của Đài Loan lên cao, người Đài Loan thích sử dụng người lao động sẵn sàng làm những công việc nguy hiểm và dơ bẩn. Ngoài ra Đài Loan là một nơi lý tưởng, từ những năm 1970, được coi là một trong bốn con rồng của châu Á, trong đó có Hồng Kông, Singapore, Hàn Quốc và Đài Loan. Cho đến

nay, Singapore và Hồng Kông vẫn được đánh giá là đất nước phát triển tài chính và kinh tế, còn Hàn Quốc và Đài Loan là hai nước nổi tiếng về công nghệ thông tin và điện tử.

Vì những lý do đó, người lao động Việt Nam mới ồ ạt sang Đài Loan để có cơ hội đổi đời. Họ chấp nhận mạo hiểm, dám trả một số tiền rất lớn để thực hiện một “giấc mơ xứ Đài”. Theo tài liệu của Bộ Lao Động Đài Loan, tiền lương mà người lao động nhận được mỗi tháng là trên dưới 20.000 Đài tệ, tương đương với 15 triệu đồng cho những công nhân làm việc nhà máy, còn những lao động giúp việc nhà mỗi tháng cũng nhận được khoảng 17.000 Đài tệ, tương đương 12 triệu đồng Việt Nam. Cũng theo luật lao động, mỗi tuần công nhân làm việc năm ngày còn hai ngày khác họ được nghỉ. Tuy nhiên, nếu công nhân làm việc tăng ca, mỗi giờ họ được trả thêm 1,13% so với tiền lương, tức là mỗi giờ làm thêm họ có thể thu về được 100-120 Đài tệ (Trần Thị Duyên, 2017).

3. Cuộc sống và những thách đố của lao động tại Đài Loan

Như đã đề cập, hành trang của hàng trăm nghìn lao động Việt Nam đến với Hòn Đảo Ngọc không gì khác ngoài tham vọng thay đổi cuộc đời, nhưng để hiện thực hóa giấc mơ đó thì chẳng dễ dàng chút nào, thậm chí có nhiều người còn phải vỡ mộng. Họ phải làm việc trong hoàn cảnh việc làm được gọi là 3D và 1L, đó là difficult (gian khổ), dangerous (nguy hiểm), dirty (dơ bẩn) và low paid (thu nhập thấp). Mặc dầu, theo quy định của chính phủ Đài Loan, mỗi tháng lao động được nhận từ 17.000 đến 22.000 Đài tệ như bài viết đã nêu, tuy nhiên, đa số người lao động chỉ được nhận thấp hơn rất nhiều so với mức quy định đó. Bên cạnh đó, các lao động nước ngoài, khi đến làm việc tại Đài Loan, họ phải ký hợp đồng thông qua công ty môi giới chứ không được ký hợp đồng trực tiếp với các công ty hoặc chủ thuê. Hơn nữa khi ký hợp đồng họ lại phải trả một số tiền rất lớn cho cả môi giới phía Việt Nam và phía Đài Loan.

Thực ra, phía Đài Loan và Việt Nam đều có nhiều chính sách không có lợi chút nào cho người lao động. Ví dụ trong vấn đề môi giới, như chúng ta đã đề cập trên đây, người lao động không thể trực

tiếp ký hợp đồng với chủ thuê mà bắt buộc phải thông qua công ty môi giới. Hai chính phủ đều cho rằng, vì lao động không hiểu luật, chủ thuê và chính phủ không giám sát được công nhân nên phải nhò vào trung gian, đó là các công ty môi giới, vì thế nên tất cả những gì liên quan đến lao động đều được quyết định bởi chính phủ, công ty môi giới và các chủ thuê. Chính vì thế mà người lao động không hề biết chuyện gì sẽ xảy ra cho họ trong khi làm việc và ngay cả trong tương lai.

Chính vì thế ngay trong giai đoạn bắt đầu làm thủ tục đi xuất khẩu lao động, người lao động đã dễ dàng bị lừa ngay trên quê nhà. Ví dụ, khi ký hợp đồng, họ ký vào hai bản gồm tiếng Việt và tiếng Hoa. Người lao động chỉ hiểu được nội dung bằng tiếng Việt, và họ được giải thích là hai tờ giấy đều có nội dung giống nhau, chính vì vậy họ chỉ biết ký mà không suy nghĩ gì. Thế nhưng khi qua Đài Loan, chủ thuê chỉ có trong tay bản hợp đồng bằng tiếng Hoa. Bản hợp đồng đó được môi giới phiên dịch từ tiếng Hoa sang tiếng Việt với nội dung hoàn toàn khác so với những gì họ biết khi đặt bút ký tại Việt Nam. Sau đó người lao động mới vỡ lẽ bản văn tiếng Hoa mới là bản hợp đồng chính thức, còn bản tiếng Việt mà họ ký vào là một trò lừa của công ty môi giới. Đây chỉ là một trong những chiêu bài lừa đảo trong muôn vàn chiêu lừa đảo được xem là rất trắng trợn của các công ty môi giới.

Một chính sách nữa hoàn toàn không có lợi cho người lao động, đó là chính phủ Đài Loan quy định các chủ thuê phải “quản lý” và bảo đảm đời sống cũng như các nhu cầu sinh hoạt cho người lao động. Đặc biệt, nếu trong trường hợp công nhân bỏ trốn thì chủ thuê sẽ bị phạt 300.000 Đài tệ, tương đương khoảng 200 triệu đồng Việt Nam, ngoài ra họ cũng không được thuê lao động mới trong vòng một năm (Ya-tang, Chuang, p. 330). Vì thế thông thường chủ thuê sẽ giữ hộ chiếu, thẻ cư trú, thẻ bảo hiểm và các giấy tờ liên quan của lao động. Như vậy việc đi lại của người lao động rất bất tiện, họ mất hết tự do, sống lệ thuộc hoàn toàn vào chủ thuê. Trong trường hợp khẩn thiết cần dùng đến hộ chiếu hay thẻ cư trú, họ phải được sự cho phép của chủ. Nhiều chủ thuê muốn dùng cách thức này để hạn chế việc đi

lại của lao động, thậm chí họ cấm lao động tham gia các chương trình gặp gỡ hay sinh hoạt tôn giáo.

Tóm lại, theo đánh giá của Trần Thanh Tuyền và Nguyễn Như Tý,

nhiều lao động do hạn chế sự hiểu biết về luật kể cả văn hóa và tập quán của nước sở tại, lý do vì môi giới hai bên không cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác, không tổ chức các lớp học đào tạo và chia sẻ thông tin trước khi sang Đài Loan làm việc. Hơn nữa các kỹ năng và hiểu biết của lao động không được đáp ứng như yêu cầu của chủ thuê, thêm vào đó các lao động không quen với mật độ lao động và đòi hỏi nghiêm khắc của chủ thuê.²

Một lần nọ, tôi nhận được điện thoại của một lao động tên Báu, đến từ Nghệ An, làm việc tại thành phố Đài Trung, Đài Loan. Khi nhận điện thoại của người lao động này, tôi nghe bạn đang khóc và nhờ tôi nói chuyện với chủ để biết điều gì xảy ra. Chủ của Báu nói với tôi, ông muốn thuê một kỹ sư công nghệ, làm việc trong công xưởng sản xuất linh kiện ô tô, nhưng người mà ông thuê không đáp ứng nhu cầu.

Sau đó tôi nói chuyện lại với bạn lao động, bạn ấy kể cho tôi rằng, bạn ấy chỉ học xong cấp ba, nhờ một công ty môi giới ở quê giới thiệu sang Đài Loan làm việc. Khi đến Đài Loan, có người phiên dịch ra đón bạn tại sân bay rồi đưa thẳng về công ty giới thiệu cho chủ thuê, với lời nhắc nhở phải ngoan ngoãn và nghe lời chủ không

² Labourers still faces many challenges, because of lacking official representatives based in host countries, as well as high turnover of embassy staff. Besides, Vietnamese officials in these countries are not always prepared to handle cases of Vietnamese migrants who get involved with thieves, robbers, violence, gambling, substance abuse or illegal trading. As a result of these, follow-up of issues linked to Vietnamese labour migrants in host countries is often limited, passive and slow. (Trần Thanh Tuyền và Nguyễn Như Tý, 2016).

sẽ bị đuổi về Việt Nam. Tay phiên dịch còn đình ninh, mọi công việc sẽ do chủ thuê hướng dẫn, không được gọi điện thoại cho phiên dịch hay cho môi giới. Khi đến công xưởng, Báu chỉ được nghỉ một buổi chiều sau đó bắt đầu vào làm ca đêm. Ông chủ dẫn anh vào xưởng, trao cho anh một bản vẽ gì đó bảo bạn đọc. Khi cầm bản vẽ lên Báu chẳng hiểu gì hết nên đã bị ông chủ đánh một bạt tai. Báu chẳng hiểu chuyện gì, chỉ biết khóc, còn ông chủ thì giận dữ và quát mắng.

Chuyện không chỉ xảy ra một lần, mà ngày nào bắt đầu làm việc ông chủ cũng la hét và đánh Báu. Mới qua Đài Loan Báu không có phương tiện gì để liên lạc, nên xin ông chủ gọi điện thoại cho tôi để xin giúp đỡ. Thật may cho Báu, trước khi rời Việt Nam, bạn nhớ được một vài số điện thoại của các linh mục làm việc mục vụ bên Đài Loan mà người thân của bạn đem cho. Sau vài lần nói chuyện với ông chủ của Báu, tôi hiểu thêm, ông ký hợp đồng với Báu, trong hồ sơ giới thiệu Báu có bằng đại học với danh hiệu kỹ sư cơ khí, có kinh nghiệm làm việc và khả năng giao thiệp bằng Anh Văn. Xưởng của ông hợp tác với Nhật, chuyên sản xuất linh kiện ô tô. Nhưng khi nhận làm việc ông thấy Báu chẳng hiểu gì, thậm chí cầm bản thiết kế còn cầm ngược.

Đây là một câu chuyện trớ trêu trong hàng trăm ngàn câu chuyện rất trớ trêu khác mà các công ty môi giới dùng để đánh lừa các lao động và cũng như các chủ thuê. Như vậy, những ảo tưởng về thu nhập cao và những con bài quảng cáo nghe như mật ngọt rót vào tai đã đưa các lao động vào thế tiến thoái lưỡng nan. Đau xót hơn, khi lao động gặp khó khăn, họ kêu cứu nhưng ít được quan tâm. Đặc biệt các thông dịch viên, các công ty môi giới và kể cả nhân viên làm việc trong Văn Phòng Kinh Tế Và Văn Hóa của chính phủ, họ luôn tìm cách phớt lờ, hoặc bỏ ngoài tai tiếng than cầu cứu của người lao động. Thật dễ hiểu khi các lao động bắt đầu có nhiều tiêu cực về các ông chủ thuê của mình mặc dầu các chủ thuê người Đài Loan đều rất tốt. Người lao động còn chán chường về công việc chẳng mấy suôn sẻ của mình, họ chán chường về những gì xảy ra xung quanh, rồi trong nhiều trường hợp họ đã phá vỡ hợp đồng—bỏ trốn.

Vâng, lao động bỏ trốn là một thực trạng rất đáng bàn trong bài viết này. Thật rất dễ hiểu, khi điều kiện làm việc không được như

ý muốn, khi không kiếm được nhiều tiền để trang trải cho các nhu cầu của gia đình ở quê nhà, khi chủ thuê đối xử bất công, khi môi giới không bảo đảm được quyền lợi, thậm chí còn muốn đuổi lao động về nước, thì lựa chọn duy nhất của lao động sắp hết hợp đồng là bỏ trốn ra ngoài. Theo tài liệu nghiên cứu của Trần Thị Duyên, năm 2000 có 35 lao động bỏ trốn, chỉ chiếm 0,75% số lao động đang làm việc tại Đài Loan. Nhưng đến năm 2010, đã có 6.590 lao động bỏ trốn. Đến năm 2015, số lao động lưu vong đã lên đến con số 12.618 người. Cũng theo Trần Thị Duyên, Việt Nam luôn đứng đầu về tỷ lệ người lao động bỏ trốn, tiếp đó là Indonesia, Philippines và Thái Lan (Trần Thị Duyên, 2017).

Nhìn vào con số lao động bỏ trốn, chúng ta không thể không đặt thêm vấn đề, tại sao người lao động khi kết thúc hợp đồng, họ không muốn về nước để ký thêm hợp đồng mà chọn phương pháp bỏ trốn, để trở thành những thành phần mà người Việt bên Đài Loan gọi họ là họ Lưu, tức là “lưu vong”. Theo tìm hiểu, lý do đầu tiên, khi ra ngoài làm việc tiền thu nhập của họ sẽ cao hơn. Ví dụ khi họ làm việc trong hợp đồng, số tiền lương mà chủ thuê trả cho họ là 20.000 Đài tệ, nhưng họ phải trả tiền môi giới, bảo hiểm lao động, bảo hiểm y tế, tiền ăn ở, tiền thuế thu nhập, tổng cộng hết khoảng 8.000 Đài tệ, vì thế họ chỉ nhận được 12.000 Đài tệ. Nhưng khi ra làm ngoài, họ nhận toàn bộ số tiền công họ làm ra mà không bị trừ đi khoản nào. Lý do thứ hai, khi hết hạn hợp đồng, họ không muốn về nước để ký hợp đồng sang lại, vì như vậy phải trả tiền chi phí mới cho công ty môi giới. Thứ ba, đối với các lao động làm việc chăm sóc người già, nếu người mà họ chăm sóc qua đời, họ phải đổi chủ. Nhưng thông thường khi họ muốn đổi chủ, công ty môi giới không muốn giúp họ tìm chủ mới nên cho họ về nước. Hoặc nếu khi đổi được chủ mới, không may gặp người không tốt thì sẽ vất vả hơn, vì thế cách tốt nhất là chạy ra ngoài kiếm công việc mà họ cho là tự do hơn.

Có thể nhiều người có thái độ lên án những lao động bỏ trốn, cho rằng những lao động này là những người tham lam, không tuân thủ pháp luật, làm mất danh giá người Việt. Nhưng thực ra người lao động có nhiều áp lực khi đến lao động tại Đài Loan, áp lực lớn nhất vẫn là vấn đề tiền lương. Chúng ta thử nêu lên đây một bảng lương

và các khoản chi phí mà một lao động phổ thông phải trả. Xin lưu ý đây là mức lương của một lao động có công việc ổn định, chúng ta thử tìm hiểu xem họ thu nhập được bao nhiêu và phải chi trả những khoản nào trong 1 năm. Và nếu ký hợp đồng 3 năm thì họ sẽ kiếm được bao nhiêu thu nhập cho gia đình?

		Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
Khoản		Lương	Lương	Lương
Lương	Lương tối thiểu	20.008	20.008	20.008
	Phí môi giới	1.800	1.700	1.500
	Bảo hiểm lao động	572	572	572
	Bảo hiểm y tế	447	447	447
	Thuế thu nhập	2.400	1.200	1.200
	Tiền ăn ở	2.500	2.500	2.500
	Tổng chi tiêu	7.719	6.419	6.219
Thực tế thu nhập hàng tháng		12.289	13.589	13.789
Thực tế thu nhập hàng năm		147.468	163.068	165.468
Tổng số thu nhập cho ba năm		476.004 Đài tệ ≈ 14.966 đô la Mỹ (tương đương 350 triệu đồng)		

Nguồn: theo số liệu nghiên cứu của Trần Thị Duyên, 2017.

Nhìn vào con số thu nhập này, có thể chúng ta có nhận định đây là một con số thu nhập hết sức lý tưởng đối với các lao động đến từ Việt Nam. Nhưng, xin nhắc lại, đây là thu nhập của một lao động có công việc ổn định suốt trong ba năm, cộng thêm họ không vi phạm

nội quy, không đau ốm, không nghỉ phép... để không bị khấu trừ. Một yếu tố nữa rất then chốt mà chúng ta không thể bỏ quên, đó là các lao động đa phần đến từ các vùng quê nông thôn, muốn có được một hợp đồng sang Đài Loan làm việc, họ phải đóng cho môi giới từ 120 đến 200 triệu đồng. Ngoài ra, trong quá trình làm thủ tục xuất khẩu lao động, họ còn phải đến Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh nhiều lần, thậm chí còn phải ở lại thành phố nhiều tháng để học ngôn ngữ và chờ đợi cho chuyến đi. Và tất cả những chi phí đi lại, sinh hoạt và học tập trên thành phố họ đều phải tự lo. Để có được số tiền này, họ phải đi vay nặng lãi hoặc lấy bia đỡ vườn nhà đi thế chấp ngân hàng.

Cho nên nếu nhìn vào con số thu nhập, thì người lao động phải mất ít nhất trên dưới hai năm để kiếm được đủ số tiền trả món nợ cho gia đình. Để kiếm được thêm tiền lời cho gia đình họ chỉ còn vồn vện một năm làm việc, với thu nhập khoảng 120-150 triệu đồng. Tuy nhiên, trong ba năm làm việc ở Đài Loan họ cũng phải đi lại, mua sắm, ăn uống bồi dưỡng. Và nếu họ về Việt Nam thăm gia đình, thì tất cả đều trở về con số không. Chưa kể, nếu họ trở về Việt Nam để ký gia hạn hợp đồng họ còn phải đóng tiền môi giới khoảng trên dưới 100 triệu đồng.

Một thực tế cực kỳ oái ăm khác, đó là sau ba năm làm việc chủ thuê rất muốn tiếp tục ký hợp đồng với người lao động, vì họ đã quen công việc và thích hợp với môi trường sống ở Đài Loan, còn công ty môi giới thì muốn “đẩy” người lao động về nước để thuê lao động mới. Môi giới cho rằng, lao động cũ đã hiểu biết luật pháp, thông thạo ngôn ngữ và có nhiều bạn bè bên Đài Loan, nên họ muốn kết thúc hợp đồng với lao động cũ và thuê lao động mới. Thật dễ hiểu, họ biết rằng, người mới còn thiếu thông tin về mọi mặt nên “dễ bảo” hơn.

Đây là những nguyên nhân chủ yếu khiến người lao động chọn cách bỏ trốn ra ngoài, mặc dầu họ biết, khi ra ngoài công việc của họ chủ yếu là những công việc nặng nhọc, như xây dựng, làm nông nghiệp... Còn các bạn nữ thông thường được thuê đi hái trái cây, hái chè, hái nấm trên các miền núi thuộc thành phố Đài Trung, Gia Nghĩa và Nam Đầu. Một số bạn nữ khác cũng được thuê để giúp việc nhà. Tuy nhiên khi bỏ ra ngoài các lao động phải đối mặt với bao

nhieu rủi ro, như công việc không ổn định, bị “quyết” tiền công. Khi bị cảnh sát rượt đuổi họ phải đổi chỗ làm, chuyển chỗ ở. Nếu không may bị bệnh, họ không có bảo hiểm, hay nếu bị tai nạn lao động, họ không có quyền lợi nào về y tế. Tệ hơn, nếu bị bắt, họ sẽ bị đuổi về nước và không bao giờ được trở lại Đài Loan làm việc.

4. Mục vụ di dân của Giáo hội Đài Loan

Phần tiếp theo và cũng là cốt yếu của bài viết này là bàn luận về công việc mục vụ mà Giáo hội Công giáo Đài Loan đã thực hiện để giúp người lao động. Hay nói cách khác, đứng trước những bất công và đau khổ của người lao động, Giáo hội có những phản ứng nào và đường hướng mục vụ nào để thay đổi tình huống hay lên tiếng bảo vệ cho những anh chị em bên lề xã hội.

Chúng ta sẽ bắt đầu từ lập trường của Hội đồng Giám mục Đài Loan (HĐGMĐL), sau đó bàn luận đến những hưởng ứng của các giáo phận, các cộng đoàn dòng tu, tới các giáo xứ và từng cá nhân, để hiểu xem Giáo hội đã có những tiếng nói và hành động cụ thể nào nhằm bênh vực cũng như giúp đỡ người lao động, giúp họ có được sự tôn trọng, có được môi trường làm việc an toàn, được trả lương theo đúng sức lao động của mình. Đặc biệt, nhờ sự tác động của Giáo hội mà đã có những thay đổi nào trong chính sách của chính phủ dành cho người lao động đến từ các nước.

a) Thư mục vụ của Hội đồng Giám mục Đài Loan

Đứng trước rất nhiều tình hình bất công xảy đến cho các lao động nước ngoài, đứng trước sự thờ ơ của chính quyền hai nước, nhất là nhiều chính sách không có lợi cho lao động, HĐGMĐL không chọn cách trở mặt làm ngơ mà đã ra một bức thư mục vụ, có tên gọi là “*On the Question of Foreign Workers Pastoral Letter*” (HĐGMĐL, 1989). Người viết tạm dịch là “Thư Mục Vụ Về Vấn Đề Lao Động Nước Ngoài”. Bức thư này nhắm đến nhiều thành phần, trước hết gửi đến toàn thể dân Chúa, đến bản thân người lao động, dĩ

nhiên cũng nhắm đến những người lãnh đạo quốc gia, các nhà lập pháp và các chủ thuê lao động Đài Loan.

Mục đích của bức thư, trước hết là nhằm khẳng định tinh thần và lập trường của Giáo hội, là mỗi người được sinh ra, ai nấy đều có quyền bình đẳng như nhau, ai nấy đều cần được tôn trọng. Bức thư này cũng bắt đầu bằng khái niệm theo triết lý của người Hoa “Tứ hải giai huynh đệ” hay khái niệm trong Kinh Thánh “ngươi phải yêu thương người thân cận như chính mình” (Mt 22, 39). Vì thế, bất kỳ ai, từ chính phủ, các chủ thuê, nhân dân Đài Loan hay chính Giáo hội Đài Loan, cần phải đón nhận và yêu thương người lao động nước ngoài như chính anh chị em trong gia đình mình. Phần cuối của bức thư mục vụ, HĐGMĐL đặc biệt khẳng định với chính phủ rằng Giáo hội luôn sẵn sàng và hợp tác với chính phủ cũng như các doanh nghiệp để đón tiếp và giúp đỡ những anh chị em lao động đến từ nhiều nơi khác nhau.

Giáo hội tha thiết đề nghị chính quyền nước sở tại cần có những chính sách hợp lý và giám sát chặt chẽ để yêu cầu các xí nghiệp cung cấp cho người lao động một nơi làm việc an toàn, ổn định và lành mạnh, nhất là họ cần được tôn trọng như một con người. Tất cả những gì bày tỏ trong bức thư cũng đề cập đến trách nhiệm của chính quyền và chủ thuê là phải giải quyết những vấn nạn mà các lao động gặp phải trong các công ty, nhất là những khó khăn khiến họ phải bỏ trốn. Chính quyền nên trao đổi và gặp gỡ người lao động để tìm ra căn nguyên tại sao khiến họ không tiếp tục ở lại trong xí nghiệp, bằng cách nào để mà giảm bớt những nỗi đau cũng như là bắt trặc cho các lao động nước ngoài. Khi họ đang đối diện với những điều kiện thiếu thốn và những nơi làm việc không đủ an toàn và luôn gặp nhiều bất trặc, thì chính phủ cần có những can thiệp nào?

Quyền lợi và nhân phẩm của con người mà HĐGMĐL muốn khẳng định trong bức thư mục vụ này là dựa vào lời tuyên bố của Văn Phòng Tòa Thánh nhân ngày quốc tế di dân năm 1988. Tuyên bố có đoạn viết: “Tất cả mọi người đều có quyền tự do được di chuyển đến một nơi an toàn và được quyền làm việc như bao nhiêu cá nhân khác. Đây là ý tưởng cụ thể về quyền và giá trị nhân phẩm của một cá nhân

mà không ai có quyền tước đoạt” (Ủy ban Di dân Tòa Thánh Rôma, 1988).

Trong lịch sử nhân loại, mọi người nhất là người nghèo phải đối diện với những vấn đề như chiến tranh, đói nghèo, bệnh tật, và họ buộc phải lựa chọn rời xa gia đình, xa quê hương và xa những người thân yêu của mình để tìm đến một nơi có được sự an toàn và công việc ổn định hơn, mặc dầu nơi họ mới đến là một nơi hoàn toàn mới lạ đối với họ trong những ngày tháng mới đặt chân đến. Vì thế, bức thư của HĐGMĐL viết: “Rất khó có thể tưởng tượng những khó khăn và vất vả mà các lao động nước ngoài gặp phải nếu chưa bao giờ chúng ta gặp phải” (HĐGMĐL, 1989). Vì thế chính phủ phải có trách nhiệm giúp đỡ để người lao động được học ngôn ngữ, văn hóa và nhiều điều cần thiết liên quan khi họ đến sống và làm việc trong nước mình.

Phần kế tiếp của bức thư mục vụ, HĐGMĐL muốn nhấn gửi cho các nhà lập pháp và những lãnh đạo đất nước Đài Loan, đòi buộc họ phải quan tâm cũng như giải quyết những vấn đề và những vấn nạn mà người lao động nước ngoài gặp phải, dưới tiêu chuẩn của sự công bằng và nhân phẩm của người lao động. Theo bức thư, “mọi người cần phải được quan tâm, được lắng nghe và phải được giải quyết những khúc mắc bằng pháp luật. Các lao động cần được thông cảm, giúp đỡ, cố vấn về pháp luật và ngôn ngữ khi đương đầu với những tranh chấp” (HĐGMĐL, 1989).

Nói cách khác, mục đích của Giáo hội là nhằm kêu gọi các nhà lập pháp của nước sở tại biết đặt vai trò, nhân phẩm và quyền lợi của các lao động nước ngoài lên hàng đầu. Mục đích của Giáo hội là muốn các nhà lập pháp đưa ra những chính sách trong đó hướng dẫn các chủ thuê phải tôn trọng nhân quyền, tôn trọng những gì đã được quy định và ký kết trong bản hợp đồng, đặc biệt là vấn đề trả lương, vấn đề an toàn lao động, sức khỏe người lao động, chỗ ở an toàn cũng như thỏa mãn nhu cầu tinh thần và tôn giáo cho người lao động.

Khi đã có những điều luật về lao động thì chính quyền cũng phải theo dõi sát sao, giám sát các công ty có thực hiện đúng luật hay không? Họ cần nắm bắt tình hình công nhân có được cư xử xứng đáng hay không? Họ có được trả lương đúng quy định hay không? Họ có

bị đánh đập hoặc là ức hiếp hay không? Đồng thời phải nhìn đến vai trò của người lao động nước ngoài là giúp xây dựng đất nước Đài Loan vững mạnh, nên họ cũng được hưởng những quyền lợi mà người Đài Loan được hưởng.

Đối với các chủ thuê và những người có nhà máy xí nghiệp nơi họ thuê các lao động nước ngoài làm việc, họ phải biết rằng tầm quan trọng của những người nước ngoài đã đóng góp rất nhiều về trí tuệ, năng lực, kỹ thuật cũng như là phương tiện làm việc cho các nhà máy. Đây là những đóng góp chủ chốt để các công ty và xí nghiệp của họ được phát triển mạnh mẽ. Vì thế, nếu như họ thiếu sự quan tâm về nhu cầu làm việc, về quyền lợi của công nhân thì chắc chắn sẽ ảnh hưởng xấu đến thành quả sản xuất của xí nghiệp mình.

Thông thường các chủ thuê chỉ quan tâm đến lợi nhuận của công ty mà quên đi tầm quan trọng của người lao động, thiếu tôn trọng nhân phẩm và không biết khẳng định tầm quan trọng về sự đóng góp của các lao động nước ngoài. Vì thế HĐGMĐL đề nghị các chủ thuê nên nhớ rằng khi các lao động nước ngoài được lãnh đồng lương xứng đáng với sức lao động của họ, thì họ càng tích cực làm việc để thêm phần đóng góp vào việc xây dựng và phát triển của công ty. Nếu các ông chủ ý thức về giá trị nhân phẩm và quyền lợi của lao động, thì chắc chắn người lao động sẽ phấn khích, làm việc có trách nhiệm và tích cực hơn. Được tôn trọng, được khích lệ và được quan tâm là những điều hợp với những lao động, còn chăm chỉ lao động để đạt hiệu quả sản xuất cao là mong muốn của các ông chủ.

Đối với các lao động nước ngoài, qua bức thư này, Giáo hội đặc biệt gửi đến họ sự quan tâm, động viên và chia sẻ về những nỗi đau và thách đố mà họ đang gặp phải. Giáo hội hiểu rất rõ mục đích của người lao động khi đến với Đài Loan để kiếm đồng tiền góp phần xây dựng cho gia đình. Vì thế bức thư có đoạn nhấn nhủ: “Khi anh chị em bị áp lực về ngôn ngữ, khác biệt văn hóa và tôn giáo, thì phía sau anh chị em còn có gia đình, có quê hương và có Giáo hội đang ủng hộ và bảo vệ anh chị em. Nhất là khi anh chị em rời xa gia đình, xa quê hương, để đến Đài Loan tìm công việc, anh chị em cần phải kiên nhẫn và siêng năng làm việc” (HĐGMĐL, 1989). Vâng, Giáo

hội luôn thông cảm với những bất công và thử thách mà người lao động đang phải gánh chịu.

Trong thực tế Giáo hội cũng hiểu rõ, ông chủ nào cũng muốn điều tốt cho người lao động, nhưng cách mà họ đối xử với các lao động nhiều lúc khiến họ phiền lòng, thất vọng và cảm giác bị dồn ép. Vì vậy, HĐGMĐL hy vọng sẽ trở nên nhịp cầu nối giữa chính phủ, chủ thuê và người lao động, giúp cho nền kinh tế Đài Loan phát triển và đồng thời cũng bảo đảm cho các lao động nước ngoài có môi trường làm việc tốt hơn, nhận được đồng tiền xứng với nhân phẩm và công lao mà họ bỏ ra.

Qua lá thư này, HĐGMĐL còn khẳng định rằng trong thời Tân Ước gia đình Thánh Gia, trong đó có Đức Mẹ, thánh Giuse và Chúa Giêsu cũng đã từng phải “di cư” sang Ai Cập để thoát khỏi sự truy lùng của Hêrôđê và để tìm một nơi có cuộc sống an toàn (Xem Mt 2, 13-18). Một đoạn Tin Mừng khác cũng được đề cập, sau khi Chúa Giêsu về trời, thì Ngài truyền lệnh cho các môn đệ đến mọi miền để rao giảng Tin Mừng (Xem Mt 28 19). Như vậy, đặc tính của Giáo hội là đi khắp tứ phương thiên hạ để thực hiện công việc truyền giáo. Nhưng để đạt được mục đích đó, Giáo hội cũng không ngừng phải ra đi để gặp gỡ, để loan báo trong mọi vùng đất lạ và những nơi có nền văn hóa, tập quán và tôn giáo khác nhau. Khi đến với bất cứ vùng đất mới nào, Giáo hội luôn gặp nhiều khó khăn, thách đố, thậm chí còn bị bách hại. Vì thế, các Giám mục cũng mới nhấn gửi những lao động nước ngoài, khi rời bỏ quê hương mình để đến với đất nước Đài Loan, họ cũng cần sẵn sàng đổi diện và đón nhận sự cô đơn, thách đố, và khác biệt, đồng thời tập biết kiên nhẫn và cố gắng vượt qua những khó khăn không thể tránh khỏi đó. Giáo hội hứa sẽ hợp tác với chính phủ để bàn thảo và trao đổi, nhằm thiết lập những chính sách hợp lý và hữu ích nhất cho quốc gia, cho chủ thuê và cho chính người lao động.

Riêng với các giáo xứ trong bảy giáo phận của Đài Loan, HĐGM nhấn mạnh rằng, giáo xứ là một môi trường thích hợp nhất, là nơi tốt nhất để đón tiếp anh chị em lao động đến từ những nơi xa lạ. Giáo xứ nên tổ chức các chương trình sinh hoạt và cầu nguyện cho các lao động nước ngoài. Nhất là đối với những anh chị em ngoài

Công giáo, “chúng ta cũng mời gọi họ đến tham dự, đón tiếp họ như người nhà để họ cũng cảm thấy được tôn trọng và thông cảm. Qua những cuộc gặp gỡ này chúng ta cũng giới thiệu đức tin và tình thương của đạo Công giáo cho họ” (HĐGMĐL, 1989).

Để thực hiện công việc mục vụ lao động nước ngoài có hiệu quả hơn các giáo xứ nên lập ra ban mục vụ di dân, lựa chọn nhân sự để gặp gỡ và lên kế hoạch cho chương trình mục vụ di dân, nhất là giúp đỡ về tinh thần, về tôn giáo cho các lao động nước ngoài. Lá thư HĐGMĐL nói thêm: “Trong trường hợp có những lao động không may bị tai nạn lao động họ phải điều trị trong bệnh viện, thì cha xứ và ban mục vụ di dân cũng nên đi thăm và động viên họ” (HĐGMĐL, 1989). Sau một thời gian làm quen với các giáo xứ, các lao động đã nhận được nhiều sự quan tâm của cha xứ và cộng đoàn, họ coi đây như là quê hương thứ hai của họ. Và khi họ hoàn thành hợp đồng lao động và chuẩn bị trở về với quê hương, thì giáo xứ cũng nên tổ chức những buổi chia tay để cảm ơn, chúc lành và cầu nguyện cho họ trong chuyên trở về với gia đình được bình an và may mắn. Khi giáo xứ thực hiện các việc làm trên đây thì không chỉ đạt được mục đích là quan tâm và giúp đỡ các lao động mà còn gia tăng sự phong phú và tính linh hoạt trong giáo xứ.

b) Thành lập Văn Phòng Trợ Giúp Di Dân và công bố Chúa Nhật Di Dân (*National Migrant Sunday*)

Thư mục vụ đầu tiên của HĐGMĐL vào năm 1989 được đánh giá như một tiếng vọng rất lớn được chuyển tải đến toàn thể dân của Hòn Đảo Ngọc, từ chính quyền, các nhà lập pháp, các chủ thuê cho tới Giáo hội. Bức thư tỏ thái độ kiên quyết bảo vệ nhân phẩm và quyền lợi của người lao động, nhất là những lao động nước ngoài. Để tiến thêm một bước nữa trong đường hướng mục vụ di dân, cùng năm 1989 HĐGMĐL đã công bố thành lập Văn Phòng Quan Tâm Lao Động Nhập Cư tại Đài Bắc (*Migrant Workers' Concern Desk in Taipei*). Đến năm 1994 HĐGMĐL thành lập thêm Ban Di Dân và Du Lịch (*the Taiwan Episcopal Commission for Migrant and Itinerant*

People). Tiếp đó, vào năm 1997 HĐGMĐL cũng công bố thành lập ngày Chúa Nhật Dành Cho Người Di Dân (Peter O'Neill, 2012).

Ít năm sau đó, nhằm tiếp tục thúc đẩy công việc mục vụ di dân, HĐGMĐL vào năm 1998, viết lá thư mục vụ thứ hai gửi tới chính phủ và người dân Đài Loan, có tựa đề “Tinh Thần Liên Đới, Mục Vụ cho Lao Động Nước Ngoài” (*Solidarity, A Pastoral Service For Foreign Workers*). Bức thư này chủ yếu nhắc lại nội dung bức thư lần thứ nhất, đồng thời kêu gọi người Đài Loan tiếp tục khẳng định vai trò của người lao động nước ngoài trong việc đóng góp cho việc phát triển kinh tế của đất nước Hòn Đảo Ngọc. Mặc dầu Đài Loan đã có nhiều tiến bộ trong chính sách thuê người lao động, nhưng khi con số người lao động đến Đài Loan ngày càng nhiều, thì họ còn phải chịu nhiều thiệt thòi trong môi trường lao động, nhất là chế độ tiền công. Cho nên bức thư có đoạn viết:

Với một số lượng lớn lao động nước ngoài nhập cư vào đã có tác động lớn đến xã hội Đài Loan. Rõ ràng lao động nước ngoài đã đóng góp rất nhiều vào sự phát triển kinh tế của đất nước. Họ làm việc cả ngày lẫn đêm. Họ góp phần nâng cao sức mạnh cạnh tranh của Đài Loan trên thị trường kinh tế thế giới. Họ đã chấp nhận rời bỏ quê hương và người thân yêu của mình, họ đã phải điều chỉnh thái độ và phong cách sống của mình để phù hợp với văn hóa, phong tục và chương trình làm việc của người địa phương. Nhưng khi sống và làm việc trong một môi trường mới đã tạo nên nhiều vấn đề xã hội đáng chú ý, cần nhiều quan tâm, nghiên cứu và giải quyết.³

³ The entry of a large number of foreign workers has had a great impact on Taiwanese society. It is common knowledge that foreigners have greatly contributed to the economic development of Taiwan. They work night and day. They have increased Taiwan's capacity to compete in the world market. Having left their own country and their loved ones, they have to adjust to the local culture, customs and work style. This has caused many social problems which

Đứng trước những thách đố mà người lao động đang phải đối diện, các Giám mục cho rằng Giáo hội Công giáo cần có những bước đi tiên phong trong việc thể hiện tình yêu và sự giúp đỡ anh chị em bé mọn. Đây là cách mà chúng ta giúp đỡ Đức Giêsu chịu đau khổ, “mỗi lần các người làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người đã làm cho chính Ta vậy” (Mt. 25, 40). Chính tình yêu dành cho Đức Kitô đã thúc bách Giáo hội thúc đẩy việc thành lập Ban Mục Vụ Di Dân và Chúa Nhật Dành Cho Người Di Dân không chỉ trong phạm vi của HĐGMĐL mà đến các giáo phận và các cộng đoàn tu dòng. Vì thế, bức thư chỉ ra ý tưởng cụ thể:

Mỗi giáo phận cần thành lập một ban mục vụ cho người lao động nước ngoài, các thành viên sẽ làm việc chung với nhau để tìm cách cải thiện công việc phục vụ cho lao động nước ngoài. Nhằm xúc tiến các sứ vụ, ban này sẽ tổ chức các cuộc họp để những thành viên trong ban có cơ hội nghiên cứu và trao đổi ý kiến, hoặc mời các chuyên gia chia sẻ và phân tích những vấn đề ảnh hưởng đến lao động nước ngoài.⁴

Như thế lá thư của HĐGMĐL nêu rất rõ quan điểm về trách nhiệm cũng như sứ vụ của Giáo hội trước vấn đề di dân. Giáo hội cần đi bước trước trong vấn đề đáp ứng nhu cầu xã hội, văn hóa, cũng như tâm linh cho người lao động nước ngoài. Lời kêu gọi của Hội đồng Giám mục là mỗi người chúng ta cần bày tỏ sự liên đới đối với

merit to be studied and solved (Hội Đồng Giám Mục Đài Loan, “*Tinh Thần Liên Đới, Mục Vụ cho Lao Động Nước Ngoài*”, 1998).

⁴ Each diocese is to institute a section for the pastoral care of foreign workers which will explore ways to improve services for foreign workers. Towards this end, the section will organize meetings so that people involved in this ministry will have the opportunity to study and exchange ideas, or experts, regarding problems affecting foreign workers. (Hội Đồng Giám Mục Đài Loan, “*Tinh Thần Liên Đới, Mục Vụ cho Lao Động Nước Ngoài*”, p. 3).

anh chị em chúng ta. Đặc biệt các giáo phận và các cộng đoàn tu trì cũng cần trở nên tiếng nói và đứng về phía người lao động nước ngoài để bênh vực quyền lợi chính đáng của họ và khẳng định phẩm giá của họ, vì mọi người đều có đầy đủ nhân phẩm mà không ai có quyền tước đoạt.

c) Các giáo phận thành lập ban mục vụ di dân

Đài Loan có tổng cộng bảy giáo phận, gồm Tổng Giáo phận Đài Bắc, Giáo phận Tân Trúc, Giáo phận Đài Trung, Giáo phận Gia Nghĩa, Giáo phận Đài Nam, Giáo phận Cao Hùng và Giáo phận Hoa Liên. Giáo hội Công giáo Đài Loan có bề dày lịch sử chỉ hơn 150 năm, nhưng trong các giáo phận đều có sự hiện diện của nhiều hội dòng lớn, như Dòng Tên, Dòng Đa Minh Nam-Nữ, Dòng Phanxicô Nam-Nữ, Dòng Ngôi Lời... Vì thế, khi HĐGMĐL kêu gọi mục vụ cho di dân, các giáo phận và các hội dòng đã hưởng ứng hết sức tích cực. Trước hết các giám mục đã cho thành lập ban mục vụ di dân trong giáo phận của mình, nhằm quan tâm giúp đỡ người nhập cư nói chung và lao động nước ngoài nói riêng. Nổi bật nhất là Giáo phận Tân Trúc, vì nơi đây họ có số lượng lao động tập trung đông nhất, và các khu công nghiệp chủ yếu nằm trong các thành phố thuộc phạm vi mục vụ của giáo phận này.

Theo nghiên cứu của cha Peter O'Neil, Giáo phận Tân Trúc với sự hợp tác của một số hội dòng đã thành lập nhiều trung tâm và văn phòng giúp đỡ công nhân, trong đó nổi bật nhất là Trung Tâm Hy Vọng, Trung Tâm Phục Vụ Di Dân Giáo phận Tân Trúc và Văn Phòng Trợ Giúp Công Nhân Di Dân Việt Nam. Nghiên cứu của cha Peter O'Neil cho hay, đến năm 2012, “ba trung tâm này có trụ sở tại ba giáo xứ khác nhau của giáo phận. Tổng cộng có 28 nhân viên làm việc toàn thời gian, trong đó có ba linh mục, ba nữ tu, 19 giáo dân là nhân viên và chuyên viên” (Peter O'Neil, 2012). Dưới sự hướng dẫn của Đức Giám mục Giáo phận JB Lee Ke-mian, họ đưa ra một bản tuyên bố sứ vụ ngắn gọn như sau:

Bằng sự đáp lại sống theo khuôn mẫu cuộc đời của Chúa Giêsu, trung tâm nỗ lực thúc đẩy sự công bằng, chính nghĩa và điều kiện làm việc an toàn cho người lao động địa phương và lao động nước ngoài. Với hy vọng sự công bằng và chính nghĩa này dần dần có thể trở thành tiêu chuẩn cho Luật Lao Động của Đài Loan. Ngoài ra, để tích cực bảo vệ và duy trì các quyền lợi và phẩm giá của người lao động, trung tâm sẽ cung cấp một nhóm nhân viên chuyên hỗ trợ và cầu nguyện cho họ, gồm có người di dân, lao động người Công giáo và gia đình của họ. Trung tâm sẽ tạo điều kiện để họ có nơi thực hiện nhu cầu tín tôn và tín ngưỡng của mình.⁵

Khi có được các văn phòng, có được các linh mục, tu sĩ và các nhân viên làm việc toàn thời gian, Giáo phận Tân Trúc sau đó cũng kết hợp với các giáo xứ và nhiều cộng đoàn dòng tu, trước hết phổ biến tinh thần và sứ vụ của giáo phận về các nhu cầu cần được trợ giúp của những người di dân, nhất là những lao động làm việc trong các công xưởng, trong trại dưỡng lão và kể cả các lao động giúp việc nhà. Sau đó, qua các giáo xứ giáo phận đã sắp xếp nhiều Thánh lễ bằng tiếng Anh, tiếng Indonesia và tiếng Việt tại nhiều nhà thờ khác nhau. Ngoài việc phục vụ nhu cầu tâm linh, các trung tâm này còn cung cấp các lớp học tiếng Hoa miễn phí, các dịch vụ tìm hiểu pháp luật và cố vấn pháp luật. Đặc biệt sẵn sàng bảo lãnh để bào chữa cho các trường hợp người lao động bị xâm hại tình dục, bị đánh đập hay nhiều trường hợp liên quan đến luật pháp khác.

⁵ In a lived response to the life of Jesus, the center strives to promote fair, just, and safe working conditions for local and migrant workers, and with the hope that fairness and justice can be appropriately incorporated into the Labor Standards Law of Taiwan. In addition to actively protecting and maintaining the workers' human rights and dignity, the center offers a supportive and praying community for Catholic migrant workers, immigrants and their families, and facilitates workers of other faiths or denominations to access their places of worship (Peter O'Neil, 2012).

d) Văn Phòng Trợ Giúp Công Nhân, Di Dân Việt Nam

Khi bàn luận đến công việc mục vụ người lao động của Giáo hội Đài Loan, chúng ta không thể không đề cập đến “Văn Phòng Trợ Giúp Công Nhân, Di Dân⁶ Việt Nam”. Nghiên cứu của cha Peter O’Neil viết rằng: “Với số lượng người di dân từ Việt Nam, trong đó có công nhân và cô dâu lấy chồng người Đài, Hội Dòng Truyền Giáo thánh Columban, với khích lệ và hỗ trợ của Đức Giám mục, năm 2004 đã thành lập Văn Phòng Trợ Giúp Công Nhân và Di Dân Việt Nam (VPTGCNDDVN). Trung tâm này được thành lập bởi linh mục Phêrô Nguyễn Văn Hùng, Dòng Columban, với đội ngũ 10 nhân viên, trong đó 2 linh mục, 4 nhân viên người Việt Nam và 4 người Đài Loan (Peter O’Neil, 2012).

Nói đến linh mục Phêrô Nguyễn Văn Hùng, người viết rất may mắn được biết ngài và thực tập mục vụ trong văn phòng của ngài. Dưới con mắt của mọi người, cha Hùng được biết đến như một nhân vật anh hùng của giới công nhân và di dân tại Đài Loan, đã ra tay cứu giúp hàng trăm ngàn người lâm vào cảnh khó khăn khi đến làm việc tại Đài Loan. Cha Phêrô Nguyễn Văn Hùng sinh ra và lớn lên tại huyện Bình Tuy, tỉnh Bình Thuận, trong một gia đình làm nông, có ba anh em trai và năm chị em gái. Vì lý do bệnh tật ba của ngài mất sớm, nên mẹ của ngài phải tàn tảo gánh vác việc giáo dục con cái. Mẹ ngài là một người sùng đạo, luôn giáo dục con cháu luôn biết mến Thiên Chúa và yêu người.

Cha Hùng rời Việt Nam vào năm 1979 trên một chiếc thuyền nhỏ với rất đông người trên đó. Ngài được một con tàu Na Uy cứu sau 36 giờ lênh đênh trên biển. Ngài được đưa đến Nhật Bản, sau đó

⁶ Người Việt đến Đài Loan không chỉ người lao động, mà từ những năm 2000 bắt đầu có phong trào người Việt lấy chồng Đài Loan, sau này họ trở thành người Đài Loan, chúng ta gọi họ là Tân Di Dân. Theo ước tính, hiện nay có khoảng trên 100, 000 người. (www.taiwannews.com.tw/en, 2020). Những người Việt lấy chồng Đài Loan đã gặp vô số sự khó khăn và đau khổ. Giáo hội cũng có nhiều đường hướng và chương trình giúp đỡ họ. Rất tiếc trong giới hạn của đề tài, chúng ta không bàn nhiều về chủ đề này trong bài viết, ước gì trong tương lai còn có dịp được trình bày với độc giả về những câu chuyện của họ.

gia nhập vào Hội Dòng Truyền Giáo thánh Columban. Sau mấy năm sống ở Nhật Bản, được sai đi truyền giáo ở Đài Loan vào năm 1988, rồi ngài được sang Úc để tiếp tục hoàn thành chương trình thần học và được chịu chức năm 1991. Chịu chức xong, ngài được phái sang Đài Loan truyền giáo vào năm 1992.

Vị linh mục thứ hai làm việc cho văn phòng là linh mục Phêrô Nguyễn Hùng Cường, Dòng Truyền Giáo Maryknoll. Theo lời kể của cha Hùng, ngài bắt đầu làm mục vụ di dân ngay từ đầu, khi công nhân từ Việt Nam đầu tiên đến Đài Loan vào tháng 10, năm 1999. Lúc đó đã có một số linh mục và tu sĩ truyền giáo tại đất nước này. Các linh mục thành lập một hội gọi là Hội Linh mục và Tu sĩ Việt Nam tại Đài Loan (LMTSVN). Hưởng ứng lời kêu gọi của HĐGMĐL, LMTSVN đã thành lập Ban Xã Hội để giúp cho công nhân và cô dâu. Các cha trong ban có khoảng 5 hoặc 6 người, phải chạy đi tiếp cận và tìm hiểu các trường hợp bị ngược đãi hoặc có vấn đề tranh cãi pháp luật với chủ thuê, với môi giới. Các linh mục vừa là thông dịch, vừa là những người cố vấn pháp luật, và ngay cả người hướng dẫn tinh thần và tâm linh cho các công nhân và di dân.

Năm 2001 cha Hùng Cường có bài sai về Mỹ. Nhưng khoảng vài năm sau đó ngài trở lại Đài Loan tiếp tục công việc truyền giáo. Đến năm 2004, khi cha Phêrô Nguyễn Văn Hùng chính thức thành lập Văn Phòng Trợ Giúp Công Nhân và Di Dân Việt Nam, thì cha Cường cũng bắt đầu hợp tác làm việc với cha Hùng. Đến năm 2017, vì lý do sức khỏe cha Cường về Mỹ điều trị, ngài hy vọng sẽ trở lại Đài Loan tiếp tục công việc mục vụ công nhân và di dân sau đại dịch Covid-19.

Trở lại với câu chuyện thành lập Văn Phòng Trợ Giúp Công Nhân, Di Dân Việt Nam. Sau khi thành lập cha Hùng được cha Alex Đoàn Quang Trường, một linh mục người Việt đến từ Hoa Kỳ quản nhiệm nhà thờ Thánh Thê, Giáo phận Tân Trúc thuộc thành phố Đào Viên, cho phép sử dụng một phòng trong nhà xứ để làm văn phòng đón tiếp người lao động. Giáo xứ của cha Trường chỉ có đủ chỗ cho nhân viên làm việc và tiếp đón người lao động, nhưng đa số các lao động đến với văn phòng của ngài đều cần được bảo vệ trong thời gian chờ giải quyết khúc mắc hoặc tranh chấp. Vì thế văn phòng phải thuê

một chung cư cách đó khoảng 30m làm nơi an trú cho các nạn nhân nữ. Còn các bạn nam thì có thể tá túc trong văn phòng khi các nhân viên đã hết giờ làm việc. Theo thông tin giới thiệu trên trang thông tin của văn phòng, “Các nạn nhân là những người bị tấn công tình dục, xách nhiễu tình dục, đánh đập, không trả tiền lương, bị đuổi về nước trước hợp đồng, tai nạn lao động không được bồi thường, v.v...” (Văn Phòng Trợ Giúp Công Nhân, Di Dân Việt Nam, 2020).

Như vậy sau hơn mười năm thành lập Văn Phòng Trợ Giúp Công Nhân, Di Dân Việt Nam đã nhận được nhiều sự quan tâm và giúp đỡ của nhiều cá nhân và cộng đồng ở Đài Loan cũng như nhiều nơi trên thế giới, nhất là cộng đồng người Việt Nam hải ngoại tại Mỹ, Úc, Canada và nhiều nước Châu Âu. Nhờ thế văn phòng mới có nguồn vốn để tuyển thêm nhân viên, đồng thời hỗ trợ tài chính cho những nạn nhân người Việt Nam tại Đài Loan.

Cũng nhờ công lao góp sức của nhiều cá nhân và nhiều cộng đồng tôn giáo cũng như tổ chức phi chính phủ, Văn Phòng Trợ Giúp Công Nhân, Di Dân Việt Nam đã thực hiện được nhiều mục tiêu cấp thiết, bao gồm:

- (1) đấu tranh để “chấm dứt tệ nạn buôn người Việt Nam và phòng ngừa buôn bán con người qua hình thức bóc lột sức lao động và lập gia đình;
- (2) cung cấp kịp thời các phương thức cứu trợ, giúp đỡ các nạn nhân bị hành hạ;
- (3) cố vấn pháp luật và xin luật sư can thiệp, bào chữa tại toà án;
- (4) tra dồi kiến thức về luật pháp Đài Loan để giúp nạn nhân ý thức quyền làm chủ, đấu tranh cho nhân quyền, nhân phẩm của chính mình” (Văn Phòng Trợ Giúp Công Nhân, Di Dân Việt Nam, 2020).

5. Triển vọng tương lai (thay phần kết)

Thành quả mà Văn Phòng Trợ Giúp Công Nhân, Di Dân Việt Nam do hai linh mục Phêrô Nguyễn Văn Hùng và Phêrô Nguyễn

Hùng Cường dẫn dắt có thể nói là đại diện cho những thành quả của Giáo hội Đài Loan trong việc đấu tranh để thay đổi đời sống của anh chị em lao động nước ngoài và người di dân. Nỗ lực của Giáo hội cũng giúp cho nhân phẩm của công nhân và di dân được tôn trọng, không chỉ dành cho người Việt mà cho mọi thành phần nhập cư từ nhiều quốc gia.

Rõ ràng, tiếng nói của Giáo hội đã có tác động rất lớn đến việc thay đổi chính sách lao động của chính phủ Đài Loan. Ví dụ, ngày 21 tháng 10 năm 2016, Quốc Hội Đài Loan chính thức thông qua lần thứ 3 việc sửa đổi điều 52 Luật Giao dịch Việc làm với nội dung hủy bỏ việc lao động nước ngoài làm việc tại Đài Loan, khi hết hạn hợp đồng, họ phải xuất cảnh 1 ngày sau 3 năm làm việc. Việc hủy bỏ này “với mục đích phá vỡ hệ thống lao động nô lệ, đòi lại nhân quyền cho người lao động di dân và lên án ngành nghề môi giới tỵ xữ dụng ngôn ngữ kỳ thị, che dấu sự thật về lợi ích nhóm” (Văn Phòng Trợ Giúp Công Nhân, Di Dân Việt Nam, 2020).

Như bài chúng ta đã đề cập ở phần đầu, đây là một điều luật hết sức vô lý, không có lợi chút nào cho người lao động và cho ngay cả các chủ thuê. Đặc biệt các công ty môi giới đã lợi dụng điều luật này để trục lợi cho riêng mình. Xin nói lại, nếu theo luật lao động cũ, cứ 3 năm, sau khi hoàn thành hợp đồng, người lao động phải xuất cảnh 1 ngày để ký lại hợp đồng thì sẽ gây bao nhiêu tổn kém cho người lao động. Chính môi giới muốn lợi dụng thủ đoạn này để đuổi lao động về nước hoặc lấy thu thêm nhiều khoản tiền khác. Ngoài ra, theo luật cũ, thời gian làm việc của lao động tại Đài Loan tối đa là 12 năm; ngoại trừ một số lao động giúp việc nhà làm việc hiệu quả có thể gia hạn hợp đồng đến 14 năm. Như vậy, khi điều luật này hoàn toàn được hủy bỏ, cũng đồng nghĩa với việc Quốc Hội phải điều chỉnh một số điều luật liên quan trong Luật Giao Dịch Việc Làm và Luật Di Dân. Đây quả là một thành công lớn cho các nhà đấu tranh vì quyền lợi của công nhân. Ngày 21/10/2016 thật sự là một ngày vui, và một ngày vô cùng ý nghĩa với hàng trăm ngàn người lao động của các nước đang làm việc tại Đài Loan.

Còn một điều luật nữa mà cho tới hôm nay Giáo hội Công giáo cùng với các tổ chức phi chính phủ đang còn phải đấu tranh, đó

là yêu cầu “hủy bỏ chế độ môi giới”. Cũng như thông tin chúng ta đề cập ở phần trên, hiện tại các lao động muốn đến lao động tại Đài Loan, họ phải ký hợp đồng qua công ty môi giới, nhưng Giáo hội, trong đó có sự ủng hộ của một số dân biểu, cho rằng cần phải loại bỏ chế độ môi giới tư nhân và đề nghị trực tiếp tuyển dụng giữa chính phủ với chính phủ, giữa người lao động và chủ thuê. Như thế, “sẽ giảm tối đa áp lực nợ nần cho công nhân, người lao động được đối xử công bằng, chấm dứt hiện tượng khống chế tìm việc, chấm dứt việc môi giới lừa đảo, chấm dứt việc đe dọa đui lao động về nước và chấm dứt việc kiểm soát tài sản cá nhân” (Văn Phòng Trợ Giúp Công Nhân, Di Dân Việt Nam, 2020).

Theo nhiều chuyên gia, ngày 5 tháng 9, năm 2016 tổng thống Thái Anh Văn đã công bố một Chính Sách Hướng Nam Mới, hướng đến các nước Đông Nam Á, Úc, và New Zealand (Hsin- Huang Michael, 2018). Chính sách này đã mở ra cho Đài Loan một cơ hội mới để hợp tác với các nước về nhiều mặt, nhất là các lãnh vực kinh tế, văn hóa, du lịch và giáo dục. Tuy nhiên, dưới áp lực quốc tế, đòi buộc Đài Loan phải đảm bảo việc tôn trọng nhân quyền, tự do và công bằng cho người nước ngoài nên bắt buộc chính phủ Đài Loan phải tích cực xem xét chính sách môi giới. Nhờ vậy, việc hủy bỏ chế độ được coi là không hợp lý này chắc chắn sẽ sớm được thông qua.

Đối với chính phủ Việt Nam, bài viết này nhận định rằng, trong chính sách xuất nhập khẩu lao động của nước ta còn có nhiều điều bất cập và thiếu sót, nếu không muốn nói “bắt con bỏ chợ” hay trốn tránh trách nhiệm. Chính Sách Hướng Nam của Đài Loan đang mở ra một cơ hội rất lớn cho chúng ta trong việc giao lưu và hợp tác về mọi mặt. Để giúp nhân dân xuất ngoại du lịch, hay các lao động Việt Nam sang Đài Loan lao động cách dễ dàng và tự tin hơn, chính phủ nên có những chương trình tìm hiểu và quảng bá văn hóa, tập quán và nhiều kiến thức khác của đất nước Đài Loan. Riêng với người xuất khẩu lao động, chính phủ phải đòi buộc các công ty giúp lao động hiểu biết về công việc cũng như nơi họ sắp đến làm việc trong tương lai, nhằm bảo vệ quyền lợi của họ và gia tăng nhu cầu thu nhập của họ.

Theo ý kiến của các nhà nghiên cứu, chúng ta nên trang bị cho họ những điều sau đây:

(1) Các lao động cần phải được thông tin về những nguy cơ cũng như những khó khăn khi đi ra nước ngoài làm việc, đặc biệt những nơi họ làm việc có những điều cần phải chú ý.

(2) Chính phủ và những công ty liên quan phải có trách nhiệm chuẩn bị rèn luyện, tập huấn cho các lao động nhất là về khả năng ngôn ngữ và tất cả những thông tin liên quan để bảo đảm quyền lợi của họ.

(3) Chính phủ phải ủng hộ và giúp đỡ các lao động bằng cách giảm thuế tuyển dụng, tăng thu nhập và bảo đảm điều kiện làm việc tốt cho các lao động, nhất là các nhân viên trong Văn Phòng Kinh Tế và Văn Hóa Việt Nam tại Đài Bắc nên cố gắng làm việc tốt để giúp đỡ người dân của mình (Thanh Tuyên và Như Tý, 2016).

Với tư cách là người sống và truyền giáo nhiều năm trên đất nước Đài Loan, tôi mạo muội nêu lên một số góp ý, để những ai đang có dự tính sang Hòn Đảo Ngọc này làm việc hoặc sinh sinh sống:

- Trước hết, sống ở Đài Loan bạn dễ trở thành thành phần thiếu số và cảm giác rất cô đơn. Vì môi trường sống của họ rất sạch sẽ, giao thông hiện đại, mọi người quen liên lạc với nhau bằng điện thoại thông minh, giao dịch bằng hệ thống điện tử, nên bạn phải tập cho mình tính tự lập, không quan tâm đời tư của người khác.
- Người Đài Loan không ưa nói dối, nên bạn cần biết thật thà, nếu không biết thì nói không biết, nếu muốn biết thì phải hỏi, và khi bạn hỏi họ rất sẵn sàng giúp đỡ. Ví dụ, hệ thống mua vé tàu xe, họ thống kiểm soát vé... tất cả đều tự động. Tuy nhiên, nếu bạn chưa quen sử dụng, cứ hỏi các nhân viên đứng gần đó, họ sẽ chỉ bảo tường tận cho bạn.
- Tiếng Hoa là một ngôn ngữ rất khó học. Nhưng khi đến Đài Loan, bạn sẽ thấy tất cả mọi bảng hiệu, mọi dấu chỉ đường, kể cả các bảng giá ở nhà hàng hay ngoài chợ đều viết bằng tiếng Hoa, nhất là các đơn vị đo lường họ cũng có cách viết riêng. Vì thế, bạn cần chăm chỉ học tiếng Hoa

để không chỉ biết nói, mà còn biết đọc và biết viết. Tiếng Hoa có nhiều từ phát âm giống tiếng Việt, nhưng không nên chủ quan, vì tiếng Hoa chỉ có 4 âm, không phải 8 âm như tiếng Việt. Cho nên nhiều bạn nói tiếng Hoa như đang nói tiếng Việt vậy, thành ra người Hoa nghe không hiểu bạn đang nói gì.

- Hàng năm, nhất là vào mùa hè, Đài Loan có rất nhiều động đất và bão lớn. Bạn phải rất bình tĩnh và ở trong nhà khi động đất xảy ra, vì thường gặp động đất lớn nên nhà cửa ở Đài Loan được xây dựng rất chắc chắn. Khi có những cơn bão lớn, chính phủ sẽ công bố cho nghỉ học, nghỉ làm, lúc đó bạn tuyệt đối phải ở trong nhà. Nếu ra ngoài cảnh sát sẽ bắt và bạn sẽ bị phạt tiền.
- Người Đài Loan rất thích làm việc, thậm chí làm việc luôn cả cuối tuần và cả ngày nghỉ. Họ có thói quen ngủ muộn nhưng lại thích dậy sớm. Có thể bạn phải làm nhiều, giấc ngủ không được bảo đảm, khiến bạn mệt mỏi, nên dễ phàn nàn. Tuy nhiên người Đài Loan lại không ưa điều đó.
- Món ăn của người Đài Loan rất có vẻ không thích hợp với nhiều người mới đến, vì họ thích nấu nhiều dầu và thích đồ chiên. Nhiều món ăn thậm chí rất xa lạ và khó ăn, như đậu hủ thối, chân gà, lười vịt... Tuy nhiên, nếu bạn sẵn sàng thử ăn món ăn của họ thì một ngày không lâu bạn sẽ yêu thích. Những năm gần đây chúng ta có thể dễ dàng tìm ăn các món ăn Việt Nam ở Đài Loan, vì có nhiều người Việt lấy chồng Đài Loan mở ra rất nhiều quán ăn và nhà hàng.
- Điểm cuối cùng và rất quan trọng, đó là trước khi đến Đài Loan bạn nên nhớ một số địa chỉ và những số điện thoại cần thiết sau đây: (1) Đường Dây Nóng Của Bộ Lao Động Phục Vụ 24/24: 1955. (2) Cảnh sát: 110. (3) Xe cấp cứu/cứu hỏa: 119. (4) Số khẩn cấp khi bị quấy rối tình dục, bị đánh hoặc bạo lực gia đình: 113. (5) Văn Phòng Phục Vụ của Bộ Lao Động Tại Sân Bay Đào Viên: 0800 – 017858. (6) Văn Phòng Kinh Tế Văn Hóa Việt Nam Tại

Đài Bắc: Số 65, Tầng 3, Đường Tùng Giang (台北市松江路 65 號 3 樓)/Điện thoại: (02) 25043477. (7) Văn phòng Trợ giúp Công nhân và Cô dâu Việt Nam, địa chỉ: 116 Zhong Hua Rd., Bade City 334 (334 八德市中華路 116 號)/ Điện thoại: 03-2170 468.

Khi viết về chủ đề mục vụ di dân và lao động Việt Nam của Giáo hội tại Đài Loan tôi nhớ đến câu chuyện của người Israel khi họ phải đi đày ở Babilon, họ phải chịu nhiều cảnh tù đày và ngược đãi, khi họ kêu cầu lên Thiên Chúa thì Chúa đã gửi các tiên tri đến an ủi, đồng hành và khuyên bảo họ tiếp tục giữ vững niềm tin vào Thiên Chúa. Ngày nay, khi người Việt ô ạt qua Đài Loan lao động hay một số người kết hôn với người Đài Loan, thì Thiên Chúa đã gửi đến cho họ nhiều vị “tiên tri” để đồng hành và đấu tranh cho quyền lợi của họ, đó là các linh mục và tu sĩ.

Năm nay, Hội Tu sĩ Việt Nam tại Đài Loan đã kỷ niệm 30 năm thành lập hội. Nhìn lại lịch sử của ba thập kỷ qua, ban đầu chỉ có khoảng 20 tu sĩ người Việt đến từ Hoa Kỳ, Úc và Canada để truyền giáo cho người Đài Loan. Sau đó, các nhà dòng cũng có nhiều chương trình tuyển mộ ơn gọi từ Việt Nam, và cho đến nay, ước tính số linh mục người Việt tại Đài Loan đã lên tới 60 vị và gần 200 tu sĩ. Các linh mục và tu sĩ Việt Nam có mặt trong bảy giáo phận, họ được mời gọi làm việc trong các văn phòng trợ giúp lao động hay trong các ban mục vụ di dân của giáo phận. Vì thế khi nơi nào có lao động và di dân người Việt cần giúp đỡ thì không chỉ có Cha Phêrô Nguyễn Văn Hùng hay cha Phêrô Nguyễn Hùng Cường mà có hàng trăm linh mục và tu sĩ người Việt Nam đang sẵn sàng trợ giúp họ. Dĩ nhiên, về vấn đề chuyên môn và các vấn đề liên quan đến pháp luật, các vị có thể liên lạc với cha Hùng và cha Cường để được cố vấn.

Khi Giáo hội có hướng đi rõ ràng, khi bảy giáo phận và nhiều hội dòng có văn phòng và nhân sự cho di dân và người lao động, nhất là trong các văn phòng này đều có các linh mục và tu sĩ người Việt làm việc, thì đời sống của người lao động và di dân Việt Nam được nhiều quan tâm hơn. Vì thế đối với những ai sắp đến đất nước này

làm việc, hãy luôn nhớ cần tìm đến với Chúa, đến với nhà thờ trước hết, nơi đó bạn sẽ được thỏa mãn nhu cầu tâm linh, được quan tâm và hướng dẫn về văn hóa và phong tục của người Hoa, nhất là, nếu không may bạn gặp rắc rối trong công việc, bạn sẽ được Giáo hội giúp đỡ. Và hạnh phúc thay trong Giáo hội Công giáo lại có các linh mục và tu sĩ người Việt Nam đang chào đón và phục vụ các bạn.

Tài liệu tham khảo

Trần Thị Duyên, Human Resource Cooperation Between Vietnam And Taiwan: Situations, Problems And Solutions. *Proceedings of ISER 55th International Conference, Tokyo, Japan, 29th -30th*, 2017.

Matheu Strong, More than 3,000 Vietnamese, Filipinos, and Indonesians became Taiwanese in 2019. <https://www.taiwannews.com.tw/en/news/3927073>

Wang Hong-zen, Immigration Trends and Policy Changes in Taiwan, *Asian and Pacific Migration Journal*, Vol. 20, No.2, 2011.

On the Question of Foreign Workers, *Chinese Regional Bishops' Conference*, 1989.

<https://www.catholic.org.tw/en/Document/documentquestion.html>

A Pastoral Service for Foreign Workers, 1998, *Chinese Regional Bishops' Conference*, Solidarity, <https://www.catholic.org.tw/en/Document/documentsolidarity.html>.

Tran Thanh Tuyen and Nguyen Nhu Ty, Determinants Affecting Vietnamese Laborers' Decision to Work in Enterprises in Taiwan, *J Stock Forex Trade*, Vol. 5, No. 2, 2016.

Pope Francis, Message of His Holiness Pope Francis for the 106th World Day of Migrants and Refugees 2020. http://www.vatican.va/content/francesco/en/messages/migration/documents/papa-francesco_20200513_world-migrants-day-2020.html

Chuang Ya-tang, Migrant Workers as Marginalized People in Taiwan: A Reflection from Contextual Theology, *Estudos de Religião*, Vol. 32, No. 3: 325-343, 2018.

Peter O'Neill, Models of Caring for Migrants in Taiwan, *Religions & Christianity in Today's China*, Vol. 2, No. 4: 22-32, 2012.

Danièle Bélanger and Linh Tran Giang, Precarity, Gender and Work: Vietnamese Migrant Workers in Asia, *Diversities*, Vol. 15, No. 1 , 2013.

Bureau The National Bureau Of Asian Research.
https://www.nbr.org/wp-content/uploads/pdfs/publications/psa_southbound_briefs_2018.pdf

Chương 7

NGƯỜI DI DÂN CÔNG GIÁO VIỆT NAM TẠI BANGKOK - THÁI LAN: NHỮNG THÁCH ĐỐ VÀ CƠ HỘI

LM. Giuse Nguyễn Mạnh Hà, OP, PhD

Dẫn nhập

Có một câu nói khá dí dỏm khi tôi mới đặt chân trên đất Thái Lan vào năm 2012 đó là trời đất đầy “Vinh”. Lúc đầu tôi không hiểu ý nghĩa của câu nói này, chỉ nghĩ đơn giản là trời đất đầy vinh quang Chúa, nhưng sau này được tiếp xúc với nhiều người di dân tại Thái Lan, đi đâu cũng nghe cùng một giọng nói, thì tôi mới hiểu à tại Thái Lan này đa số di dân Công giáo thuộc Giáo phận Vinh.

Thực ra, di dân không chỉ là hiện tượng rời khỏi nơi cư trú trong thời hiện đại, mà nó xuất hiện từ xa xưa trong lịch sử nhân loại. Mỗi thời đại nó mang những dáng vẻ, hình thức khác nhau, riêng biệt, nhưng chính các khác nhau ấy, riêng biệt ấy giúp cho các nền văn hóa được gặp gỡ nhau và tạo nên những nền văn minh mới, giúp cho nền văn hóa của nước đón nhận người nhập cư và của thế giới được phong phú hơn.

Có những người chỉ là di dân trong đất nước của mình, nhưng cũng có những người phải bỏ hẳn quê hương, xứ sở, văn hóa của mình đến một nơi hoàn toàn xa lạ để sinh sống. Người ta di dân với nhiều lý do khác nhau có khi tại quê hương nghèo đói, không có việc làm, đôi khi do xung đột, hoặc do những thảm họa thiên nhiên, do bị biến đổi khí hậu, do bị bách hại, do bạo lực, do quá cơ cực hay do những điều kiện sống phi nhân.

Đã từ rất lâu, người Việt Nam cũng đã trải qua các cuộc di dân tại chính quê hương, hoặc di dân ra nước ngoài. Chúng ta có thể

kể đến hai cuộc di dân lớn của lịch sử Việt Nam đó là cuộc di dân từ Bắc vào Nam năm 1954 và cuộc di dân ra nước ngoài sau năm 1975. Chính vì thế mà hiện nay người Việt Nam có mặt tại rất nhiều quốc gia trên thế giới. Người di dân Việt Nam qua đất nước Thái Lan do nhiều hoàn cảnh khác nhau, bị bách hại vì đạo cũng có, đi tị nạn cũng có, nhưng phần lớn ra đi để tìm cho mình cuộc sống tốt hơn.

Trong bài viết này, người viết sẽ không đề cập đến người di dân Việt Nam qua Thái Lan vào những thế kỷ trước mà chỉ tập trung vào di dân thuộc thế kỷ 21. Đa số những người di dân Việt Nam qua Thái Lan làm ăn đều là những người trẻ với tuổi đời từ khoảng 17-40 tuổi. Những người này vẫn còn gia đình tại quê hương, chỉ đi qua Thái làm ăn một số năm, rồi lại trở về. Đa số những người di dân mà tôi tiếp xúc tại Thái Lan đều là những người trẻ mà người trẻ là tương lai của thế giới và Giáo hội.¹ Chính vì thế, với vai trò mục tử phụ giúp mục vụ Di dân Công giáo tại Tổng Giáo phận Bangkok, nơi tập trung phần lớn các anh chị em di dân Công giáo sinh sống, người viết cố gắng đi tìm một bức tranh về người di dân Việt Nam tại Thái Lan nói chung, thủ đô Bangkok nói riêng. Bên cạnh ấy cần tìm ra những thách đố đối với người di dân và cuối cùng là những ưu tư, thao thức cũng như nguyện vọng để giúp mục vụ cho anh chị em di dân Công giáo được tốt hơn.

I. Bức tranh người di dân Công giáo Việt Nam tại Thái Lan

1. Lý do người di dân chọn điểm đến là Thái Lan

- **Khó khăn khi tìm việc tại quê hương:** Vùng đất miền Trung nóng, nắng và gió nổi tiếng ai cũng biết. Đây là dải đất hẹp nhất của Việt Nam cần cỗi với đồi núi và biển mênh mông nên ngoài việc đồng áng, đi biển thì công việc không nhiều lắm. Nếu không trình độ cao thì tìm việc làm lương cao ở quê hương quả là rất khó khăn. Thế nên một số bạn trẻ tìm cách để đi xuất khẩu lao động tại các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, Anh Quốc, nhưng để đi được thì

¹ x. ĐGP II, Tông thư ngàn năm thứ ba đang đến, số 58

giấy tờ nhiều khê và vốn thế chấp khá lớn. Một số khác lại chọn các thành phố lớn của Việt Nam như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh để tìm cơ hội tiến thân. Cách đây khoảng 10 năm, có một số công ty tại Sài Gòn, Bình Dương không nhận các lao động tại miền trung² nên các lao động đã tìm cách đi tới những nước gần mà thủ tục qua lại đơn giản như qua Lào hoặc Thái Lan chẳng hạn.

So với các nước trong khối ASEAN, thì Thái Lan có nền kinh tế tương đối mạnh và ổn định. Hiện nay Thái Lan là quốc gia có nền kinh tế mạnh và ổn định nhất trong khối ASEAN với tổng GDP là 543.65 tỉ đô la vào năm 2019, năm 2018 là 506.51, năm 2017 là 456.20 tỉ đô la.³ Số GDB bình quân đầu người tại Thái Lan đứng thứ hai trong khối ASEAN chỉ sau Indonesia đứng thứ nhất, còn Việt Nam đứng thứ sáu về GDP trong khối ASEAN.⁴ Nếu xét về GDP bình quân đầu người thì Thái Lan xếp thứ tư sau Singapore, Brunei, Malaysia, Việt Nam đứng thứ 7 sau Thái Lan, Indonesia, Philippines.⁵

- **Thủ tục đơn giản:** Thái Lan là nước luôn mở rộng cửa để đón khách du lịch và đầu tư nước ngoài. Tuy Việt Nam và Thái Lan chưa ký kết những văn bản trao đổi lao động phổ thông (MOU)⁶, nhưng người Việt Nam làm việc tại Thái Lan khá đông. Việc Việt Nam và Thái Lan đều nằm trong khối ASEAN là điều kiện để lao động Việt Nam có thể lưu trú và làm việc tại đất nước chùa tháp này.

Theo thị thực visa du lịch thì người Việt có thể ở lại Thái Lan từ 28 cho tới 30 ngày. Sau khoảng 30 ngày ở lại Thái Lan (du lịch),

² Công Đoàn- <https://nld.com.vn/cong-doan/tay-chay-lao-dong-nghe-an--thanh-hoa--ha-tinh-20121009071313335.htm> 09-10-2012

³ Trading Economics. (2020). <http://www.tradingeconomics.com/thailand/gdp>

⁴ GDP (current US\$)". *World Development Indicators*. World Bank. Retrieved 2 September 2020.

⁵ (https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_ASEAN_countries_by_GDP 8 September 2020)

⁶ Hiện tại thì Thái Lan và Việt Nam mới chỉ ký kết hai nghề chính cho lao động phổ thông người Việt Nam đó là đánh cá và xây dựng. Thực tế thì hai nghề này quá vất vả nặng nề và không phù hợp so với nữ giới, nên phần lớn lao động Việt Nam vẫn chọn theo kiểu lao động bất hợp pháp và dĩ nhiên họ phải chấp nhận cả những rủi ro của việc làm này.

người Việt phải rời Vương quốc này. Tuy nhiên, đối với đa số các lao động di dân Việt Nam thì họ giải quyết vấn đề bằng cách sử dụng các dịch vụ đưa người đi đóng hộ chiếu, xuất cảnh rồi lại nhập cảnh trong cùng một ngày. Như thế họ vẫn được tiếp tục ở lại Thái Lan thêm 30 ngày nữa cho đến lần đi gia hạn hộ chiếu tiếp theo. Một số nhỏ không muốn phải mất thời giờ với chuyện đi hàng tháng này quyết định để cho hộ chiếu hết hạn và trở nên người không chỉ làm việc mà còn lưu trú bất hợp pháp tại Vương quốc Thái.

- **Mức thu nhập khá hơn so với Việt Nam:** Theo đánh giá chung một số ngành nghề không cần đòi hỏi kỹ thuật cao như phục vụ nhà hàng, quán bar, may mặc hoặc bán hàng rong thì mức thu nhập của những người này tại Thái Lan khá cao so với ở Việt Nam. Khi có công việc ổn định, một lao động Việt Nam tại Thái Lan có thể có thu nhập từ 15,000.0B đến 25,000.0B một tháng (khoảng 10-17 triệu đồng). Với số tiền thu nhập này khi trừ tất cả chi phí vẫn còn một số tương đối để gửi về Việt Nam cho gia đình hoặc tiết kiệm để làm những công việc lớn hơn như xây nhà, mua đất, gửi tiết kiệm... Số tiền thu nhập này cũng có thể lớn hơn cả một người có bằng cử nhân mới đi làm với số tiền nhận được khoảng 4.729.4000 – 8.000.000 VNĐ/tháng.⁷

2. Đặc điểm chung của di dân Việt Nam tại Thái Lan

- **Lao động phổ thông, không cần trình độ cao:** Đa phần người di dân Việt Nam qua Thái Lan tập trung tại một số tỉnh Miền Trung như Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, số còn lại thuộc các tỉnh Vĩnh Phúc, Thanh Hóa và Đồng Nai. Phần lớn những người di dân xuất phát từ nông thôn có trình độ tay nghề thấp, chưa qua đào tạo, chưa được trang bị những hiểu biết cần thiết về điều kiện lao động công nghiệp, về môi trường sinh sống nên họ thường gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm. Đa số họ là lao động tự do, làm việc trong các nhà hàng, phục vụ khách ăn uống hoặc trông coi xe của

⁷ <https://luatvietnam.vn/lao-dong-tien-luong/tang-luong-toi-thieu-cho-nguoi-co-bang-dai-hoc-tu-nam-2020-562-22926-article.html> retrieved 24 September 2020.

khách. Tất cả đều chấp nhận làm việc không có hợp đồng lao động, không có bảo hiểm, mà chỉ thỏa thuận miệng về tiền công, việc làm với chủ sử dụng lao động, đôi khi chỉ có tiền boa của khách mà không có tiền lương. Vì vậy, thời gian lao động của họ thường bị kéo dài hơn thời gian do luật định từ khoảng 12-15 tiếng mỗi ngày; chế độ nghỉ ngơi không bảo đảm; khi ốm đau không được chăm sóc sức khỏe.

- **Một số nhỏ tự kinh doanh:** Một số anh chị em Việt Nam qua Thái Lan thuê nhà, tự mở những cơ sở may nhỏ để chủ nhà và anh chị em hoặc bạn bè cùng làm với nhau. Họ thuê những căn nhà hai hoặc ba tầng để tầng trệt thường là để làm chỗ may, nơi đặt máy, còn các tầng trên thì để ngủ nghỉ cho mọi người. Một số anh chị em cũng mở những cửa hàng kinh doanh nhỏ như “mũ cà thá” – một hình thức giống lấu thịt heo với hải sản bằng hình thức dán tên quán, số điện thoại của quán trên những cột điện, nơi mọi người có thể nhìn thấy và khi cần, khách hàng gọi tới và được phục vụ tận nhà. Một số anh chị em chọn buôn bán trái cây, bán kem hoặc vé số dạo.

- **Người Việt Nam cần cù và thông minh:** Theo nhận định của nhiều người nước ngoài và của những người bản địa Thái Lan thì người Việt Nam rất thông minh và chăm chỉ, được người Thái quý mến, nhiều ông chủ người Thái đã giao cho người Việt điều hành quán của họ cả về kinh tế lẫn điều hành nhân sự trong quán ăn hoặc quán bar nhỏ. Theo ông J. McGovern, người chịu trách nhiệm của tập đoàn phát triển công nghệ thông tin nhận định rằng: “Theo tôi, người trẻ Việt Nam rất thông minh... Tôi rất có ấn tượng khi được trò chuyện với họ... Một điểm nữa là họ rất có óc sáng tạo trong việc kinh doanh”.⁸

⁸ Khánh Nam “Công Nghệ Thông Tin và Giới Trẻ Việt Nam Hiện Nay: Những Cơ Hội trong Tâm Tay” trong Lê Nhân Tâm, *Thế Hệ Mới: Những Cơ Hội và Thách Thức* (Thành phố Hồ Chí Minh/Hochiminh City: lưu hành nội bộ, 2005), 9-21.

3. Những thiệt thòi của người di dân Việt khi sống tại Thái Lan

Làm việc bất hợp pháp: Như đã trình bày phần trên, đa số các anh chị em di dân chưa được chính thức công nhận làm việc hợp pháp tại Thái Lan, vẫn phải dùng hộ chiếu du lịch và làm việc chui nên dễ bị cảnh sát Thái bắt. Mỗi lần bị nhà chức trách bắt, anh chị em di dân thường phải trả tiền chuộc. Tiền chuộc cho mỗi trường hợp là khác nhau, nhưng thường là không nhỏ từ 3,5 triệu đến 20 triệu, có khi còn hơn. Một số anh chị em may mắn trả tiền chuộc rồi được ở lại làm việc tiếp, còn không may mắn thì bị trả về Việt Nam. Một số còn bị ghi vào danh sách đen, cấm trở lại Thái từ 3 đến 10 năm.

Nguy cơ bị bóc lột, lạm dụng: Do trình độ văn hóa thấp, thiếu hiểu biết về pháp luật, nên họ dễ bị lạm dụng, bị bóc lột, đặc biệt là chị em phụ nữ và họ lại là nhóm người dễ bị tổn thương nhất. Ngoài những khó khăn mà chị em phải đối mặt như nam giới thì họ luôn phải đề phòng nạn cướp bóc, trộm cắp, bạo hành, buôn bán phụ nữ, xâm hại tình dục; đặc biệt là số lao động nữ làm việc trong các nhà hàng, khách sạn, các quán karaoke, vũ trường, những tụ điểm vui chơi, giải trí là nhóm người có nguy cơ cao về lây nhiễm các bệnh qua đường tình dục.

Chưa có trung tâm bảo trợ: Hiện tại ở Thái Lan chưa có một trung tâm nào giúp cho người Việt về pháp lý, cũng như tâm linh để giúp người di dân Việt Nam hiểu được về những quyền căn bản của con người cũng như của người di dân, và những vấn đề về đời sống tâm linh. Ví dụ quyền di cư: “Trong số những quyền lợi cá nhân của con người, ta phải kể đến quyền được nhập một quốc gia mà họ hy vọng có thể lo liệu thích đáng cho bản thân và gia đình”⁹ hay Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo cũng chỉ ra rằng: “các quốc gia có nghĩa vụ bảo đảm cho các gia đình di dân cũng được hưởng những điều kiện giống như các công dân của mình”.¹⁰ Hoặc

⁹ Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII, Thông điệp *Pacem in Terris* (Hòa Bình Trên Thế Giới), Ngày 11-04-1963, số 106.

¹⁰ Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân và Tị nạn* năm 1994: “Xét đến những nhu cầu đặc biệt của họ, nhiệm vụ của Nhà Nước là bảo đảm cho các gia đình này không phải chịu thiếu thốn những gì mà các công

chính Hội đồng Giám mục của Thái cũng đề ý nên cung cấp văn phòng cho việc đào tạo về tâm linh cho người di dân, bảo vệ các quyền về gia đình chẳng hạn: Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo chỉ ra rằng: “Bởi vì gia đình là tế bào nguyên thủy của đời sống xã hội... là xã hội tự nhiên trong đó người chồng và người vợ được kêu gọi trao hiến cho nhau bằng tình yêu và hồng ân sự sống”.¹¹

II. Những thách đố trong đời sống người di dân Công giáo Việt Nam tại Thái Lan

1. Thách đố về đức tin

Một trong những thách đố đầu tiên của người di dân Việt Nam tại Thái Lan đó là thách đố về đức tin. Ở Việt Nam nói chung và ở các Giáo phận Vinh và Hà Tĩnh nói riêng, tỷ lệ người Công giáo đông hơn hẳn đất nước Thái Lan, các nhà thờ Công giáo vì thế cũng nhiều hơn. Với lòng đạo đức và nhiệt thành, người tín hữu Công giáo tại các giáo phận này đi lễ hàng ngày, một số còn tham gia các việc đạo đức khác như tham dự giờ kinh Lòng Chúa thương xót, giờ kinh Mân Côi, giờ kinh tối trong các xóm đạo. Thế nhưng khi đến đất Thái Lan, các sinh hoạt đạo đức này gần như không còn, mà thay vào đó là một sự thờ ơ lạnh nhạt đến mức đáng báo động. Báo động ở đây có nghĩa là anh chị em không những bỏ đi việc đạo đức vốn có khi còn ở quê hương mà một số rất lớn còn bỏ cả ngày lễ Chúa Nhật. Trong quá khứ người ta có thể nhận ra một hệ thống văn hóa nhất thống, được đa số chấp nhận, có tham chiếu nội dung đức tin và các giá trị được đức tin gợi hứng, nhưng ngày nay, trong phần lớn các lãnh vực xã hội không

dân được hưởng. Cách riêng, Nhà Nước có bổn phận bảo vệ họ khỏi bị kỳ thị vì chủng tộc, bằng cách cổ vũ một nền văn hóa của tình liên đới. Để được như vậy, Nhà Nước hãy dự liệu những biện pháp thích ứng và cụ thể để hội nhập các người di cư, cùng với những dịch vụ nhằm giúp họ sống hòa bình, và được phát triển hợp với nhân phẩm”.

¹¹ *Catechismus Catholicae Ecclesiae*, Ngày 25-06-1992. Bản việt ngữ: *Giáo Lý Hội Thánh Công giáo*, Ủy ban Giáo lý Đức Tin/HĐGMVN chuyển ngữ, Hà Nội, 2009, số 2207.

còn như thế nữa, vì có cuộc khủng hoảng đức tin sâu xa nơi nhiều người.¹²

Chỉ có một số đi lễ ngày Chúa Nhật khi có Thánh lễ tiếng Việt được tổ chức gần nơi anh chị em ở. Số người đi lễ tiếng Thái khi không có lễ tiếng Việt là rất ít với lý do không hiểu ngôn ngữ, hoặc các linh mục Thái giảng không hiểu gì cả nên thà ở nhà đọc kinh còn hơn. Một số khác thì bỏ luôn không đi lễ Chúa Nhật cho dù lễ tiếng Việt ngay sát bên. Những lý do dẫn đến việc không đi lễ có thể là: Nơi ở quá xa nhà thờ, đi lại tốn kém hay mất thời gian. Ở Thái Lan ít nhà thờ hơn ở Việt Nam vì dân số Công giáo của Giáo hội Thái chỉ chiếm khoảng 0.3%¹³ dân số toàn quốc với khoảng 388.468 giáo dân¹⁴ trong tổng số 69 triệu người.¹⁵ Một số khác lầy lý do không thích thú với việc đi lễ có lẽ vì ở Việt Nam bị các cha xứ, cha mẹ, mọi người thúc ép, nay sang đây được tự do và thế là tự do luôn trong việc tham dự Thánh lễ Chúa Nhật. Một số anh chị em sợ bị bắt bớ, sợ bị ngồi tù vì không giấy tờ hợp pháp. Nơi nào có các cha Việt đến dâng lễ thì các bạn đi đông hơn. Một lý do khác là do quen bỏ lễ nên ngay cả khi có lễ Việt, nhiều bạn vẫn không đi lễ do quan niệm rằng thôi đã phạm tội bỏ lễ rồi, bỏ thêm lễ nữa cũng chẳng sao, khi có dịp xưng tội là xong.

Có nhiều bạn trẻ di dân cho rằng đạo tại tâm, nên không còn biết đặt Thiên Chúa lên hàng đầu, đặt Thiên Chúa làm chủ cuộc đời

¹² ĐTC Benedicto XVI, Tông thư *Cánh cửa Đức tin* (Porta Fidei), số 2

¹³ "PEW Research Center: Christian Population as Percentages of Total Population by Country 2010". Retrieved 13 September 2020. Theo nghiên cứu mới nhất thì tỉ lệ người Công giáo tại Thái có xu hướng giảm trong những năm gần đây 2019,2020. Tỉ lệ hiện nay đã giảm -0,58% xc. Suksamran, Nauvarat; Mala, Dumrongkiat (20 November 2019). "How Catholicism took root in Thailand". *Bangkok Post*. Retrieved 13 September 2020. And Celebrating 350 Years of the Vatican's Mission to Siam". *LiCAS.news*. Retrieved 13 September 2020.

¹⁴ Thaitrakulpanich, Asaree (2 October 2019). "HERE'S POPE FRANCIS' SCHEDULE FOR HIS THAILAND VISIT". *Khaosod English*. Retrieved 2 September 2020.

¹⁵ https://en.wikipedia.org/wiki/Catholic_Church_by_country, retrieved 15 September 2020

mình. Có thể hiện tại họ phải làm lưng vát vã, đồng tiền kiếm được là mồ hôi và nước mắt. Họ tin vào sức khỏe, tài trí của mình mà quên mất Thiên Chúa đang dõi theo và phù trợ cho họ (hành sự tại nhân, thành sự tại thiên). Có những người đánh mất niềm tin vào Thiên Chúa vì những thất bại trong cuộc sống hoặc nhẹ hơn là mối liên hệ với Thiên Chúa đã bị mất. “Hẳn chúng ta đang sống trong một không gian lịch sử, trong đó con cảm dỗ gạt bỏ Thiên Chúa đã trở nên rất mạnh. Văn minh kỹ thuật và mức sống phồn thịnh đưa ta tới khẳng định, là mọi chuyện có thể tự tay ta làm được. Khi nghĩ như vậy, đương nhiên ta hạn chế cuộc sống vào cái chúng ta có thể làm, có thể tạo ra, và có thể chứng minh được mà thôi. Như vậy, vấn đề Thiên Chúa chẳng cần đặt ra nữa”.¹⁶

Tuy nhiên vẫn có nhiều anh chị em hiện nay mặc dù không xa rời đức tin, nhưng e dè khi sống đức tin, hoặc biểu tỏ đức tin một cách không sâu sắc. Có những cách sống thiếu bác ái, không công bằng, gian dối, buông thả, coi thường giáo huấn của Giáo hội đây không chỉ thuộc về vấn đề của nhóm nhỏ nhưng trở thành vấn đề đáng nghi ngại. “Chúng ta đang phải đối diện với một cuộc khủng hoảng đức tin sâu xa, một sự mất ý thức tôn giáo là điều tiêu biểu cho một trong những thách thức lớn nhất đối với Hội Thánh ngày nay”.¹⁷ Thế nên đây là một sự khủng hoảng thực sự, vì khi con người ta không còn tìm đến Chúa, tìm đến nhà thờ thì người ta sẽ đi tìm những thứ khác để có thể bù đắp cho sự thiếu hụt ấy, chẳng hạn phim ảnh, ăn chơi, bia rượu. Kinh nghiệm cho thấy khi càng chìm vào trong những thứ ấy thì tâm hồn lại càng trống rỗng. Chính vì thế anh chị em rất cần đến những hướng dẫn tâm linh của Giáo hội cả của Việt Nam cũng như tại Thái Lan để giúp anh chị em luôn vững vàng trong việc sống và thực hành đức tin.

¹⁶ ĐTC Benedicto XVI, Thiên Chúa và trần thế, Xuất bản 2011, trang 24

¹⁷ ĐTC Benedicto XVI, bài nói chuyện với thành viên Thánh Bộ Tín Lý ngày 27/01/2012

2. Thách đố về tục hóa

Một thách đố khác của anh chị em di dân Việt Nam tại Thái Lan đó là thách đố về tục hóa: Chúng ta đang sống trong thời đại kỹ thuật số với những bước tiến bộ nhảy vọt về phương diện kỹ thuật, y tế, internet. Những thành tựu đạt được thật to lớn mà cách đây vài thập kỷ người ta chẳng bao giờ nghĩ tới. Thế giới hôm nay giúp người ta dễ kiếm tiền hơn, dễ gần nhau hơn nhưng cũng dễ xa nhau hơn bao giờ hết.

Một trong những cám dỗ của người di dân bước ra khỏi xứ sở đó là việc kiếm tiền và làm sao để có thật nhiều tiền. Áp lực thoát nghèo hoặc cho bằng chị bằng em, là điều cần, nhưng nó lại khiến anh chị em phải áp lực và nhiều khi dẫn đến những việc làm tiêu cực. Văn hóa làng xã đã nhường chỗ cho một loại văn hóa khác nền văn minh tiến bộ. Thoát khỏi lũy tre làng, việc này dễ dẫn đưa người trẻ đến vực thẳm của các tệ nạn xã hội. Về vấn đề này, đã có nhiều người cho rằng: “Người trẻ ngày nay sống phi luân lý, thiếu giáo dục, quên đạo hiếu làm con, không tôn trọng cha mẹ và người lớn... Người trẻ ngày nay ảnh hưởng nhiều không phải từ phía gia đình nhưng do bạn bè, vì thế người trẻ càng gây ra nhiều tệ nạn xã hội hay thiên về bạo lực, băng đảng”.¹⁸

Những cám dỗ của thời đại đối với các bạn trẻ: Ăn chơi, cá độ bóng đá, cờ bạc và nhất là sự thủy chung của đời sống vợ chồng. Nhiều bạn trẻ hiện nay đang góp gạo thổi cơm chung để giảm chi phí. Có những người chồng ở một nơi, vợ ở một nơi; đôi khi cả hai cùng ở Thái nhưng do tính chất đặc thù của công việc mỗi người đang làm nên không ở gần nhau, vì thế vấn đề chung thủy là một thách đố rất lớn. Đôi khi các bạn nữ muốn nhanh có nhiều tiền thì chỉ còn cách là chiều theo các anh chàng người Thái lắm tiền lắm của. Chính vì thế dẫn đến tình trạng sống buông thả trong luân lý tính dục, dẫn đến tình trạng phá thai. Sống thiếu thủy chung, quan hệ trước hôn nhân,

¹⁸ Nguyễn Thái Hợp, “Thế Hệ Trẻ Việt Nam Hôm Nay,” *Chia Sẻ* 46.

hay “ăn cơm trước kẻng” là điều cấm kỵ trong truyền thống của người Việt Nam. Bây giờ đang lan rộng khắp nơi như một dịch bệnh.¹⁹

Bên cạnh đó còn có nhiều chủ thuyết, chủ nghĩa thế tục, chủ nghĩa hưởng thụ, thuyết tương đối, lối sống vô cảm đang bủa vây người di dân. Chính vì thế, người di dân dễ bị tổn thương và khủng hoảng. “Chúng tạo thành một hàng rào ngăn cản con người tập trung vào một tiêu điểm hội tụ, điểm cố sùỵ cho việc hình thành ‘một gia đình anh chị em đầỵm ấỵ trong một xã hội ngày càng trở nên đa sắc tộc và đa văn hóa’”.²⁰

3. Thách đố của chủ thuyết tương đố

Thuyết Tương đố phủ nhận một chân lý tuyệt đố, vì theo thuyết này thì không có gì là tuyệt đố cả. Chính vì thế mà ngày nay có không ít người Công giáo, kể cả những thần học gia nổi danh hầu như chủ trương rằng “Đạo nào cũng tốt”, rằng người ta có thể thuộc về nhiều tôn giáo khác nhau cùng một lúc (Multiple religious belonging), và coi các nhà sáng lập các tôn giáo khác “là những khuôn mặt cứu đố” đố lập với Đứ Kitô....

Theo Đứ Bênedictô XVI thì thuyết tương đố là một trong ba “con quái vậ” đầỵ chi phối con người thời đạỵ chúng ta cho đến nỗi nhiều người trong chúng ta đứng đưng với thực tại siêu việt và chỉ biết vậ chất, đề đầỵ cười cồ nhau cũng vì tiền tài, vậ chất. Đứ Phanxicô thì chỉ thắỵ ra cái tình trạng ham mê vậ chất mà quên mất các giá trị tinh thần bằng một hình ảnh sống động, cụ thể: “Một đầỵ trên giàn chắỵng khoắỵn tặỵ xuống làm cho cả thế giới rúng động, trong khi một người nghèo đố chắỵ trên đườney phố lại không trở thành tin tức rúng động thế giới!” Một nơi khác ngài nói: “Ngày nay, có một lực cản đặỵ biệt đắỵng ngại trong việc giáo dục, đố là sự hiện diện rộng khắp của chủ nghĩa tương đố trong xã hội và văn hóa. Chủ nghĩa này

¹⁹ NiKi Phạm Thị Hồng Ngọc “ Văn Hóa Tình Dục của Việt Nam: Hong-Ngoc Thi Phạm “Vietnam’s Urban Sex Culture: Phải Chắỵng là Nguyên Nhân của Dịch Bệnh HIV/ AIDS?” trong thắỵng <http://www.geogr.uni-goettingen.de/kus/apsa/pn/pn22/pn22-niki.pdf> , ngày 30 thắỵng 8 năm 2020.

²⁰ x. Đứ Benedicto XVI, *Di dân và Tân Phúc Ầỵ hóa*, 2012

không nhìn nhận điều gì là vững vàng, cuối cùng tiêu chuẩn tối thượng duy nhất là cái tôi và những ước muốn của nó. Và ẩn dưới dáng vẻ của tự do, nó lại biến thành ngục thất cho mỗi người vì nó ngăn cách con người với nhau, khóa chặt mỗi người trong cái tôi ích kỷ của mình".²¹

Một khía cạnh khác của chủ nghĩa tương đối đang tác động lên các bạn trẻ và những người di dân đó là buông thả về lối sống, không muốn theo sự hướng dẫn của lương tâm, đánh mất cả ý thức về tội, mất định hướng luân lý, "chỉ còn lại một thuyết tương đối, trong đó câu hỏi về chân lý phổ quát, mà cơ bản cũng là một câu hỏi về Thiên Chúa, không còn được quan tâm nữa".²² Hiện nay có nhiều anh chị em di dân "không sống theo giá trị Tin Mừng và làm chứng cho Đức Kitô, không còn tin vào Đức Kitô, rơi vào chủ nghĩa hoài nghi, không còn tin vào chân lý duy nhất nơi Thiên Chúa, không đón nhận giáo huấn của Hội Thánh, thích những dễ dãi của các tôn giáo khác, đạo nào cũng tốt. Người di dân nào đã từng biết và đón nhận Đức Kitô cũng thường bị ép phải coi Người không còn quan trọng trong đời sống mình, dần dần mất mọi nhận thức đức tin, tới độ không còn coi mình là phần tử của Hội Thánh nữa. Họ thường chấp nhận một lối sống không còn in đậm dấu ấn Đức Kitô và Tin Mừng của Người".²³

Sống trong văn hóa nơi coi mọi sự đều tương đối, nên việc sống các giá trị theo tinh thần của Tin Mừng thật là khó. Đất nước Thái Lan với đạo Phật là quốc giáo, mọi sự được xem ra là tùy duyên. Vợ chồng có sống chung thủy với nhau cả đời được cũng là do duyên số (tùy duyên). Chính vì thế, đời sống gia đình tại Thái Lan cũng có vẻ lỏng lẻo, họ quan niệm sống với nhau là cái duyên, hết duyên thì đường ai nấy đi cũng là chuyện bình thường. Cho nên nhiều bạn trẻ lấy chồng lấy vợ Thái và hiện nay không còn sống chung với nhau nữa. Vậy làm sao để gìn giữ được văn hóa Công giáo truyền thống và những nét đẹp văn hóa của người Việt Nam trước một nền văn hóa tự

²¹ Theo Anton <https://dcctvn.org/duoc-tai-sinh-vao-doi-song-moi-ga-37-15/>

²² x. ĐTC Phanxicô, Thông điệp Ánh Sáng Đức Tin –*Lumen Fidei*– s.25

²³ x. ĐTC Benedicto XVI, *Di dân và Tân Phúc Âm hóa*, 2012

do và mọi sự đều tương đối như văn hóa Thái Lan hiện nay? Vấn đề cần đặt ra cho những người có trách nhiệm với con cái mình là làm thế nào để “người di dân có thể là chính họ, người di dân có thể nhận ra được những giá trị: công bằng và hoà bình, thủy chung...; có tấm lòng bao dung để đón nhận anh em, bạn bè và có tình hiệp nhất”.²⁴ Làm thế nào để họ là những người Công giáo tốt, sống cho đức tin và là chứng nhân đích thực của Đức Kitô trong xã hội hôm nay. Điều duy nhất không bao giờ biến mất là tâm hồn con người, con người được Chúa tạo ra cho mãi mãi. Thành quả còn tồn tại là tất cả những gì chúng ta gieo trong tâm hồn con người: tình yêu, nhận thức, một hành vi có thể sưởi ấm tâm hồn, những lời mở tâm hồn ra với niềm vui.²⁵

4. Thách đố trong việc giáo dục con cái

Thách đố cuối cùng của người di dân nói chung và di dân Việt Nam tại Thái Lan nói riêng đó là việc giáo dục con cái. Thường thì việc giáo dục con cái cần phải có mặt đầy đủ cả cha lẫn mẹ, nhưng do hoàn cảnh cuộc sống, các gia đình di dân trẻ thường gửi con cho ông bà nội, ông bà ngoại hoặc những người thân trong gia đình chăm sóc. Nhờ thu nhập của cha mẹ là những di dân lao động, con cái của họ được giúp đỡ về kinh tế cao hơn những gia đình không có di dân, được học và thành đạt trong giáo dục, có sức khỏe tốt, và tính xã hội cao. Tuy nhiên, việc vắng cha/mẹ tạo ra những sự chuyển dời vị trí/vai trò, sự đổ vỡ, sự thay thế trong việc sắp xếp chăm sóc con cái. Con cái chỉ được gặp cha mẹ qua hệ thống truyền thông hoặc mỗi năm vào các dịp hè hoặc Tết nguyên đán. Sự ủy thác việc giáo dục con cái cho ông bà, hoặc người thân sẽ mất đi sự quân bình, hoặc không được dạy dỗ tới nơi tới chốn. Tuyên ngôn về Giáo Dục Kitô Giáo của Công Đồng Vatican II viết: “Vì là người truyền sự sống cho con cái, nên cha mẹ có bổn phận hết sức quan trọng là giáo dục chúng

²⁴ John Paul II, Post-Synodal Apostolic Exhortation on the Vocation and the Mission of the Lay Faithful in the Church and in the World *Christifideles Laici*, no. 46.

²⁵ Xc. <https://phanxico.vn/2017/02/03/benedicto-thuyet-tuong-doi-la-thuoc-doc/>

và vì thế họ được coi là những nhà giáo dục đầu tiên và chính yếu của chúng. Vai trò giáo dục này quan trọng đến nỗi nếu thiếu sót thì khó lòng bỏ khuyết được”.²⁶ Còn theo Tông huấn *Familiaris Consortio* (FC) của Đức Thánh cha Gioan Phaolô II thì quyền lợi và nhiệm vụ giáo dục của cha mẹ là điều thiết yếu, vì việc giáo dục liên quan đến việc truyền sinh; vai trò này là vai trò căn bản và chính yếu so với vai trò của những người khác, bởi vì sự liên hệ độc nhất và yêu thương giữa cha mẹ và con cái; không ai có thể thay thế được và chuyển nhượng được, như thế không ai có thể hoàn toàn uỷ quyền cho người khác hay để cho người khác cướp đoạt quyền này.²⁷

Trên đây là một số thách đố mà người di dân Việt Nam có thể gặp phải khi sống tại đất nước Thái Lan. Với vai trò mục tử giúp về đời sống tâm linh cho di dân, cần lắng các vị mục tử dần thân vào trong lãnh vực này để hiểu thấu những thách đố và tìm ra các giải pháp để giúp cho di dân được tốt hơn để làm sao vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người hôm nay cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của người môn đệ theo Đức Kitô;²⁸ nếu không nắm bắt cơ hội về hiện tượng di dân thì đó là một thách đố đặt ra cho Giáo hội nhiều vấn đề phức tạp liên quan đến đời sống luân lý, đức tin và truyền giáo. “Hoàn cảnh của di dân thách đố niềm tin và đức ái của các tín hữu”.²⁹ Trên thực tế không dễ dàng để giải quyết những vấn đề do di dân đặt ra: “Thách đố chúng ta phải đương đầu trong vấn đề di dân ngày nay thật không dễ dàng vì nó liên quan tới quá nhiều lãnh vực: kinh tế, xã hội, chính trị, y tế, văn hoá và an ninh. Mọi Kitô hữu đều phải chấp nhận giáp mặt thách đố này. Đây không chỉ đơn thuần là công việc của thiện chí, hay dành cho một ít người có đặc sủng riêng”.³⁰

²⁶ Gravissimum Educationis (GE), số 3.

²⁷ Huấn Familiaris Consortio (FC) số 36.

²⁸ Xc. Vatican II, *Gaudium et Spes*, số 1.

²⁹ Hội đồng Giáo hoàng về Mục vụ Di dân, *Erga Migrantes Caritas Christi – Tình yêu Đức Kitô dành cho Di dân* (Bản dịch Việt ngữ của Ủy ban Mục vụ Di dân – Hội đồng Giám mục Việt Nam), số 12.

³⁰ Hội đồng Giáo hoàng về Mục vụ Di dân, *Sđđ*, số 3.

III. Xây dựng đời sống đức tin giữa những thử thách

1. Cảnh đồng truyền giáo luôn mở ngõ

Chúng ta phải chân nhận một điều rằng các anh chị em di dân tại các Giáo phận Vinh và Hà Tĩnh luôn có một lòng nhiệt thành sâu sắc trong đời sống của người Kitô hữu. Nhưng lòng nhiệt thành không vẫn chưa đủ mà cần phải có một đức tin sâu sắc, cần phải có một xác tín thật mạnh mẽ trong niềm tin, bởi tin không phải là một mớ lí thuyết nhưng đó là một sự gặp gỡ trong tương giao với Đấng mà chúng ta và cả họ nữa đang tin vào. Tin là hành trình của một cuộc gặp gỡ đầy tuyệt diệu với Thiên Chúa, Đấng là Chủ tể, là Đấng Tạo Hóa đầy tình yêu thương, hằng chăm sóc từng người chúng ta. Vì thế, đồng hành trong đức tin với anh chị em di dân sẽ là những cơ hội tốt để cả chúng ta và những anh chị em di dân gần nhau hơn trong đức tin, được cùng nhau cảm nếm niềm vui của cuộc gặp gỡ với Đức Giêsu Kitô.

Chính Đức Kitô là ánh sáng đức tin, “Tôi, là ánh sáng, Tôi đến thế gian, để bất cứ ai tin vào Tôi, thì không ở lại trong bóng tối” (Ga 12,46). Ánh sáng đức tin ấy sẽ soi chiếu mọi ngõ ngách tâm hồn của con người, và đồng thời cũng sẽ soi chiếu những góc khuất đêm đen con người thời đại, của chúng ta và của anh chị em di dân. Do đó, cần phải làm thế nào để trong muôn vàn những thách đố của cuộc sống, những anh chị em di dân của chúng ta nhận ra được ánh sáng của đức tin, biết bám víu vào Đấng là ánh sáng soi chiếu những đêm đen cuộc đời của họ, không chỉ trong việc sống đạo, nhưng còn trong biết bao những khó khăn thường nhật của cơm áo gạo tiền, của những va chạm, của những nỗi cô đơn, của sự cảm nhận bị lạc lõng, bỏ rơi, của thất vọng.

Chính người di dân có thể loan truyền đức tin, đức tin mà mình đã cảm thụ, đức tin tăng trưởng mà mình đã lãnh nhận. "Đức tin sẽ tăng trưởng khi biết sống đức tin với cảm nghiệm về tình yêu đã nhận lãnh, và biết thông truyền đức tin với cảm nghiệm về ân sủng

và niềm vui”.³¹ Di dân là một thách đố lớn, nhưng đồng thời cũng là một cơ hội. Giáo hội khi gặp bất bớ, các tín hữu bị phân tán khắp nơi, khi họ tới đâu là mang Tin Mừng tới đó. Trong cái nhìn đức tin, di dân là một hồng ân Thiên Chúa ban để Giáo hội có thể mang sứ điệp cứu độ ra khỏi miền đất có truyền thống đức tin lâu đời đến nơi xa khác. Bằng chứng chúng ta thấy tại Thái Lan có những giáo xứ do cộng đồng di dân Việt Nam lập lên như giáo xứ Thánh Giuse Ayuthaya, giáo xứ thánh Phanxicô Xaviê ở Bangkok, cả hai giáo xứ này trực thuộc Tổng Giáo phận Bangkok. Nhà thờ chánh tòa Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội tại Giáo phận Chantaburi cũng do người Việt Nam di cư và xây dựng nên. “Lịch sử làm chứng rằng việc di dân cũng mang theo nhiều cơ hội cho việc loan báo Tin Mừng. Được chuẩn bị cách thích đáng, chính anh chị em di dân trở thành những nhà truyền giáo tại nơi họ đến và làm cho cộng đoàn Giáo hội đón tiếp có khuôn mặt mới mẻ hơn. Vì thế, chăm sóc mục vụ cho anh chị em di dân là trách vụ gắn liền với sứ mạng truyền giáo, và cần được lưu tâm đặc biệt trong bối cảnh ngày nay”.³²

Để làm được điều này chúng ta cần tạo ra môi trường, để củng cố, để tăng cường đức tin. Làm sao để anh chị em di dân có được cuộc gặp gỡ thực sự với Đức Kitô, Con Thiên Chúa làm người, bởi tin là một cuộc gặp gỡ.³³ Chúng ta loan truyền đức tin không phải là làm một bài văn tường thuật về một Đức Giêsu, nhưng là nói, là sống, là chia sẻ cảm nghiệm gặp gỡ với Đức Giêsu, như người phụ nữ Samaria đã nói: “Đến mà xem: có một người đã nói với tôi tất cả những gì tôi đã làm. Ông ấy không phải là Đấng Kitô sao?” (Ga 4,29). Loan truyền đức tin chính là “tạo ra ở mọi nơi và mọi thời những điều kiện để có thể có cuộc gặp gỡ cá vị với Chúa Giêsu Kitô”.³⁴

³¹ x. Đức Bênêđictô XVI, Tông thư Cánh cửa Đức Tin, *Porta Fidei*, s.7

³² Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Đề cương Giáo hội tại Việt Nam: Mẫu nhiệm – Hiệp thông – Sứ vụ*, Ban tổ chức Năm Thánh 2010, tháng 10/2008, số 43

³³ x. Đức Bênêđictô XVI, Tông Huấn *Verbum Domini*, 7.

³⁴ Tân Phúc Âm Hóa Đề Truyền Bá Đức Tin Kitô Giáo, số 11

2. Thiết lập những nhóm Công giáo, đồng hương, liên hiệp để người di dân giúp nhau sống đức tin tốt hơn

- **Các nhóm Công giáo:** Sống giữa một thủ đô gần như không ngủ (người và xe cộ hoạt động suốt đêm) như Bangkok, người di dân Công giáo cũng như bị cuốn hút vào vòng xoáy đó. Có những người phải lấy ngày làm đêm và đêm làm ngày. Vì công việc thực sự của họ bắt đầu từ lúc 5g chiều và kết thúc khi thời gian đã sang ngày mới. Chính vì những công việc đặc thù như thế cộng thêm phần phải sống xa quê hương, nên không ít bạn trẻ Công giáo đã tìm những khu vực có những người cùng quê hương để sinh sống, có những người thân cận để giúp nhau và cũng từ đó lập nên những nhóm Công giáo. Hiện tại, Tổng Giáo phận Bangkok có tất cả 11 nhóm Công giáo đang hoạt động.³⁵ Nhóm đông nhất với khoảng hơn 200 thành viên và ít nhất khoảng 30 thành viên. Mỗi nhóm tổ chức một Thánh lễ tiếng Việt trong một tháng. Dĩ nhiên anh chị em muốn có nhiều hơn một Thánh lễ mỗi tháng, nhưng vì những điều kiện, những hoàn cảnh khác nhau, cho nên phải chấp nhận điều này. Mỗi nhóm cũng được tổ chức như một cộng đoàn gồm có các thành viên trong ban điều hành, có ca đoàn để Thánh lễ được diễn ra long trọng và sốt sắng.

- **Hội đồng hương:** các hội đồng hương tại Thái Lan thường là của các anh chị em trong một giáo xứ sống rải rác khắp mọi vùng trên đất nước Thái Lan. Họ chọn một ngày chung chẵn hạn như ngày chầu Thánh Thể của giáo xứ tại quê nhà hoặc ngày lễ Bồn mạng của giáo xứ quê nhà làm ngày sinh hoạt chung. Nếu có dịp anh chị em cũng mời cha xứ của giáo xứ họ sang chủ tế Thánh lễ, gặp gỡ và giáo huấn con em xa quê hương. Các hội đồng hương hiện có tại Bangkok như đồng hương Phú Thọ, đồng hương Ngô Xá, Thu Chỉ, Vạn Thành, Trung Nghĩa-Cửa Sốt.... Đôi khi cũng có những tổ chức cho việc gặp

³⁵ Trước khi đại dịch Corona Covid-19 xảy ra thì 11 nhóm sinh hoạt bình thường, tuy nhiên từ khi đại dịch đến nay, anh chị em trở về quê hương, hoặc có một số nơi chưa cho phép có lễ Tiếng Việt thì nay chỉ còn duy nhất 1 nhóm có Thánh lễ Tiếng Việt trong Tgp. Bangkok là nhóm Bangbon. Mong sao dịch kết thúc để mọi sinh hoạt trở lại bình thường.

gõ giáo phận như Đại hội di dân Giáo phận Vinh lần I và II được tổ chức vào năm 2016 và 2017.

- Liên hiệp giáo phận: Trước những nhu cầu sinh hoạt tôn giáo và tâm linh của anh chị em di dân vào khoảng 2006 chỉ có một số cha và một số người Thái gốc Việt đã liên hệ các nhà thờ để có Thánh lễ tiếng Việt cho anh chị em. Tuy nhiên do thời cuộc khó khăn nên Thánh lễ tiếng Việt vào thời đó chỉ tổ chức một năm một hoặc hai lần. Năm 2010, nhận thấy nhu cầu tâm linh của anh chị em di dân ngày càng lớn nên Hiệp Hội Công giáo Việt Nam đã được thành lập và chính thức có vị linh mục linh hướng đầu tiên với các nhóm tại khắp nơi trên đất Thái Lan. Cuối năm 2017 với sự quan tâm của Hội đồng Giám mục Thái Lan, Ủy ban Mục vụ Di dân Việt Nam tại Thái Lan ra đời. Ủy ban này có vị chủ tịch là một linh mục người Thái gốc Việt và được đặt dưới sự bảo trợ của Hội đồng Giám mục Thái Lan. Ủy ban này gồm nhiều linh mục người Việt, mỗi vị đặc trách một giáo phận hoặc phụ trách các công việc đặc thù khác như bác ái xã hội...

IV. Những ưu tư, thao thức và nguyện vọng

1. Với Xã hội và Giáo hội địa phương

Đối với xã hội: Thực ra với những suy tư dưới đây, người viết sẽ chẳng thay đổi được gì so với những gì đang diễn ra tại Thái Lan hiện nay bởi có cả một hàng rào luật lệ và tình trạng làm việc bất hợp pháp của anh chị em di dân. Chính vì thế những suy tư này như chỉ là những đề xuất, những mong ước, những khát vọng để có thể giúp cho cuộc sống của anh chị em di dân được tốt hơn.

Thành phần di dân đóng góp vào việc phát triển cho xã hội tại địa phương rất nhiều, họ sẵn sàng làm những việc điền vào chỗ trống mà dân địa phương không muốn làm, chẳng hạn như phục vụ trong các nhà hàng, giữ xe, xoa bóp, giữ trẻ, làm vệ sinh, dọn dẹp... nhưng họ lại không được hưởng những thành quả do công mình làm ra cho xứng đáng. Đặc biệt họ không có một quyền lợi nào về kí kết lao động, bảo hiểm lao động, bảo hiểm y tế... Chính vì thế ước mong lớn

nhất là sao cho chính phủ Thái Lan ký kết hợp đồng lao động phổ thông, để mọi người được có quyền sống, quyền lao động hợp pháp. Chính Công đồng Vatican II cũng mời gọi xã hội dân sự đảm bảo công bằng cho người di dân. Đó không những là một đòi hỏi cần thiết, nhưng đó là một phận vụ công bằng của xã hội dân sự.

Sự di chuyển là điều cần thiết đối với nền kinh tế đang phát triển, tuy nhiên, sự công bằng và quân bình đòi hỏi phải tổ chức sự di chuyển ấy thế nào để đời sống cá nhân cũng như gia đình không bị xáo trộn và bấp bênh. Những công nhân từ một quốc gia hay một miền khác đến, cũng là những người góp công vào việc phát triển kinh tế của một nước hay một miền, nên cần phải cố gắng tránh mọi dị biệt về điều kiện lương bổng và việc làm. Hơn nữa, mọi người, nhất là chính quyền, phải coi họ như những nhân vị, chứ không phải chỉ như những công cụ sản xuất; phải giúp đỡ để họ có thể đưa gia đình đến và có thể kiếm được một nơi nương thân đàng hoàng; cũng phải cho phép họ dễ dàng gia nhập đời sống xã hội của quốc gia hay miền đất nào đón tiếp họ.³⁶

Chính phủ cần phải tránh chỉ phục vụ họ theo hình thức từ thiện mà thôi. Nên mời gọi họ tích cực tham gia vào một xã hội, trong đó mọi người đều là thành viên tích cực và có trách nhiệm đối với thiện ích của nhau, cùng quảng đại cống hiến một cách sáng tạo và chia sẻ một cách hợp pháp những quyền lợi và nghĩa vụ như nhau.³⁷

Tôn trọng văn hóa riêng của người di dân: Dù rằng với người di dân Việt Nam chưa được chính thức làm việc tại Thái Lan, điều này có nghĩa là người di dân đang làm việc bất hợp pháp, nhưng Đấng Tạo hóa không có làm những việc bất hợp pháp. Nhà nước cần xúc

³⁶ Xc. Vatican II, *Gaudium et Spes*, số 66

³⁷ Sứ Điệp Của Đức Thánh Cha Biển Đức XVI nhân Ngày Thế giới Di dân Và Tị nạn, Năm 2013.

tiến việc ký kết lao động, và cần phải theo đuổi một ngôn từ thay vì mang theo một sự lên án. Giáo huấn của Giáo hội mời gọi lưu tâm đến “những quyền lợi của các người di cư và gia đình của họ, và tôn trọng phẩm giá của họ, ngay cả trong trường hợp nhập cư bất hợp pháp”.³⁸

Với người di dân: Cổ nhân dạy, “Đáo giang tùy khúc, nhập gia tùy tục”. Điều ấy có nghĩa là người di dân cần phải tìm hiểu văn hóa địa phương để dần dần hội nhập và làm cho nền văn hóa ấy thâm nhập và trở nên phong phú hơn. Tuy nhiên việc hội nhập cá nhân vào một xã hội mới, văn hóa mới, cảm nghiệm mới về Giáo hội của người di dân không thể bị bắt ép và rập theo khuôn mẫu của văn hóa địa phương. Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo đòi hỏi phải tôn trọng và chấp nhận các tập tục văn hóa của người nhập cư, miễn là chúng không đi ngược với các giá trị luân lý phổ quát nằm trong luật tự nhiên hoặc các quyền lợi căn bản của con người.³⁹

Đối với Giáo hội địa phương: Hội đồng Giám mục Thái Lan trong những năm qua đã quan tâm rất nhiều đến anh chị em di dân Việt Nam tại Thái Lan. Chính Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê Kriengsak – Chủ tịch Hội đồng Giám mục đã đến thăm và dâng lễ với anh chị em di dân Việt Nam vào ngày 05-08-2018. Hơn nữa vào cuối năm 2017, chính Hội đồng Giám mục Thái Lan đã lập nên Ủy ban Di dân Công giáo Việt Nam tại Thái Lan và đặt dưới sự bảo trợ của Hội đồng. Đây là một điều đáng mừng vì ít nhiều, anh chị em di dân Việt Nam đã có sự quan tâm nhất định của Giáo hội địa phương. Thế nhưng, nếu chỉ có những quan tâm từ phía các vị lãnh đạo thì chưa đủ, mà đòi hỏi sự quan tâm của mọi thành phần trong Giáo hội địa phương như các cha xứ, các giáo dân trong việc tôn trọng và gia tăng căn tính văn hóa của người di dân. Văn hóa này bao gồm cả tâm linh và tôn giáo, gắn liền với căn tính của người di dân. Nó giúp cho họ có nơi nương tựa khi họ gặp phải một xã hội xa lạ, thường mang bộ mặt thế tục hóa. Kinh nghiệm cho thấy rằng một khi người di dân

³⁸ Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Tông huấn Ecclesia in America*, Mexico, Ngày 22-1-1999, số 65.

³⁹ Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Sứ điệp Ngày Hòa Bình Thế Giới*, Ngày 01-01-2001, số 13

cảm thấy thoải mái tại Giáo hội địa phương⁴⁰ sẽ giúp họ có đời sống tâm linh và văn hóa phong phú hơn.

Giáo hội địa phương cần giúp cho người di dân cảm thấy thoải mái khi nhận thấy được sống như nhà của mình có thể tự biểu lộ bằng “ngôn ngữ, phụng vụ, linh đạo, các truyền thống riêng”. Đó là tiến trình của sự “hội nhập Giáo hội, làm cho Giáo hội thêm phong phú” và biểu lộ động lực nhập thể của Con Thiên Chúa.⁴¹ Chính Giáo hội và chỉ có Giáo hội mới giúp cho người di dân thực hiện các quyền lợi của mình một cách trọn vẹn; “Quyền lợi của các tín hữu di dân được tự do hội nhập vào Giáo hội”,⁴² trong đó có cả quyền thăng tiến con người “Tôn trọng và thăng tiến căn tính văn hóa của những người di dân”.⁴³ Khi người di dân không bị cưỡng bách, họ sẽ góp phần vào việc làm nổi bật tính chất phổ quát của Giáo hội, nghĩa là “sự mở rộng đến người khác, sẵn sàng chia sẻ và sống trong cùng một sự hiệp thông Giáo hội”.⁴⁴ Giáo hội địa phương có nhiệm vụ tỏ tình liên đới với các công nhân di dân⁴⁵ và huấn luyện dư luận để tranh đấu sự công bình cho họ.

⁴⁰ Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân Và Tị nạn*, Năm 1982: “Sự hiện diện đặc thù của Giáo hội trong những cơ cấu và cơ quan của việc chăm sóc mục vụ dành cho di dân”. Về sự tiến triển của các lối tiếp cận mục vụ biết tôn trọng các ngôn ngữ, văn hóa và truyền thống của di dân, xem Bộ Giáo Luật, các điều 787 §1, 769, 518, và 214.

⁴¹ Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân Và Tị nạn*, Năm 1986: “Quyền lợi của các tín hữu di dân được tự do hội nhập vào Giáo hội”. Xem thêm: Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân Và Tị nạn*, Năm 1981: “Tôn trọng và thăng tiến căn tính văn hóa của những người di dân”.

⁴² Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân Và Tị nạn*, Năm 1986

⁴³ Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân Và Tị nạn*, Năm 1981

⁴⁴ Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Tông huấn Ecclesia in America*, Mexico, Ngày 22-1-1999, số 65.

⁴⁵ Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân Và Tị nạn*, Năm 1982: “Sự hiện diện đặc thù của Giáo hội trong những cơ cấu và cơ quan của việc chăm sóc mục vụ dành cho di dân”.

Chính Đức Bênêđictô 16 đã mời gọi người Kitô hữu địa phương hãy niềm nở đón nhận anh chị em di dân như chính Đức Kitô. Đức Kitô xưa kia, hơn ai hết, cũng là một người di dân khi mới lọt lòng mẹ. Ngài cũng mang trong mình thân phận nay đây mai đó. Sống như thế, lòng hiếu khách và sự liên đới với những anh chị em xa lạ, nhất là với các trẻ em, trở thành sự công bố Tin Mừng về tình liên đới. Giáo hội loan báo điều này khi Giáo hội mở rộng vòng tay và tranh đấu để quyền lợi của người di dân và tị nạn được trân trọng, để thôi thúc các nhà lãnh đạo các quốc gia, và những người có trách nhiệm trong các tổ chức và cơ chế quốc tế nhằm cổ võ những đề xuất thích đáng nâng đỡ người di dân.⁴⁶

Giáo hội sở tại cũng nên thông tri cho tất cả các vị mục tử tại địa phương có di dân để các vị đón nhận, hướng dẫn anh chị em di dân vào trong cộng đoàn của mình. “Người ngoại kiều cư trú ở trên đất nước phải được đối xử như một công dân trên đất người; người phải yêu thương người ngoại kiều như chính mình, bởi vì người đã từng là ngoại kiều trên đất Ai Cập: Ta là Giêhôva Thiên Chúa của người” (Lv 19,33). Các anh chị em di dân có một tinh thần và sự cộng tác để tham dự vào sinh hoạt của các giáo xứ nơi mình cư ngụ. Anh chị em cần coi cha xứ bản địa như là cha xứ thứ hai của mình, sau cha xứ tại quê hương.

Vì thế toàn thể Hội Thánh trong quốc gia chủ nhà cần cảm thấy mình thật sự quan tâm và nhập cuộc để lo cho di dân. Điều đó có nghĩa là các Giáo hội địa phương phải xét lại mục vụ chăm sóc, lên chương trình thế nào để giúp các tín hữu di dân sống đức tin cách chân chính trong bối cảnh mới, đa văn hoá và đa tôn giáo ngày nay.⁴⁷

⁴⁶ Đức Bênêđictô XVI, *Sứ Điệp Nhân Tuần Lễ Di Dân và Tị Nạn: 3-10/01/2010*. Truy cập ngày 03/09/2020; <http://liendoanconggiao.net>.

⁴⁷ Hội đồng Giáo hoàng về Mục vụ Di dân, *Erga Migrantes Caritas Christi – Tình yêu Đức Kitô dành cho Di dân* (Bản dịch Việt ngữ của Ủy ban Mục vụ Di dân – Hội đồng Giám mục Việt Nam), số 41

2. Đối với Giáo hội Việt Nam

Hội đồng Giám mục Việt Nam: Kể từ năm 2009 sau cuộc viếng thăm của Đức Hồng Y Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn, lúc ấy ngài là chủ tịch Ủy ban Di dân của Hội đồng Giám mục Việt Nam thì cho tới nay chưa có một cuộc viếng thăm và làm việc tương tự với Hội đồng Giám mục Thái Lan. Chính vì vậy mối quan tâm của Hội đồng Giám mục Việt Nam đối với người di dân Công giáo tại Thái Lan có thể nói là gần như không có. Năm 2018 người viết cũng có về trình bày với Đức Giám mục Giuse Đỗ Mạnh Hùng khi đó là chủ tịch Ủy ban Di dân của Hội đồng Giám mục Việt Nam để mời ngài viếng thăm, làm việc và đưa ra những chương trình cụ thể với anh chị em di dân Việt Nam tại Thái Lan, nhưng rất tiếc những đề nghị này không được như kỳ vọng. May thay có Đức Giám mục của Giáo phận Vinh là Đức Cha Hợp đã hai lần sang Thái Lan, gặp gỡ con dân di dân của giáo phận Ngài và đặc biệt đã tiếp kiến Đức Hồng Y chủ tịch Hội đồng Giám mục Thái Lan là Đức Phanxicô Xaviê Kriengsak vào năm 2016 và 2017. Sau cuộc gặp gỡ này cũng đã mở ra một kết quả tốt đẹp đó là Ủy ban Mục vụ Di dân Việt Nam đã được thành lập dưới sự điều hành của Hội đồng Giám mục Thái Lan. Đức Cha phụ tá Giáo phận Vinh là Phêrô Nguyễn Văn Viên cũng đã thăm mục vụ và cử hành Thánh lễ với con em dân di dân Giáo phận Vinh tại Thái Lan một lần vào năm 2016.

Chính vì thế người viết xin đề nghị: Xin Hội đồng Giám mục Việt Nam, các giám mục đặc biệt là Đức cha phụ trách Ủy ban Di dân, quan tâm gửi người tới để giúp anh chị em di dân một cách có chương trình, cụ thể và lâu dài hoặc chí ít thì cũng có một linh mục cộng tác (có thể là từ xa) với các linh mục Việt Nam hiện đang làm việc tại Thái Lan để nắm bắt những thông tin, những khó khăn, những thách đố mà con cái mình đang phải đối diện nơi đất khách quê người. Để từ đó cùng với Giáo hội địa phương nơi anh chị em di dân đang sống hợp tác với chính quyền trong việc cải tiến luật pháp, đặc biệt là trong trường hợp người di cư trở về nguyên quán mà không gặp phải nguy hiểm. Giáo hội cần phải là nơi mà những người nhập cư “được nhìn nhận và đón tiếp như những anh chị em. Các giáo phận có nhiệm

vụ bảo đảm cho những người buộc phải sống ngoài mạng lưới an toàn của xã hội dân sự, được cảm nhận tình huynh đệ trong cộng đoàn Kitô hữu”.⁴⁸

Thường thì mỗi giáo phận đều có một linh mục đặc trách di dân của giáo phận mình, chính vì thế các giáo phận có nhiều anh chị em di dân làm việc tại Thái Lan như Giáo phận Vinh, Hà Tĩnh, Hưng Hóa, cần tìm cách liên lạc mật thiết, cụ thể hơn với Giáo phận Bangkok là nơi đa số di dân đang làm việc để có sự thống nhất hơn trong cách làm việc, trong việc mục vụ các bí tích và nhất là liên đới giúp trong sự hiệp thông và cầu nguyện.

Chúng tôi mong ước có những chương trình chuẩn bị cho các anh chị em di dân trẻ trước khi rời khỏi quê hương để họ có được những chuẩn bị khi bước vào một cuộc sống xa lạ để tránh khủng hoảng đức tin. Việc làm này của các vị mục tử tại giáo xứ hoặc giáo phận tại quê hương. Bên cạnh đó việc phổ biến Giáo luật và dân luật cho những người di dân là điều cần thiết để khi hội nhập, họ không ngỡ ngàng, tự ti với thân phận “vô xứ” bơ vơ lạc lõng nơi xứ người.

3. Đối với các linh mục và tu sĩ đang giúp cho di dân tại Thái Lan

Về phía các linh mục Việt Nam đang làm việc tại Thái Lan: Tất cả các linh mục và tu sĩ phục vụ cho anh chị em di dân hiện nay đều thuộc dòng tu, nên gặp những khó khăn nhất định với dòng và với các bề trên. Hơn nữa, việc phục vụ di dân không phải là việc chính của các linh mục tu sĩ hiện tại bởi vì các vị được bài sai đi học, dạy học ở các trường học, quản nhiệm các giáo xứ của người Thái... Chính vì thế câu hỏi làm sao để các linh mục dần thân phục vụ cho các bạn di dân khi đó không phải là công việc chính được nhà dòng cất cử? Các tu sĩ, linh mục có sẵn sàng phục vụ cho anh chị em di dân không? Khi mà đó không phải là việc do nhà dòng sai và không nhận lại được bất cứ bổng lộc từ anh chị em di dân? Tại Việt Nam một số dòng tu cũng sẵn sàng gửi các linh mục qua Thái làm việc, nhưng để

⁴⁸ Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Sứ điệp Ngày Thế giới người Di dân Và Tị nạn*, Năm 1995, số 5.

ở lại thì cần có visa và việc xin được visa của Thái cũng không phải là dễ. Chính vì thế câu hỏi đặt ra là có cách nào để lo visa cho các linh mục và tu sĩ để phục vụ cho các bạn di dân?

Cần lắm có một nơi có thể gọi là trung tâm: nơi tĩnh tâm, tổ chức Thánh lễ, các sinh hoạt, hoặc đơn giản chỉ là văn phòng để có thể tiếp đón tất cả anh chị em di dân đến khi có vấn đề gì cần thiết liên quan đến đời sống xã hội và tâm linh. Hiện tại thì người di dân Việt Nam chưa có bất cứ một nơi nào cho các vấn đề trên cho nên nhiều khi phụ thuộc rất nhiều vào sự quảng đại của các vị mục tử địa phương. Nơi nào vị mục tử cởi mở, và quảng đại thì anh chị em di dân được nhờ, còn không thì phải chờ đợi, hoặc phải chấp nhận những khó khăn ngoài ý muốn.

Giáo dục đức tin: Việc giáo dục đức tin là việc làm cần thiết cho anh chị em di dân hiện đang sống tại Thái Lan. Họ không được chuẩn bị nền tảng trước cuộc sống xô bồ của đời thực, cho nên khi xa quê hương, xa chiếc nôi đức tin và thiếu cộng đoàn sống đạo, họ xao lãng bỏ bê, và niềm tin của họ bị lung lay tận gốc. Vì đức tin được sinh ra từ một cuộc gặp gỡ diễn ra trong lịch sử và soi sáng cuộc hành trình của chúng ta qua thời gian, nó phải được truyền lại trong mọi thời đại”.⁴⁹ Việc giáo dục này không chỉ tập trung vào việc tổ chức các Thánh lễ Chúa Nhật, các bí tích Rửa tội và khóa hôn nhân chuẩn bị hôn phối mà cần lắm những khóa tĩnh tâm cho các gia đình trẻ, thăng tiến hôn nhân, những chương trình giáo dục tâm lý chẳng hạn việc giáo dục con từ xa, những tư vấn viên có kinh nghiệm, chuẩn bị cho họ có một đời sống đức tin vững chắc để dù sống giữa trăm chiều thử thách, họ vẫn trung thành và giữ vững đức tin của mình.

Tạo sân chơi: Tạo sân chơi có các anh chị em di dân. Hiện tất cả mục vụ của các mục tử Việt Nam tại Thái Lan chỉ mới dừng lại việc tổ chức Thánh lễ Chúa Nhật cho các nhóm, nên rất cần có những hoạt động khác như thể thao, giải trí, những câu lạc bộ cho các giới như trẻ em, cho thanh niên và trung niên.

Cần sự cảm thông: Anh chị em di dân khi sống tại một môi trường văn hóa hoàn toàn xa lạ rất cần sự cảm thông của các mục tử.

⁴⁹ x. ĐTC Phanxicô, Thông điệp Ánh Sáng Đức Tin –*Lumen Fidei*– s.38

Nơi quê nhà, họ nhận được nhiều chia sẻ từ gia đình, cộng đoàn giáo xứ, xã hội, còn nơi đất khách quê người chỉ còn là những người cùng quê hương, hoặc ít người họ hàng. Chính vì thế người mục tử cần lắm tấm lòng cảm thông để giúp anh chị em di dân sống đức tin cách sốt sắng và hiệu quả.

Mục vụ sinh viên: Hiện nay mục vụ cho sinh viên, những sinh viên Công giáo qua Thái Lan học tập chưa được quan tâm hay đúng hơn chưa có một chương trình nào cho đối tượng này. Cho nên một số bạn cảm thấy lạc lõng, không biết nương tựa vào đâu khi cần trao đổi về đời sống thiêng liêng. Có những bạn sinh viên cảm thấy chới với nơi một xã hội có nền văn hóa khác với văn hóa bản địa, một số khác phải lội ngược dòng trước những trào lưu buông thả của các sinh viên và giới trẻ nơi đất nước tự do.

Xin cùng chung tay, cùng đồng hành, cùng nâng đỡ, giáo dục cho các anh chị em di dân đặc biệt cho những người trẻ, để: “Người trẻ sẽ không chỉ là hy vọng cho ngày mai, nhưng phải là người trẻ cho hôm nay, là nguồn năng lực và khí lực cho xã hội và Giáo hội”.⁵⁰

Tạm kết

Cuối cùng để kết thúc bài viết này tôi xin được nhắc lại một câu hỏi mà một người đã đặt ra cho tôi rằng, liệu đất nước Thái Lan có phải là nơi ước mơ để di dân Việt Nam tìm đến làm việc và sinh sống không? Việc trả lời câu hỏi này thật không dễ dàng, nhưng tôi chỉ có thể nói nơi đây – đất nước Thái Lan đã giúp cho rất nhiều gia đình trẻ ở Việt Nam đổi đời. Họ xây được nhà to hơn, cao hơn, con cái của họ cũng được học hành nhiều hơn, các đóng góp giúp cho các xứ đạo quê hương cũng vì đó mà được tăng lên đáng kể. Nhưng ở đâu đó ta vẫn thấy câu nói của ông bà ta rằng, có làm thì mới có ăn, không dung ai để đem phần đến cho. Để kiếm được đồng tiền mưu sinh tại Thái Lan và gửi về quê hương, thì người di dân tại Thái Lan đã phải

⁵⁰ FABC, “Làm Mới lại Giáo hội Á Châu: Sứ Mạng của Yêu Thương và Phục Vụ,” Samphan, Thái Lan ,Ngày 3 tháng 1, năm 2000 , trong *For All the Peoples of Asia*, số. 3, Franz-Josef Eilers, ed. (Thành Phố Quezon: Nxb Claret, 2002), 9.

chấp nhận những giọt mồ hôi, những giọt nước mắt, bất bớ, ngược đãi và bằng cả chính mạng sống của chính mình.

Chính vì thế sự quan tâm của toàn xã hội và Giáo hội đối với người di dân là điều rất cần thiết để hiểu họ hơn, giúp cho họ có cuộc sống căn bản của nhân vị cũng như bảo đảm quyền làm người của họ. Cuộc sống của người di dân nơi xứ người luôn chịu đủ thứ thiệt thòi, như chính trong Sứ điệp Ngày Thế giới Di dân và Tị nạn, năm 2019, Đức Thánh cha Phanxicô đã diễn tả: “Thế giới hiện tại ngày càng ưu việt nhưng lại càng ngày càng khốc liệt hơn với những người bị loại trừ. Những người di dân và tị nạn, những người tản cư và các nạn nhân nạn buôn người đang trở thành biểu tượng sự loại trừ, vì ngoài thân phận đau thương của họ, họ còn phải chịu nhiều thành kiến tiêu cực, coi họ như nguyên nhân gây ra các tai ương xã hội...”.

Chúng ta cùng mơ ước về một tương lai với người di dân hy vọng về một cuộc sống tốt đẹp hơn, sung túc hơn, đồng thời anh chị em di dân Công giáo luôn sống đức tin của mình cách kiên định trong mọi môi trường và sẵn sàng “Đi – Đứng sợ - Phục vụ”⁵¹ để tin, sống và loan truyền niềm tin của mình trong bất cứ nơi đâu và bất cứ hoàn cảnh nào.

⁵¹ x. Đức Thánh Cha Phanxicô, *Bài giảng Thánh lễ Bế mạc WYD Rio De Janeiro 2013*.

Chương 8

VAI TRÒ CỦA MẠNG XÃ HỘI TRONG ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA LAO ĐỘNG NHẬP CƯ VIỆT NAM TẠI THÁI LAN

LM Anthony Lê Đức, SVD, PhD

Tháng 7/2019, tôi nhận được tin nhắn từ một lao động nữ Việt Nam nhập cư bất hợp pháp tại Thái Lan. Nội dung tin nhắn cho biết, chị và một số đồng nghiệp đã bị cảnh sát Thái Lan đột kích bắt từ tối hôm trước, khi đang làm việc tại một nhà hàng ở tỉnh Nonthaburi.¹ Thêm nữa, hiện tại, chị và các đồng nghiệp đang bị tạm giữ trong đồn cảnh sát chờ chủ thuê tìm cách thương lượng để được thả. Nếu việc thương lượng không thành công, thì tất cả sẽ bị khởi tố với tội danh làm việc trái phép, và sẽ bị trục xuất khỏi Vương quốc Thái Lan.

Ngoài ra, người phụ nữ này còn tiết lộ một “bí mật” sau. Khi đang bị tạm giữ trong đồn cảnh sát, chị xin cảnh sát dùng điện thoại để liên lạc với người nhà và nhờ họ đem giấy tờ đến. Nhưng thực tế, chị nhắn tin cho tôi nhờ cảnh báo trên trang Facebook cho mọi người biết, đồng thời cảnh giác việc cảnh sát địa phương đang có đợt truy bắt người Việt lao động trái phép, chứ không phải vì muốn nhờ tôi giải quyết sự việc, một điều vốn ngoài khả năng giúp đỡ của tôi. Vì trang Facebook cá nhân của tôi có rất nhiều di dân Việt Nam tại Thái Lan theo dõi, nên chị nghĩ rằng những thông tin này sẽ sớm đến được với mọi người để họ phòng tránh và cảnh giác.

¹ Nonthaburi, một tỉnh lớn, sát thủ đô Bangkok, đang phát triển mạnh với nhiều xa lộ rộng lớn và một số tuyến tàu điện được kết nối vào hệ thống tàu điện của thủ đô Bangkok. Vì lượng công việc trong nội thành không đủ nên nhiều người Việt đã tìm đến những tỉnh lân cận để mưu sinh.

Câu chuyện trên đây cho thấy, việc gửi và nhận thông tin qua mạng xã hội, đặc biệt hai ứng dụng Facebook và Messenger đã trở nên một phần không thể thiếu trong đời sống của lao động nhập cư Việt Nam (LĐNCVN) tại Thái Lan. Có thể nói, mạng xã hội đóng vai trò rất quan trọng trong việc giúp mọi người liên lạc với nhau. Ngoài ra, thông qua câu chuyện trên, mạng xã hội còn có chức năng giúp LĐNCVN tại Thái Lan đối phó với những khó khăn và khủng hoảng mà họ phải đối diện trong cuộc sống hằng ngày; một cuộc sống mà không được pháp luật nước sở tại nhìn nhận. Nếu xét theo chiều kích xã hội học, họ được gọi là nhóm người sống bên lề xã hội (socially marginalized group). Do đó, họ sẽ phải đối diện với rất nhiều thiệt thòi trong cuộc sống.

Bài viết này sẽ trình bày về những thiệt thòi mà LĐNCVN đang phải đối diện trong đời sống hằng ngày, đồng thời nêu bật vai trò của mạng xã hội trong việc đối phó và giải quyết những khó khăn, đặc biệt trong thời gian khủng hoảng của đại dịch Covid-19 vừa qua. Thông qua bài viết, chúng ta nhận ra được rằng, LĐNCVN đã sử dụng mạng xã hội như là công cụ trợ giúp họ vượt qua những khó khăn trong cuộc sống, đồng thời bù đắp lại phần nào những thiệt thòi khi họ không được chính quyền và hệ thống pháp lý bảo vệ. Ngoài ra, bài viết cũng mời gọi các vị mục tử, các vị lãnh đạo cộng đồng cần trau dồi thêm kiến thức về mạng xã hội cũng như thường xuyên truy cập và theo dõi các thông tin hằng ngày để có thể đồng hành, nâng đỡ, và trợ giúp tốt hơn cho cộng đồng LĐNCVN ở Thái Lan cũng như ở các nước khác trên thế giới.

Bài viết này được tổng hợp từ cái nhìn và quan điểm của một người đã làm việc mục vụ di dân Việt Nam tại Thái Lan suốt 14 năm qua. Từ 10 năm trở lại đây, mạng xã hội đã góp phần không nhỏ trong công việc mục vụ với và cho nhóm người được bàn tới ở đây. Vì thế, lập luận của bài viết nhấn mạnh rằng mạng xã hội, khi được sử dụng một cách có ý thức và có chủ đích tốt, có thể bù đắp phần nào cho những hạn chế xuất phát từ cơ chế xã hội hoặc rào cản của luật pháp. Đồng thời, nó là động lực tinh thần giúp các lao động di dân bất hợp pháp vượt qua những áp lực thách thức mà họ đang phải gánh chịu.

Những thách đố của LĐNCVN tại Thái Lan

Những đề tài nghiên cứu về lao động nhập cư trái phép ở các quốc gia trên thế giới, nói chung, không phải là một đề tài nghiên cứu mới mẻ. Nó đã được các chuyên gia nghiên cứu trong nhiều bối cảnh khác nhau trên toàn cầu. Ngoài ra, cũng có một số bài viết nói về tình trạng LĐNCVN tại Thái Lan. Tuy nhiên, các bài viết này chưa đi sâu và nêu bật được những thiệt thòi mà các LĐNCVN phải đối diện trong cuộc sống hằng ngày. Do đó, phần dưới đây sẽ nêu bật những thiệt thòi mà LĐNCVN ở Thái Lan đang phải đối diện, đồng thời chỉ rõ vai trò của mạng xã hội trong việc khắc phục những thách đố đó.

Thái độ miệt thị của người bản xứ qua “cách gọi”

Tại Thái Lan, các lao động nhập cư, đặc biệt các LĐNCVN, Cambodia, Lào và Myanmar luôn được các nhà chức trách và giới truyền thông gọi là “khòn tạng đao” (người ngoại bang) hoặc “rèng ngàn tạng đao” (lao động ngoại bang). Tuy nhiên, khi nói về những người đến từ các nước khác, đặc biệt những khách du lịch hoặc các chuyên gia nước ngoài thì họ ít khi sử dụng những cụm từ này. Thay vào đó, họ sử dụng các từ “khòn tạng chat” hoặc “khòn tạng pra-thê”.

Về cơ bản, cả ba cụm từ “khòn tạng đao”, “khòn tạng chat”, và “khòn tạng pra-thê” đều chỉ về những người không có quốc tịch Thái Lan đang lưu trú trên đất nước của họ. Trong từ điển, các cụm từ này được cho là đồng nghĩa. Tuy nhiên, trong đời sống thực tế, từ “khòn tạng đao” thường được dùng trong những tình huống mang nghĩa tiêu cực dẫn đến cảm giác bị miệt thị và xem thường. Sự khác biệt trong cách dùng các cụm từ này có thể nhận ra khi tìm hiểu trên Google. Khi dùng từ khóa “khòn tạng đao”, hệ thống Google sẽ hiện lên nội dung như: các bản tin thời sự về những cuộc họp báo của các nhà chức trách liên quan đến vấn đề lao động nhập cư; hình ảnh các lao động nước ngoài đang xuất trình giấy phép làm việc khi đang bị kiểm tra; hay những hình ảnh cảnh sát điều tra đang bắt bớ lao động nhập cư bất hợp pháp. Ngược lại, với từ khóa “khòn tạng chat”, hệ

thống Google sẽ liệt kê những hình ảnh của khách du lịch và chuyên gia nước ngoài ăn mặc đẹp đẽ, tươi cười vui vẻ.

Khó khăn về kinh tế

Đa phần các LĐNCVN tại Thái Lan xuất thân từ các tỉnh Miền Trung và Miền Bắc Việt Nam. Hai tỉnh thành có nhiều lao động đang sinh sống và làm việc ở Thái Lan nhất phải kể đến là Hà Tĩnh và Nghệ An. Ngoại trừ một vài trường hợp, đại đa số LĐNCVN tại Thái Lan đến từ các gia đình ở vùng nông thôn Việt Nam và có trình độ học vấn thấp. Chỉ một phần nhỏ trong số họ đã hoàn tất chương trình giáo dục phổ thông, hoặc có bằng tốt nghiệp đại học. Phần lớn anh chị em di dân Việt Nam ở lứa tuổi từ 16 tới 35.

Khi tới Thái Lan, các LĐNCVN chủ yếu làm những công việc tay chân như: phục vụ ở các nhà hàng, quán ăn, quán rượu, vũ trường, các xưởng may, hoặc bán hàng tự do như hoa quả, nước giải khát, kem, và thức ăn tươi sống tại các khu chợ hoặc trên các đường phố. Thời gian làm việc từ 10 đến 15 tiếng đồng hồ mỗi ngày, và rất ít người có ngày nghỉ hằng tuần ngoại trừ một số dịp lễ lớn khi các cửa hàng đồng loạt đóng cửa.

Bị các quan chức tham nhũng, bóc lột

Để được mưu sinh tại Thái Lan, các LĐNCVN phải bỏ ra nhiều khoản tiền. Ngay từ khi đặt chân đến cửa khẩu đường bộ tại các tỉnh như Nong Khai và Nakhon Phanom dọc biên giới Thái-Lào, người Việt đã phải trả một vài khoản phí. Khi nhập cảnh, những người mang hộ chiếu Việt Nam không được xếp hàng làm thủ tục như bao nhiêu người từ các nước khác. Thay vào đó, họ được hướng dẫn xếp thành một hàng riêng, hàng này sẽ dẫn vào một phòng kín để làm thủ tục. Tại phòng đó, ngoài các thủ tục căn bản thì người muốn nhập cảnh còn phải trả thêm một khoản tiền không chính thức (lót tay) nếu họ bị nghi là đến Thái Lan với mục đích làm việc chứ không phải để du lịch. Điều này nhân viên hải quan có thể dễ dàng xác nhận bằng cách kiểm tra số lần người nhập cảnh đã “ra vào Thái” khi xem các

con dấu trên hộ chiếu hoặc nhập số hộ chiếu vào hệ thống dữ liệu của Cục di trú. Khác với người Việt Nam, những người nhập cảnh tại những quầy làm thủ tục khác lại không phải trả khoản tiền này.

Ngoài việc phải hối lộ cho nhân viên hải quan ngay khi nhập cảnh, họ còn phải trả thêm một khoản tiền để chi cho cảnh sát nơi họ làm việc. Một lao động nhập cư, chủ quán bán trái cây tại một khu chợ chiều cho hay, chị phải chi một khoản tiền hằng tháng để hối lộ cho toàn bộ bảy bộ phận khác nhau trong khu vực để được yên ổn buôn bán. Tuy nhiên, việc chi tiền cho cảnh sát khu vực không bảo đảm sẽ được thoải mái làm ăn nếu có lệnh từ cấp cao chỉ đạo kiểm tra và truy quét lao động nước ngoài bất hợp pháp.

Ngoài ra, việc các cảnh sát đi lùng bắt lao động nhập cư với mục đích tống tiền cũng rất phổ biến. Khi bắt gặp và phát hiện người nước ngoài làm việc trái phép, hay không có giấy tờ hợp pháp, hoặc có khi không nói được tiếng Thái, không hiểu luật để tự bảo vệ chính mình, những cảnh sát này thường dùng thủ đoạn đe dọa nạn nhân chỉ để tống tiền. Thông thường khoản tiền này ít thì 1,000 baht/người (khoảng 760.000 VND). Còn nếu bị bắt về đồn, những người này có thể phải chi đến hàng chục nghìn baht nếu họ muốn được tự do. Chị M. cho hay tháng 12/2020, sau khi bị bắt về đồn, chị đã phải thương lượng và trả cho cảnh sát địa phương 40.000 baht để được thả.

Việc tống tiền xảy ra ngay tại nơi kiểm tra, đôi khi ngay trong xe cảnh sát, hoặc ở một nơi nào đó mà cảnh sát đưa tới, thậm chí ở trong cả đồn cảnh sát. Trong trường hợp, sự việc đã được chuyển qua ngành di trú để khởi tố, thì người bị bắt sẽ phải bỏ ra một khoản tiền lớn để được bảo lãnh trong lúc chờ tòa xét xử. Người đứng ra bảo lãnh bắt buộc phải là người Thái. Do đó, nếu bị bắt, họ phải tốn thêm một khoản tiền để nhờ một người Thái đứng ra bảo lãnh. Sau khi ra tòa, người lao động bất hợp pháp thường bị phạt giam và chờ ngày bị trục xuất khỏi Thái Lan, đồng thời bị cấm tái nhập cảnh trong vòng 5 đến 10 năm tùy theo trường hợp. Thậm chí khi bị trục xuất, họ thường phải mua vé máy bay qua cán bộ của trại giam thuộc sở di trú, nhưng số tiền thường nhiều gấp 3-4 lần giá thực tế của vé.

Ngoài ra, để được lưu trú hợp pháp tại Thái Lan, các LĐNCVN phải làm lại giấy tờ nhập cảnh. Họ chỉ có thể ở Thái Lan

không quá 30 ngày, sau đó họ phải đi ra khỏi Thái Lan và nhập cảnh lại. Mỗi lần như vậy, họ phải chi gần 2.000 baht cho dịch vụ và nhân viên cửa khẩu.

Và dĩ nhiên, việc lao động trái phép tại Thái Lan cũng đồng nghĩa với việc họ không nhận được bất cứ trợ cấp nào từ chính phủ Thái. Một số người cho hay họ đã từng bị chủ thuê bắt làm việc nhiều giờ hơn bình thường hoặc bị lừa không được trả lương.

Những lần như vậy, các LĐNCVN chỉ biết thình lạng, cam chịu hoặc nghỉ việc để tìm công việc khác vì họ không biết cách nào để đòi hỏi quyền lợi, công lý. Ngoài ra, nếu chẳng may họ bị bệnh tật, họ phải tự trang trải chi phí điều trị của bệnh nhân quốc tế. Và chắc chắn, khi họ bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn thì chi phí điều trị có thể lên đến hàng trăm nghìn baht, một con số rất lớn so với thu nhập của họ.

Những thiệt thòi về mặt xã hội

Các LĐNCVN tại Thái Lan phải đối diện với rất nhiều thiệt thòi và bị đối xử bất công trong cuộc sống. Đa số họ phải làm việc nhiều giờ, cố những người làm hai việc để trang trải cho cuộc sống. Những điều này làm họ không có nhiều giờ để nghỉ ngơi hoặc giải trí. Nhiều anh chị em di dân Công giáo còn cho biết, họ không thể sắp xếp được thời gian để tham dự Thánh lễ Chúa Nhật bởi vì các giờ lễ trùng với giờ làm việc, không thể xin nghỉ được.

Đời sống xã hội của các LĐNCVN chủ yếu xoay quanh công việc và phòng trọ. Họ không có nhiều thời gian và cơ hội để sinh hoạt, giao lưu với người khác. Thêm vào đó, hầu hết các LĐNCVN tại Thái Lan xuất thân từ các vùng nông thôn Việt Nam, nơi gia đình và cộng đồng đóng vai trò rất quan trọng cho sự đào tạo và nâng đỡ đời sống xã hội, tâm linh và tinh thần. Đặc biệt đối với người trẻ, gia đình và cộng đồng càng cần thiết cho việc hình thành các tương quan xã hội và đạo đức.

Rất đông các LĐNCVN tại Thái Lan là người Công giáo. Họ thường được đào tạo và hướng dẫn trong một môi trường quy củ và nề nếp thông qua các đoàn thể, hội đoàn và các phong trào ở các xứ

đạo khi còn ở Việt Nam. Thế nhưng, khi họ đến Thái Lan, họ thoát ra khỏi vòng tay cha mẹ, họ mất đi sự giúp đỡ của cha xứ và cộng đồng giáo xứ nên nhiều bạn trẻ dần mất đi sự nề nếp và tính kỷ luật vốn đã gắn liền với họ khi còn ở Việt Nam. Nhiều người trong số họ trở nên bê tha trong lối sống và lười biếng trong việc thực hành đạo. Một số người chủ trương “giữ đạo tại tâm”.

Bị bắt bớ và trục xuất

Nỗi lo lớn và khủng khiếp nhất đối với LDNCVN tại Thái Lan là nguy cơ bị bắt bớ và khả năng bị trục xuất luôn rình rập. Những cuộc bắt bớ không chỉ từ những lần đi kiểm tra định kỳ mà còn từ những chiến dịch truy quét lao động nước ngoài bất hợp pháp. Tại Thái Lan, dường như mỗi năm, chính quyền đều đưa ra những chiến dịch truy bắt lao động nước ngoài bất hợp pháp.

Điển hình năm 2014, khi chính phủ quân đội được thành lập sau cuộc đảo chính, lãnh đạo chính quyền mới đã ban hành chiến dịch truy quét lao động nước ngoài bất hợp pháp, khiến hàng trăm nghìn người thuộc đối tượng nói trên phải vội vã rời bỏ Thái Lan, trong đó có cả người Việt, người Cambodia và Myanmar.

Tháng 9/2015, mọi người lại chứng kiến thêm một cuộc “xuất hành” khác, khi chính phủ Thái Lan bắt thành linh ra quyết định cấm người nước ngoài đi đóng giấy tờ tại các cửa khẩu biên giới để gia hạn thời gian lưu trú. Điều đó đồng nghĩa với việc, nếu ai không hồi hương sẽ rơi vào tình cảnh giấy tờ hết hạn và cư trú bất hợp pháp trên đất Thái.

Khoảng một năm sau, một chiến dịch khác lại được ban hành. Chiến dịch lần này nhắm chủ yếu vào những đối tượng nước ngoài “tranh giành” công việc của người bản xứ như là kinh doanh tự do, mở các quán ăn ở chợ, hoặc bán dạo trên đường phố. Các nhà chức trách thông báo trên truyền thông Thái Lan rằng những người nước ngoài chỉ nên làm những công việc mà người Thái không muốn làm. Tổ chức nhân quyền Human Rights Watch nhận định: họ chưa bao giờ thấy thái độ chống người nhập cư ở Thái Lan như thời điểm đó.

Một phần có thể, do nền kinh tế Thái Lan có phần suy thoái khiến nhiều người muốn nhắm vào ai đó để đổ lỗi.²

Các chiến dịch truy quét lao động bất hợp pháp tại Thái Lan chưa dừng tại đó. Chính quyền Thái tiếp tục đề ra những chiến dịch với quy mô lớn nhỏ và mục đích khác nhau. Ví dụ chiến dịch truy bắt các băng nhóm tội phạm nước ngoài đang hoạt động phi pháp tại Thái Lan. Chỉ trong hai tuần đầu tháng 6/2019, cảnh sát Thái Lan đã bắt giữ 2.274 người nước ngoài ở vùng Đông Bắc Thái Lan. Các băng nhóm tội phạm này chủ yếu đến từ các nước Cameroon và Colombia cũng như một số người nước ngoài nhập cảnh trái phép, làm việc bất hợp pháp hoặc cư trú quá hạn cho phép.³

Theo thống kê của chính phủ Thái Lan, chỉ hơn một năm, từ 1/7/2018 đến 13/8/2019, cảnh sát đã kiểm tra giấy tờ của 599.148 người, xử phạt 8.000 người, trục xuất 7.000 người, và tổng số tiền thu từ nộp phạt là 35,5 triệu baht.⁴

Các chiến dịch truy quét của chính quyền, cũng như những chiến dịch bôi nhọ lao động nước ngoài của truyền thông đã gây ảnh hưởng không ít đến việc mưu sinh của các LĐNCVN tại Thái Lan. Từ năm 2018, các LĐNCVN làm dịch vụ giao thịt nướng tận nhà cho hay, thu nhập của họ đã giảm đáng kể sau khi truyền thông Thái Lan đưa tin cảnh sát đi kiểm tra các “quán” làm thịt nướng trái phép và phát hiện tình trạng thiếu vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như chất lượng thịt kém.⁵ Thêm vào đó, các chiến dịch truy quét định kỳ nhằm

² Reuters, “Thailand Cracks Down on Migrant Workers as Anti-immigration Feelings Rise,” <http://www.voanews.com/a/reu-thailand-cracks-down-on-migrant-workers/3531387.html>.

³ Bangkok Post, “Immigration Police Arrest 2,000 in Isan,” <https://www.bangkokpost.com/learning/easy/1696248/immigration-police-arrest-2-200-in-isan>.

⁴ TNews, “ลุยจับต่างด้าว ทำงานผิดกฎหมายมีโทษปรับตั้งแต่ 5,000 - 50,000 บาท,” <https://www.tnews.co.th/social/518718/ลุยจับต่างด้าว-ทำงานผิดกฎหมายมีโทษปรับตั้งแต่-5,000---50,000-บาท>

⁵ News Monitor, “เวียดนามแหบ ! ลอบขายหมูกระทะเดลิเวอรี่ บุคั่นแทบช็อก สุดโศกโกรธ,” https://www.khaosod.co.th/monitor-news/news_1260853.

mục đích tổng tiền cũng gây ra không ít những khó khăn và bất ổn cho đời sống của LDNCVN, vốn đã rất thiếu sự vững chắc.

Di dân Việt Nam tại Thái Lan trong đại dịch Covid-19

Thái Lan là một đất nước du lịch, trong đó có rất nhiều khách du lịch là người Trung Quốc. Vì thế không bắt ngờ gì khi Thái Lan là nước đầu tiên ngoài Trung Quốc có người bị nhiễm Covid-19. Bệnh nhân đó là một vị khách du lịch đến từ thành phố Vũ Hán, nơi được coi là nguồn gốc của đại dịch. Việc này xảy ra ngay sau khi tổ chức Y tế thế giới (WHO) ra thông cáo vào ngày 10/1/2020 rằng căn bệnh sẽ sớm lan qua các quốc gia khác.⁶ Tuy nhiên trong tháng 1 và tháng 2, tổng số bệnh nhân tại Thái Lan vẫn tương đối thấp, chủ yếu là khách du lịch người Hoa, một số người Thái trở về từ Trung Quốc và một ít người thường xuyên giao tiếp với khách du lịch do đặc thù công việc.⁷

Đại dịch đã bắt đầu tăng mạnh tại Thái Lan từ tháng 3 sau khi có ca tử vong đầu tiên. Sau đó, chính quyền tiếp tục phát hiện một ổ dịch lớn khởi phát tại nhà thi đấu quyền anh Thái Lumpini, khiến cho hàng chục người bị lây nhiễm.

Ngày 15/3 Bộ Y tế thông báo có 32 ca nhiễm mới, con số lớn nhất kể từ khi cơn dịch xuất hiện tại Thái Lan.⁸ Chỉ hai ngày sau, số ca nhiễm trong 24 giờ đồng hồ lên tới 111, và ngày 22/3 số ca mới là 188.

Trước tình hình cơn dịch ngày càng gia tăng, chính phủ Thái Lan đã chỉ đạo hủy bỏ các sự kiện tổ chức nhân dịp lễ hội Songkran. Lễ hội Songkran là Lễ hội té nước vào tháng 4 mỗi năm. Bên cạnh đó, các trường học, địa điểm giải trí như quán bar, karaoke, mát-xa phải tạm đóng cửa để hạn chế sự lây lan trong cộng đồng.

⁶ <https://www.scmp.com/news/hong-kong/health-environment/article/3045902/wuhan-pneumonia-thailand-confirms-first-case>

⁷ <https://www.reuters.com/article/us-china-health-thailand-idUSKBN20N07N>

⁸ <https://www.bangkokpost.com/thailand/general/1879300/thailand-reports-32-new-coronavirus-cases-in-biggest-single-day-rise>

Bắt đầu từ ngày 18/3, các nước giáp ranh giới với Thái Lan như Malaysia, Myanmar, Cambodia và Lào cũng lần lượt thông báo đóng cửa khẩu đường bộ. Điển hình, kể từ ngày 20/3, chính phủ Cambodia thông báo sẽ không cho phép người Việt Nam nhập cảnh.⁹

Trong tình trạng các cửa khẩu đường bộ cũng như đường không bắt đầu ngưng hoạt động, đồng thời hàng loạt các cơ sở kinh doanh phải đóng cửa, các lao động nhập cư bị đẩy vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan: ở lại thì nguy cơ lây bệnh cao khi tại Thái Lan bệnh dịch đang bùng phát, về nước thì phải chấp nhận đi cách ly, rồi sau đó phải bị thất nghiệp vô thời hạn. Nhiều người trong số họ đã chọn cách ở lại, ráng sống qua ngày chờ đại dịch sớm qua để tiếp tục công việc.

Thời điểm đó, tỉ lệ lây nhiễm ở các nước láng giềng với Thái Lan rất thấp nên những ai quyết định trở về nước đều tìm cách về bằng đường bộ. Quyết định hồi hương cũng là điều dễ hiểu vì chính phủ Thái Lan đã đưa ra thông báo chỉ có người Thái mắc bệnh Covid-19 mới được điều trị miễn phí, trong khi người nước ngoài phải tự chi trả mọi chi phí cho việc điều trị. Vì thế từ ngày 20-25/3 đã có vô số lao động nhập cư từ các nước Myanmar, Lào, Cambodia và Việt Nam đổ xô quay trở về nước để tránh dịch.

Khi đại dịch bắt đầu bùng phát tại Thái Lan giữa tháng 3, các LĐNCVN bị rơi vào hoàn cảnh rất khó khăn. Nhiều lao động chỉ vừa mới trở lại Thái Lan sau thời gian về quê sum vầy bên gia đình vào dịp Tết nguyên đán. Nhiều người trong số họ đang tìm việc, hoặc mới bắt đầu công việc. Số khác chưa kịp nhận lương tháng đầu thì đã phải ngừng việc vì chính phủ Thái Lan ra lệnh phong tỏa toàn quốc. Họ bị đặt vào tình thế khó. Nếu về quê thì họ phải đối phó với tình trạng thất nghiệp, nhưng nếu ở lại thì phải đương đầu với tình trạng bất ổn do lệnh phong tỏa. Nhiều người lo lắng rằng khi các cửa khẩu ngưng hoạt động, họ không thể đi gia hạn hằng tháng như mọi khi. Điều đó đồng nghĩa với việc họ trở thành người sống bất hợp pháp ở Thái Lan. Thời điểm đó, chính phủ Thái Lan chưa đưa ra bất cứ quyết định nào

⁹ <https://www.garda.com/crisis24/news-alerts/324841/cambodia-entry-restrictions-expanded-as-of-march-20-update-3>

về việc người nước ngoài bị kẹt tại Thái Lan mà không thể gia hạn giấy tờ.

Một trở ngại khác cũng khiến cho không ít LĐNCVN hoang mang đó là họ không thể hiểu, hoặc nắm rõ tình trạng dịch bệnh tại Thái Lan, vì gặp trở ngại về ngôn ngữ. Mặc dầu, hầu hết LĐNCVN có thể giao tiếp bằng tiếng Thái trong công việc, nhưng họ không có đủ khả năng để hiểu thấu đáo các nguồn tin thay đổi liên tục theo ngày. Rất nhiều người không biết rõ sự nghiêm trọng của dịch bệnh nơi họ sinh sống ở mức độ nào, hoặc nơi nào có thể xét nghiệm dịch bệnh này, hoặc làm thế nào để trang trải nếu không may bị mắc bệnh. Vì thế, việc nhiều LĐNCVN đã quyết định về nước với hy vọng rằng ở quê nhà sẽ an toàn hơn không phải là điều khó hiểu.

Thế nhưng việc trở về quê hương cũng không phải là điều dễ dàng trong thời điểm này. Nhiều người không nắm được thông tin về xuất nhập cảnh; việc có nhiều nguồn thông tin trái chiều càng làm cho họ thêm hoang mang. Thêm nữa, các cửa khẩu giữa Lào và Thái Lan lại không thực hiện đúng như những thông báo từ chính phủ, mà hoạt động theo kiểu phản ứng nhanh với hoàn cảnh thực tế, khiến cho các diễn biến tại cửa khẩu liên tục thay đổi theo từng ngày.

Trước sự hỗn loạn tại các cửa khẩu, một số người chọn về quê hương theo đường hàng không. Tuy nhiên, phương cách này cũng có không ít rắc rối. Trong thời điểm đó, lịch bay giữa Thái Lan và Việt Nam thay đổi liên tục, tùy thuộc vào tình trạng dịch bệnh ở cả hai nước. Ngoài ra, nhiều LĐNCVN chưa từng mua vé máy bay nên không biết cách đặt vé online, không biết cách cập nhật thông tin về chuyên bay, hoặc sau khi chuyến bay bị hủy cũng không biết cách nào để đòi lại tiền vé. Mặc dầu phải đối phó với vô số khó khăn, nhưng cuối cùng, đa số những người có ý định trở về nước cũng đã xuất cảnh thành công.

Ngày 26/3/2020, chính phủ Thái Lan chính thức tuyên bố lệnh giới nghiêm trên toàn quốc. Nhiều LĐNCVN ở lại đã phải đối diện với tình trạng thất nghiệp, không có thu nhập, nguy cơ không có giấy tờ để tiếp tục cư trú hợp pháp, cũng như nỗi hoang mang về nguy cơ mắc dịch bệnh. Trong khi chính phủ Thái Lan có những chính sách trợ giúp người dân Thái trong thời gian dịch bệnh thì những người

nước ngoài như các LDNCVN hầu như phải tự tìm cách để lo cho bản thân.

Chị L.T. kể rằng, tháng đầu tiên thành phố Bangkok bị phong tỏa, chị mất việc, không có tiền ăn phải nhờ vào sự giúp đỡ của một số khách quen để có thể sống qua ngày. Một thời gian sau mới tìm ra được một công việc tạm thời để có thu nhập.

Anh B.B. cho hay, trong thời gian dịch bệnh anh chỉ dám ăn mỗi ngày một bữa vì không có việc làm và không thể tìm được công việc mới. Ngoài ra, nguy cơ bị chấm dứt hợp đồng thuê nhà vì không có đủ tiền đóng tiền thuê cũng luôn ẩn hiện bên anh.

Còn đối với chị B.N., chị tâm sự. Chị quay trở lại đảo du lịch nổi tiếng Phuket một tháng trước khi đại dịch lan đến khu đảo này. Đảo Phuket là khu vực bị dịch bệnh nặng nhất ngoài thủ đô Bangkok, nên tất cả mọi công việc kinh doanh ở đây bị ảnh hưởng nặng nề. Vì nền kinh tế chính của Phuket là du lịch và các công việc phụ trợ, nên khi đại dịch hoành hành nền kinh tế của Phuket bị sụp đổ hoàn toàn. Chị cho hay, suốt thời gian này chị sống bằng những gói mì tôm và những quả trứng được các tổ chức từ thiện cung cấp.

Còn chị N.P. đã trải qua một thời gian đặc biệt khó khăn trong mùa dịch. Chồng chị đã qua đời do bệnh nặng ở quê nhà, nhưng chị đã không thể về để đưa tiễn được vì tất cả các cửa khẩu đã bị đóng.

Chị T.D., làm nghề móng tay tại Bangkok, cho biết đây là thời điểm khó khăn nhất mà chị từng trải qua tại Thái Lan. Mất việc nên không có thu nhập, chị phải tìm các công việc vặt để sống qua ngày. Chị T.D. chia sẻ nếu không có sự hỗ trợ, động viên của các linh mục và hồng ân của Chúa thì có lẽ chị đã bị trầm cảm.

Sự túng quẫn do đại dịch không phải chỉ ập xuống cho riêng các LDNCVN. Người Thái cũng gặp vô vàn khó khăn. Theo các nguồn thông tin, việc người Thái tìm đến cái chết vì không thể đương đầu với những khó khăn đã tăng vọt trong mùa dịch. Tuy nhiên, người Thái vì đang sống trên đất nước của mình, còn có sự nâng đỡ từ gia đình, cộng đồng, tôn giáo và chính quyền; điển hình, trong suốt thời gian phong tỏa, những người có thu nhập thấp đã được hỗ trợ 5.000 baht/tháng. Trong trường hợp bị nhiễm bệnh, họ sẽ được điều trị hoàn toàn miễn phí tại các bệnh viện của nhà nước. Ngược lại, các

LĐNCVN, cũng như tất cả người nước ngoài, đều không được hưởng các nguồn hỗ trợ như trên.

Hầu hết, những người nước ngoài nhập cảnh Thái Lan diện miễn thị thực hoặc thị thực ngắn hạn đều phải đương đầu với vấn đề giấy tờ. Đầu tháng tư, khi Thái Lan bắt đầu bước vào giai đoạn phong tỏa gần hai tuần, chính phủ Thái Lan vẫn chưa đưa ra quyết định có nên ân xá cho người nước ngoài đang bị mắc kẹt ở Thái hay không. Trong khi đó, các quốc gia khác như Nhật Bản và Cambodia đã ban hành chính sách ân xá cho người nước ngoài đang bị kẹt ở quốc gia họ. Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 4, người nước ngoài, với thị thực gần hết hạn, phải tới các văn phòng đại sứ quán để xin giấy xác nhận không thể hồi hương do đại dịch. Xét từ vị trí của người nước ngoài thì yêu cầu này của Cục di trú rất vô lý vì trong thời gian này, tất cả các cửa khẩu đường hàng không và đường bộ của Thái Lan đều đã ngưng làm việc. Rõ ràng là không ai có thể xuất cảnh được, ngay cả khi tình trạng dịch ở nước họ chưa bị bùng phát.

Tại Thái Lan có hai nơi người Việt Nam có thể đi xin giấy xác nhận được đó là Đại sứ quán Việt Nam tại Bangkok và Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại tỉnh Khon Kaen thuộc vùng Đông Bắc Thái Lan. Để tới văn phòng Đại sứ quán hoặc Tổng lãnh sự quán, họ phải đi bằng xe taxi hoặc xe khách liên tỉnh với chi phí có thể hơn cả một ngày thu nhập. Sau khi nhận được giấy xác nhận, họ phải đi tới văn phòng Cục di trú để xin gia hạn thị thực tối đa 30 ngày. Có nơi văn phòng sở di trú chỉ đóng dấu cho ở 10-14 ngày, họ phải quay lại lần 2 mới được đóng đầy đủ 30 ngày. Vì thế, tính toàn bộ chi phí đi lại, thủ tục giấy tờ các nơi, các LĐNCVN phải mất khoảng 150 USD để duy trì thị thực hợp pháp.

Điều đáng nói hơn cả đó là rất đông người phải xếp hàng chờ đợi trước các văn phòng, trong khi, chính quyền và các nhà chức trách khuyến cáo mọi người không được tụ tập đông người, phải tuân thủ luật giãn cách xã hội để hạn chế lây lan dịch bệnh trên diện rộng. May mắn thay, cuối cùng, các nhà lãnh đạo chính phủ cũng đã quyết định phê duyệt chính sách ân xá cho những người nước ngoài đang bị mắc

kẹt tại Thái Lan vào ngày 8/4.¹⁰ Vì việc hàng nghìn người nước ngoài tụ tập một nơi mỗi ngày không chỉ gây nguy hiểm cho họ mà còn cho các nhân viên sở di trú nữa.

Thoạt đầu, chương trình ân xá được kéo dài đến 30/4, nhưng sau đã được gia hạn đến cuối tháng 7,¹¹ và cuối cùng đến 26/9. Tuy nhiên, đến khi việc ân xá được phê duyệt thì rất nhiều người nước ngoài đã phải đối diện với hiểm họa bị nhiễm bệnh cũng như phải chi khoản tiền không nhỏ để đi làm giấy tờ. Khoản tiền này đáng lẽ ra có thể giúp đỡ họ trang trải trong mùa dịch. Trên thực tế, nhiều LĐNCVN vẫn sẵn sàng chi một khoản tiền nhất định để duy trì giấy tờ cư trú hợp pháp, nhưng cũng có nhiều người cho rằng nếu họ phải làm như thế hàng tháng thì sẽ không còn gì để sống.

Ngày 25/4/2020, đại diện bộ Y tế Thái Lan đã công bố thêm 53 ca nhiễm Covid-19 mới, con số gia tăng lớn nhất trong 24 giờ đồng hồ kể từ ngày 9/4. Trong 53 ca nhiễm mới, có 42 ca nhiễm là người nước ngoài đang bị giam giữ trong trung tâm của sở di trú tại tỉnh Song-khla, miền Nam Thái Lan. Theo các nhà chức trách, những người nước ngoài này đã bị bắt giữ do nhập cảnh trái phép vào Thái Lan. Những người nhiễm bệnh bao gồm 34 người mang quốc tịch Myanmar, 3 người mang quốc tịch Việt Nam, 2 người Malaysia, 1 người Yemen, 1 người Cambodia, và 1 người Ấn Độ.¹² Sau đó, các nhà chức trách đã tìm ra được nguồn gốc của ổ dịch, bắt nguồn từ một cán bộ hải quan tại cửa khẩu Sadao.¹³ Tuy nhiên, trên mạng xã hội nhiều người Thái vẫn bày tỏ thái độ bức xúc vì cho rằng những người này đã khiến cho dịch bệnh bùng phát trở lại sau một thời gian tình hình dịch đã được kiểm soát và thuyên giảm. Nhiều người bình luận

¹⁰ <https://forum.thaivisa.com/topic/1158449-pm-prayuth-signs-order-to-grant-visa-amnesty-to-foreigners-in-thailand/>

¹¹ <https://www.bangkokpost.com/thailand/general/1904435/visas-extended-relief-measures-approved>

¹² <https://www.bangkokpost.com/thailand/general/1907405/42-migrant-workers-among-new-cases>

¹³ <https://www.khaosodenglish.com/news/crimecourtscalamity/2020/04/27/jail-turned-into-field-hospital-after-42-foreigners-caught-virus/>

rằng những người nước ngoài này cố tình nhập cảnh khi biết mình đã bị nhiễm bệnh với hy vọng sẽ được chăm sóc và chữa trị tốt tại Thái Lan. Đáng chú ý hơn, những lời nhận xét tương tự như thế không nhắm vào những người Trung Quốc hoặc Âu Châu bị phát hiện nhiễm Covid-19 khi đang ở Thái Lan hoặc khi vừa mới nhập cảnh.

Những cáo buộc của dư luận như nói trên là vô căn cứ vì thời điểm đó, số ca nhiễm bệnh và tỉ lệ nhiễm mới mỗi ngày ở Việt Nam và Myanmar lúc ấy thấp hơn rất nhiều so với Thái Lan, đồng thời cũng chưa có ca nhiễm nào tử vong. Ngoài ra, tại Việt Nam, người bị nhiễm, dù là người Việt hay người nước ngoài đều được điều trị miễn phí cũng như không phải chi trả phí cách ly.¹⁴

Ngày 27/03, nhật báo *Khmer Times* đưa tin 2 người quốc tịch Indonesia đã trốn từ Thái Lan nhập cảnh vào Cambodia vì biết rằng họ có thể được điều trị miễn phí.¹⁵ Trong một bài diễn văn ngày 25/03, Thủ tướng Hun Sen đã xác nhận rằng tất cả các bệnh nhân Covid-19 sẽ được điều trị miễn phí bất kể họ mang quốc tịch nào.¹⁶ Ngược lại, chính phủ Thái Lan từ ban đầu đã khẳng định rằng người nước ngoài phải tự chi trả mọi viện phí. Viện phí này có thể lên đến hàng trăm nghìn baht. Dù vậy, những điều này vẫn không ngăn cản được một số người Thái nghi ngờ những người bị nhiễm bệnh tại trung tâm giam người của sở di trú Song-khla đang cố tình lợi dụng hệ thống y tế Thái Lan.

Luận điệu này càng trở nên gay gắt hơn nữa khi ngày 4/5, các nhà chức trách thông báo có thêm 18 người bị nhiễm tại trung tâm đó, trong khi đó trong cộng đồng không có ca nhiễm mới nào.¹⁷ Không ai tỏ ra thông cảm hoặc quan ngại rằng việc lây nhiễm cao như vậy là do họ bị giam giữ chung trong một phòng, nơi môi trường thuận lợi cho vi-rút lây lan nhanh từ người này qua người khác, chứ

¹⁴ <https://blissisaigon.com/in-vietnam-medical-tests-and-treatment-for-Covid-19-are-free/>

¹⁵ <https://www.khmertimeskh.com/706641/two-indonesians-flee-thailand-to-cambodia-for-free-Covid-19-treatment/>

¹⁶ <https://cambodianess.com/article/two-indonesians-becomes-cambodias-latest-Covid-19-patients>

¹⁷ <https://www.nationthailand.com/news/30387242>

không phải là họ đã bị nhiễm trước khi nhập cảnh Thái Lan. Theo văn phòng Cao ủy nhân quyền Liên hiệp quốc (OHCHR), những trung tâm giam giữ người nhập cư được coi là “địa điểm có nguy cơ lây nhiễm cao, bởi vì những nơi này thường quá đông đúc, không giữ được giãn cách xã hội và không có đầy đủ điều kiện về y tế, thực phẩm, và vệ sinh”.¹⁸

Những sự việc liên quan đến ổ dịch trong trung tâm giam người nhập cư Song-khla phần nào phản ánh thái độ mà người Thái thể hiện đối với người nhập cư, trong đó có các LĐNCVN. Những điều này cho thấy sự thiệt thòi mà người nhập cư đang phải gánh chịu ở Thái Lan đặc biệt khi có các xung đột về quyền lợi giữa người Thái và người nhập cư. Thông thường, các lao động nhập cư bất hợp pháp sẽ bị thiệt thòi hơn vì họ không được sự bảo vệ và giúp đỡ của chính quyền sở tại hoặc các tổ chức phi chính phủ.

Mạng xã hội và đời sống tinh thần

Trước những căng thẳng về tinh thần cũng như thể xác đang gặp phải, các LĐNCVN tại Thái Lan xem mạng xã hội như một phương tiện hỗ trợ để vượt qua những thiếu thốn trong cuộc sống. Trong những năm gần đây, mạng xã hội, cụ thể ứng dụng Facebook đã trở thành ứng dụng thịnh hành nhất ở Việt Nam. Ngoài ra, thị trường Việt Nam cũng là một trong những thị trường phát triển nhanh nhất của Facebook. Năm 2019, tại Việt Nam có 45 triệu người dùng ứng dụng Facebook, đứng thứ 7 trên thế giới về số người sử dụng. Đa số người sử dụng ứng dụng này ở lứa tuổi từ 18 tới 34. Hầu hết, người dùng sử dụng mạng xã hội này để đăng tải hình ảnh, xem video, trò chuyện, và nhắn tin với người khác qua ứng dụng hỗ trợ chat là Facebook Messenger. Một số khác còn dùng Facebook để bán hàng online.¹⁹

¹⁸ <https://www.fortifyrights.org/tha-inv-2020-05-01/>

¹⁹ Statistic, <https://www.statista.com/statistics/490478/number-of-vietnam-facebook-users/>.

Tại Thái Lan, Facebook cũng thịnh hành không kém. Theo số liệu thống kê, hiện tại khoảng 50 triệu người trong tổng số 70 triệu dân sử dụng ứng dụng này.²⁰ Do đó, cũng chẳng bất ngờ khi các LĐNCVN tại Thái Lan ưa chuộng Facebook hơn các ứng dụng khác như Instagram, Twitter, WhatsApp.... Dường như rất khó để tìm ra một LĐNCVN không có tài khoản Facebook.

Nhiều LĐNCVN cho hay họ dùng mạng xã hội 5-6 tiếng đồng hồ một ngày. Có người, đặc biệt những người làm nghề may mặc, lên mạng ngay cả khi đang làm việc. Tuỳ theo công việc, các LĐNCVN làm việc cả ngày lẫn đêm nên có thể thấy họ ở trên mạng bất kể giờ nào. Đối với các di dân Việt Nam tại Thái Lan, Facebook không chỉ là phương tiện để chia sẻ hình ảnh, suy nghĩ, và giữ liên lạc với gia đình bạn bè, nhưng còn là phương tiện để giải trí, truy cập tin tức, và nâng đỡ cuộc sống hằng ngày, trong đó có cả cuộc sống mưu sinh.

Do đó, mạng xã hội Facebook đóng một vai trò thiết yếu trong đời sống của cộng đồng LĐNCVN tại Thái Lan. Đa số các anh chị em di dân liên lạc với gia đình qua Facebook Messenger. Đặc biệt đối với những cha mẹ trẻ đi làm xa để con lại cho ông bà chăm sóc, việc liên lạc với con cái mỗi ngày bằng Facebook Messenger giúp xây dựng mối tương quan gần gũi giữa cha mẹ và con cái. Nhiều cha mẹ trẻ cho hay mạng xã hội tạo điều kiện cho họ liên lạc và theo dõi việc học tập cũng như các sinh hoạt thường nhật của con cái. Đối với các LĐNCVN có con nhỏ ở quê nhà, chiếc điện thoại thông minh và mạng 4G/5G là phương tiện chính yếu nối kết họ với con cái. Điều này đặc biệt quan trọng đối với những cha mẹ chỉ được gặp con mình một vài lần trong năm hoặc có khi lâu hơn nữa.

Ngoài việc liên lạc với gia đình, Facebook đã trở nên phương tiện để cập nhật thông tin nhanh chóng, tức thời. Điều mà trước đây chủ yếu được truyền miệng. Hiện nay trên Facebook có hàng chục nhóm của cộng đồng LĐNCVN được thành lập với mục đích trao đổi thông tin. Nhóm có đông thành viên nhất là “Hội Người Việt ở Thái” với hơn 100.000 thành viên, tính đến tháng 12/2020. Anh Hà Văn

²⁰ Lexicon, “Social Media Trends,” <https://lexiconthai.com/blog/social-media-trends-2019-facebook-in-thailand/>.

Phúc, một trong những thành viên sáng lập nhóm cho hay nhóm này được thành lập cách đây 9 năm với mục đích phục vụ toàn thể cộng đồng vì trước đó chưa có trang Facebook nào với mục đích tương tự. Sau khi trang HNV được biết đến rộng rãi, thì hiện nay, có trên 10 trang khác nhau được thành lập để phục vụ nhu cầu của cộng đồng.

Lướt một vòng các trang nhóm của cộng đồng LĐNCVN, có thể thấy, các thành viên tham gia nhóm với nhiều mục đích khác nhau: chia sẻ thông tin liên quan đến cộng đồng; tìm hiểu cơ hội làm việc; hỏi và tư vấn các vấn đề liên quan đến thủ tục, giấy tờ, hay dịch vụ như chuyển tiền; quảng bá các sản phẩm... Ngoài các thông tin chung, một số thành viên cũng đăng các thông tin trực tiếp liên quan đến cộng đồng LĐNCVN như: thông tin về chiến dịch kiểm tra giấy tờ, truy quét lao động bất hợp pháp; tin thời sự về tội phạm liên quan đến người Việt; lời cảnh báo về những cá nhân lừa đảo trong cộng đồng...

Một trong những loạt bài đăng được chú ý nhiều nhất là thông tin về các vụ tai nạn xảy đến với người Việt. Năm 2019, một số vụ tai nạn nghiêm trọng xảy ra với công ty CPS, dịch vụ lớn nhất đưa người Việt Nam và Lào đi gia hạn hộ chiếu tại cửa khẩu. Những vụ tai nạn này đã khiến cho nhiều hành khách bao gồm cả người Việt lẫn người Lào bị thiệt mạng hoặc bị thương. Hình ảnh và video của các vụ tai nạn cũng được đăng tải rộng rãi trên các trang nhóm, kèm theo một số lời kêu gọi tẩy chay dịch vụ.

Ngày 31/8/2019, để khắc phục dư luận xấu, công ty CPS đã tổ chức một cuộc họp có sự tham dự của một vài quản trị viên các trang mạng xã hội và một số thành viên của cộng đồng để giải trình về những điều bị cho là hiểu lầm đang lan tràn trên các trang mạng. Đồng thời, công ty CPS cũng lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng để dịch vụ của họ được cải thiện. Sau cuộc họp, công ty CPS đã đưa ra một bản thông báo về dịch vụ của họ được đăng tải trên các trang của cộng đồng cũng như trang Facebook của công ty, nhằm phục vụ khách hàng một cách tốt hơn trong tương lai.

Ngoài các trang chung của cộng đồng Việt Nam, chúng ta còn thấy xuất hiện một số trang đặc biệt dành cho cộng đoàn Công giáo, điển hình trang “Liên hiệp Công giáo Việt Nam tại Thái Lan” của Ủy

ban Mục vụ di dân Việt Nam thuộc Hội đồng Giám mục Thái Lan. Nội dung của trang chủ yếu để phổ biến các thông tin và hình ảnh về các Thánh lễ hoặc sinh hoạt của cộng đoàn Công giáo tại Thái Lan, đặc biệt ở Tổng Giáo phận Bangkok nơi có nhiều người Việt sinh sống và làm việc nhất.

Trước đây khi chưa có mạng xã hội, các thông tin về thời gian, địa điểm tổ chức các Thánh lễ chủ yếu dựa vào truyền miệng, gọi điện hoặc tin nhắn. Mạng xã hội ra đời đã giúp cho việc phổ biến thông tin về các Thánh lễ ở các giáo phận tại Thái Lan trở nên dễ dàng hơn. Đối với các anh chị em di dân theo đạo Công giáo, việc được tham dự các bí tích bằng tiếng Việt là một niềm an ủi lớn về mặt tinh thần, cũng như giúp xoa dịu phần nào những thiệt thòi họ đang phải gánh chịu trong đời sống hằng ngày. Hầu hết các LĐNCVN không thông thạo tiếng Thái, đặc biệt ngôn ngữ dùng trong các nghi thức phụng tự, nên việc tham dự Thánh lễ bằng tiếng Việt giúp họ hiểu và sốt sắng hơn. Vì thế, mạng xã hội góp phần không nhỏ trong việc phổ biến thông tin về các sinh hoạt tôn giáo và nuôi dưỡng đời sống tâm linh và tinh thần cho rất nhiều LĐNCVN.

Vai trò của mạng xã hội càng thể hiện rõ trong những lúc họ gặp khó khăn như bệnh tật, tai nạn hoặc thương vong. Khi sự việc không may xảy ra, họ dường như không nhận được bất kỳ sự trợ giúp hay hỗ trợ của chính phủ và các tổ chức xã hội tại Thái Lan. Vì thế, trong những hoàn cảnh này, mạng xã hội trở nên nguồn kênh chính thức để các LĐNCVN liên lạc với nhau và thể hiện tình tương thân tương ái. Những lời động viên, những đợt quyên góp đều được truyền tải qua mạng xã hội. Sự quyên góp có thể giúp cho nạn nhân từ vài chục nghìn baht đến vài trăm nghìn baht, tùy theo trường hợp, trên tinh thần “lá lành đùm lá rách”.

Mạng xã hội và đại dịch Covid-19

Như đã trình bày trên, từ giữa tháng 3 đến nửa đầu tháng 4 có thể nói là thời điểm hỗn loạn và căng thẳng nhất đối với các LĐNCVN tại Thái Lan. Sự hoang mang, một phần, do họ không nắm rõ các thông tin trực tiếp liên quan đến những lao động nhập cư ở

nước ngoài. Phần khác, một số thông tin nhận được qua mạng lại đối nghịch nhau.

Ví dụ về vấn đề cửa khẩu, từ 20-25/03, trong khi một nguồn thông tin cho hay các cửa khẩu đường bộ đã đóng cửa thì nguồn thông tin khác lại khẳng định các cửa khẩu vẫn đang hoạt động. Đối với việc gia hạn giấy tờ, trong khi có nguồn cho rằng không phải đi gia hạn vì được ân xá thì nguồn khác khuyên là phải đi gia hạn vì không biết có được ân xá hay không. Việc không nắm rõ vấn đề khiến cho nhiều LĐNCVN căng thẳng và hoang mang vì một quyết định sai lầm có thể dẫn đến hậu quả khó lường như bị bắt bớ, trục xuất và bị cấm nhập cảnh trong thời gian 5-10 năm.

Trong thời điểm này, tôi đã hiện diện một cách tích cực trên mạng xã hội để đồng hành với các LĐNCVN. Trong vai trò là một linh mục đã đồng hành với di dân Việt Nam tại Thái Lan gần 14 năm, nhiều người trong cộng đồng biết về tôi. Nhiều người biết tôi từ các sinh hoạt tại nhà thờ, nhưng những người khác, đặc biệt cộng đồng lương dân chủ yếu biết về tôi qua mạng xã hội. Trong những ngày cao điểm của đại dịch Covid-19 tại Thái Lan, tôi đã duy trì sự hiện diện online liên tục với việc cập nhật nhanh chóng các thông tin liên quan trực tiếp nhất đến các LĐNCVN.

Để có các thông tin đó, tôi đã theo dõi các nguồn thời sự cả tiếng Thái lẫn tiếng Anh, thường xuyên liên lạc với Đại sứ quán Việt Nam tại Thái Lan cũng như những cá nhân trong cộng đồng để thu thập những thông tin cụ thể. Mục đích là để có những thông tin bổ ích, kịp thời, và chính xác để chia sẻ với cộng đồng LĐNCVN.

Nhiều người theo dõi những thông tin tôi đăng, có người còn khẳng định nếu thấy có thông tin xuất hiện trên các trang khác mà chưa thấy tôi xác nhận trên trang Facebook của mình thì họ vẫn chưa dám tin. Chính vì thế, những ngày đó tôi liên tục nhận được tin nhắn đề xin được chỉ dẫn, xin thêm thông tin cũng như xin tôi xác nhận các thông tin ở các nguồn khác. Dường như trong những lúc đó, tôi đã trở nên “thông tấn xã có duy nhất một nhân viên” chuyên phục vụ các LĐNCVN! Nhờ những thông tin đó, các LĐNCVN có thể nắm rõ hơn thực trạng họ đang phải đối diện và đưa ra những quyết định phù hợp để đối phó với tình huống trước mắt.

Sau những ngày hỗn loạn đó, mọi thứ cũng dần trở nên trật tự hơn. Tuy nhiên, đại dịch vẫn tiếp tục diễn ra mang lại vô số trở ngại cho các LĐNCVN còn lưu trú tại Thái Lan. Suốt thời gian các cửa khẩu còn đóng cửa, nhiều LĐNCVN vẫn tiếp tục bị bắt bớ trong các đợt kiểm tra của cảnh sát, nhiều người bị giam trong trại giam của sở di trú, nhưng không có chuyến bay để hồi hương.

Ngoài ra, trong thời gian đó, một cặp vợ chồng trẻ đã sinh con non, bé sơ sinh phôi yếu phải cấp cứu tại một bệnh viện ở tỉnh Udon Thani, vùng Đông Bắc Thái Lan. Một bạn nam bị bệnh sốt xuất huyết qua đời tại Đảo Samui, miền Nam Thái Lan. Tại Bangkok, một thanh niên tử vong do hỏa hoạn trong phòng trọ. Tháng 11, xe chở một nhóm người Việt đang tìm cách nhập cảnh trái phép vào Thái Lan đã gặp nạn tại Cambodia khiến 7 người tử vong.

Hầu như trong các trường hợp, họ đã tìm đến tôi bằng cách này hay cách khác để xin sự giúp đỡ. Và tôi lại sử dụng mạng xã hội như là chiếc cầu nối giữa các nạn nhân và những người có tấm lòng bác ái trong cộng đồng, dù họ là lương hay giáo. Mặc dầu ở giữa mùa dịch, nhiều người không có việc làm và thu nhập ổn định, nhưng khi biết về hoàn cảnh bi đát của người đồng hương trên xứ người, nhiều LĐNCVN cũng đã hy sinh chi tiêu để chia sẻ gánh nặng và nỗi đau của người khác. Có thể nói, đối với cộng đồng LĐNCVN tại Thái Lan, họ không nhận được sự hỗ trợ chính thức nào từ chính phủ và các tổ chức xã hội, thì mạng xã hội đã trở nên một phương tiện quan trọng giúp họ vượt qua những lúc túng quẫn và bí đát nhất trong cuộc sống.

Ngoài ra, suốt thời gian đại dịch còn tồn tại tại Thái Lan, tôi vẫn thường xuyên cập nhật các thông tin khi cần thiết. Diễn hình tháng 12/2020 khi Thái Lan trải qua làn sóng dịch thứ 2, bị nghi là xuất phát từ nhóm người lao động Myanmar nhập cư trái phép, tôi đã tích cực đăng tải các thông tin không chỉ để cho các LĐNCVN tiện theo dõi các diễn biến để phòng ngừa bệnh, mà còn vì làn sóng mới này gây ra rất nhiều dư luận tiêu cực trong người dân Thái hướng tới cộng đồng lao động nhập cư nói chung.

Bàn luận và kết luận

Dựa trên kinh nghiệm làm việc với các LĐNCVN tại Thái Lan và vai trò của mạng xã hội trong cuộc sống, đặc biệt trong những thời điểm khó khăn và khủng hoảng, chúng ta có thể nêu lên một số nhận xét quan trọng như sau:

- Mạng xã hội có khả năng phục vụ cộng đồng di dân ở nước ngoài như một nguồn thông tin vô ích liên quan trực tiếp đến đời sống của họ. Mặc dầu mạng xã hội có nhiều thông tin trái chiều, nhưng nếu biết chọn lọc thông tin và sử dụng đúng cách thì mạng xã hội sẽ trở thành công cụ trợ giúp họ rất nhiều trong cuộc sống. Đặc biệt, nếu có những trang chuyên cung cấp các thông tin đã được kiểm chứng và cập nhật liên tục thì nó sẽ giúp cho các LĐNCVN tiếp cận thông tin tốt hơn. Là một nguồn thông tin, mạng xã hội có lợi thế giúp mọi người cập nhật thông tin nhanh chóng đặc biệt trong các tình huống cấp bách.

- Mạng xã hội trở thành chiếc cầu nối để kêu gọi sự tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau về vật chất cũng như tinh thần của cộng đồng di dân ở nước ngoài. Kinh nghiệm của các LĐNCVN cho thấy, họ không dễ dàng nhận được sự hỗ trợ từ chính quyền sở tại, ngay cả khi họ là nạn nhân của sự bất công, áp bức hoặc là nạn nhân của các vụ tai nạn giao thông. Qua mạng xã hội, các LĐNCVN có thể nhận được sự nâng đỡ cũng như sự hướng dẫn cho các vấn đề họ đang gặp phải.

- Mạng xã hội giúp giảm nhẹ cảm giác bị thiệt thòi và cô độc của những cộng đồng bên lề xã hội bởi vì họ có thể nối kết với nhau một cách liên tục trên phương diện cá nhân cũng như tập thể. Qua đó, họ có thể chia sẻ, bàn luận, và tìm hiểu thông tin trực tiếp liên quan đến hoàn cảnh của mình. Trên các diễn đàn, nhiều LĐNCVN có thể bày tỏ những cảm xúc và nhận xét về những sự việc xảy ra hằng ngày, ngay cả những vấn đề được cho là trái phép dưới hệ thống luật pháp của đất nước mà họ đang sinh sống.

- Mạng xã hội cũng là công cụ hỗ trợ đắc lực cho một số cá nhân, trong cộng đồng LĐNCVN, đóng góp công sức xây dựng

cộng đồng thông qua các sinh hoạt lành mạnh, cũng như khơi dậy tình tương thân tương ái khi họ phải đối diện với những khó khăn. Mặc dầu, phần lớn các LDNCVN tại Thái Lan rất bận rộn với công việc mưu sinh, nhưng cũng có một số người sẵn sàng hy sinh thời gian và sắp xếp công việc cá nhân để lo lắng các công việc của cộng đồng nhằm giúp cộng đồng ngày càng thăng tiến hơn.

- Các lãnh đạo cộng đồng và tôn giáo có thể dùng mạng xã hội để tiếp cận và hiện diện với cộng đồng khi không thể hiện diện trực tiếp do những hạn chế về không gian, thời gian và các điều kiện khác. Sự hiện diện của các vị chủ chăn trong mùa dịch Covid-19 trên mạng xã hội đã phần nào bù đắp lại sự thiếu vắng Thánh lễ trong thời gian nhà thờ buộc phải đóng cửa để ngăn chặn đại dịch lây lan. Trong mùa dịch vừa qua, LM Giuse Nguyễn Mạnh Hà, OP đặc trách mục vụ di dân Việt Nam tại TGP Bangkok đã cử hành các Thánh lễ Chúa Nhật online trong thời gian nhà thờ đóng cửa để tiếp tục chăm sóc đời sống tinh thần cho các LDNCVN trong Tổng Giáo phận. Từ ngày nhà thờ mở cửa trở lại, ngài không còn cử hành Thánh lễ online, nhưng vẫn tiếp tục đăng tải các bài giảng Thánh lễ Chúa Nhật lên trang Facebook của Liên Hiệp như món ăn tinh thần hằng tuần cho đoàn chiên tại Thái Lan. Thông qua đại dịch, chúng ta nhận thấy vai trò vô cùng quan trọng của mạng xã hội trong công việc mục vụ của các chủ chăn và các lãnh đạo xã hội trong thời buổi hiện nay.

- Việc nghiên cứu về thực trạng của các cộng đồng, đặc biệt cộng đồng di dân ở nước ngoài, đang sống bên lề xã hội hoặc đang phải chịu những thiệt thòi nhất định, trong thời kỳ mới, không thể bỏ qua mạng xã hội. Vì mạng xã hội giúp tiếp cận dữ liệu nhanh như kinh nghiệm, khó khăn, và phương pháp đối phó của mỗi cộng đồng. Nếu mạng xã hội đang đóng vai trò quan trọng trong sinh hoạt hằng ngày thì nó lại càng khẩn thiết hơn trong những giai đoạn khủng hoảng khi cộng đồng cần những thông tin chính xác hoặc cần những sự nâng đỡ cấp bách.

Mạng xã hội đã trở nên một phần không thể tách ra khỏi đời sống hiện đại của toàn thế giới. Tuy nhiên, mạng xã hội được sử dụng

khác nhau tùy theo bối cảnh. Mặc dầu, mục đích chính yếu của mạng xã hội là giúp mọi người dễ dàng liên lạc với nhau, nhưng mục đích ấy còn được mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng tận dụng trong những hoàn cảnh xã hội, kinh tế, văn hóa và tôn giáo của mình.

Trong bối cảnh của các LĐNCVN tại Thái Lan, mạng xã hội, đặc biệt Facebook và Facebook Messenger có thể được xem như là ứng dụng giúp đối phó với những áp lực, thách đố và giảm bớt những thiệt thòi mà họ đang phải gánh chịu. Facebook và Facebook Messenger không chỉ đơn thuần là một công cụ để giải trí hoặc liên lạc với người thân, bạn bè mà nó còn giúp mọi người vượt qua nhiều biến cố trong cuộc sống. Đại dịch Covid-19 vừa qua cũng như nhiều biến cố khác trước đây cho thấy, các LĐNCVN đã tận dụng mạng xã hội như là sự bù đắp phần nào những thiệt thòi mà đáng ra họ phải nhận được từ chính quyền và các tổ chức xã hội. Đôi khi, họ còn bị hiểu lầm và bôi nhọ bởi các phương tiện truyền thông đại chúng của nước sở tại với những lời lẽ miệt thị và thiếu thông cảm. Có khi họ còn bị tố cáo là nguyên nhân dẫn đến những điều xấu và mất mát trong xã hội.

Với tiềm năng phong phú và hữu ích của mạng xã hội trong việc giúp giảm bớt những thiệt thòi mà các LĐNCVN đang phải gánh chịu, các thành viên trong cộng đồng, đặc biệt các nhà hoạt động, các lãnh đạo xã hội và tôn giáo nên tìm hiểu, học hỏi và tận dụng công cụ công nghệ này nhiều hơn nữa trong chương trình hoạt động của mình.

Chương 9

MỤC VỤ DI DÂN VIỆT NAM TẠI LÀO

LM Giuse Trần Đình Phương, CSSR

1. Đặc điểm đất nước, lối sống văn hóa và hòa nhập với xã hội Lào

Nước Lào đất rộng người thưa. Diện tích đất khoảng bằng 2/3 nước Việt và dân số chỉ khoảng 6-7 triệu người sinh sống. Nhưng đa số là vùng đồi núi rừng rú. Nước Lào được thiên nhiên ưu đãi với nhiều tài nguyên mỏ đặc biệt trên núi rừng. Đồng bằng phù du chảy dọc theo sông Mekong trải dài chiều dọc đất nước thuận lợi cho việc trồng trọt và đánh bắt cá. Người Lào đa số làm nhà sàn ở, trồng lúa nếp một vụ mùa mưa đủ ăn cho cả năm hoặc dư giả chút ít để bán lấy tiền chi phí cho trồng trọt và trang trải sinh hoạt hằng ngày. Trồng rau rợ nhỏ đơn giản để đồ ăn thêm phong phú và có thêm chút thu nhập.

Đồ ăn đi kiếm ở rừng vẫn là món ăn chính của nhiều người Lào. Họ kiếm măng, lá rừng làm rau, nấm, các loại côn trùng như dế, nhóc, ếch ương, cho đến cả những thú rừng. Mỗi gia đình cũng nuôi các thú vật từ gà, vịt, heo, trâu, bò, đặc biệt đất rộng hoang dã nên rất nhiều trâu bò thả rông kiếm ăn khắp nơi. Bởi vậy các dân tộc Lào có lối sống gần giống với nhiều dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

Lối sống của người Lào phải nói là rất đơn giản, và thiên nhiên ưu đãi nên họ có quan điểm lối sống khá giống với người miền Tây nước mình. Tôi luôn so sánh lối sống của họ với hình ảnh các đàn bò lang thang khắp nơi ở đây. Chậm rãi đi kiếm ăn, mệt thì thấy bò nằm nhai cỏ giữa đường. Xe cộ đi qua phải cẩn thận tránh nó kéo dẫm phải. Nếu dẫm phải ban ngày phải đền cho gia chủ còn ban đêm thì

không phải chịu trách nhiệm vì chủ bò phải đưa về nhốt trước 6 giờ chiều và đó là luật bất thành văn và được người Lào tôn trọng.

Người Lào cũng có lối sống chậm rãi, thoải mái không lo toan bon chen nhiều như người Việt. Có thể cả ngày vào rừng kiếm đồ, có ăn thì khỏi đi, họ nghỉ ngơi thư giãn. Phong tục lệ làng rất quan trọng và đề cao sự thật thà chân thành đoàn kết giữa người ở trong làng với nhau. Câu nói phép vua thua lệ làng thực sự thấy rất rõ trong lối sống ở đây. Đây là một điểm quan trọng để những người làm mục vụ ở Lào phải sống hòa nhập với văn hóa của làng để được họ bảo hộ trước những chính sách về tôn giáo của nhà nước Lào vốn là nhà nước Cộng Sản, và học hỏi áp dụng các chính sách gần như y hệt với nhà nước Việt Nam.

Ở nước Lào người ta có các câu nói rất phổ biến liên quan đến mối quan hệ và cuộc sống với di dân Việt Nam ở đây. Trong cách nói chuyện họ luôn gọi “anh em Việt”. Điều này có dấu ấn đậm nét trong lịch sử và quan hệ giữa hai dân tộc, hai nhà nước. Trong quá khứ gần đây quân đội Việt Nam từng có thời gian dài hiện diện và tham chiến tại Lào và còn tiếp tục mối quan hệ anh em giữa hai nhà nước rất rõ ràng sâu sắc cho đến tận bây giờ. Bởi vậy người Việt làm việc ở Lào được chào đón và chấp nhận khá rộng rãi, có quan hệ khá tốt với người địa phương. Tất nhiên vẫn có rất nhiều những khó khăn bức bách vò vạt từ phía nhà chức trách đối với các ngành nghề mà người Việt đang làm việc tại đây.

Họ thường nói: “Người Lào chết vì danh dự phẩm giá, người Việt thì chết vì kết quả công trạng”. Câu nói này phản ánh lối sống và nhiệt huyết của mỗi dân tộc. Các nhà làm mục vụ vận dụng câu nói này, hiểu được điều gì thúc đẩy cuộc sống của họ mà có thể làm việc và ở được với họ sao cho công tác được lâu dài và hiệu quả nhất. Thiết tưởng một nhà truyền giáo khi đã đến ở một đất nước khác cũng giống như người di dân Việt đến ở một đất nước khác thì phải hiểu rõ văn hóa lối sống của người bản xứ để có thể trụ lại và sinh lợi ích kết quả tốt nhất. Người Việt thì siêng năng, ham công tiếc việc. Một đặc điểm có thể thấy rõ ở xã hội Lào là các ngành nghề cần kỹ thuật phát triển độ khó thì người Lào không thể làm sánh bằng người Việt. Buôn bán, sửa chữa, xây dựng, ngành thợ các loại thì rất nhiều người

Việt đang làm việc tại Lào. Người Lào không thể siêng năng hăng hái làm việc như người Việt được. Với đặc điểm của hai dân tộc như vậy, làm việc gì cũng hãy để cho người Lào được nở danh nở mặt, cộng tác chặt chẽ với các cấp bậc địa phương để họ là người bảo hộ cho mình, để tập cho họ biết hăng say cộng tác trong công việc. Rất nhiều người Việt chỉ chú trọng kết quả năng suất mà làm rất nhanh không đảm bảo chất lượng, không như người Lào làm rất chậm, mỗi ngày chỉ làm một ít, và nhiều khi chất lượng công việc lại tốt hơn người Việt.

Thiết tưởng ý tưởng Quốc Tế (Inter-national) là một điều gì đó bỏ ích cho hoạt động mục vụ và giao lưu cuộc sống giữa hai nền văn hóa khác nhau. Cả hai quốc gia đều có các đặc điểm văn hóa lối sống quý giá của mình cần được tôn trọng. Ý tưởng “Inter” có nghĩa là cả hai được cơ hội đùng độ, giao duyên, học hỏi, hoán cải, thay đổi lẫn nhau để có thể đồng hành và phát triển cùng nhau. Không phải theo nào trạng khinh thường ta đây tốt hơn, ta đây phát triển hơn, ta đây giỏi hơn nhưng là cả hai đều có điểm mạnh điểm yếu của mình để cùng cơ hội giao lưu với nhau và tiến lên phía trước. Nếu cứ giữ chặt nào trạng ta đây có điều tốt hơn đến để dạy bảo khinh thường họ thì chẳng khác nào một nước văn minh đến để đô hộ kẻ yếu hơn; và thiết tưởng con đường mục vụ không thể dựa trên nào trạng như vậy.

Người Việt mình đất chật người đông đi khắp đất nước không thấy chỗ trống, chỗ nào cũng trồng trọt này nọ. Còn đi khắp nước Lào toàn thấy đất hoang rừng núi trồng trọt thừa thớt. Thiên nhiên lịch sử môi trường sống tạo nên tính cách con người. Lúc đầu ở đây tôi cứ hỏi tại sao người Lào tập trung ở sát dọc sông Mekong mà chẳng có hệ thống thủy lợi, làm lúa mỗi năm có một vụ và dựa hoàn toàn vào thời tiết thiên nhiên nước mưa. Tự hỏi họ lười sao không bơm dẫn nước trồng trọt thuận lợi. Ở riet rồi thấy cách sống của họ, làm nhiều làm gì cho mệt? Bon chen nhiều chi, làm một vụ đủ ăn, thời gian khác đi kiếm đi hái trên rừng. Nếu làm hai vụ thì lấy đất lấy cỏ đâu thả rông nuôi bò khắp nơi được. Mùa trồng lúa đã số các gia đình phải nhốt nuôi giữ bò không cho ăn lúa, còn thời gian khác thì thả rông.

Người Việt mình thì hùng hục làm quanh năm không biết nghỉ ngơi, chê họ lười biếng. Bởi vậy hai nào trạng khác nhau khi có điều

kiện ở cùng làm việc cùng làm sao để có thể dung hòa, có thể giao thoa lẫn nhau mà không xảy ra những xung đột kỳ thị là cả một vấn đề và cả một nghệ thuật sống.

Người làm mục vụ cho người Việt ở Lào tất nhiên phải hòa nhập với cuộc sống ở Lào, mục vụ cho người Lào nữa. Dân di cư là một mảng mục vụ nhưng không thể là tất cả thời gian đối với các nhà truyền giáo mà còn phải dấn thân cho Giáo hội địa phương nữa, chưa kể là các nhóm di dân người Việt cũng luôn được kêu gọi tham gia các hoạt động tôn giáo nên một với người địa phương. Không phải tách ra một nhóm sinh hoạt tách biệt không có liên hệ với địa phương. Có người giáo dân hoặc linh mục Việt tham gia lễ lạc với người Lào vài ba ngày, các lễ Chúa Nhật bình thường cũng từ từ cả buổi sáng rồi chơi tham gia hoạt động với họ cả ngày như đi bắt cá, vào rừng chơi! Nếu cứ theo kiểu người Việt nhanh lẹ ngắn gọn tiết kiệm thời gian còn phải về đi làm thì thật sự khó làm việc với họ. Bởi vậy về phía người di dân Việt có thể tham gia với họ hay không là cả một thách thức để có thể hòa đồng một phần nào với lối sống để không bị lạc lõng trên đất khách quê người và đương đầu với những thử thách khi phải xa quê hương gia đình và vật lộn với những khó khăn về mặt kinh tế, công việc cuộc sống trên đất Lào. Về phía người làm mục vụ nếu cứ khăng khăng theo kiểu Việt thì đã tự rút mình xa cách với văn hóa của họ và không sớm thì muộn cũng chán nản hoặc gặp thử thách và phải bỏ cuộc. Bởi vậy phải như con tắc kè đổi màu, phải như “đi với sư mặc áo cà sa, đi với ma thì mặc áo giấy” vậy.

2. Thực trạng di dân Việt Nam và vài quan điểm cá nhân cho việc mục vụ tại Lào

Di dân Việt Nam tại Lào chủ yếu tập trung thành từng nhóm nhỏ tại các khu vực đông dân cư như thành phố, thị trấn phố xá. Các ngành nghề chủ yếu người Việt làm là buôn bán hàng hóa, thợ xây dựng, sửa chữa, trang điểm, hớt tóc, thợ mộc, buôn bán hàng phế liệu... Rất ít người Việt ở trong các làng của người Lào, trừ một số những người Việt đã chuyển qua ở rất lâu và mở tiệm bán hàng hóa hoặc sửa chữa trong làng. Người Việt siêng năng làm việc chịu khó,

kỹ thuật hơn người Lào nên những việc khó cần tay nghề tính toán tỉ mỉ thì làm việc vẫn hơn người Lào. Với đặc điểm như vậy nên các anh chị em di dân đến làm ăn ở một nơi nào đó thì cũng thiết lập mối quan hệ tình bằng hữu với những anh chị em khác để nâng đỡ nhau trong cuộc sống. Công việc nào cũng khó khăn, rất nhiều anh chị em làm việc rày đây mai đó ở các công trình xây dựng; việc này thì rất phổ biến và không thiếu các công trình để làm. Khó khăn chủ yếu trong việc xây dựng là vốn khi nền kinh tế đi xuống nên các nhà chủ nợ vốn và trả nhỏ giọt gây khó khăn cho việc trả lương cho các anh em. Rừng núi ngày càng ít đi nên những năm gần đây anh em làm mộc giảm đi rất nhiều. Ngược lại các ngành xây dựng, thợ sửa chữa, gia công mỹ nghệ và buôn bán vẫn rất thịnh hành đối với người Việt.

Với tình hình như vậy, việc mục vụ cho di dân Việt Nam cũng có những đặc thù riêng. Rất khó để quy tụ thành những nhóm lớn nên việc thăm viếng, thiết lập mối quan hệ đồng hành với di dân là điều quan trọng. Ở một số chỗ có thể tổ chức Thánh lễ tiếng Việt hằng tuần khi quy tụ được mấy chục người và có nhà thờ để hành lễ thuận lợi. Nhưng cũng rất nhiều chỗ anh em có những nhóm nhỏ hoặc ở và làm việc trong các công trường xây dựng thì chủ yếu là các cuộc thăm viếng cầu nguyện khích lệ nâng đỡ tinh thần cũng là một cách mục vụ. Rất khó để tổ chức những buổi tụ họp thường xuyên ở những nhóm nhỏ vì nhà thờ không có và việc tổ chức lễ lạt tập trung ở nhà một người nào đó là điều không nên làm khi nhà nước sẽ can thiệp và phạt tiền các anh em nếu họ biết được. Với nhà nước Lào thì việc thờ phượng chỉ được tổ chức ở nhà thờ nơi thờ phượng thôi.

Giáo hội địa phương tất nhiên là rất ủng hộ việc mục vụ cho các di dân Việt. Có thể sử dụng nhà thờ của người Lào bất cứ đâu. Nhưng nhiều chỗ cũng nhấn mạnh việc đoàn kết, không khuyến khích tách riêng ra, chưa kể là nhiều chỗ giáo dân Lào rất ít nên việc thờ phượng không thể tách riêng ra được mà phải gộp lại để phụng vụ được sốt sắng. Rất nhiều nhà thờ ở các trung tâm đô thị có giáo dân chủ yếu là người Lào gốc Việt nên việc phụng vụ có hai thứ tiếng Lào Việt cũng là điều nên làm. Với lại đa số người Lào gốc Việt gắn bó với tổ chức Giáo hội địa phương nên họ không mấy cố vũ tham gia vào các hoạt động của di dân mà tách riêng ra thành một nhóm khác.

Còn Giáo hội địa phương thì rất sợ các liên lụy mà phía chính quyền có thể can thiệp ảnh hưởng đến toàn thể Giáo hội địa phương nếu một nhóm nhỏ nào đó hoạt động tách biệt và gây ra những rắc rối với phía nhà cầm quyền. Đây là một vấn đề mà các nhà làm mục vụ phải rất khôn ngoan xem xét kỹ lưỡng chứ không thể cứ muốn gì là làm mà không nghĩ cho Giáo hội địa phương. Các mục tử địa phương thường nói rằng mấy ông đến đây làm việc thì từ từ bàn hỏi cộng tác với người Lào mà làm, còn không mấy ông cứ mạnh tay tự làm lấy rồi đến khi xảy ra chuyện với nhà cầm quyền rồi mấy ông chạy mất dép, bỏ của chạy lấy người còn hậu quả bỏ lại chúng tôi ở đây lãnh trọn, phải chịu tiếp thì đó có là điều đáng làm hay không?

Đặc điểm của người Lào là sống chậm, từ từ bởi vậy làm việc gì cũng hãy từ từ, chậm rãi. Một ngày làm việc chút ít rồi ngồi ăn uống vui chơi mở nhạc nữa. Trước khi bắt đầu một việc gì thì cũng rất nhiều thủ tục ăn uống lấy tinh thần giống như kiểu vui là chính vậy. Nên sự khôn ngoan trong cách làm việc lấy lòng dân, cộng tác với dân làng, chậm rãi là một đường hướng để cộng tác lâu dài với Giáo hội địa phương. Làm để cho họ được nở mặt nở mày đúng là một cách làm việc hữu ích. Làm việc nấp sau bóng người Lào để cho họ là người ra mặt. Có công trình gì làm thì các trưởng làng thường báo cáo rằng tất cả do sự góp công góp của ít nhiều của dân làng và sự giúp đỡ của các anh em họ hàng ở nước ngoài gửi về cho họ. Đây là sự khôn ngoan trong sự cộng tác lâu dài trong bất cứ công việc gì, kể cả việc mục vụ. Cộng tác bàn hỏi núp bóng dưới Giáo hội địa phương để được an toàn, để họ được tiếng, để người địa phương họ bảo vệ chúng ta.

Khó khăn trong đời sống hằng ngày đối với người di dân luôn rất nhiều, từ công việc làm ăn vất vả bấp bênh, đến những cô đơn nỗi nhớ khi phải sống xa gia đình. Đó là chưa kể đến những tai nạn rình rập mà thường thường gắn liền với công việc nghề nghiệp của mỗi người. Những tai nạn chết người kinh khủng từng xảy ra đối với một số người di dân, đặc biệt là những người quen biết trong cộng đoàn để lại những nỗi đau thật lớn cho mọi người. Một số công nhân đã bỏ mạng dưới hầm mỏ khai thác quặng muối và xác bị chôn sâu dưới hầm không thể lấy ra và thông tin nhà nước thì dường như dùng tiền

để bịt lại tai nạn cho rơi vào quên lãng. Tai nạn giao thông chết người xảy ra trong quá trình đi lại vẫn thường xuyên xảy ra. Thương vong nho nhỏ liên quan đến mỗi ngành nghề luôn luôn rình rập. Trong quá trình làm việc mục vụ, trong các Thánh lễ luôn luôn có những lời khích lệ động viên những người di dân từ các vùng khác nhau thiết lập mối quan hệ quen biết bạn hữu để nâng đỡ nhau trong đời sống thường nhật, chia sẻ buồn vui khó khăn xảy ra trong công việc hằng ngày. Để làm dịu bớt nỗi cô đơn khó khăn này, thời đại công nghệ kỹ thuật số luôn khuyến khích sử dụng Facebook, các nhóm chat để duy trì thông tin, khích lệ nâng đỡ tinh thần từ những người thân ở xa nhau. Bạn bè cộng đoàn sống gần nhau chia sẻ thông tin, cảm xúc là một cách để những người di dân bớt rơi vào những tệ nạn xã hội vẫn luôn mời gọi cám dỗ hằng ngày xung quanh mình, đặc biệt giữ được lòng trung thành đối với người bạn đời của mình khi đang phải sống xa cách nhau.

3. Thực trạng Giáo hội địa phương và các mảng lưu ý trong việc mục vụ

Ngoài công việc mục vụ cử hành Bí tích, trợ giúp Giáo hội địa phương và những việc mục vụ thông thường như thăm viếng mà bất cứ người làm mục vụ nào ở đâu cũng phải làm và đó là điều quan trọng thì còn có một vài mảng cần lưu ý khi làm mục vụ ở Lào:

a. Đào tạo ơn gọi:

“Lúa chín đầy đồng mà thợ gặt thì ít, anh em hãy xin chủ sai thợ ra gặt lúa về”. Ôn gọi làm tu sĩ, linh mục thợ gặt cho cánh đồng mục vụ của Chúa thực sự còn rất ít và có thể nói là đếm được trên đầu ngón tay. Tất cả các linh mục đang làm việc ở nước Lào không tới 50 người, tức là ít hơn rất nhiều một giáo phận nhỏ ở Việt Nam. Giáo hội Lào được chia thành 4 giáo phận trên diện tích rộng cũng phải bằng 2/3 nước Việt. Giáo dân trong mỗi giáo phận ước tính giao động trong khoảng vài chục ngàn người. Có rất nhiều các làng có người Công giáo với số lượng lớn, nhỏ. Lớn thì trong khoảng trăm

vài trăm gia đình, còn nhỏ thì từ chục tới trăm gia đình. Ấy vậy mà mỗi giáo phận chỉ có khoảng hơn 10 linh mục cả bản xứ và các nhà truyền giáo nước khác ở và làm việc. Đặc biệt Giáo phận LuongPaBang ở miền Bắc Lào đất rộng người thưa chỉ có vài linh mục trong giáo phận và vài tu sĩ đang phục vụ. Các nữ tu sĩ cũng chỉ có vài ba dòng hiện diện trên cả nước và phục vụ với số lượng trên dưới 100 người. Bởi vậy công tác đào tạo ơn gọi cho người trẻ là một sứ vụ hết sức quan trọng và sống còn cho Giáo hội Lào.

Công tác huấn luyện ơn gọi ở nước Thái và Lào nơi có nền văn hóa, ngôn ngữ, lối sống khá giống nhau phải bắt đầu đào tạo và định hướng từ khi còn rất nhỏ. Một điều rất phổ biến là có các tiểu chủng viện nhận các chú vào đào tạo ơn gọi từ khi bắt đầu học cấp II, cấp III. Ở Việt Nam ơn gọi nhiều, cũng có việc định hướng từ rất sớm nhưng cấu trúc tổ chức xã hội của Giáo hội Việt Nam tại giáo xứ tự thân đã là một môi trường đào tạo định hướng cho các người trẻ từ rất sớm. Ở Việt Nam đa số ơn gọi học xong cấp III, hoặc đang học đại học, lại còn thi tuyển chọn đề bắt đầu con đường tìm hiểu ơn gọi. Còn ở Lào nhận vào cả chục cả trăm đệ tử rất sớm từ khi còn đi học, qua nhiều năm huấn luyện từ khi còn là thiếu niên mà thành quả bèn đỡ chỉ còn lại vài người đếm trên đầu ngón tay. Huấn luyện người trẻ ở lứa tuổi nổi loạn đòi hỏi sự kiên nhẫn nhiệt huyết yêu thương rộng lượng để có thể trụ được và gặt hái được những thành quả. Và lại công tác đào tạo ơn gọi này cũng nhắm đào tạo người trẻ cho trưởng thành phát triển mọi mặt không cứ gì phải là tu sĩ tất cả vì ai biết được tương lai và quyết định trên sự tự do của mỗi người. Điều quan trọng là cố gắng làm tốt công việc huấn luyện còn mọi việc để Thánh Thần tác động và dẫn đường mỗi người. Qua bao nhiêu năm trong môi trường huấn luyện ơn gọi rồi mỗi người mỗi đường cũng là một thời gian quý báu trên bước đường của mỗi người mà ta phải trân trọng và vun vén vì tương lai của Giáo hội. Theo kinh nghiệm bản thân và sự quan sát qua nhiều năm, nếu nhận ơn gọi trẻ như ở Việt Nam thì có lẽ Giáo hội Lào đã biến mất từ lâu rồi. Người Lào không quan trọng việc học như Việt, họ không thể kiên nhẫn siêng năng chịu khó như học sinh Việt nên rất cần thiết phải bắt đầu từ sớm và thanh lọc qua rất nhiều giai đoạn mới được kết quả là một vài người.

Công việc dạy dỗ huấn luyện các chủng sinh, các đệ tử nam hay nữ là một phần không thể thiếu trong việc mục vụ. Hiểu được sự quan trọng của việc này để các nhà mục vụ cho người di dân Việt cũng phải gánh lấy như là một phần trách nhiệm và nhiệt huyết, tự giác dân thân cho công việc đào tạo. Các di dân người Việt cũng phải cùng nên một với Giáo hội địa phương để cùng hỗ trợ, đồng hành và gánh lấy trách nhiệm như là phần của mình để xây dựng Giáo hội, vì tương lai của Giáo hội. Nó không phải chỉ là việc của riêng ai nhưng là nghĩa vụ của mọi thành viên trong thân thể Giáo hội, mỗi người một nghĩa vụ một trách nhiệm một phần hỗ trợ bằng nhiều cách lớn nhỏ để cho thân thể Giáo hội được duy trì và lớn lên. Hiểu được điều này để cả người làm mục vụ và cả di dân cùng nhau cộng tác nên một trong một thân thể với Giáo hội Lào.

b. Các dự án phát triển đời sống dân làng.

Người làm mục vụ cũng là một trung gian công cụ của Chúa dùng để qua sự quyên góp, giúp đỡ của người này người nọ, từ nước này nước khác mà góp phần vào sự thăng tiến, phát triển trong đời sống của con chiên mình mà Thiên Chúa đã dùng và gửi tới những công việc trong cánh đồng truyền giáo theo sứ vụ của mình. Có một quan điểm rất rõ ràng khác biệt trong hai từ “bố thí” và “làm phúc”. Bố thí cho người khó khăn, giúp đỡ người nghèo. Làm phúc thì thường qua tay các tu sĩ, các nhà sư để các ngài cầu phúc cho họ. Cũng là giúp đỡ người khác bằng tấm lòng nhân ái nhưng qua trung gian người cầu phúc. Người Thái, người Lào rất quan trọng và rộng lượng trong việc làm phúc. Hãnh diện vì được sự tin tưởng và rộng lượng làm phúc của người dân mà các tu sĩ với sự trách nhiệm, lòng trắc ẩn, nhiệt thành mà mạnh dạn dân thân, làm các dự án, đi xin kêu gọi sự giúp đỡ từ đây đó để làm những dự án cả đời lẫn đạo để thăng tiến đời sống người dân. Có thể là làm đường, làm cầu, sửa sang trường học, là hệ thống nước lọc cho các làng, các dự án giáo dục, làm hang đá, sửa sang phát triển nhà thờ... Đây là một mảng công việc đòi hỏi những kỹ năng, sự nhiệt huyết, sự tự giác, những trăn trở của nhiều người để cùng nhau làm được những dự án cho người dân.

Người làm mục vụ phải tự gánh lấy như là một phần trách nhiệm của mình trước sứ mạng mà Thiên Chúa và người khác tin tưởng giúp đỡ.

Thử hỏi người di dân Việt Nam đóng vai trò gì trong việc phát triển thăng tiến đời sống xã hội của người dân Lào? Những công việc mà đa số các người di dân Việt đang làm cũng là những sứ mạng, công cụ trong việc thăng tiến xã hội. Điều quan trọng không phải là lợi nhuận. Tất nhiên làm việc thì phải được trả công xứng đáng để nuôi dưỡng bản thân và chu toàn trách nhiệm với gia đình. Nhưng như thế thôi thì chưa đủ. Ai cũng có thể là một công cụ trong sứ mạng phục vụ của Giáo hội.

Công việc nghề nghiệp phát triển xã hội như là một sứ mạng Thiên Chúa trao cho mỗi người. Hiểu được điều này để có thái độ làm việc như là tiếng gọi của Chúa với lòng nhiệt thành và trách nhiệm cao nhất, ngay cả giữa những khó khăn thử thách nhất. Ngày xưa khi dân Chúa bị đi lưu đày ở Babylon là do bị bức bách, thua trận, chạy nạn, khổ cực. Rồi sau đó qua nhiều năm họ xây dựng phát triển, lập gia đình với người bản xứ và đến khi có lệnh hoàng đế cho phép trở lại quê hương để xây dựng đền thờ của mình, phát triển tự do của mình thì có rất ít người đã trở lại Israel. Họ đã hòa nhập vào đời sống nơi xứ mới ngay cả trong những hoàn cảnh bị bức bách nhất. Họ ở lại không chỉ để tồn tại phát triển đời sống xã hội, mà còn là khí cụ truyền giáo, chứng tá của Thiên Chúa trong niềm tin vào Ya-vê Thiên Chúa của mình cho người dân bản địa.

Di dân cũng như một kinh nghiệm lưu đày mang lấy sứ vụ của Thiên Chúa làm chứng tá cho niềm tin của mình giữa dân tộc Lào. Hay như người Việt di cư chạy nạn qua Lào, qua Thái những năm chiến tranh, năm đói trước những năm 1940 đã cố gắng tồn tại hòa mình với văn hóa địa phương dẫu kinh qua bao nhiêu kỳ thị bức bách. Tới những năm 1960 họ được kêu gọi tự do trở lại quê hương thì đã có rất ít người chọn đi về. Họ ở lại phát triển, mang lấy sứ mạng và làm chứng về niềm tin cho miền đất mới. Kết quả là bây giờ Giáo hội Lào, Thái phần lớn là những người gốc Việt này. Việc hòa mình làm việc để tồn tại, góp phần phát triển xã hội, thực hành đức tin của mình cách sống động là đang thi hành sứ mạng của mình. Cũng có nhiều di dân Việt đã rộng lượng giúp đỡ cho các dự án, bán đồ rẻ cho các

công trình, làm việc cộng tác với các tu sĩ, chia sẻ cách này cách khác trong các công việc với các nhà mục vụ, góp phần vào sứ mạng chung của Giáo hội.

4. Kết luận

Mục vụ di dân trong bối cảnh đất nước Lào là một mảng mục vụ cho những nhà mục vụ khi làm việc truyền giáo tại Lào. Điều quan trọng là hiểu được bối cảnh văn hóa lối sống của địa phương và có thể “đi vào”, hòa nhập, giao du và sống cùng với người địa phương, bất kỳ là người di dân hay người làm mục vụ. Giáo hội địa phương là một phần trong thân thể Giáo hội toàn cầu nên thiết nghĩ những người di dân hay nhà mục vụ góp phần của mình trong việc xây dựng thân thể Giáo hội của Chúa Kitô. Các đường hướng, kế hoạch, chương trình và hoạt động của mỗi người sao cho hòa nhập, giao du được với Giáo hội địa phương sao cho như là ánh sáng chiếu soi lẫn nhau để cùng nhau đương đầu, chung sức vượt qua những khó khăn và giúp nhau thăng tiến trong mỗi nền văn hóa lối sống riêng của mình.

Chương 10

DI DÂN VIỆT NAM TẠI HÀN QUỐC: RẮN VÀ BÒ CÂU THỰC TRẠNG VÀ THÁCH ĐỐ TRONG MỤC VỤ DI DÂN

LM Phêrô Nguyễn Cao Sâm, SVD, PhD

Nhập

Hai cụm từ “di dân Việt Nam” và “rắn và bò câu” gắn liền nhau trong cùng một câu tạo nên những hình ảnh sống động và xung đột, của ra đi và đối phó, một cách vừa liều lĩnh vừa tin tưởng. Những hình ảnh này ám chỉ người di dân Việt phải sống và hành động như thế nào trong thực trạng đầy khó khăn và nhiều thách đố của cuộc sống di dân.

Hình ảnh “rắn và chim bò câu” là từ mệnh lệnh của Đức Giêsu khi Ngài sai các môn đệ ra đi: “Này, Thầy sai anh em đi như chiên đi vào giữa bầy sói. Vậy anh em phải khôn như rắn và đơn sơ như bò câu” (Mt 10,16). Hình ảnh “chiên, sói, rắn, và bò câu” nói lên thực trạng đầy khó khăn và thử thách mà các môn đệ phải đối diện – với “chiên và sói” chỉ về thực trạng khó khăn của cuộc sống và “rắn và bò câu” ám chỉ những thái độ và thách đố mà họ phải có và đương đầu. Giống như các môn đệ của Đức Giêsu, người di dân Việt Nam ở Hàn Quốc, cũng như ở những nơi khác, cũng phải đối diện với thực trạng của “chiên, sói, rắn, và bò câu”.

Nhiều người Việt di dân sang Hàn Quốc có lẽ sẽ coi họ như “chiên giữa bầy sói” khi gia đình nghèo của họ ở nông thôn không thể kiếm đủ sống bằng thu nhập hàng tháng chỉ vón vện một, hai, ba

triệu đồng¹ nên đành phải chấp nhận xa quê, khi họ phải xếp hàng đợi trong một phòng khách sạn hay một nơi bí mật để cho mấy ông Hàn “kiểm tra và lựa chọn” như thể mua hàng hóa² trước khi sang Hàn, khi họ phải vay nợ trên 200 triệu đồng để trả cho các môi giới khác nhau để có thị thực (visa) bay tới “giấc mơ Hàn Quốc”,³ khi họ phải đối mặt với những công việc 3D⁴ mà nhiều người Hàn sẽ không đụng tới và chỉ những người di dân nước ngoài không có tay nghề mới làm, khi họ phải học ngày làm đêm để kiếm sống và trả tiền học cùng phụ giúp gia đình, khi họ bị chồng và mẹ chồng la mắng hoặc đánh đập vì họ không hiểu hay không biết cách nấu món ăn Hàn cho đúng cách, khi họ bị đau ốm và vì không biết nhiều tiếng Hàn để giải thích hay hiểu rõ bác sĩ nói gì nên họ bị chẩn đoán bệnh sai và bị dị ứng thuốc, khi chủ công ty không trả đủ lương cho họ hoặc đe dọa họ vì họ là người cư trú bất hợp pháp,⁵ khi họ bị người khác kỳ thị, cấp trên xỉ nhục, đồng nghiệp coi thường, v.v., nên họ cảm thấy họ phải tìm mọi cách để đổi phỏ – như chỉ thị của Đức Giêsu cho các môn đệ Ngài là “phải khôn như rắn và đơn sơ như bò cạp”.

Trong bài viết này,⁶ tôi xin chia sẻ về thực trạng và thách đố của mục vụ di dân với người Việt trên đất Hàn bằng cách trình bày

¹ Đơn vị tiền trong bài viết này: đồng là tiền Việt Nam (VND) và “uôn” (*won*) là tiền Hàn Quốc (KRW).

² Ở Việt Nam, môi giới thường đưa những cô gái Việt muốn kết hôn với chồng Hàn đến một nơi nào đó để đàn ông Hàn có thể xem mặt và hình dáng các cô trước khi lựa chọn.

³ “Giấc mơ Hàn Quốc” và “Làn sóng Hàn Quốc” (한류-Hallyu-Hàn Lưu) chỉ về việc nhiều người từ nhiều nước tìm đến Hàn Quốc với giấc mơ làm giàu, và về ảnh hưởng của văn hóa, phim ảnh và âm nhạc (K-Pop) của Hàn Quốc đang lan rộng đến nhiều quốc gia.

⁴ 3D = Dirty, Dangerous, Difficult/Demeaning = bẩn, nguy hiểm, khó khăn/nhục nhả.

⁵ Từ ngữ “bất hợp pháp” (tiếng Anh, illegal) chỉ về tình trạng cư trú bất hợp pháp với tính cách “dân sự” chứ không phải “hình sự”. Thuật ngữ đúng hơn là “không đăng ký” (tiếng Anh, undocumented).

⁶ Có thể tham khảo thêm những bài viết khác về người di dân Việt Nam ở Hàn Quốc, thí dụ “Đồng hành với người Việt tại Hàn Quốc” của LM Gioan Baotixita Nguyễn Đức Hảo, SVD, trong Tập san *Hiệp Thông* của Hội Đồng Giám Mục Việt

(1) hai mẫu chuyện đời tiêu biểu của đời di dân, (2) thực trạng di dân tại Hàn Quốc, (3) ý nghĩa của biểu tượng rắn và bò câu trong Kinh Thánh, và (4) mục vụ di dân với người Việt trên đất Hàn.

1. Hai mẫu chuyện đời người di dân

1.1. Mẫu đời của Diễm⁷

Tôi gặp Diễm lần đầu tiên trong một buổi họp mặt chung của các gia đình đa văn hóa vào năm 2011. Lúc ấy, Diễm 23 tuổi và đã kết hôn được hai năm với một doanh nhân Hàn đã ly hôn; ông chồng này già hơn bố cô ấy vài tháng.

Sau lần gặp gỡ đó, Diễm bắt đầu đến gặp tôi để tham vấn và tâm sự, mỗi tháng một hai lần, mỗi lần nửa giờ đến một tiếng, trong khoảng gần một năm. Rồi, đột nhiên trong mấy tháng cô ấy không đến nữa; nhưng sau đó, lại tiếp tục đến. Và rồi, cuộc gặp gỡ của chúng tôi trở nên thường xuyên hơn nhưng ngắn hơn trước, đến độ cô ấy đến gặp tôi một tuần một hai lần, thậm chí có tuần đến ba lần; nhưng những cuộc gặp gỡ này không giống như một buổi tham vấn trước mà như một sự xã giao, ghé qua để chào hỏi, để tặng một món quà nhỏ, hoặc để xin tôi cầu nguyện, dâng lễ⁸ cho cô ấy và gia đình. Nhưng, trước khi tiếp tục với cái “khôn” của cô ấy và một “bài học” cho tôi, tôi xin kể về lý lịch hoàn cảnh của cô ấy.

Nam (số 113, tháng 7 & 8 năm 2019); “Gia Đình Di Dân Việt Nam: Sự Đa Dạng và Phức Tạp của Hôn Nhân và Gia Đình” của LM Phêrô Nguyễn Cao Sâm, SVD trong sách *Hôn Nhân & Gia Đình* do LM Mátthêu Nguyễn Khắc Hy, PSS, chủ biên (Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, 2015); “Đại Quốc Triều Cao” của LM Phêrô Nguyễn Cao Sâm, SVD trong *Đặc San Xuân Ất Dậu 2005* của Giáo Xứ Kitô Vua, Fort Worth, Texas, Hoa Kỳ; cùng những trang mạng internet như: Thông Tin Hàn Quốc (<https://thongtinhanquoc.com>); Du học KNET (<https://korea.net.vn>); Danuri (Gia đình đa văn hóa) (<https://www.liveinkorea.kr/portal/VNM/page/contents.do>); v.v..

⁷ Trong bài này, để bảo mật, Diễm và Hương không phải là tên thật.

⁸ Diễm không phải là người Công giáo, nhưng có bạn Công giáo và đã một vài lần đến nhà thờ xem lễ; nên cũng biết về việc xin lễ hay làm công đức.

Diễm xuất thân từ một vùng quê ở gần Tây Ninh, trong một gia đình nông dân nghèo có bốn người con. Là con gái áp út, Diễm được đi học, nhưng cũng chỉ hết cấp 2 (lớp 9) rồi ngưng học; tuy nhiên, cô ấy khá thông minh và có duyên. Năm 18 tuổi, cô giúp việc trong một văn phòng luật sư ở thành phố để kiếm tiền phụ giúp gia đình, nhất là vì bố cô bị bệnh tim. Lâu lâu cô cũng kiếm được một số “tiền bo” khá bự từ việc đi ăn tối và hát Karaoke chung với luật sư và các cấp cao khác.

Cô cũng từng bị ép rượu và say xỉn, và một lần bị ép quan hệ tình dục với một gã luật sư mà ông này đã cho cô ấy một khoản “tiền bo” khá to để bịt miệng. Nhưng không may, cô dính bầu; và quyết định dùng “tiền máu” đó để phá thai. Đòi cô bắt đầu đổi màu!

Khi nghe biết đến việc kết hôn với người nước ngoài, nhất là với đàn ông Hàn Quốc, và sau khi có dịp gặp một phụ nữ Việt lấy chồng Hàn có một cuộc sống cũng khá giả, cô quyết định đi Hàn Quốc – tìm đến một nơi thật xa.

Qua bạn bè và hai người môi giới, Diễm đã gặp được người chồng tương lai của mình, một doanh nhân Hàn đã ly hôn; ông ấy đã trả khoảng 250 triệu đồng⁹ để làm thủ tục kết hôn và đưa cô sang Hàn Quốc. Chồng cô là một người tốt và biết điều vì đã tặng riêng cho gia đình cô 23 triệu đồng như một món quà để giúp bố cô đang bị bệnh tim. Mặc dù rất ấn tượng với món quà hào phóng của chồng cô, việc kết hôn này với cô cũng chỉ là một “nấc thang” để vươn tới một tương lai tốt đẹp hơn.

Diễm đến Hàn Quốc năm 2009 và sớm nhận thấy cuộc hôn nhân của mình như một “nấc thang gãy đôi” cất trong căn phòng đen tối với tương lai mù mịt và cay đắng. Chồng cô chỉ muốn cô ở nhà, làm nội trợ; và khi ông ta về, ông chỉ muốn tình dục – giao cấu chứ không phải làm tình. Ông không muốn có thêm con với cô vì ông đã

⁹ Đây là số tiền trung bình (khoảng trên 10.000 USD) mà một người đàn ông Hàn kết hôn với một phụ nữ Việt sẽ phải trả cho một công ty môi giới để lo mọi sự cho việc kết hôn này. Trong số tiền này, nhiều người môi giới chỉ đưa cho gia đình cô dẫu khoảng 5 đến 10 triệu đồng như quà của người chồng. Trong một số trường hợp, không những gia đình cô dẫu không nhận được tí tiền quà nào mà còn phải trả một số tiền cho người môi giới.

có hai người con với vợ trước, mà ông còn đang phải trả tiền cấp dưỡng nuôi con.

Nhưng cô không muốn chỉ ở nhà làm một bà nội trợ; cô muốn đi làm, kiếm tiền giúp gia đình và cho tương lai. Chồng cô không cho phép cô đi làm vì như thế ông sẽ bị bạn bè và đồng nghiệp chế giễu.¹⁰ Ông muốn cô là một người nội trợ giỏi;¹¹ nhưng với cô, cô không hơn gì một gia nhân giúp việc nhà, một người cung cấp tình dục miễn phí cho chồng. Chồng cô hầu như không ăn tối ở nhà và ông ta thường về nhà trong tình trạng say xỉn, nồng nặc mùi rượu “soju”¹² và đòi quan hệ tình dục. Đa phần, cô phải nhượng bộ, nhắm mắt giang chân, vì sợ tính nóng nảy của chồng. Nhiều lần cô đã nghĩ đến việc trốn ra ngoài, bỏ về Việt Nam, hay ngay cả tự tử.

Một ngày nọ, cô nhận được tin là sức khỏe của bố cô ngày càng yếu dần và có lẽ sẽ tốn rất nhiều tiền cho việc điều trị tim. Cô chia sẻ với chồng và ông ấy đưa cô khoảng 5 triệu đồng để gửi về nhà; nhưng ông cũng nói thêm rằng vì bố cô đã bị bệnh tim trước khi ông ấy kết hôn với cô nên ông không cảm thấy có trách nhiệm phải giúp đỡ tiền bạc cho bố cô.¹³

Chồng không giúp được nhiều; Diễm phải tự tìm đường kiếm tiền. Chuyện này xảy ra vào khoảng thời gian cô ấy quay lại gặp tôi và khi những lần thăm viếng của cô ấy trở nên thường xuyên nhưng ngắn giờ hơn. Cô ấy nói với tôi rằng cô đã tìm được một vài công việc bán thời gian để kiếm tiền phụ giúp gia đình.

Việc Diễm đến gặp tôi thường xuyên cũng làm chồng cô thất vọng và ông đã gọi điện thoại cho tôi vài lần để kiểm tra xem cô ấy có

¹⁰ Trong xã hội Hàn, giới trẻ thường dễ (hay phải) chấp nhận việc hai vợ chồng cùng đi làm kiếm tiền; nhưng với doanh nhân lớn tuổi và có tí tiền, thì việc vợ đi làm kiếm tiền là một sự bẽ mặt cho chồng.

¹¹ “Người nội trợ giỏi” đây là một người vợ biết chuẩn bị đồ ăn sáng ngon cho chồng, lau chùi nhà cửa, giặt ủi quần áo, và giỏi việc giường chiếu.

¹² “Soju” là một loại rượu đế trắng, làm từ khoai tây hay ngũ cốc, với nồng độ cồn từ 16% -20%; là thức uống rẻ và thông thường nhất trong các bữa ăn hay tiệc ở Hàn.

¹³ Quan niệm này cũng phản ánh nơi nhiều ông chủ xưởng, và ngay cả chính quyền Hàn Quốc, không muốn giúp công nhân nước ngoài chữa bệnh khi bệnh này đã bị trước khi đến Hàn Quốc làm việc.

thực sự đến gặp tôi không. Tôi kể cho cô ấy nghe chuyện này và cô nói rằng chồng cô đang ghen vì cô ấy đã dùng tiền lì-xì Tết để đi tiểu phẫu thẩm mỹ khuôn mặt. Ông ấy rất thích và hãnh diện về cô vợ trẻ đẹp của mình và còn cho cô thêm một số tiền tiêu vặt. Tuy nhiên, chồng cô cũng bắt đầu có biểu hiện ghen tuông và nghi ngờ; thật ra, chồng cô đã thuê người theo dõi cô; và ông ấy đã phát hiện ra điều làm tôi choáng váng!

Bí mật của Diễm, và là một bài học cho tôi, là trong vài tháng cô ấy ghé thăm tôi để chào hỏi và đưa tiền xin lễ, cô đã dùng tôi như một bình phong cho việc “mại dâm” của cô ấy. Cô có ba khách hàng, tất cả đều là người di dân lao động Việt Nam; mỗi anh tặng cho cô khoảng hơn 10 triệu đồng mỗi tháng để làm “bạn gái” của họ. Ba anh này không biết nhau, và mỗi người đều nghĩ rằng cô ấy là “bạn gái” của riêng họ.

Sau khi bí mật của Diễm bị lộ, tôi có gặp chung vợ chồng cô ấy một lần tại văn phòng tôi; sau đó tôi không nghe gì cũng không gặp lại họ nữa. Rồi tình cờ gần một năm sau, tôi gặp lại Diễm trong buổi họp mặt chung của các gia đình đa văn hóa và được biết rằng cô và chồng cô đã ly dị; nhưng cô cũng đã làm được giấy thường trú. Khi ấy, cô đang làm việc trong một công ty xuất nhập khẩu và cũng đang hẹn hò với một ông luật sư đã ly hôn. Sức khỏe của bố cô cũng đã ổn định nhờ số tiền cô gửi về.

1.2. Mảnh đời của Hương

Hương và bạn trai đến gặp tôi để xin làm lễ cưới; họ đưa tôi giấy chứng nhận Bí tịch (Rửa tội và Thêm Sức) và giấy chứng nhận độc thân của chính quyền xã của mỗi người. Khi tôi hỏi họ về hộ chiếu và thẻ chứng minh thư Hàn Quốc (thẻ đăng ký người nước ngoài), thì bạn trai cô ấy đưa tôi xem giấy của anh ấy nhưng Hương nói là để ở nhà, không mang theo.

Sau này tôi mới biết là hôm đó Hương có cầm theo nhưng sợ không dám cho tôi xem. Khi tôi nhận được thẻ chứng minh thư Hàn Quốc của cô ấy thì thấy hình giống nhưng khác tên và visa đó là F-2

(visa cho người nước ngoài kết hôn với người Hàn).¹⁴ Tôi nói với Hương là cô ấy không thể cưới một anh Việt Nam khi cô đang là vợ của một ông Hàn. Cô ấy bật khóc và nói rằng hôn nhân của cô với ông Hàn chỉ là một hôn nhân giả (trên giấy tờ) chứ không phải hôn nhân thật. Rồi, Hương còn cho tôi xem lá thư của một linh mục ở Việt Nam nhờ tôi giúp cô ấy làm phép cưới vì hôn nhân của cô ấy với ông Hàn chỉ là giả mà thôi. Tôi hẹn Hương đến gặp tôi tại văn phòng để nói rõ về tình trạng của cô ấy vì hôm đó Hương gặp tôi tại nhà thờ sau lễ Chúa Nhật.

Đây là câu chuyện của Hương. Cô sinh ra ở Nghệ An trong một gia đình nông dân nghèo, có ba người con; cô là người con giữa. Một số bạn cùng quê cô cũng đã đi Hàn Quốc hay Đài Loan làm việc nên cô cũng muốn đi để giúp gia đình. Sau khi vay nợ và chi tiêu hơn 230 triệu đồng và chờ đợi hơn một năm, cuối cùng Hương cũng đã đến Hàn Quốc để làm việc trong một xưởng giày vào năm 2006. Sau ba năm làm việc và sau khi tiết kiệm đủ tiền để trả nợ, Hương quyết định thành người cư trú bất hợp pháp, đổi xưởng giày sang làm tại một công ty nhựa,¹⁵ để có tiền lương cao hơn. Nhưng không may, mới được sáu tháng, cô bị bắt và bị trục xuất về Việt Nam.

Về đến Việt Nam, Hương quyết tâm quay lại Hàn Quốc; nhưng phải chờ 5 năm thì lâu quá,¹⁶ nên cô đã mượn tên của người em họ và làm hộ chiếu mới. Tuy nhiên, sau hơn một năm chờ đợi, cô vẫn không nhận được visa lao động sang Hàn.

¹⁴ Khi đó, visa F-2 là cho người ngoại quốc đăng ký kết hôn với người Hàn; sau này, loại visa đó đổi thành F-6.

¹⁵ Khi người lao động nước ngoài đổi xưởng hay nghề mà chủ cũ không chấp nhận cho đi, và chủ mới không thể đăng ký, thì người đó thành người cư trú bất hợp pháp (không đăng ký).

¹⁶ Lúc bấy giờ, một người di dân nước ngoài trong tình trạng bất hợp pháp, nếu tự nguyện về nước, sau một năm, họ có thể xin visa để trở lại Hàn Quốc; nhưng nếu bị bắt và bị trục xuất về nước, họ sẽ phải đợi 5 năm trước khi có thể nộp đơn xin visa. Hiện nay, với luật mới, khi tự nguyện về nước và còn muốn có cơ hội trở lại Hàn Quốc thì họ phải đóng tiền phạt; nhiều hay ít còn tùy thời gian cư trú bất hợp pháp. Nếu tự nguyện về và không muốn hay không trả tiền phạt thì sẽ không có cơ hội trở lại Hàn Quốc nữa. Nếu bị bắt và bị trục xuất, thì không thể trở lại Hàn Quốc được nữa.

Vậy là phải tìm cách khác. Qua một số bạn bè ở Hàn Quốc và qua môi giới ở Việt Nam, cô quyết định thực hiện con đường “kết hôn giả”¹⁷, sử dụng “tên mới” của mình. Cô đã vay tiền và trả 140 triệu đồng cho một ông Hàn chấp nhận làm “chồng giấy tờ” của cô, và 93 triệu đồng cho người môi giới để giúp làm tất cả các giấy tờ “hợp pháp”.

Và rồi cuối năm 2010, Hương đã trở lại Hàn Quốc với visa F-2. Ông chồng Hàn và một số người bạn cô đã ra sân bay đón đưa cô về nhà một người bạn. Tại đó, cô đã trả thêm 500 ngàn “uôn”¹⁸ cho ông chồng giấy tờ; và họ hứa sẽ giữ bí mật về giao dịch này của họ. Đồng thời, mỗi năm khi gia hạn visa, cô sẽ phải trả thêm 1 triệu “uôn” cho ông chồng này. Năm sau đó, sau khi trả tiền, cô ấy đã gia hạn được visa mà không gặp vấn đề gì.

Nhưng năm sau, ông chồng giấy tờ này phải di chuyển theo việc làm đến một thành phố khác để sinh sống, và ông đã yêu cầu cô trả tiền di chuyển nhà. Dù không muốn nhưng cô buộc phải đưa cho ông ta 300 ngàn “uôn”. Đến thời điểm gia hạn visa, ông bảo cô ấy phải đi xuống thành phố của ông ấy để gia hạn. Hương phải xin nghỉ làm một ngày để đi xuống đó làm giấy tờ; và cô đã phải đưa cho ông ấy 500 ngàn “uôn” trên đường đến sở di trú để gia hạn visa. Nhưng không may, vì đường đi có tai nạn xe cộ, họ đến sở di trú quá trễ, nên phải trở lại ngày hôm sau. Thế là cô phải nghỉ lại đó một đêm, và mất một ngày làm nữa.

Tối hôm đó, họ ăn tối chung, rồi chia tay; hẹn hôm sau gặp lại tại sở di trú. Hương lên taxi về khách sạn; nhưng nào ngờ ông chồng này bí mật theo taxi của cô đến khách sạn, và đòi quan hệ tình dục. Ông dọa nếu cô không chấp thuận thì ông sẽ không giúp gia hạn visa cho cô. Hương la hét, chửi bới; nhưng ông ấy vẫn đòi và dọa. Hơn một tiếng đồng hồ dai dẳng, cô biết mình đã rơi vào bẫy, và không làm gì được; nhưng cô vẫn không muốn quan hệ tình dục với ông ta.

¹⁷ Hôn nhân giả này, chỉ giả trong ý định và môi tương quan giữa hai “vợ chồng giả”, nhưng là một hôn nhân hợp pháp trên pháp lý, cho đến khi họ bị bắt thì tòa sẽ xét xử.

¹⁸ Tiền Hàn Quốc (500.000 won) = khoảng hơn 10 triệu đồng VND.

Đột nhiên, một cái gì đó lóe lên trong đầu cô và cô đã đồng ý quan hệ tình dục với ông chồng giả này. Cô nói với ông ấy là cô cần phải đi mua thuốc nhức đầu và mua bao cao su. Khi đến tiệm, ngoài thuốc nhức đầu và bao cao su, cô còn mua thêm một bịch mực khô xé nhỏ, 3 chai rượu soju và 2 chai nước suối. Quay lại nhà nghỉ, cô bảo ông ấy đi tắm trước. Trong khi ông tắm, cô lấy tất cả thuốc nhức đầu, tán ra, và trộn vào trong hai chai soju dành cho ông ấy; rồi cô đổ gần hết rượu từ chai thứ ba và pha nước suối vào cho đầy chai; đó là chai của cô. Khi ông chồng giả ra khỏi phòng tắm, cô giả vờ chọc ghẹo, đùa giỡn, và cụng ly liên tục với ông ấy, cố gắng bắt ông uống hết hai chai soju, và cô cũng cạn chai của cô. Cụng ly và đùa giỡn, cô cũng đành chấp nhận cho ông mượn trốn, sờ mó. Khi thấy ông ấy đã khá say xỉn và riu mắt, cô đành chấp nhận cởi hết quần áo; và cô đã dùng tay và đùi mình để làm ông ấy xuất tinh. Sau khi ông ấy lăn quay trên giường, cô mặc quần áo vào, ngồi xuống ghế và khóc sụt mướt một mình. Cô cảm tạ Chúa đã cho cô ý tưởng liều lĩnh đó; nhưng cô cũng xin Chúa đừng để ông ấy chết vì ngộ độc thuốc và rượu. Ngày hôm sau, cô đã gia hạn được visa, trả thêm cho ông ấy 500 ngàn “uôn”, và trở về nhà. Nhưng cô không kể kinh nghiệm này cho người bạn trai sắp cưới của cô.

Khi cô ấy và bạn trai đến gặp tôi hôm đó, họ đã sống chung một thời gian và cô ấy đã có thai. Đó là lý do tại sao họ muốn kết hôn trước khi thai quá lớn; và gia đình họ ở Việt Nam cũng vội vàng muốn tổ chức đám cưới. Nhưng Hương không muốn ly hôn với người chồng giả cho đến khi cô lấy được giấy thường trú hay quốc tịch Hàn.

2. Thực trạng di dân tại Hàn Quốc

Câu chuyện của Diễm và Hương chỉ là hai trong số hàng vạn câu chuyện cuộc đời của những người Việt di dân sang Hàn Quốc. Từ ngữ “di dân” bao trùm tất cả mọi người bỏ quê hương đi làm hay sinh sống ở chỗ khác, trong hay ngoài nước. Đa số người di dân Việt ở Hàn Quốc là “di dân đi làm” (đi một thời gian rồi trở về lại Việt Nam, ví dụ: xuất khẩu lao động, du học sinh, chuyên viên, thương

mai, thăm thân, v.v.) hơn là “di dân định cư hay di cư” (sẽ định cư ở nước ngoài, ví dụ: di cư, tị nạn, kết hôn, v.v.).

2.1. Di dân người Hàn Quốc ra nước ngoài

Nhìn sơ qua lịch sử Hàn Quốc,¹⁹ thì một thời họ cũng có di dân ra nước ngoài. Người Hàn²⁰ (người dân tộc Triều Tiên) di dân ra nước ngoài vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20; một số người di cư đến đảo Hawaii làm nông nghiệp và một số khác di cư đến nước Mexico; đồng thời, nhiều người dân tộc Triều Tiên đã di cư sang vùng “Mãn Châu” (Trung Quốc) và các khu vực phía đông của Liên Xô (Nga). Hiện nay, người Trung Quốc gốc tộc Triều Tiên chiếm khoảng 2/3 số người di dân Trung Quốc ở Hàn Quốc. Vào thời chiến tranh Triều Tiên (Hàn Quốc), 1950-1953, khoảng 6 triệu người từ Bắc Triều Tiên di cư xuống Nam Hàn; vào những thập niên 50 và 60, nhiều người Hàn Quốc di cư sang Mỹ và Đức; và vào những thập niên 70 và 80, nhiều người Hàn đi làm việc ở các nước Trung Đông và Libya, cũng như di cư đến Brazil, Argentina và Paraguay.²¹

¹⁹ Với người Hàn, tên nước của họ là Hàn Quốc và tên dân tộc (chủng tộc) của họ là “Triều Tiên”. Với người Việt, Hàn Quốc có 4 tên hay 4 cách gọi: (1) Hàn quốc có tên gọi chính thức là Đại Hàn Dân Quốc; (2) Thời chiến tranh Việt Nam, người Miền Nam Việt Nam gọi Hàn Quốc là Đại Hàn, nghĩa là chỉ lấy 2 chữ đầu của “Đại Hàn Dân Quốc”; (3) Sau năm 1976, người Việt gọi Hàn quốc là Nam Triều Tiên vì lúc đó Việt Nam chỉ có quan hệ ngoại giao với Bắc Triều Tiên là nước “Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên”, gọi tắt là “Triều Tiên”, lấy “Triều Tiên” là tiêu chuẩn để phân biệt Bắc và Nam; (4) Sau khi Việt Nam bang giao với Hàn Quốc vào cuối năm 1992, thì người Việt gọi họ là Nam Hàn, và gọi Bắc Triều Tiên là Bắc Hàn, lấy “Hàn Quốc” là tiêu chuẩn để phân biệt Nam và Bắc.

²⁰ Từ ngữ “người Hàn” chỉ về người có quốc tịch Hàn quốc, “người Triều Tiên” chỉ về người có quốc tịch “Bắc Hàn” hay “Bắc Triều Tiên”, và “người dân tộc Triều Tiên” chỉ về người thuộc dân tộc Triều Tiên, bất kể quốc tịch nào.

²¹ Khi tôi làm việc ở Paraguay (1987-1993) tôi cũng có làm lễ một số lần cho cộng đoàn Công giáo Hàn Quốc ở thành phố Ciudad del Este, giáp ranh giới Paraguay và Brazil.

2.2. Di dân người nước ngoài vào Hàn Quốc

Thế vận hội Olympic ở Seoul năm 1988 là mốc đòi hỏi của Hàn Quốc: từ một nước kém phát triển hay đang phát triển thành một nước phát triển, và từ một quốc gia “gửi dân đi ra” thành một quốc gia “nhận di dân vào”. Từ đó, người di dân từ nhiều nước, trong số đó có Việt Nam, đã bắt đầu đến Hàn Quốc làm việc và sinh sống.

Với mức phát triển của dân nước Hàn, người Hàn dần dần có học thức cao hơn, nhiều tiền hơn, thích cuộc sống tiện nghi và sung túc hơn, và chú ý tới địa vị xã hội hơn; họ cũng có xu hướng tránh xa những việc lao động tay chân nặng nhọc không tay nghề, với mức lương thấp và vị trí xã hội kém. Đồng thời, Hàn Quốc cũng dần biến thành một xã hội lão hóa²² nên thiếu người làm việc. Thêm vào đó, qua nhiều thập niên của một xã hội theo ý thức hệ “trọng nam khinh nữ” và gia đình một con,²³ nên đã dẫn đến tình trạng thừa nam thiếu nữ – thiếu cô dâu. Do đó, chính phủ Hàn nhìn ra bên ngoài, chủ yếu là các nước đang phát triển, để lấp đầy hai thiếu hụt này: người lao động và cô dâu.²⁴

Theo thống kê của Sở Di Trú Hàn Quốc vào tháng 8 năm 2020²⁵ thì số người ngoại quốc ở Hàn Quốc là 2.110.610 người. Cùng tháng này năm trước, tức tháng 8/2019, thì số người ngoại quốc là 2.420.198 người; vì nhiều lý do, nhất là vì dịch Covid-19, nên số người ngoại quốc đã giảm xuống 12,8%. Tuy nhiên, so với dân số

²² Hàn Quốc sẽ trở thành xã hội lão hóa nhất thế giới vào năm 2067 (“Korea to become world’s most aged society by 2067”

https://www.koreatimes.co.kr/www/biz/2019/09/367_274967.html) (Truy cập ngày 01/11/2020)

²³ Hiện nay, vì dân số Hàn đang trên đường đi xuống, chính phủ Hàn Quốc khuyến khích phụ nữ sinh con và gia đình có 2 con; do đó, hệ thống giao thông công cộng đều có chỗ dành riêng “ghế màu hồng” cho phụ nữ có thai.

²⁴ Andrew Kim, “Demography, Migration and Multiculturalism in South Korea” *The Asia-Pacific Journal*, Vol. 6-2-09, February 1, 2009. (Xem <https://apjjf.org/-Andrew-Eungi-Kim/3035/article.html>) (Truy cập ngày 01/11/2020)

²⁵ Thống kê của Sở Di Trú Hàn Quốc, tháng 8 năm 2020. Xem https://www.hikorea.go.kr/board/BoardDataDetailR.pt?BBS_SEQ=5&BBS_GB_CD=BS10&NTCCTT_SEQ=105&page=1 (Truy cập ngày 01/11/2020)

Hàn Quốc hiện nay²⁶ là 51.780.579 thì số người di dân ngoại quốc chiếm 4,076% dân số; tỷ lệ này cao hơn một tí so với tỷ lệ (3,5%) của người di dân quốc tế trên thế giới.²⁷

Trong số người nước ngoài ở Hàn Quốc, 4 quốc gia có nhiều dân số nhất là (1) người Trung Quốc, 935.745 (chiếm 44,3%; trong số này, gần 72% tức 672.531 người Trung Quốc là gốc dân tộc Triều Tiên), (2) người Việt Nam, 213.604 (chiếm 10,1%), (3) người Thái Lan, 186.899 (chiếm 8,9%), và (4) người Mỹ 146.458 (chiếm 6,9%). Và trong số người nước ngoài ở Hàn Quốc thì có 394.897 người cư trú bất hợp pháp (chiếm 18,7%).

2.3. Di dân người Việt tại Hàn Quốc

Với con số 213.604 người di dân Việt ở Hàn Quốc, thì có 108.951 người nam và 104.653 người nữ; có 183.191 người có visa dài hạn (trên 6 tháng), và có 30.413 người có visa ngắn hạn (dưới 6 tháng). Trong số 183.191 người có visa dài hạn, thì có 44.748 người lao động không tay nghề, 44.065 người (41.031 nữ, 3.034 nam) kết hôn với người có quốc tịch Hàn,²⁸ 56.939 người thuộc diện du học sinh, và 37.439 người thuộc các diện visa khác (trong đó có 170 người có visa hoạt động tôn giáo, visa D-6).

Theo luật di trú Hàn Quốc, người di dân lao động nước ngoài (không tay nghề, không chuyên môn) chỉ có thể ở Hàn 4 năm 10 tháng, sau đó họ phải về nước, rồi có thể làm giấy trở lại Hàn sau; vì

²⁶ Dân số của năm 2020; Xem

https://kosis.kr/conts/nsportalStats/nsportalStats_0102Body.jsp?menuId=10&NUM= (Truy cập ngày 01/11/2020)

²⁷ Xem https://www.un.org/sites/un2.un.org/files/wmr_2020.pdf (Truy cập ngày 01/11/2020)

²⁸ Đa số gái Việt lấy chồng Hàn thì người chồng là gốc tộc Triều Tiên; nhưng đa số trai Việt lấy vợ Hàn thì người vợ là gốc Việt Nam (nghĩa là: Gái Việt lấy chồng Hàn, sau khi có quốc tịch Hàn và ly dị chồng Hàn, thì cưới chồng Việt Nam). Về số người Việt nhập quốc tịch Hàn, thì năm 2020 tính đến tháng 8 có 2.635 người, năm 2019 có 3.867 người, năm 2018 có 4.849 người, năm 2017 có 3.743 người, năm 2016 có 3.289 người, và năm 2015 có 2.722 người. (Xem thống kê của ghi chú số 25).

nếu ở liên tục trên 5 năm, họ có quyền xin vào thường trú. Với du học sinh học tiếng Hàn (thường là 1-2 năm), học nghề (2-3 năm, kể cả thời gian học tiếng Hàn), hay học Đại Học (4-6 năm, kể cả thời gian học tiếng Hàn) thì bao lâu họ còn đăng ký đi học thì vẫn có thể duy trì và gia hạn visa mỗi năm; sau khi học xong họ có thể xin đổi sang visa tìm việc (hạn 6 tháng), visa đi làm (nếu tìm được việc), hay visa học cao hơn (nếu có trường nhận). Với người di dân có tay nghề và chuyên môn, thì bao lâu có việc làm hợp pháp, họ có thể gia hạn visa, và có thể bảo trợ cho vợ/chồng, con cái và bố/mẹ sang Hàn Quốc; và nếu hội đủ điều kiện, họ cũng có thể xin làm giấy thường trú hay nhập quốc tịch Hàn. Với người di dân kết hôn với người có quốc tịch Hàn, họ phải gia hạn visa mỗi năm, và sau 3 năm, khi hội đủ điều kiện, họ có thể xin nhập quốc tịch Hàn.

Sau đây tôi xin chia sẻ sơ qua về 3 diện người (loại visa) có nhiều người di dân Việt tại Hàn nhất, tính theo lịch sử di dân đến Hàn: diện di dân lao động (bắt đầu sang Hàn Quốc từ khoảng giữa thập niên 90), diện di dân kết hôn (đến Hàn từ đầu thiên niên kỷ thứ 3), và diện di dân du học (sang Hàn từ khoảng thập niên 2010).

2.3.1. Di dân lao động

Trước tình trạng thiếu hụt lao động sau khi chuyển mình thành một nước phát triển, chính phủ Hàn đã thành lập chương trình Tu Nghiệp Sinh (ITS = Industrial Trainee System) vào đầu những năm 1990 để kiểm soát lao động từ nước ngoài. Với chương trình này, các tu nghiệp sinh nước ngoài nhận được mức lương tối thiểu nhưng không có bảo hiểm tai nạn lao động. Trong khi tên “nghe đẹp” là “tu nghiệp sinh”, nhưng trong thực tế chỉ là “lao động rẻ tiền”. Do đó, nhiều tu nghiệp sinh đã bỏ trốn công ty hợp đồng để làm việc bất hợp pháp ở các công ty khác trả lương cao hơn.

Sau khi chương trình Tu Nghiệp Sinh bị chỉ trích là lạm dụng lao động và để nâng cao quyền lợi của người di dân lao động, năm 2003, chính phủ Hàn Quốc đã thành lập chương trình Cấp Phép Lao Động (EPS = Employment Permit System) cho di dân lao động không tay nghề. Theo chương trình mới này, người di dân lao động có thể

nhận được bảo hiểm tai nạn lao động và có nhiều quyền lợi hơn so với Tu Nghiệp Sinh (ITS). Lúc đầu họ chỉ có thể ở Hàn Quốc 3 năm, nhưng sau chính sách đổi thời hạn thành 4 năm 10 tháng, sau đó họ phải về nước, và có thể xin trở lại Hàn đợt hai, cũng chỉ 4 năm 10 tháng, và tối đa là 2 đợt mà thôi. Tuy nhiên nhiều người vẫn chọn ở lại sau khi hết hạn visa hoặc thay đổi loại visa làm việc²⁹ và thành cư trú bất hợp pháp.

Di dân lao động Việt Nam bắt đầu đến Hàn Quốc sau khi Việt Nam và Hàn Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao vào cuối năm 1992. Như đã nói trên, tính đến tháng 8 năm 2020 thì số di dân lao động Việt không tay nghề là 44.748 người; số này gia tăng rất nhiều so với 20 năm về trước, nhưng giảm xuống 23% so với con số của 7 năm về trước (2013 = 58.181 người).

Với mức lương tối thiểu khá cao hiện nay ở Hàn Quốc là 8.590 “uôn” một giờ³⁰ (tương đương với 175.000 đồng/giờ), gấp đôi mức lương tối thiểu của 10 năm về trước, nhiều người di dân lao động và những diện di dân khác cũng chủ tâm trở thành cư trú bất hợp pháp để ở lại Hàn làm việc.³¹ Hiện có khoảng gần 400.000 người nước ngoài đang cư trú bất hợp pháp – khoảng 19% số người ngoại quốc tại Hàn.³² Theo thống kê, thì người Thái Lan có con số cư trú bất hợp pháp cao nhất (gần 140.000 người; khoảng 70% của con số người Thái ở Hàn),³³ sau đó là người Trung Quốc (khoảng 71.000 người,

²⁹ Theo luật pháp Hàn, người di dân lao động không tay nghề có visa làm việc nghề nào thì chỉ có thể làm việc đó, không thể đổi loại visa sang làm nghề khác. Thí dụ, visa làm nghề đánh cá không thể đổi sang visa làm nông và visa làm nông không thể đổi sang visa làm trong công xưởng hay nghề khác; ngoại trừ họ bỏ trốn và thành cư trú bất hợp pháp.

³⁰ Xem <https://tradingeconomics.com/south-korea/minimum-wages>. (Truy cập ngày 1/11/2020).

³¹ Với diện thăm thân, thì vấn đề này lại là: cứ trú hợp pháp mà làm việc “bất hợp pháp”, vì diện thăm thân không được phép đi làm lãnh lương như di dân lao động.

³² Xem

https://world.kbs.co.kr/service/news_view.htm?lang=v&Seq_Code=47133. (Truy cập ngày 1/11/2020).

³³ Vì tình trạng Covid-19 và vì rất nhiều người Thái có visa lao động theo mùa (nghĩa là, họ đến Hàn Quốc làm việc theo nhu cầu từng mùa của nông nghiệp hay

tuy chỉ là khoảng 7,5%), và thứ ba là người Việt Nam (hơn 42.000 người; khoảng 20% số người Việt tại Hàn Quốc).

2.3.2. Di dân kết hôn – cô dâu Việt với chồng Hàn

Trước tình trạng thiếu cô dâu, chính phủ Hàn đã mở cửa vào những năm 1990 và tích cực khuyến khích làn sóng cô dâu nước ngoài đến Hàn Quốc. Theo thống kê, số lượng cô dâu nước ngoài đã tăng vọt trong vòng 30 năm qua, tuy rằng con số này cũng đang bắt đầu giảm xuống. Sự tăng trưởng này phần lớn là do chính sách của chính phủ Hàn về việc giúp tìm “hôn nhân cho nông dân độc thân”. Có nhiều yếu tố tạo nên chính sách này nhưng có lẽ yếu tố chính là do đàn ông Hàn Quốc ở vùng nông thôn hoặc những ông Hàn có mức thu nhập thấp³⁴ không tìm được vợ Hàn.³⁵

Phong trào cô dâu Việt sang Hàn, hay đúng hơn “phong trào các ông Hàn về Việt Nam lấy vợ Việt”, bắt đầu từ những năm 2000, gần một thập niên sau các cô dâu Trung Quốc.³⁶ Nhìn vào con số thì năm 2000, số cô dâu Việt là 77 người, năm 2011 là 7.636 người, và hiện nay là 41.031 người.³⁷

Dòng người nước ngoài, đặc biệt là các chị em lập gia đình với chồng Hàn, đã giúp thúc đẩy và thay đổi ý niệm “đa văn hóa” ở Hàn Quốc. Vào đầu thiên niên kỷ thứ ba, ý niệm “đa văn hóa” vẫn còn là một khái niệm khá mới mẻ đối với Hàn Quốc, một đất nước tự hào về sự thuần nhất của dân tộc họ và là một “Vương quốc ẩn sĩ” (*Hermit Kingdom*). Tuy nhiên, dù khái niệm “thuần huyết” (*pure*

công việc khác và hạn visa dưới 1 năm), nên hiện giờ tỷ lệ cư trú bất hợp pháp khá cao.

³⁴ Bao gồm cả những ông góa, ly dị, khuyết tật, hay có vấn đề tâm lý.

³⁵ Theo xu hướng xã hội, đa số phụ nữ cưới ngang hay cưới lên (i.e., người chồng bằng hay hơn vợ về kinh tế, học thức, vị trí xã hội, v.v.) và đa phần đàn ông cưới ngang hay cưới xuống. Xem Caren Freeman, “Marrying Up and Marrying Down: The Paradoxes of Marital Mobility for Chosonjok Brides in South Korea” in *Cross-Border Marriages: Gender and Mobility in Transnational Asia*. 2005, ed. by Nicole Constable (Philadelphia: University of Pennsylvania Press, 2005).

³⁶ Phần đông là người Trung quốc gốc Triều Tiên.

³⁷ Xem thống kê của ghi chú số 25.

blood, i.e., dòng máu không bị lai) của một số người Hàn cũng đã bị thách đố và bác bỏ,³⁸ nhưng từ ngữ “gia đình đa văn hóa” ở Hàn Quốc vẫn còn mang một giọng điệu bị khinh bỉ. Thuật ngữ “gia đình đa văn hóa” thường được dùng để chỉ về một gia đình gồm người chồng Hàn (là nông dân, nghèo, lớn tuổi, góa vợ, ly hôn, nghiện rượu, khuyết tật, hoặc có vấn đề, v.v.) và một người vợ ngoại quốc (đến từ một nước đang phát triển, một gia đình nghèo hoặc nông thôn, với trình độ học vấn thấp); họ là những gia đình được kết hợp một cách nhanh chóng vì nhu cầu kinh tế và xã hội của cả hai bên, cộng với sự thúc đẩy và sắp xếp của các cơ quan môi giới vụ lợi hơn là vị tha hay vì chân lý nghĩa vụ. Nếu một người Hàn kết hôn với một người ngoại quốc đến từ một quốc gia giàu có và phát triển thì họ không muốn bị liệt kê là một “gia đình đa văn hóa”. Bởi lẽ, “gia đình đa văn hóa” là một gia đình thường có vấn đề và cần sự giúp đỡ của chính phủ hay các cơ quan từ thiện.

Từ ngữ “gia đình đa văn hóa” (*multicultural family*), tuy vẫn là từ ngữ thông dụng ở Hàn quốc, nhưng vì nó bị hàm ý tiêu cực là một gia đình “có nhiều vấn đề và cần giúp đỡ” nên cũng đang được tìm cách cải tiến. Một từ ngữ khác là “gia đình liên văn hóa” (*intercultural family*) hay “trung tâm liên văn hóa” (*intercultural center*) (mà người Hàn dùng từ “hỗ tương văn hóa” – *intercultural*) cũng đang bắt đầu được dùng vì nó ám chỉ sự “trông quan” và “hỗ tương” của hai văn hóa khác nhau, hơn là chỉ nói lên một thực trạng của “nhiều văn hóa – đa văn hóa”.

2.3.3. Di dân du học

Trong khi di dân lao động và di dân kết hôn Việt đến Hàn Quốc là để đáp ứng nhu cầu của xã hội Hàn Quốc và của Việt Nam, di dân du học Việt đến Hàn thì hầu như chỉ do nhu cầu của người Việt – đa số là muốn sang Hàn làm việc mà không thể sang với diện xuất

³⁸ Park Chung-a “Myth of Pure-Blood Nationalism Blocks Multi-Ethnic Society.” *The Korea Times*, August 14, 2006. Xem https://web.archive.org/web/20110725232752/http://www.dhseol.org/activity/ein2006_06.html. (Truy cập ngày 1/11/2020).

khẩu lao động hay không muốn sang với diện kết hôn (ngoại trừ một thời rộ lên dịch vụ kết hôn giả,³⁹ như trong trường hợp của Hương kể trên).

Theo thống kê của đầu năm 2020, thì có tổng số 182.679 du học sinh ngoại quốc tại Hàn. Bốn quốc gia có con số cao nhất là: Trung Quốc (71.523 người), Việt Nam (59.692 người), Uzbekistan (10.645 người), và Mông Cổ (8.865 người).⁴⁰ Tuy nhiên, do tình trạng Covid-19, nhiều sinh viên Trung Quốc đã về nước và không trở lại nên theo thống kê của tháng 8 năm nay (2020) thì số du học sinh người Việt (56.939 người) cao hơn số du học sinh Trung Quốc (54.630 người).⁴¹

Khi tôi bắt đầu làm linh mục Tuyên úy cho Cộng đoàn Công giáo Việt Nam tại Seoul năm 2011, số lượng du học sinh bấy giờ là khoảng 5-10% số người trong Cộng đoàn (số người trong cộng đoàn bấy giờ khoảng 250-300 người); nhưng nay con số du học sinh chiếm khoảng 50-70% (số người trong cộng đoàn hiện nay là khoảng hơn 500 người).

2.4. Khó khăn và thách đố của đời sống di dân tại Hàn Quốc

Cuộc sống di dân, bất cứ diện visa nào, và dù hợp pháp hay không hợp pháp, cũng đầy khó khăn và thử thách. Càng nhiều cơ hội tiến thân, họ càng có nhiều thách đố phải đối diện. Từ ngữ “cơ nguy” phản ánh rõ thực trạng này: “cơ = cơ hội” và “nguy = nguy hiểm (thách đố)”. Đời di dân có rất nhiều cơ nguy!

³⁹ Xem “Con đường xuất ngoại siêu tốc thông qua kết hôn giả” (<http://m.nguoiduatin.vn/tro-lai-xa-ty-phu-xuat-khau-nghe-chuyen-hau-ket-hon-gialoi-truoc-mat-hoa-lau-dai-a76742.html>) (Truy cập ngày 1/11/2020).

⁴⁰ Xem <https://www.korea.kr/archive/expDocView.do?docId=38862>. (Truy cập ngày 1/11/2020).

⁴¹ Xem thống kê của ghi chú số 25.

2.4.1. Khó khăn và thách đố chung của đời di dân

Đức Hồng Y Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn, nguyên Tổng Giám mục của Tổng Giáo phận Sài Gòn, khi ngài còn là Chủ tịch của Ủy ban Di dân của Hội đồng Giám mục Việt Nam, thường chia sẻ một hình ảnh “khuyết tật” (không chỉ một nhưng nhiều bộ phận) của người di dân Việt trên đất Hàn như sau: mù (vì thấy chữ mà không đọc được, hay đọc mà không hiểu), câm (vì dù nói được mà không biết tiếng nên không thể chia sẻ cảm xúc và suy tư), điếc (vì nghe được mà không hiểu người ta nói gì), và què (vì họ không thể dễ dàng đi những nơi họ muốn đi). “Mù, câm, điếc, què” là những người bên lề xã hội, những người nghèo và bé mọn, và càng cần sự quan tâm, đồng hành, và giúp giải thoát ra khỏi ách nặng của nghịch cảnh cuộc sống.⁴²

Chung chung vì hoàn cảnh của những người con mang tên “Tiền Túng” (túng tiền) nên họ phải chấp nhận lìa xa gia đình, rời bỏ quê hương để làm việc kiếm tiền cho gia đình và cho tương lai; do đó, cảnh cô độc và nỗi cô đơn nơi đất khách quê người luôn là gánh nặng đè tâm trí họ. Gia đình họ thường phải vay nợ⁴³ để trang trải cho họ sang Hàn; do đó trả nợ là một trong những ưu tư đầu tiên (tiền đâu?). Đến Hàn Quốc, thực trạng gió lạnh, thức ăn cay, ngôn ngữ khó và ngược⁴⁴ càng làm cho sự tiếp cận với người và hội nhập với đời khó khăn hơn. Về nhà ở, để tiết kiệm hay phù hợp với túi tiền, họ chấp nhận thuê phòng ở dưới hầm với không khí ẩm thấp hay trên sân thượng với cái lạnh khắc nghiệt của mùa đông. Trong cuộc sống, sự học và việc làm, họ có thể dễ gặp phải thái độ kỳ thị, cách đối xử

⁴² Xem Phúc Âm Mátthêu 25,31-46.

⁴³ Tiền chi phí cho dịch vụ môi giới để sang Hàn thường là 200-300 triệu đồng Việt Nam.

⁴⁴ Tiếng Hàn có vẻ “ngược” với tiếng Việt ở chỗ là “động từ” chính luôn đi cuối câu. Theo tuần tự của chữ trong câu thì: Tiếng Việt = “Tôi ăn cơm” thì tiếng Hàn = “Tôi cơm ăn”; tiếng Việt = “Tôi đi học” thì tiếng Hàn = “Tôi học đi”; tiếng Việt = “Tôi phải đi về nhà ăn cơm vì mẹ tôi ốm” thì tiếng Hàn = “Tôi mẹ ốm vì nhà về cơm ăn đi phải.” Trong khi đó nếu là tiếng Anh thì có thể tuần tự vừa nghĩ trong đầu vừa dịch sang: “Tôi phải đi về nhà ăn cơm vì mẹ tôi ốm = I have to go home to eat because my mom is sick”.

thiên tư, cấp trên to tiếng hay xỉ nhục, đồng nghiệp coi thường, v.v.; do đó, họ dễ bị tủi hổ, tự ti, trầm cảm, hay phát cáu. Nếu là cư trú bất hợp pháp, họ phải luôn cảnh giác khi làm việc là phải “chạy nhanh hay nhảy lều” khi nhân viên đi trú đến tìm bắt và phải thận trọng khi ra đường hay tụ họp bạn bè. Khi đau yếu hay bị trễ/quyết lương, họ cần sự giúp đỡ của các trung tâm hỗ trợ di dân để giúp đi bệnh viện hay đòi lương. Và với kinh tế là điểm cơ bản chính của cuộc sống, cộng với sự tự do cá nhân không bị ràng buộc bởi gia đình họ hàng hay ngay cả lương tâm, việc sống chung, dù chưa là vợ chồng, “đóng gạo thổi cơm chung”, dễ xảy ra với người di dân xa nhà.

Về văn hóa Hàn, dù tương tự như Việt Nam, là cũng bị ảnh hưởng nhiều bởi Nho giáo, nhưng xem ra họ có thể bị ảnh hưởng nhiều hơn, nhất là với phong cách “lễ độ” và “kính lão”. Phương tiện giao thông công cộng đều có ghế (thường là màu vàng) dành riêng cho người già (và cả phụ nữ mang thai hay có con thơ, và người khuyết tật); ngoài đường hay trong nhà, khi gặp bề trên hay người già tuổi hơn, họ đều phải cúi đầu chào; uống rượu trước mặt cấp cao thì phải quay nghiêng sang để uống; cấp dưới có thể bị cấp trên sai vặt; v.v.. Và vì mọi thanh niên Hàn đều phải đi nghĩa vụ quân dịch ít là hai năm, nên sự “quân giai, trên dưới” càng rõ nét hơn trong cuộc sống của họ. Dĩ nhiên, thái độ “gia trưởng” này, nếu thể hiện cách tiêu cực, dễ gây hiểu lầm hay xung đột với người nước ngoài.

Đồng thời, một trong những từ ngữ tiêu biểu, và được nghe khá nhiều, trong cuộc sống là “bal-li, bal-li” (빨리, 빨리 = 1ẹ lên, 1ẹ lên). Tốc độ sống, đi lại, làm việc hay ăn uống đều bị ảnh hưởng bởi khái niệm này: “bal-li, bal-li”. Nó khác nhiều với lối sống lè phè hay làm việc tà tà ở một vài nơi ở Việt Nam hay nước khác; do đó, nó cũng là một phần của “cú sốc văn hóa” khi đến Hàn sinh sống.

2.4.2. Khó khăn và thách thức của di dân lao động

Ngoài những khó khăn chung kể trên, người di dân lao động phải học chấp nhận công việc của họ dù có khi họ không thích hay không thích hợp với nghề hay việc đang làm, nhưng không thể đòi

việc vì như thế họ sẽ phải về nước hay thành cư trú bất hợp pháp. Rất may khi gặp chủ tốt; nhưng xui thay khi gặp chủ quá tiết kiệm đến bản tiện thì sẽ bị đày đọa làm việc nặng, nhiều giờ, lương ít, và bữa ăn chỉ có cơm, kim chi với rau đậu.

Vì sang lao động nên vốn liếng tiếng Hàn của họ rất hạn hẹp vì không có giờ học hay không có cơ hội học tiếng Hàn theo trường lớp cho chuẩn. Với số vốn tiếng Hàn bập bẹ, họ càng gặp nhiều khó khăn hơn trong cuộc sống và việc làm.

Người di dân lao động thường có nhiều tiền lương hơn du học sinh. Nhưng vì có tiền mà không biết quản lý tiền, bị bạn bè cám dỗ, hay dùng tiền để xả “trét” (*stress*), nên họ dễ bị vướng vào “game online”, bài bạc (hoặc chơi bài với nhau hay vào casino Hàn), mãi dâm, hay thuốc lắc và ma túy. Việc đốt cháy một phần tháng lương hay cả tháng lương đến vài tháng lương trong vòng một hai đêm chơi bài cũng đã xảy ra nhiều; hay bị cảnh sát bắt vì mua/bán dâm hoặc ma túy.

2.4.3. Khó khăn và thách đố của di dân kết hôn

Với những cô dâu lấy chồng Hàn, họ cũng mong muốn được đi làm kiếm tiền gửi về giúp gia đình họ ở Việt Nam, dù họ không mắc khoản vay nợ để sang Hàn Quốc như di dân lao động hay du học. Tuy nhiên, nhiều ông chồng Hàn chỉ muốn vợ ở nhà làm nội trợ hay làm việc đồng ruộng của họ, chứ không đi làm kiếm tiền. Dù có được chuẩn bị đôi chút về ngôn ngữ và văn hóa Hàn trước khi sang Hàn Quốc, nhưng những cú “sốc văn hóa” vẫn làm họ điếng người. Nhiều người vượt qua được và thích ứng tốt với cuộc sống; một số người bỏ trốn thành cư trú bất hợp pháp hay bỏ về nước; một số người khác “chịu đấm ăn xôi” cho đến khi có giấy tờ rồi ly dị, hay tìm cách nào đó để kiếm tiền như Diễm; đau đớn hơn nữa là trong một số trường hợp sự xung khắc đưa đến đả kích bị thương, tự tử hoặc bị sát hại.⁴⁵

⁴⁵ Có nhiều bài viết hay bài báo trên mạng về vấn đề này; ví dụ: “Second Vietnamese bride murdered in South Korea within 3 weeks” (Xem <http://www.thanhniennews.com/society/second-vietnamese-bride-murdered-in->

Việc xung khắc giữa bố mẹ chồng và nàng dâu là chuyện luôn xảy ra ở bất cứ nước nào, nhưng nó càng cay đắng nghiệt ngã hơn khi xảy ra với nàng dâu là người ngoại quốc mà gia đình chồng thường nhìn họ với “nửa con mắt”. Chịu đựng với chồng và bố mẹ chồng, họ còn phải chịu đựng với con của họ khi chúng đi học bị bạn bè khinh chê là “con lai”⁴⁶; nên khi đưa con đến trường chúng thường xin mẹ đừng đưa đến tận cổng trường mà đứng xa xa vì bạn bè có thể chê giễu chúng khi biết mẹ chúng là người nước ngoài.

Vì gia đình đa văn hóa là gia đình Hàn nên chính phủ Hàn Quốc có nhiều trung tâm và chương trình giúp đỡ những gia đình này. Một số bà mẹ Việt cũng đang tranh đấu với chính họ và với gia đình chồng để chấp nhận giúp cho con họ biết cả hai thứ tiếng Hàn và Việt vì đó là gia tài quý báu cho chúng sau này.

Trong hai mẫu chuyện ở phần 1, Diễm là một trong những người đã thoát ra khỏi một “gia đình đa văn hóa” bị tan vỡ; trong khi đó, Hương, từng là một di dân lao động bất hợp pháp, đang sống trong một gia đình đa văn hóa “giả”, chờ đợi giấy tờ “thật” (“hợp pháp”).

2.4.4. Khó khăn và thách đố của di dân du học

Như đã nói ở trên, di dân du học Việt đến Hàn Quốc đa số là muốn sang Hàn làm việc mà không thể sang với diện xuất khẩu lao động; do đó, song song với đi học, đi làm kiếm tiền cũng là chính, và nhiều khi còn chính hơn là đi học.

Và lại, với chi phí 200-300 triệu đồng cho môi giới hay một trung tâm tư vấn du học Hàn Quốc để sang Hàn, du học sinh Việt xuất phát từ những gia đình không khá giả không thể không đi làm thêm để kiếm tiền trả tiền học phí, tiền sinh hoạt hàng ngày, tiền nợ tại quê nhà, và những khoản tiền khác. Rất nhiều sinh viên giờ học giờ làm

south-korea-within-3-weeks-35461.html); “Vu cô dâu Việt bị chồng bạo hành gây phần nợ ở Hàn Quốc” (Xem <https://amp.vnexpress.net/vu-co-dau-viet-bi-chong-bao-hanh-gay-phan-no-o-han-quoc-3949801.html>) (Truy cập ngày 1/11/2020)

⁴⁶ Từ ngữ “con lai” tiếng Hàn là “hỗn huyết” (혼혈); từ ngữ này đã bị cấm dùng tại các nhà trẻ và trường học hầu bảo vệ trẻ em trong gia đình đa văn hóa.

bằng nhau, hay học ít làm nhiều (thí dụ, học 20 tiếng, làm 40 giờ), hoặc chỉ ghi danh học cho hợp pháp rồi đi làm là chính (có một số trường chỉ cần sinh viên ngoại quốc ghi danh đóng tiền, học mức tối thiểu, và họ sẽ giúp sinh viên đó đậu và ra trường, dù chẳng học được bao nhiêu), hay bỏ trốn để hoàn toàn đi làm.⁴⁷

Với mức tiếng Hàn sau một hay hai năm học tiếng, nhiều sinh viên Việt vẫn chưa giỏi đủ để học chung với mức học của sinh viên Hàn, nghe giảng và làm bài bằng tiếng Hàn. Tuy nhiên một số sinh viên siêng năng cần cù vẫn có thể đạt được điểm cao và lấy được học bổng của trường, của công ty hay của chính phủ.

Giờ đây chúng ta bước sang biểu tượng của rắn và bò câu trong Kinh Thánh để hiểu thêm về thái độ và cách ứng xử của Diễm và Hương cũng như những người di dân khác và thực trạng của di dân Việt tại đất Hàn, nhất là với những khó khăn và thách đố mà họ phải đương đầu.

3. Biểu tượng của rắn và bò câu trong Kinh Thánh

Hai mẩu chuyện của Diễm và Hương kể trên, mặc dù mỗi chuyện đều có những đặc điểm riêng của nó, nhìn chung đều cho thấy những thách đố của sự “khôn như rắn và đơn sơ như bò câu” khi họ phải đối mặt với thực trạng khó khăn nguy hiểm “giữa bầy sói” của cuộc sống di dân.

Trong Tin Mừng Mátthêu (9,35-11,1), Đức Giêsu gọi các môn đệ Ngài, trao quyền cho họ, và sai họ đi. Ngài sai họ đi “như chiên đi vào giữa bầy sói” và bảo họ phải “khôn như rắn và đơn sơ như bò câu” (Mt 10,16). Những từ ngữ và hình ảnh của Đức Giêsu về “chiên, sói, rắn, và bò câu” phản ánh thực trạng đầy khó khăn và thử thách mà các môn đệ của Ngài, cũng giống như chính Ngài, phải vững lòng đối mặt và trải qua.

⁴⁷ Xem “Vì sao du học sinh Việt Nam bỏ trốn ở Hàn Quốc?”

(<https://vnexpress.net/vi-sao-du-hoc-sinh-viet-nam-bo-tron-o-han-quoc-4027389.html>) (Truy cập ngày 1/11/2020); và trang mạng Du học KNET (<https://korea.net.vn>).

Việc sai các môn đệ ra đi như “chiên giữa bầy sói” có vẻ nhân tâm, tàn nhẫn, vô nhân đạo, và thậm chí tự sát, nhưng nó cho thấy một thực trạng cuộc sống mà các môn đệ phải biết đối phó; và do đó, họ được chỉ thị là phải “khôn như rắn và đơn sơ như bồ câu.” Như các môn đệ của Đức Giêsu được sai đi thế nào thì tất cả những người di dân trên thế giới nói chung và người di dân Việt nói riêng, cũng được sai đi hoặc bị ném vào lòng thế giới như thế, và họ được nhắc nhở là phải “khôn như rắn và đơn sơ như bồ câu”.

Giống như các môn đệ Đức Giêsu là những người bình dân, không giàu có, không trình độ học cao, và không có địa vị xã hội, đa số người di dân Việt cũng là những người bình dân, nghèo, ít học cao, và không vai vế quan trọng trong xã hội. Họ bị đẩy vào một thế giới đầy sói dữ và hiểm nguy, nhiều kẻ sẵn hơn người giúp; họ chỉ biết trông cậy Ông Bà, Trời Phật, Thiên Chúa, hay một Đấng Tối Cao nào đó phù trợ; và họ phải dùng trí và sự khôn khéo thực tế để đối mặt với các tình huống trước mắt.

“Hãy khôn (*phronimoi*) như rắn và đơn sơ (*akeraioi*) như chim bồ câu.” Hai biểu tượng của con rắn và bồ câu, tuy mỗi biểu tượng xuất hiện riêng biệt ở những chỗ khác trong Kinh Thánh, nhưng cùng nhau ở dạng này, chỉ xuất hiện trong Phúc Âm Mátthêu.⁴⁸

Thoạt nhìn, rắn thường gây sợ hãi và làm người tránh xa; còn bồ câu thì dịu dàng dễ thương và mời gọi gần gũi. Với cái thoáng nhìn này, hình ảnh con rắn có vẻ tiêu cực và hình ảnh bồ câu mang tính tích cực. Nhưng nếu chỉ nhìn biểu tượng theo cách đơn giản này thì có thể dẫn đến việc diễn giải biểu tượng một cách thiên cận, một chiều, và có thể gây hại. Vì lẽ, một người, với thành kiến của riêng họ, có thể dễ dàng gán cho loại người này là rắn và loại người kia là bồ câu. Người di dân xa quê dễ cảm thấy điều này trong cuộc sống của họ, với ánh mắt và thái độ kỳ thị hay thương hại của người xung quanh, cũng như thành kiến hay định kiến trong chính họ khi nhìn người khác.

⁴⁸ Calvin Porter, “Wise as Serpents: Innocent as Doves. How Shall We Live?” in *Encounter* 48:1, Winter 1987; trang 16.

3.1. Biểu tượng của rắn

Nhìn sâu vào biểu tượng của rắn, chúng ta thấy rằng loài rắn cũng có vẻ đẹp và hấp dẫn nhưng dễ gây ghê sợ, duyên dáng uyển chuyển nhưng lại rất nguy hiểm. Nó trườn, nó chui, nó ôm, nó cuốn. Biểu tượng của rắn phức hợp và đa nghĩa.

Trong Kinh Thánh, biểu tượng của rắn xuất hiện ở nhiều nơi với nhiều ý nghĩa khác nhau, và thường mang ý nghĩa tiêu cực hơn tích cực. Rắn là biểu tượng của một kẻ cám dỗ hay một kẻ thủ đoạn, với sự lừa dối xảo quyệt, như trong câu chuyện Vườn Địa Đàng khi nó dụ dỗ bà Evà ăn trái cấm (St 3,1-20). Rắn là biểu tượng của một ngẫu tượng được dân Ít-ra-en tôn thờ cho đến khi Vua Khít-ki-gia phá bỏ nó (2Vua 18,4). Rắn cũng là biểu tượng của lời nguyền rửa khi ông Gioan Tẩy giả và Đức Giêsu gọi người Phariseu là “Nòi rắn độc” (Mt 3,7; 12,34). Và trong sách Khải Huyền, rắn còn là biểu tượng của ma quỷ và Xa-tan (20,2).

Nhưng con rắn cũng là một biểu tượng kép của sự chết và sự sống khi trong sa mạc rắn độc cắn chết dân Ít-ra-en nhưng rắn đồng đã cứu chữa họ (Ds 21,4-9). Con rắn đồng mà ông Môsê treo trên một cây cột và “giương cao” trong sa mạc cũng được so sánh với biểu tượng của sự chữa lành, cứu rỗi, và tôn vinh của Đức Giêsu “được giương cao” trên thập giá (Ga 3,14).

Mặc dù rắn thường bị coi là ranh mãnh, xấu xa, sắc sảo, gian trá và xảo quyệt, nhưng Đức Giêsu lại bảo các môn đệ là phải “khôn (*phronimoi*) như rắn.” Chính trong sự kết hợp phức tạp và nghịch lý giữa sự khôn khéo và sự xảo trá này mà các môn đệ phải biết suy tư, phân định, và duy trì tâm nhìn sứ mạng của họ.

Thuật ngữ tiếng Hy-Lạp *phronimos* (“khôn ngoan, khôn khéo”) cũng xuất hiện ở những chỗ khác trong Phúc Âm Mátthêu như: người xây nhà trên đá là *phronimos* (7,24-27), người đầy tớ trung tín coi sóc gia nhân và cấp phát lương thực đúng giờ đúng lúc là *phronimos* (24,45), và năm trinh nữ mang chai dầu theo với đèn của họ là *phronimoi* (25,1-13). Và trong Phúc Âm Luca, người được

gọi là “tên quân gia bất lương” đã được ông chủ khen là *phronimos* (16,8).⁴⁹

Hành động khôn ngoan, khôn khéo (*phronimoi*) như trong các tình huống trên đây ám chỉ việc “nhận xét” hoàn cảnh cách toàn diện, “phân định” tình huống cụ thể, và “hành động” với khả năng tốt nhất của mình để đối diện với đòi hỏi của thực trạng cụ thể đó. Phương cách này được gọi là “sự khôn khéo thực tế”.⁵⁰ Nó đòi hỏi ta làm điều đúng đắn, đúng lúc, đúng chỗ, và cho đúng người. Sự khôn khéo thực tế này không thể có hay học được chỉ từ sách vở nhưng từ trải nghiệm cuộc sống.

3.1. Biểu tượng của bồ câu

Giờ đây nhìn vào biểu tượng của chim bồ câu, chúng ta thấy rằng bồ câu hiền lành, đơn sơ và ngây thơ – và ít khiêu khích hơn là rắn. “Hãy đơn sơ (*akeraioi*) như chim bồ câu.”

Trong Kinh Thánh, chim bồ câu là biểu tượng của hòa bình và sự sống như khi ông Nôê từ trong tàu thả bồ câu ra và nó trở về với một nhánh lá ôliu tươi trong mỏ của nó (St 8,11); bồ câu là biểu tượng của Thần Khí Thiên Chúa hiện xuống trên Đức Giêsu khi Ngài chịu phép rửa (Mc 1,10, Mt 3,16, Lc 3,22); và bồ câu là biểu tượng của lễ vật dâng lên Thiên Chúa, đặc biệt là của lễ của người nghèo (Lv 1,14; 14,22). Tuy nhiên, bồ câu cũng là biểu tượng của sự ngu ngốc, “vô tâm vô trí, ... khờ dại” (Hs 7,11).

Thuật ngữ tiếng Hy Lạp *akeraios* cũng được tìm thấy ở hai chỗ khác trong Tân Ước: trong lời khuyên nhủ của thánh Phaolô là “trong sạch” (*akeraios*) “không làm điều xấu” (Rm 16,19) và “trong sạch” như “những người con vẹn toàn của Thiên Chúa, giữa một thế hệ gian tà, sa đọa” (Pl 2,15). Thuật ngữ *akeraios* cũng mang ý nghĩa tương tự với từ *haplous* trong Mátthêu 6,22: “Đèn của thân thể là con mắt. Vạy nếu mắt anh sáng (*haplous*), thì toàn thân anh sẽ sáng.”

⁴⁹ Ibid, trang 22

⁵⁰ Ibid.

Do đó, “đơn sơ (*akeraios*) như chim bồ câu” có nghĩa là “trong sạch và không hại người”, “đơn sơ và trong sáng” – “đơn sơ trong mục đích và trong sáng trong ý định” – và “không có động cơ gian tà thâm kín”.⁵¹

3.3. Biểu tượng của rắn và bồ câu

Như đã đề cập ở trên, sự kết hợp giữa “khôn như rắn và đơn sơ như bồ câu” chỉ xảy ra trong Phúc Âm Máthêu. Đó là lời chỉ dạy để trở nên khôn khéo và thận trọng mà không rơi vào cạm bẫy của sự gian tráo xảo quyệt hay lừa dối vụ lợi, và trở nên đơn sơ và trong sáng mà không rơi vào cạm bẫy của sự ngây ngô, vô tri, hoặc ngu ngốc. Đó có nghĩa là phải có “mắt của rắn” đặt trong “đầu chim bồ câu” hoặc với “trái tim của bồ câu”; nghĩa là phải có sự khôn ngoan của rắn để không bị người khác làm hại và có sự đơn sơ của bồ câu để không làm hại người khác; và phải có trí khôn khéo để hiểu biết thế sự mà đồng thời không bỏ bê sự thanh liêm của tâm hồn.⁵²

Sự “khôn như rắn và đơn sơ như bồ câu” sẽ không bảo vệ các môn đệ của Đức Giêsu hay những người di dân Việt Nam khỏi những nguy hiểm của cuộc sống, nhưng nó sẽ giúp họ giữ vững tâm nhìn cuộc sống và duy trì tâm hồn trong sáng.⁵³ Có thể nói rằng, Diễm và Hương đều đã sử dụng trí khôn khéo thực tế để đối mặt với những tình huống khó khăn của họ; nhưng cách làm việc của họ cần phải có thêm sự suy tư sâu sắc và phân định sáng suốt của một lương tâm trưởng thành. Và đó là một trong những thách đố của mục vụ di dân trong quá trình giúp đỡ và đồng hành với người di dân.

⁵¹ Ibid, trang 24

⁵² Thomas Watson, “Wise as Serpents - Harmless as Doves” Xem https://www.gracegems.org/Watson/wise_as_serpents.htm (Truy cập ngày 1/11/2020)

⁵³ Warren Carter, *Matthew and the Margins. A Sociopolitical and Religious Reading*. (Maryknoll, NY: Orbis Books, 2000) trang 237.

4. Mục vụ di dân tại Hàn Quốc

Người di dân sống giữa ngưỡng cửa của hai thế giới – một quen biết, một xa lạ; dù vẫn biết trước lạ sau quen. Họ sống trong một thế giới mới nhưng mang trong tâm một thế giới cũ, dù tâm cô đang muốn giao duyên. Họ là người vừa ở đây vừa ở đó, nhưng cũng có thể không ở đó mà cũng chẳng ở đây; họ đang ở giữa, cả trong cả ngoài. Họ như đang giang chân giữa hai con thuyền của quê nhà và quê người, cố gắng duy trì sự quân bình để không bị rơi xuống biển. Một cộng đoàn tôn giáo hay cộng đoàn đồng hương có thể là một “cái nôi” và một “cây cầu” cho họ: “nôi” để nuôi dưỡng, phát huy, và duy trì truyền thống văn hóa quê hương và “cầu” để giúp thích nghi và hội nhập vào văn hóa xã hội quê người, cùng giúp kết nối với quê nhà.⁵⁴

Do đó, mục vụ di dân nhằm vào hai khía cạnh chính này: (1) Giúp người di dân thích nghi và hội nhập vào văn hóa, xã hội cùng Giáo hội địa phương, và (2) Nuôi dưỡng, bảo tồn, liên đới và hiệp thông với xã hội và Giáo hội quê nhà.

Với Thiên Chúa là người “di dân” từ trời vào đời trong mầu nhiệm Nhập Thể và Đức Giêsu cùng cha mẹ Ngài phải chạy trốn sang Ai cập tị nạn, Giáo hội có sứ vụ nhập thể (vào đời) chia sẻ Tin Mừng và quan tâm đặc biệt tới những người khốn cùng bên lề xã hội. Đức Giáo hoàng Phanxicô, trong sứ điệp nhân Ngày Thế giới người Di dân và Người Tị nạn lần thứ 106 (năm 2020) đã nói đến thách đố mục vụ di dân được nhấn mạnh qua bốn động từ mà ngài đã nêu lên trong sứ điệp năm 2018, đó là: “Tiếp đón, bảo vệ, thăng tiến, và hội nhập”.⁵⁵ Trong sứ điệp năm nay, Đức Thánh cha cũng nêu lên những hành động thiết thực sau đây: “Biết để hiểu; gần gũi để phục vụ; lắng nghe để hòa giải; chia sẻ để tăng trưởng; tham dự để thăng tiến; và hợp tác để xây dựng.”

⁵⁴ Peter Sam Nguyen, *Vietnamese Conversion to Christianity: The Impact of the Refugee Experience*. (VDM Verlag, 2009); trang 70-72.

⁵⁵ Xem <https://www.vaticannews.va/vi/pope/news/2020-05/su-diep-dtc-ngay-di-dan-ti-nan-thu-106.html> (Truy cập ngày 1/11/2020)

4.1. Mục vụ di dân của Giáo hội Hàn Quốc

Hội đồng Giám mục Hàn Quốc (HĐGMHQ) có hai ủy ban khác nhau cho mục vụ di dân: Ủy ban Mục vụ Kiềm bào (cho người Hàn ở nước ngoài) và Ủy ban Mục vụ Di dân cho người nước ngoài ở Hàn Quốc. Hai ủy ban này làm việc riêng biệt, dù có chia sẻ thông tin ở cấp cao của hai ủy ban. Nhưng khác với Việt Nam nơi mục vụ di dân nội địa rất lớn và quan trọng, Hàn Quốc không có ủy ban mục vụ di dân nội địa, vì việc người Hàn di chuyển trong nước, thay đổi công ăn việc làm và chỗ ở, là điều đương nhiên và tự do của cá nhân. Mỗi giáo xứ sẽ tiếp đón và chăm sóc cho thành viên mới của giáo xứ.

Chỉ nhìn vào Việt Nam và Hàn Quốc, thì ở Việt Nam có 3 cộng đoàn Công giáo người Hàn (Hà Nội, Đà Nẵng, và Sài Gòn) do 3 linh mục giáo phận từ Hàn Quốc gửi sang Việt Nam làm việc. Vai trò của mỗi linh mục này cũng như một cha xứ (tiếng Hàn gọi là “Linh mục Chủ Nhiệm”) chăm sóc cho cộng đoàn người Hàn (tương tự như một giáo xứ). Mỗi nhiệm kỳ thường là 5 năm; sau đó vị linh mục trở về Hàn Quốc làm việc theo bài sai mới; và đức giám mục giáo phận đó sẽ sai một linh mục khác sang cộng đoàn đó làm việc. Mục vụ của họ là mục vụ cho kiều bào nên công việc của họ cũng trực thuộc Ủy ban Mục vụ Kiềm bào của HĐGMHQ.

Ở Hàn Quốc, trong số 16 giáo phận (kể cả giáo phận bình chủng) thì có 11 giáo phận có cộng đoàn Việt Nam; có nhiều giáo phận có đến một vài cộng đoàn Việt Nam, nhưng mỗi giáo phận, nếu có, thì cũng chỉ có một linh mục Việt Nam đảm trách. Những giáo phận còn lại, tuy có người Việt sinh sống, nhưng vì con số Công giáo quá ít nên chưa thành lập cộng đoàn để mời một linh mục đến dâng lễ bằng tiếng Việt. Có 6 giáo phận có hợp đồng hay thỏa thuận với dòng tu để cung cấp linh mục Việt cho mục vụ di dân trong giáo phận đó; có 1 giáo phận ký hợp đồng với 1 giáo phận ở Việt Nam để làm việc này; và có 1 giáo phận nữa cũng đang có dự định ký hợp đồng với 1 giáo phận khác ở Việt Nam.

Hiện nay, về con số linh mục và tu sĩ gốc Việt tại Hàn Quốc, thì có 8 linh mục (7 cha dòng và 1 cha triều) và 5 nữ tu có bài sai chính thức làm mục vụ di dân. Ngoài ra có 2 linh mục Việt (được học

bông và được đào tạo trong đại chủng viện ở Seoul) đang học thêm sau khi chịu chức cũng phụ giúp mấy cộng đoàn Việt Nam ở 2 giáo phận khác nhau.⁵⁶ Và có thêm một linh mục gốc Việt (thuộc tu hội truyền giáo) đang giúp xứ Hàn cũng có dự định sẽ giúp mục vụ di dân.

Về con số giáo dân Việt Nam ở Hàn Quốc thì không thể biết rõ là bao nhiêu. Trong 11 giáo phận có cộng đoàn Công giáo Việt Nam thì có 5 giáo phận có con số trên 500 giáo dân và có 6 giáo phận có dưới 500 người. Dựa trên con số giáo dân của các cộng đoàn Công giáo Việt Nam, tính theo thời điểm cao nhất là Giáng Sinh hay Tết Nguyên Đán, thì có khoảng gần 5,000 người Công giáo thường xuyên hay thỉnh thoảng đến sinh hoạt và tham dự Thánh lễ.

Tuy nhiên nếu lấy theo tỷ lệ Công giáo ở Việt Nam là 7% và với con số người Việt có visa ở Hàn Quốc trên 6 tháng (tức 183.191 người) thì sẽ phải có khoảng 12.823 người Công giáo. Nhưng tỷ lệ người Công giáo trong số những cô dâu lấy chồng Hàn thì rất thấp;⁵⁷ và lại, đa số các gia đình đa văn hóa Công giáo ghi danh và trực thuộc giáo xứ Hàn nơi họ sinh sống, chứ không tham dự vào cộng đoàn di dân Việt Nam. Nên nếu chỉ tính số người Công giáo trong số di dân lao động và di dân du học mà thôi, vì đa số những diện người này thường đi lễ và tham dự vào các cộng đoàn Việt Nam, thì con số là 101.687 người và số người Công giáo sẽ là 7.118 người. Và nếu tính cả những người thuộc các diện visa dài hạn khác (ngoại trừ di dân kết hôn) thì con số sẽ là 139.126 người và số người Công giáo sẽ là 9.739 người. Do đó, có thể nói chung chung là hiện có khoảng ít nhất 7.000 đến khoảng 10.000 người Công giáo Việt Nam ở Hàn Quốc.

⁵⁶ Một vị mới chịu chức linh mục và bắt đầu học thêm, chương trình khoảng 2 năm; một vị kia đã học xong và đang đợi trở về Việt Nam.

⁵⁷ Một phần vì họ đến từ những vùng ít người Công giáo ở Việt Nam và vì, nếu là người Công giáo, cha xứ hay đôi khi là họ phải làm Lễ Cưới ở Việt Nam trước khi sang Hàn Quốc.

4.2. Cơ sở mục vụ di dân của Tổng Giáo phận Seoul

Đa số các giáo phận ở Hàn Quốc đều có một hay nhiều cơ sở cho các hoạt động của mục vụ di dân; sau đây tôi xin trình bày về cơ sở của Tổng Giáo phận Seoul nơi tôi đang làm việc.

Với mốc đổi đời của Hàn Quốc xảy ra từ Thế vận hội Olympic ở Seoul năm 1988, thủ đô Seoul có lẽ là nơi đầu tiên đón nhận người ngoại quốc ở lại làm việc sau Thế vận hội Olympic này và tiếp tục đón nhận thêm người di dân ngoại quốc từ những chương trình “nhập khẩu lao động” hay những chương trình khác của chính phủ Hàn Quốc. Để đối phó với thực trạng của người di dân lao động ngoại quốc và các cô dâu nhập cư,⁵⁸ năm 1992, Tổng Giáo phận Seoul đã mở Văn phòng Tư vấn Lao động cho người di dân ngoại quốc, tại một tòa nhà gần nhà thờ chính tòa Myeongdong (명동-明洞-Minh Động). Sau đó Tổng Giáo phận Seoul đã mở thêm những cơ sở sau đây: năm 1996, nhà “Bê-ta-ni-a” là nhà tạm trú dành cho những bệnh nhân nước ngoài đang trong thời gian điều trị, những người đang chuyển việc chưa có chỗ ở, và sau này cho những người tị nạn trong thời gian đợi chờ phán quyết của tòa án; năm 2001, nhà “Hữu nghị”, lúc đầu dành cho những cô gái ngoại quốc muốn rời khỏi công việc “gái hầu rượu” tại các quán bar và karaoke hoặc “mại dâm” khu đèn đỏ,⁵⁹ và sau này dành cho những cô dâu ngoại quốc lấy chồng Hàn, đang có bầu hay có con thơ, bỏ nhà ra đi vì bị bạo lực trong gia đình; và cùng năm 2001, mở nhà trẻ “Bê-Lem” dành cho con cái của những người di dân ngoại quốc và gia đình đa văn hóa; năm 2007, mở Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa (nay đổi tên thành Trung tâm liên văn hóa – tên chính thức là “Trung tâm hỗ trợ văn hóa”), và sau đó là nhà “Học tập Magone”⁶⁰ dành cho các trẻ em gia đình đa văn hóa cần giúp đỡ thêm về việc học hành, và nhà “Tình thương” dành cho những

⁵⁸ Đa phần là các cô dâu từ Trung Quốc.

⁵⁹ Lúc đó có một số cô gái từ Đông Âu và Á châu làm việc này.

⁶⁰ Lấy theo tên của anh thiếu niên “Micae Magone”, một trong 3 học trò của thánh Don Bosco mà ngài cảm phục và cho là “thánh”; hai học trò kia là Thánh Dominicô Saviô và anh Phanxicô Besucco.

bà mẹ ngoại quốc trong gia đình đa văn hóa, đã ly dị, và đang tìm cách tự lập cho chính họ và con họ.

Tổng Giáo phận Seoul còn có hai Trung tâm Tư vấn cho người nước ngoài: một trung tâm dành riêng cho người dân Philippines và một trung tâm dành cho các sắc tộc di dân khác, như Việt Nam, Nam Mỹ, Indonesia và Đông Timor, Thái Lan, Mông Cổ, và Trung Quốc. Cộng đoàn Công giáo Việt Nam đầu tiên chính thức được Giáo hội Hàn Quốc thành lập là tại trung tâm này vào năm 2003,⁶¹ nơi đây cộng đoàn Việt Nam hiện đang dùng để sinh hoạt và dâng Lễ mỗi tuần.⁶²

4.3. Mục vụ di dân với người Việt tại Hàn Quốc

Đọc theo lịch sử của mục vụ di dân đã có, và sẽ còn, nhiều hướng dẫn về thái độ và phương cách làm mục vụ di dân cách chung, cũng như cách riêng, cho và với từng loại người di dân và tị nạn cũng như từng sắc tộc hay quốc gia, của Giáo hội toàn cầu cũng như của Giáo hội địa phương.⁶³ Tuy nhiên, sự khác biệt, và có thể dẫn đến sự xung khắc, về phương cách làm việc trong mục vụ di dân đa phần là do cách hiểu, diễn giải, và áp dụng những hướng dẫn này.

⁶¹ Từ năm 1994 người Công giáo Việt Nam ở Seoul tụ họp dâng lễ bằng tiếng Việt tại nhà nguyện của Dòng Ngôi Lời; sau đó vì con số đông thêm nên đã chuyển đến nhà thờ chính tòa Myeongdong và dùng 1 phòng học để dâng lễ Chúa nhật. Từ năm 1997, tuy không có linh mục Việt Nam nhưng vẫn có 1 linh mục già người Pháp biết tiếng Việt, nên cộng đoàn Việt Nam vẫn thỉnh thoảng có Thánh lễ; sau đó có một cha Việt Nam từ Đài Loan lâu lâu sang dâng lễ cho cộng đoàn. Tuy nhiên, lúc đó khó có thể nói đó là một cộng đoàn chính thức, cho đến năm 2003.

⁶² Cộng đoàn Công giáo Việt Nam tại Seoul dùng trung tâm này để sinh hoạt và dâng lễ từ năm 2003 đến 2007; sau đó cộng đoàn được một chỗ mượn làm nhà thờ riêng cũng gần Trung tâm. Nhưng sau 13 năm “đi ở riêng”, vào tháng 6 năm nay (2020), cộng đoàn Việt Nam đã bỏ chỗ riêng đó và trở về lại dùng trung tâm cho việc sinh hoạt và phụng vụ.

⁶³ Xem trang mạng về mục vụ di dân của Vatican: <https://migrants-refugees.va/>; của Giáo hội Việt Nam: <https://hdgmvietnam.com/tin-tuc/di-dan/>; và của Hàn Quốc: <https://cbck.or.kr/Committees/201005664>

Trong phần này tôi chia sẻ về 3 điểm mà chúng ta có thể giúp áp dụng không những cho mục vụ di dân ở Hàn Quốc nhưng cho cả những nơi khác. (1) Mục vụ “vói và cho” người di dân, (2) Hội nhập vào văn hóa, xã hội, và Giáo hội địa phương, (3) Huấn luyện lương tâm trưởng thành.

4.3.1. Mục vụ “vói & cho” người di dân

Một thực tại không thể chối cãi, đó là đời người di dân đầy khó khăn và nhiều thách đố và họ phải đối diện với “những thử thách về đức tin, khó khăn về kinh tế và cảm dỗ về đạo đức, luân lý...”⁶⁴ Nhưng cũng không thể, và không nên, phủ nhận là người di dân vẫn luôn là, và phải là, chủ thể và tác nhân chính của đời sống di dân của họ.⁶⁵ Trong mục vụ di dân, khi làm mục vụ thì chữ “vói” người di dân, hơn là chữ “cho” người di dân, nhấn mạnh điểm này và nâng cao “chủ quyền và trách nhiệm” của người di dân. Người mục tử làm mục vụ di dân khi có thái độ và phương cách làm việc “vói” người di dân (hơn là “cho” họ) sẽ là người đồng hành⁶⁶ hơn là người ban ơn, và người di dân sẽ là cộng tác viên hơn là “bệnh nhân vói bác sĩ” hay “trò vói thầy” – dấu vẫn biết là đôi khi “làm cho” dễ hơn là “làm vói”. Và phương cách làm “vói” này sẽ dẫn đến một tư duy và một văn hóa “đồng trách nhiệm” hơn là chỉ “tuân thủ vâng lời”. Dĩ nhiên, vì người di dân cũng cần sự nâng đỡ để thăng tiến, nên việc làm mục vụ “cho” họ cũng là một phần của mục vụ di dân⁶⁷ nhưng không nên là thái độ hay phương cách chính.

⁶⁴ Ủy ban Mục vụ Di dân của Hội đồng Giám mục Việt Nam: Thư Chung Của Hội Nghị Mục Vụ Di Dân 2019 Gửi Anh Chị Em Công Giáo Xa Quê. Xem <https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/thu-chung-cua-hoi-nghi-muc-vu-di-dan-2019-gui-anh-chi-em-cong-giao-xa-que—35235> (Truy cập ngày 1/11/2020)

⁶⁵ Dĩ nhiên, theo thần học mục vụ thì Thánh Thần Chúa vẫn luôn là vị hướng dẫn đầu tiên và cao trọng nhất.

⁶⁶ Đồng hành đi chung nhưng không đồng hành hạ nhau, dù khả năng đó luôn có và việc đó luôn có sự khả thi.

⁶⁷ Về từ ngữ, cụm từ “mục vụ di dân cho người Việt Nam ở Hàn Quốc” thường được dùng hơn và nghe có vẻ thuận tai hơn là “mục vụ di dân vói người Việt

Trong một câu đối thoại đầu đó, hỏi: “Bên nào quan trọng hơn? Đường đi hay đích đến?” Đáp: “Người đồng hành!”

4.3.2. Hội nhập vào văn hóa, xã hội, và Giáo hội địa phương

Một cụm từ, một hình ảnh, “đặc trưng, đề đòi, và rất mùi” về phong cách làm mục tử của Đức Thánh cha Phanxicô là “mục tử mang mùi chiên”. Khoảng hai tuần sau khi ngài lên ngôi giáo hoàng, trong bài giảng Lễ Dầu thứ Năm Tuần Thánh, ngày 28/3/2013, Đức Thánh cha Phanxicô nói:

Linh mục nào mà ít đi ra khỏi chính mình ... sẽ đánh mất phần tốt nhất trong dân... đánh mất điều có khả năng kích hoạt phần sâu sắc nhất của trái tim linh mục... (và) thay vì làm người trung gian, sẽ từng bước trở thành một người môi giới và một nhà quản trị... bởi lẽ họ không đem chính mạng sống và chính trái tim mình ra để đánh cược... (Và) đây là điều tôi xin anh em: anh em hãy làm những mục tử với ‘mùi của chiên’, mùi này phải được người ta cảm nhận.⁶⁸

Từ đó, cụm từ “mang mùi chiên” được đi vào lòng thế giới, và là một lời mời gọi và thách đố cho từng vị mục tử.

Cụm từ “mang mùi chiên” đòi hỏi sự đi sâu và sát với người và với đời – với hoàn cảnh con người và bối cảnh sống. Với Hàn Quốc, việc “mang mùi *kim chi*”⁶⁹ cũng là một chiều kích sâu đậm của việc mang mùi chiên Việt trên đất Hàn. Việc một mục tử Việt (linh mục hay tu sĩ) hội nhập vào văn hóa, xã hội, và Giáo hội Hàn Quốc để sống và phục vụ tốt hơn và hữu hiệu hơn là một điều rất chính

Nam ở Hàn Quốc”; nhưng nếu từ ngữ “vói” được dùng nhiều hơn thì, trôi theo thời gian, nó cũng sẽ “nghe thuận tai hơn” và hy vọng là đúng hơn.

⁶⁸ Xem

<http://www.simonhoadalat.com/HOCHOI/Giaohoi/CacDGH/Phanxico/05BanDichThuNamTT.htm> (Truy cập ngày 1/11/2020).

⁶⁹ “Kim chi” là món “dưa chua và cay”, đặc sản của Hàn Quốc, mà hầu như bữa ăn nào cũng phải có.

đáng và cần thiết. Điều này đòi hỏi vị mục tử có tâm tình sâu đậm với cả (văn hóa, xã hội, Giáo hội, và dân tộc) Hàn và Việt; và khi làm mục vụ di dân với và cho người Việt tại đất Hàn thì họ cộng tác trước hết với Giáo hội Hàn Quốc, và sau đó là với Giáo hội Việt Nam, để sống với và lo cho người di dân Việt. Tâm tình sâu đậm này thúc đẩy vị mục tử học và trau dồi tiếng Hàn, tìm hiểu văn hóa lịch sử, chấp nhận những nét đặc trưng, và ngay cả dị thường, của xã hội và con người Hàn Quốc, và sát cánh với những vị mục tử và những hướng dẫn của Giáo hội Hàn Quốc.

Học tiếng Hàn⁷⁰ mà làm việc với người Việt thì mức thông thạo tiếng Hàn hầu như càng ngày càng tụt nếu không chủ tâm trau dồi thêm – vì trong mục vụ, tiếng Việt được dùng nhiều hơn tiếng Hàn. Tuy nhiên, dù đôi khi có người thông dịch giùm, có thể dùng tiếng Anh thế vào, hoặc có thể cảm thấy bấy nhiêu nỗ lực cho tiếng Hàn là đã đủ, nếu vị mục tử cố gắng trau dồi thêm và cố tập thích tiếng Hàn⁷¹ thì “cây cầu mục vụ di dân” sẽ trôi chảy hơn và đã thông tốt hơn.

Về văn hóa và xã hội Hàn, vì cũng chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, nên có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam và có thể giúp mục tử Việt thích nghi với Hàn dễ hơn là một vị từ nước khác. Tuy nhiên, việc người Hàn dễ xuống đường biểu tình hay đình công tại quảng trường “Gwanghwamun” (Quang Hóa Môn), trước sứ quán Mỹ hay những nơi khác, để bày tỏ tự do ngôn luận và chống đối hay bênh vực một điều gì, việc hai vị cựu tổng thống đang ngồi tù,⁷² việc những tờ rơi hay giấy dán cột với nội dung chống Nhật và sản phẩm Nhật, việc chống hay hậu thuẫn sự thống nhất của Nam Hàn với Bắc Hàn, việc các giáo phái Tin Lành phát triển mạnh (hơn

⁷⁰ Với tôi học tiếng Hàn khó hơn học tiếng Anh. Ngoài bộ mẫu tự mà chỉ mình dân Hàn có và rất hãnh diện về điều này, văn phạm tiếng Hàn vừa “ngược” với tiếng Việt, vừa cầu kỳ trong cách chia động từ theo nhiều thể loại. Xem thêm ghi chú số 44.

⁷¹ Trong tâm lý và thực hành, khi mình thích điều gì thì sẽ dễ cố gắng làm và học sẽ dễ vào hơn, dù đôi khi rất chán tiếng Hàn.

⁷² Ông tổng thống Lee Myung-bak (이명박) (2008-2013) và bà tổng thống Park Geun-hye (박근혜) (2013-2017).

cả Công giáo) ở Hàn với bao nhiêu ngàn giáo phái hay phong trào tôn giáo,⁷³ v.v., đòi hỏi sự tìm hiểu sâu xa hơn để hiểu biết thêm, hành động đúng đắn, và cảm thông hơn với những khúc mắc của người Hàn.

Về Giáo hội Công giáo Hàn Quốc, điều họ thường hãnh diện nhất đó là tự chính họ tìm tòi, mang vào và truyền bá đạo Công giáo nơi đây chứ không do một vị linh mục hay tu sĩ ngoại quốc mang vào;⁷⁴ dĩ nhiên, các vị ngoại quốc cũng đã có công rất nhiều trong việc giúp phát triển Giáo hội Hàn Quốc. Họ cũng rất hãnh diện về các vị Thánh Tử đạo của họ: 103 vị Hiển Thánh và 124 vị Chân Phước. Đồng thời, dù là một nước với dân số không to lắm và số giáo dân Công giáo cũng không nhiều lắm, nhưng sự đóng góp về tài chính và cả nhân sự cho Tòa Thánh và Giáo hội toàn cầu lại là một điều hãnh diện và đáng khâm phục.⁷⁵

Tuy nhiên, khi tâm tình “hội nhập” của vị mục tử không sâu và tình liên đới không đậm, khi mang trong mình mùi Việt nhiều hơn mùi Hàn, đến độ có thể cho mùi mình nồng nàn, mùi họ nồng nặc, khi chỉ dùng lịch phụng vụ Việt Nam cho cộng đoàn và không để ý

⁷³ Hàn Quốc đã cho xuất hiện một số hiện tượng, giáo phái hay phong trào tôn giáo mới lạ như: đạo “Đức Chúa Trời Mẹ” (하나님의교회 세계복음선교협회 = World Mission Society Church of God) do ông Ahn Sahng-hong sáng lập; đạo “Đại Tuần” (대순진리회 = Daesun Jinrihoe) do ông Park Han-gyeong thành lập; giáo phái “Thống Nhất” (세계평화통일가정연합 = Unification Church) của ông Moon Sun-Myung; hiện tượng Đức Mẹ Naju chảy máu và cô Julia Kim khi rước lễ thì Minh Thánh biến thành thịt có máu (việc này đã bị Đức Tổng giám mục của Tổng Giáo phận Gwangju công bố là không đúng sự thật và cấm người Công giáo không được đi hành hương đến Naju); v.v.

⁷⁴ Giáo hội Công giáo Hàn Quốc lấy năm 1784 là khởi điểm của lịch sử Giáo hội Hàn Quốc khi ông Phêrô Lý Thừa Huân (이승훈 - Lee Seung-hoon), sau khi chịu phép Thanh Tây ở Bắc Kinh, Trung Quốc, đã về nước và truyền bá đạo Công giáo cho những người chung quanh.

⁷⁵ Hầu hết các giáo phận ở Hàn Quốc, ngoài những mục vụ trong giáo phận, còn gửi linh mục đi làm mục vụ Kiêu bào và đi truyền giáo ở nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới.

đến những lễ hay ý chỉ phụng vụ đặc biệt của Giáo hội Hàn Quốc,⁷⁶ khi chỉ chú ý tới đoàn chiên Việt của mình mà quên nói rộng tình liên đới với những cộng đoàn sắc tộc di dân khác hay với người địa phương, khi chú tâm quá nhiều vào mục vụ bí tích mà quên đi hay không còn giờ cho chiêu kích bác ái xã hội, khi một vị mục tử từ Việt Nam sang Hàn Quốc, không có năng quyền, mà vẫn cử hành bí tích riêng tư cho một nhóm người Việt đồng hương, khi một vị mục tử làm lễ cưới trong nhà thờ cho một cô dâu Việt lấy chồng Việt trong khi cô ấy đang có chồng Hàn, dù là “kết hôn giả”,⁷⁷ khi vì thành kiến hay có chút kỳ thị mà cư xử thiên tư – nghiêng về “phía ta” hơn “phe họ”... khi ấy vị mục tử không còn là “cây cầu” nối kết mà biến dần thành cây cọc bọc kềm gai, “một người môi giới”, thay vì “đem chính mạng sống và chính trái tim mình ra”⁷⁸ cho đoàn chiên chung, “như lòng Chúa mong ước”, lại có thể đang biến dần thành “sói giữa đàn chiên”.

4.3.3. Huấn luyện lương tâm trưởng thành

Khi vị mục tử là cầu nối kết Hàn-Việt và cổ vũ cho sự kết nối này và mang mùi chiên Việt hòa chung mùi vị Hàn, vị mục tử là “người trung gian”,⁷⁹ không những giữa Việt với Hàn mà cả giữa trời với đời. Là người trung gian vị mục tử cần có sự quân bình tinh tế và sự “khôn ngoan như rắn và đơn sơ như bồ câu” để tránh sự quá nghiêng ngả, hoặc du xu hướng cá nhân hoặc do động lực ngoại tại kéo, sang một bên mà thôi. Như vị mục tử cần tu luyện cho chính

⁷⁶ Thí dụ, như Giáo hội Việt mừng trọng thể lễ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam vào một ngày Chủ nhật gần ngày 24/11 và trước ngày lễ Chúa Kitô Vua Vũ Trụ, thì Giáo hội Hàn cũng mừng trọng thể lễ Các Thánh Tử Đạo Hàn Quốc vào một ngày Chủ nhật chính ngày hay gần ngày 20/9. Nhưng có cộng đoàn Việt Nam không dâng lễ Các Thánh Tử Đạo Hàn Quốc vào ngày đó mà chỉ dâng lễ Chủ nhật thường niên.

⁷⁷ Xem ghi chú số 17.

⁷⁸ Xem

<http://www.simonhoadalat.com/HOCHOI/Giaohoi/CacDGH/Phanxico/05BanDichThuNamTT.htm> (Truy cập ngày 1/11/2020).

⁷⁹ Ibid.

mình thì cũng cần giúp gây ý thức và huấn luyện cho giáo dân mình, cũng như những người di dân khác khi có cơ hội, có được một lương tâm trưởng thành để biết phân định và hành động cho đúng đắn với sự khôn khéo thực tế – “khôn ngoan như rắn và đơn sơ như bò cạp”. Quá trình tu tập và huấn luyện này dài, khó khăn, và khổ ải, nhưng rất cần thiết cho cuộc sống di dân.

Thế giới đã và đang chuyển mình từ thời “hiện đại” sang “hậu hiện đại”, từ những “điểm quy chiếu cố định, an toàn, hợp lý”, nhất là về nhân cách, luân lý và đức tin, sang “sự đa dạng, không chắc chắn, bao dung”, hàm chứa một phần của chủ nghĩa “tương đối”, nhất là “tương đối hóa chân lý”,⁸⁰ người di dân sẽ có thể bị hoang mang, nhất là về chân lý và luân lý, và do đó càng cần phải sáng suốt với những lựa chọn và tìm biết rõ lý do và lập luận của những lựa chọn đó.

Người di dân Việt, đa phần là giới trẻ của thời đại kỹ thuật số và thời đại công nghệ 4.0, chịu ảnh hưởng nhiều của “luân lý và lý luận” trên mạng lưới và xã hội đời hơn là đạo đức của đức tin truyền thống.⁸¹ Tài tử, ca sĩ, nghệ sĩ hay một người nổi tiếng trong phim ảnh, mạng internet, Youtube, Facebook, Twitter, hay một mảng truyền thông xã hội khác dễ gây ảnh hưởng đến kẻ nghe người xem, không chỉ về kinh tế, nghệ thuật hay học thức, mà ngay cả về luân lý đạo đức, nên người di dân dễ nghe “đời” hơn nghe “đạo”, dễ tìm theo chiều dầy của “lương tháng” hơn chiều sâu của “lương tâm”, dễ chấp nhận dùng “phương pháp xấu” để có thể đạt tới “mục đích tốt” và biện minh cho hành động của mình. Do đó, họ cần có sự giúp đỡ và huấn luyện để lương tâm mỗi ngày một phát triển và trưởng thành hơn, với sự khôn khéo thực tế, “khôn ngoan như rắn và đơn sơ như

⁸⁰ Xem bài viết của LM Nguyễn Mạnh Tuyên “Chủ Nghĩa Tương Đối và Tình Yêu Mục Tử”

(<http://www.simonhoadalat.com/HOCHOI/Giaohoi/ThuongHuan/ThuongHuan2009/04ChuNghiaTuongDoi.htm>) (Truy cập ngày 01/11/2020)

⁸¹ Xem thêm bài viết của Lm. Phêrô Nguyễn Hùng Hải, MF “Giới Trẻ Di Dân với Những Thách Thức về Luân Lý” (<https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/gioi-tre-di-dan-voi-nhung-thach-thuc-do-ve-luan-ly-40723>) (Truy cập ngày 01/11/2020)

bồ câu” – sự khôn ngoan của rắn để không bị người khác làm hại và sự đơn sơ của bồ câu để không làm hại người khác.

Một từ ngữ mà nhiều người ngoại quốc hay dùng để diễn tả người Việt – dù đúng hay sai, nhiều hay ít – là: Người Việt lạnh! Nếu nhìn vào chỉ thị của Đức Giêsu là phải “khôn ngoan như rắn” thì tốt nhất là phải có chữ “ngoan” sau chữ “khôn”, hay ít ra cũng là chữ “khéo” sau chữ “khôn”; tuy nhiên, với nhiều người Việt, thì sau chữ “khôn” lại thường xuất hiện chữ “lỗi”, chữ “lạnh”, và ngay cả chữ “ranh”.

Sau đây, tôi xin chia sẻ về một số điều mà vị mục tử, cùng với người di dân Việt, có thể giúp nhau trong tiến trình tu luyện cho lương tâm được trưởng thành hơn để đối diện với những khó khăn và thách đố của cuộc sống di dân.

1) **Tự phê – nhìn lại chính mình:** Người di dân, khi sống ở một nơi mới, có cơ hội và động lực để suy nghĩ và nhìn lại bản thân. Những “cú sốc văn hoá” và những sự lạ lẫm, xung động hay “cơ nguy” của đời sống mới đều là những thời điểm nhắc nhở họ nhìn lại chính mình. Ngoài những bài giảng, vị mục tử có thể dùng lớp giáo lý, buổi tĩnh tâm, hay buổi học hỏi thêm về đạo và đời để giúp cho giáo dân có những cơ hội nhìn lại chính mình. Đây là một quá trình quan trọng để hiểu biết thêm về bản thân mình. Việc này không những là bước đầu tiên trong sự phát triển triết học về bản thân, như triết gia Hy Lạp Socrates đã từng nhắc nhở là phải “biết chính mình” và “sống mà không suy xét thì không đáng gọi là sống”, mà còn là bước đầu tiên trên con đường phát triển tâm linh – một lương tâm trưởng thành.⁸²

2) **Phương tiện xấu, mục đích tốt?:** Trong bối cảnh sống ở Việt Nam cũng như Hàn Quốc, khi chủ nghĩa kinh tế là tìm lợi cho mình, khi biện minh cho sự “a dua” hay để mặc trôi theo dòng xoáy là “người sao tôi vậy”, khi cơn cám dỗ là “cứu cánh biện minh cho

⁸² Xem Kenneth Leech, *Soul Friend: Spiritual Direction in the Modern World*. (Harrisburg, PA: Morehouse Publishing, 2001)

phương tiện”, nhiều người đã sẵn sàng chấp nhận dùng “phương tiện xấu” để đạt đến “mục đích tốt”. Sự lý luận thực dụng và hành động tùy tiện này có thể tự biện minh rằng đó là sự “khôn ngoan như rắn” khi gặp khó khăn. Việc “mại dâm” của Diễm để kiếm tiền chữa bệnh cho bố và việc kết hôn giả và chuộc rượu cho ông chồng giả của Hương để có giấy tờ hợp pháp đều là những “phương tiện xấu” được dùng để đạt tới “mục đích tốt”. Trong luân lý Kitô giáo, một hệ quả, “dù tốt đến đâu, cũng không làm cho một hành động xấu trở thành tốt.”⁸³ Do đó, việc đào tạo và huấn luyện lương tâm trưởng thành càng cần thiết hơn.

Trong trường hợp của Diễm, với việc mại dâm của cô ấy, lòng “hiếu thảo” – kiếm tiền cho bố chữa bệnh tim – đóng một vai trò quan trọng. Trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, việc Thúy Kiều phải chấp nhận bị bán “lấy chồng” và sau đó bị ép làm nghề mại dâm, cũng chỉ để cứu cha. Với Diễm việc làm mại dâm ấy cũng chỉ là nhất thời vì cần tiền giúp bố mình, và việc này là vì lòng hiếu thảo và vì hoàn cảnh cuộc sống ép buộc cô phải làm như thế. Như một lời biện minh chính đáng cho chính cô ấy, cô nói là cô ấy bán sức lao động và bán thú vui chứ không bán tim (tâm) cô ấy. Và lại cô ấy cũng đã “đền bù” bằng cách dùng một phần tiền đó làm “công đức” cho nhà thờ và cầu xin cùng Thiên Chúa. Điều này làm tôi liên tưởng đến việc tương tự xảy ra trong phim “Bố Già” (The Godfather), là gia đình “mafia” Corleone cũng “đóng góp” cho nhà thờ, cho đức giám mục một số tiền lớn mà người ta thường gọi là tiền máu. Sự biện minh rằng mục đích tốt có thể lý giải cho phương tiện xấu dễ xảy ra và dễ cho rằng “Trời cũng hiểu” mà; do đó, việc tu luyện lương tâm trưởng thành để biết phân định rõ ràng và hành động đúng đắn càng cần thiết hơn.

Việc tôi đề cho cô ấy dùng tôi làm “bình phong” che mắt ông chồng và “trấn an” cho lương tâm cô ấy là một điều thiếu sót, dù không cố ý, của sự “khôn ngoan như rắn” – là phải cảnh giác không

⁸³ Xem bài “Cứu Cánh Không Thể Biện Minh Cho Phương Tiện” (<http://vntaiwan.catholic.org.tw/tudochanly/tudo30.htm>) (Truy cập ngày 1/11/2020).

để cho người khác hại mình. Một sự mở mắt cho tôi trong quá trình tu luyện!

Trong trường Hợp của Hương, hôn nhân có lẽ không còn là một ơn gọi cao quý từ Trời nhưng đã biến dần thành một phương tiện của đời, pha nhiễm màu thương mại.

Khi Hương và bạn trai đến gặp tôi để xin làm lễ cưới, chắc hẳn cô ấy cũng đã nghĩ rằng tình trạng kết hôn giả của mình có thể là một vấn đề. Đó là lý do tại sao cô ấy ngại không cho tôi xem chứng minh thư Hàn Quốc và nói dối rằng lúc đó cô không mang nó theo. Và để bào chữa cho mình, cô đã nhờ một linh mục quen biết ở Việt Nam viết thư ủng hộ cho việc kết hôn của cô với người bạn trai Việt. Và lại, cô ấy cũng nói rằng “tên thật” của cô chưa bao giờ cưới vì giấy tờ kết hôn giả là tên của người em họ. Tuy biết rằng việc một người dùng hai tên để “cưới hai người” là việc sai, vì nếu chính quyền biết cô kết hôn giả thì cô sẽ bị tòa xử và trục xuất khỏi Hàn Quốc, nhưng dường như cô ấy không có hay không tỏ ra cảm xúc tội lỗi hay hối hận vì đã dùng việc kết hôn giả như một phương tiện để đến Hàn Quốc. Với cô, đó là một phương pháp thực tế mà người ta có thể dùng để đến Hàn Quốc, vì nhiều người đã sử dụng phương tiện này.

Trong một tình huống bình thường và với một vị mục tử chỉ nhìn vào giấy tờ của Giáo hội mà không lưu ý nhiều đến tất cả giấy tờ xã hội, hay vì chưa nhiều kinh nghiệm với những “mặt trái” của cuộc sống di dân, thì hai tờ giấy chứng nhận bí tích và độc thân của Giáo hội và xã hội của cô và người bạn trai, cộng với giấy chứng chỉ giáo lý hôn nhân, là đủ để vị linh mục chuẩn bị cho họ làm lễ cưới. Và đây có lẽ cũng là điều hầu như đã xảy ra, dù tôi biết rõ lắm, nhưng họ không còn đến gặp tôi sau đó và đã đi chỗ khác để tìm một linh mục khác làm lễ cưới cho họ.⁸⁴

3) Giải thoát khỏi áp bức, nhưng không thành kẻ áp hiếp:

Trong cuộc sống di dân nơi đất khách quê người, người di dân dễ phải

⁸⁴ Đã có trường hợp người di dân nói dối là mất hộ chiếu hay chứng minh thư Hàn Quốc để che giấu danh tánh giả hay việc làm của họ.

đôi diện với những giây phút và cảm xúc lạc lõng và sợ hãi như “chiên đi vào giữa bầy sói” và với những tháng ngày mà họ cảm thấy bức xúc và bị áp bức bởi ngoại cảnh cũng như người khác, ngay cả người đồng hương. Khi bị áp bức, người di dân cũng muốn thoát ra khỏi cảnh “áp bức” này; tuy nhiên đôi khi thay vì “phấn đấu để được giải thoát” họ lại có xu hướng “trở thành những kẻ áp bức”⁸⁵ – thay vì như “chiên giữa bầy sói” họ có thể thành “sói săn lùng chiên”. Nhưng như đã nói trên, người di dân vẫn luôn là, và phải là, chủ thể và tác nhân chính của đời sống di dân của họ, nên trong quá trình tu luyện lương tâm trưởng thành, vị mục tử và người di dân phải cùng đồng hành để giúp đối diện và giải thoát khỏi những “áp bức” của đời, mà không biến mình thành kẻ “áp hiếp” hay “lợi dụng”.

4) Nhìn rộng và tích cực; vượt đầu óc cục bộ: Nhiều người di dân xem mục đích của đời sống họ tại Hàn Quốc là để “kiếm tiền” cho gia đình và cho tương lai. Điều này cũng không có gì là sai trái lắm, nhưng nó quá hạn hẹp trong tầm nhìn. Người di dân cần được thúc đẩy nhìn xa hiểu rộng hơn, vượt qua rào cản của đầu óc cục bộ, chỉ muốn giúp cho gia đình, làng xã, hay đất nước mình. Một thách đố lớn là hiểu biết rằng sự hiện diện của họ tại Hàn Quốc là một sự đóng góp tích cực cho sự phát triển của cả Hàn Quốc và gia đình thế giới, trong đó có gia đình họ và gia đình Việt Nam, thay vì rơi vào cạm bẫy của tâm trạng là “họ bóc lột mình nên mình cũng lợi dụng họ”.

5) Người di dân cũng là nhà truyền giáo: Về mặt đức tin, dù người di dân ra đi tìm tương lai không với mục đích tôn giáo là chính, nhưng khi tích cực sống đức tin như những ngọn nến soi đường, họ cũng là những nhà truyền giáo, mang mùi Chủ chiên đến cho những con chiên hay người khác. Việc những người bản xứ ở Hàn Quốc, cũng như tại những quốc gia khác, thấy người di dân sống đạo một cách tích cực cũng làm họ cảm thán và muốn hâm nóng lại hay phấn khởi sống đạo. Dĩ nhiên cũng có những trường hợp người

⁸⁵ Xem Paulo Freire, *Pedagogy of the Oppressed*. (New York: Continuum, 1970)

chủ bắt người di dân phải làm việc ngày Chúa Nhật, nhất là trong nghề nông hay trong những thời điểm cần gấp của công nghiệp, và họ chủ trương rằng người di dân đến Hàn Quốc để làm việc chứ không phải để giữ đạo. Nhưng chính trong những hoàn cảnh này, việc tích cực sống đạo lại càng là một thách đố lớn hơn của một cây đèn cầy leo lắt trong bóng đêm đầy gió.

Kết

Người di dân Việt đến Hàn Quốc từ những năm đầu của thập niên 90, sau khi Hàn Quốc chuyển mình vào dịp Thế vận hội Olympic Seoul từ một nước “gửi người đi ra” thành một quốc gia “nhận di dân vào” và sau khi Việt Nam và Hàn Quốc bang giao. Họ đến Hàn Quốc với những làn sóng của visa lao động, kết hôn, du học, thăm thân, thương mại, v.v., đa số là từ những gia đình ở vùng quê và thành phố nhỏ, khá nghèo, để kiếm tiền nuôi sống gia đình. Trong khi những người di dân Việt theo diện kết hôn sẽ chọn nơi này làm quê hương thứ hai, đa số những diện di dân khác đến Hàn trong một vài năm rồi trở về nước, mặc dù có thể họ cũng muốn ở đây lâu dài hơn.

Người di dân Việt tại Hàn Quốc cũng như những người di dân ở nơi khác, rời bỏ quê hương để tìm một tương lai tốt hơn cho gia đình và cho chính họ, và họ phải đối diện hàng ngày với cuộc sống đầy khó khăn và nhiều thách đố nơi đất khách quê người – cam chịu cảnh cô độc cô đơn xa nhà, những “cú sốc văn hóa” trong cuộc sống, việc làm, và sự học hành, với gió lạnh, thức ăn cay, và ngôn ngữ khó và ngược, với phòng thuê nhỏ ảm thấp dưới hầm hay lạnh buốt trên sân thượng, với thái độ kỳ thị, cách đối xử thiên tư, cấp trên to tiếng hay xỉ nhục, và đồng nghiệp coi thường, v.v., để kiếm tiền sinh sống, trả nợ, và giúp gia đình.

Người di dân sống giữa ngưỡng cửa của hai thế giới – một mới một cũ, một quen một lạ; vừa đây vừa đó; vừa có vừa không. Họ cần một nơi để giúp họ vừa nuôi dưỡng, phát huy, và duy trì truyền thống văn hóa quê hương, vừa thích nghi và hội nhập vào văn hóa xã hội quê người, cùng giúp kết nối với quê nhà. Nơi này chính là một

cộng đoàn tôn giáo hay cộng đoàn đồng hương để vừa là “cái nôi” vừa là “cây cầu”.

Đồng hành với người di dân là mục đích chính của mục vụ di dân; và các vị mục tử là những “người trung gian ... đem chính mạng sống và chính trái tim mình ra”⁸⁶ để phục vụ và làm chứng cho tình yêu và Nước Trời. Các vị mục tử được mời gọi làm mục vụ “với và cho” người di dân, hội nhập vào văn hóa, xã hội, và Giáo hội địa phương, và giúp huấn luyện cho một lương tâm trưởng thành.

Người di dân ra đi, cũng giống như các môn đệ Đức Giêsu được sai đi, “như chiên đi vào giữa bầy sói”, và như các môn đệ, họ cũng được chỉ thị là phải “khôn như rắn và đơn sơ như bồ câu” (Mt 10, 16) – sự khôn ngoan của rắn để không bị người khác làm hại và sự đơn sơ của bồ câu để không làm hại người khác. Câu chuyện đời của Diễm và Hương là hai trong hàng vạn câu chuyện của đời di dân xa quê, với những khó khăn và thử thách của từng người và từng hoàn cảnh khác nhau, nhưng chung quy họ là những người “lữ khách” bên lề xã hội mà Đức Thánh cha Phanxicô đã kêu gọi mọi người “tiếp đón, bảo vệ, thăng tiến, và hội nhập”.⁸⁷

Một hình ảnh mà Đức Thánh cha Phanxicô đã dùng để biểu hiện mục vụ của Giáo hội, nhất là mục vụ xã hội và di dân, đó là “Giáo hội là bệnh viện chiến trường”⁸⁸ – một bệnh viện dã chiến, một bệnh viện di động, mà người di dân chính là hình ảnh của sự dã chiến, di động và lữ hành này.

⁸⁶ Xem ghi chú số 68.

⁸⁷ Xem ghi chú số 55.

⁸⁸ Xem <https://www.vaticannews.va/vi/pope/news/2019-08/tiep-kien-chung-giao-hoi-benh-vien-chien-truong-cong-vu-tong-do.html> (Truy cập ngày 1/11/2020).

NHỮNG GIÁO DÂN “BÔNG BÈNH” Ở ĐÔ THỊ: MỘT PHÂN TÍCH VỀ TRẢI NGHIỆM TÍNH BẮP BÊNH CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO DI DÂN VÀ ĐỀ XUẤT MỘT NGHỊ TRÌNH MỤC VỤ

TS Giuse Nguyễn Đức Lộc, PhD

1. Dẫn nhập

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, di cư nội địa và xuyên quốc gia diễn ra trong vài thập niên trở lại đây đang trở thành xu hướng chung tại nhiều quốc gia. Trong chiều hướng đó, một cuộc tái định hình lại không gian sống của cộng đồng dân cư khắp nơi trên thế giới đang diễn ra và tác động đáng kể đến sự chuyển biến đời sống xã hội.

Bối cảnh kinh tế xã hội ở Việt Nam từ đầu thập niên 90 thế kỷ 20 đến nay cũng được xem là một cuộc chuyển biến xã hội có tác động đáng kể đến đời sống người dân với xu hướng di cư, giải lãnh thổ hoá cộng đồng và chuyển biến tâm thức nơi người dân. Bởi mức sống, cơ hội việc làm chênh lệch giữa các khu vực nông thôn và thành thị đã biến các đô thị thành điểm hút đối với dân nhập cư ngày càng gia tăng. Khoảng cách giữa nông thôn và thành thị thường được coi là ảnh hưởng tiêu cực của cải cách kinh tế và là một trong những yếu tố thúc đẩy dòng di dân từ nông thôn ra thành thị. Hơn nữa, hàng triệu công nhân sẽ bước vào giai đoạn lập gia đình và sinh con đẻ cái. Hệ quả là cơ sở vật chất và hệ thống phúc lợi địa phương ngày càng quá tải vừa không đáp ứng được nhu cầu của người công nhân mà cả dân

địa phương cũng lâm vào tình trạng tương tự (Nguyễn Đức Lộc, 2011); (Nguyễn Đức Lộc, Nguyễn Văn Hiệp, 2015).

Trong chiều hướng đó, đời sống đạo người Công giáo Việt Nam cũng chịu tác động ít nhiều với làn sóng di cư từ nông thôn ra thành thị hay hiện tượng di cư xuyên quốc gia. Theo đó, một tiến trình tái cấu hình xã hội từ cấp độ gia đình cho đến cộng đồng vốn chịu tác động bởi rất nhiều những thách thức thời hiện đại, nhưng đồng thời qua đó giúp ta suy ngẫm thêm về những niềm hy vọng vào công trình cứu độ Thiên Chúa dành ban cho con người ngày nay.

Bài viết này là kết quả quá trình nghiên cứu của chúng tôi về đời sống công nhân tại Đông Nam bộ (Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai) từ năm 2011 đến 2015. Với các tuyến khảo sát được tiến hành trong quá trình nghiên cứu, như: thu thập thông tin định lượng (bảng hỏi anket) và thu thập và xử lý thông tin định tính (thu thập dữ liệu thứ cấp và quan sát tham dự). Đặc biệt, vào năm 2014¹ chúng tôi đã tiến hành khảo sát về đời sống đạo gia đình Công giáo tại Giáo phận Xuân Lộc cùng với đó là những suy tư nội tâm về những thách thức thời đại liên quan đến đời sống hôn nhân gia đình người Công giáo Việt Nam ngày nay.

¹ Dữ liệu chính yếu của bài viết này là kết quả của việc tìm hiểu và đánh giá hiện trạng đời sống đạo của các hộ gia đình Công giáo của GPXL. Để có nguồn dữ liệu phong phú này, chúng tôi đã thực hiện chặt chẽ các bước về chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống tại 24 giáo xứ, thuộc 12 giáo hạt. Để đảm bảo được độ tin cậy của số liệu, khảo sát đã tiến hành phỏng vấn bảng hỏi với 797 hộ gia đình, trong đó có 54,6% người đại diện hộ gia đình trả lời bản câu hỏi là nam và 45,4% là nữ. Giữa nam và nữ trả lời phỏng vấn chênh lệch nhau khoảng 9,2%, sự chênh lệch này xét về mặt số liệu là không đáng kể và vẫn có ý nghĩa khi so sánh tương quan trong việc nhìn nhận các vấn đề về đời sống đạo dưới chiều kích giới. Các mẫu khảo sát về hộ gia đình chủ yếu tập trung vào những trường hợp đã lập gia đình và mỗi cá nhân khi trả lời chủ yếu phản ánh quan điểm cá nhân cho các vấn đề nghiên cứu về hộ gia đình. Bên cạnh bộ dữ liệu định lượng, chúng tôi cũng đã tiến hành phỏng vấn sâu các cá nhân đại diện hộ gia đình và giáo xứ. Chính vì vậy, tất cả dữ liệu được phân tích dưới đây vừa phản ánh chiều kích cộng đồng và vừa phản ánh chiều kích cá nhân trong các vấn đề liên quan đến đời sống đạo của hộ gia đình.

1. Toàn cầu hoá và những khuynh hướng chuyển biến trong đời sống xã hội Việt Nam

Tiến trình toàn cầu hoá ít nhiều làm cho các nền văn minh, văn hoá xích lại gần nhau thông qua đó còn tác động đến văn hoá, lối sống và ý thức hệ giữa các nhóm dân cư. Các mô thức ứng xử, lối sống mang tính toàn cầu được khuếch tán nhiều nơi trên thế giới. Song song tiến trình đó, các trào lưu tư tưởng Tân tự do được hình thành và được truyền bá rộng khắp theo làn sóng toàn cầu hoá. Khái niệm Tân tự do có lẽ xuất phát từ những năm 30 của thế kỷ trước từ các nhà kinh tế học nhưng nó chỉ thực sự thịnh hành vào những năm 70 của thế kỷ trước ở các nước Phương Tây. Một trong những đặc điểm nổi bật của khuynh hướng tư tưởng này là “Tất cả mọi thứ đều có thể qui về khía cạnh kinh tế”. Lao động tự kiếm sống và phải tự chịu trách nhiệm với bản thân được xem là một trong những điển ngôn của xã hội hiện đại. Nhưng đằng sau những điển ngôn có vẻ thời thượng này ẩn chứa những bất trắc, rủi ro cho đời sống người dân nghèo và xét về đời sống thiêng liêng của giáo dân cũng là thách thức không kém. Bởi điểm cốt lõi của khuynh hướng Tân tự do này có những đặc điểm chính như:

- Xã hội phi điều tiết hoá (Deregulation)
- Tư nhân hóa (Privatisation) lãnh vực dịch vụ công, mà ở Việt Nam được cô xuyết bởi điển ngôn: “Xã hội hoá” nhưng thực chất là hàng hoá hoá các dịch vụ phúc lợi công.
- Chính phủ “từ nhiệm” hay “lùi lại” phía sau trong việc cung cấp phúc lợi xã hội (Withdrawal of the State from social provision)
- Hậu quả: đào sâu khoảng cách giàu nghèo, mở rộng và bản cùng hóa tầng lớp lao động.

Trong bối cảnh xã hội đương đại, cùng với làn sóng toàn cầu hoá, Việt Nam bắt đầu chính sách mở cửa nền kinh tế vào những năm 90 của thế kỷ trước, những nhà đầu tư ngoại quốc đầu tư vào Việt

Nam với chính sách nhân công giá rẻ như là một hấp lực của một nền kinh tế đang phát triển đã mặc nhiên trách nhiệm phúc lợi xã hội của quốc gia sở tại. Dưới áp lực của thị trường và gánh nặng chi phí, xu hướng tư nhân hoá trong các chính sách phúc lợi công thông qua mô hình “xã hội hoá” phần nào đã dồn gánh nặng chi phí y tế, giáo dục và các dịch vụ phúc lợi khác lên vai người dân. Người dân cũng đã phải “mua lấy” sự an sinh bằng chính sự vất vả, lao động trong cuộc mưu sinh thông qua hình thức tăng ca, làm thêm.v.v. Các diễn ngôn chính thống của Nhà nước cho rằng nền kinh tế mở cửa đã mang lại nhiều cơ hội cải thiện đời sống cho người dân. Tuy vậy, ở chiều cạnh khác, bức tranh kinh tế, mức sống chênh lệch giữa nông thôn và thành thị ngày càng rõ nét.

Có lẽ, chính điều này đã tạo thành động lực cho các làn sóng di cư từ nông thôn ra thành thị kiếm sống. Những người trẻ lần lượt rời gia đình, cộng đồng làng, xóm vào cư ngụ nơi các xóm trọ tại các khu công nghiệp để kiếm sống. Các kết quả nghiên cứu nhân học, xã hội học cho thấy, đồng tiền của người di cư chuyên về cho gia đình đóng vai trò khá quan trọng trong sự an sinh hộ gia đình. Sức hấp dẫn của các cuộc di dân đã thúc đẩy những thế hệ tiếp nối rời khỏi làng, xóm, xứ đạo vào sinh sống nơi đô thị và cả các nước trong khu vực.

2. Tầng dòng người vào đô thị - Một diễn cảnh ly hương thời hiện đại

Theo dòng lịch sử Việt Nam, các cuộc di cư chủ yếu theo chiều *Nam tiến* ít nhiều chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố chiến tranh, ly tán. Đáng kể nhất là hơn một triệu người giáo dân từ miền Bắc và Nam năm 1954 vốn được xem là cuộc chia ly trong một lãnh thổ có chung nguồn cội (Nguyễn Đức Lộc, 2015). Từ 1954 – 1975 là giai đoạn chiến tranh Nam Bắc, từ năm 1976 cho tới 1995 gần như không có biến động về số lượng di dân vào thành thị. Các cuộc di dân có tổ chức từ phía Nhà Nước hướng đến các vùng kinh tế mới ở các vùng hẻo lánh, chủ yếu là theo hai hướng chính là: trục Bắc – Nam và trục Đông – Tây.

Trong khi đó, di dân tự do từ các vùng nông thôn đi vào thành thị chỉ xuất hiện vào thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá bắt đầu từ năm 1995¹⁹. Chính sách mở cửa, đổi mới kinh tế vào năm 1986 là một tiền đề thay đổi kinh tế Việt Nam đồng thời cũng làm thay đổi hình ảnh đô thị của Việt Nam. Nhưng phải chờ đến năm 1991, Đại hội VII của Đảng Cộng Sản Việt Nam đưa ra cụm từ “kinh tế thị trường định hướng theo xã hội chủ nghĩa”²⁰, Việt Nam mới bắt đầu có sự chuyển động về kinh tế và phát triển kinh tế. Theo nhận định của Ngân hàng thế giới về Việt Nam năm 2019 như sau: “*Chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường đã giúp Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới thành nước có thu nhập trung bình thấp. Việt Nam hiện là một trong những quốc gia năng động nhất Đông Á Thái Bình Dương*”².

Với chính sách theo đuổi “kinh tế thị trường” của nhà nước Việt Nam năm 1991, hiện tượng “đô thị hoá” đã xuất hiện vào năm 1995 và chưa có dấu hiệu dừng lại ở các thành phố lớn.

Trước năm 1995, tỷ lệ số dân thành thị so với tổng số dân cả nước không thay đổi nhiều: 20,6% (1976); 19,2% (1979); 19,9% (1985) và 19,8% (1989). Nhưng từ giai đoạn 1994 - 1999 cho đến năm 2007, xuất hiện các luồng di cư có quy mô ngày càng tăng vào đô thị nói chung, vào đô thị lớn nói riêng (Đỗ Minh Đức, Nguyễn Việt Thịnh, 2015). Các số liệu thống kê cho thấy quy mô của các luồng dân cư vào thành thị bắt đầu gia tăng nhanh chóng.

Bảng 1: Di dân nông thôn vào đô thị 1994 - 1999 phân theo vùng

Vùng	Tổng số từ nông thôn vào đô thị	% tổng số dân nhập cư vào đô thị
Đồng bằng sông Hồng	170518	39,7
Đông Bắc	78085	53,4

² <https://www.worldbank.org/vi/country/vietnam/overview>

Tây Bắc	20924	57,4
Bắc Trung Bộ	67131	60,9
Duyên hải NTB	97999	51,6
Tây Nguyên	106035	72,0
Đông Nam Bộ	475409	44,9
Đồng bằng sông Cửu Long	166188	66,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở 1999

Bảng 2: Tỷ trọng (%) của mười tỉnh, thành phố đứng đầu trong tổng số người di cư vào đô thị cả nước, thời kỳ 1994-1999, 2005-2006 và 2006-2007

Tỉnh, TP, thời điểm 1/4/1999	Tỷ trọng %	Tỉnh, TP, thời điểm 1/4/2006	Tỷ trọng %	Tỉnh, TP, thời điểm 1/4/2007	Tỷ trọng %
TP HCM	37,3	TP HCM	43,6	TP HCM	44,3
TP Hà Nội	11,0	TP Hà Nội	10,0	TP Hà Nội	8,4
Đồng Nai	3,7	Lâm Đồng	3,8	Bình Dương	3,8
TP Hải Phòng	2,9	Bình Dương	3,0	TP Hải Phòng	3,3
TP Đà Nẵng	2,9	TP Hải Phòng	2,2	TP Đà Nẵng	2,8
Lâm Đồng	2,6	Thái Nguyên	1,8	Đồng Nai	2,6
Cần Thơ	2,1	Nghệ An	1,6	Lâm Đồng	2,0
Quảng Ninh	1,9	TP Đà Nẵng	1,5	Nghệ An	1,6
Bà Rịa-Vũng Tàu	1,8	Đắk Lắk	1,5	Đắk Lắk	1,6
Khánh Hòa	1,6	Đồng Nai	1,4	TP Cần Thơ	1,6
Tổng số	67,8	Tổng số	70,4	Tổng số	72,0

Nguồn: Xử lý từ cơ sở dữ liệu mẫu 3% TĐT dân số và nhà ở 1/4/1999, Cơ sở dữ liệu (microdata) Điều tra biến động dân số và KHHGD 2006, 2007

Bảng 3: Dân số trung bình phân theo thành thị, nông thôn

	Tổng	Thành thị	Nông thôn
	Nghìn người		
2010	87067,3	26460,5	60606,8
2011	88145,8	27678,6	60467,2
2012	89202,9	28274,9	60928,0
2013	90191,4	28865,1	61326,3
2014	91203,8	30272,7	60931,1
2015	92228,6	30881,9	61346,7
2016	93250,7	31397,0	61853,7
2017	94286,0	31928,3	62357,7
2018	95385,2	32636,9	62748,3
Sơ bộ - 2019	96484,0	33816,6	62667,4
	Tỷ lệ tăng (%)		
2010	1,21	3,42	0,28
2011	1,24	4,60	-0,23
2012	1,20	2,15	0,76
2013	1,11	2,09	0,65
2014	1,12	4,88	-0,64
2015	1,12	2,01	0,68
2016	1,11	1,67	0,83
2017	1,11	1,69	0,81
2018	1,17	2,22	0,63
Sơ bộ - 2019	1,15	3,61	-0,13
	Cơ cấu (%)		
2010	100	30,39	69,61
2011	100	31,40	68,60
2012	100	31,70	68,30
2013	100	32,00	68,00
2014	100	33,19	66,81
2015	100	33,48	66,52
2016	100	33,67	66,33
2017	100	33,86	66,14
2018	100	34,22	65,78
Sơ bộ - 2019	100	35,05	64,95

(Nguồn: Tổng cục thống kê 2010 - 2019)

Theo báo cáo điều tra dân số 2019, tính theo chu kỳ 10 năm của điều tra dân số, tốc độ tăng dân số bình quân của thành thị của giai đoạn 1999 - 2009 là 3,4% / năm. Tỷ lệ tăng dân số khoảng 3% này tiếp tục kéo dài cho tới năm 2015. Các số thống kê về tỷ lệ tăng dân số như sau: 24,6% (2000); 27,5% (2005); 30,6% (2010); 33,6% (2015). Theo số liệu điều tra dân số đến năm 2017 thì tỷ lệ đô thị hóa ở Việt Nam là 34,7%.³ Làn sóng di cư diễn tiến khác nhau qua các thời điểm. Kết quả khảo sát gợi ra rằng, số người xuất cư lần đầu tiên ồ ạt vào thời điểm từ 2009 -2013 (59,2%), trong khi đó, giai đoạn những năm 2000 – 2008 tỉ lệ xuất cư lần đầu tiên chỉ có 37,4% và dần thấp hơn ở những năm trước 2000. Quá trình xuất cư gắn liền với mạng lưới thân tộc, cụ thể là 26,6% công nhân cho biết họ xuất cư cùng với chồng/con cái, 17,2% xuất cư cùng với bạn bè cùng quê và 15,5% xuất cư cùng bà con họ hàng, cùng với đó cũng có đến 22% xuất cư một mình.

Di cư hay xuất cư tạm thời là một quyết định quan trọng không chỉ mang cá nhân mà còn là chiến lược sinh kế của hộ gia đình. Động lực xuất cư của cá nhân chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau. Trong đó, động lực nổi trội nhất là các yếu tố liên quan đến kinh tế, khi có đến 66,8% xuất cư vì ở quê làm ăn khó khăn. Quê hương – vốn dĩ là những vùng kinh tế thuần nông – không còn là điểm tựa vững chãi cho cá nhân cho quá trình sinh trưởng và tồn tại của cá nhân/hộ gia đình.

Hiện nay, người nông dân đang đứng trước bối cảnh thị trường nông nghiệp đang ngày càng bị thu hẹp nhường chỗ cho thị phần công nghiệp, cùng với đó là những bấp bênh trong giá cả của các sản phẩm nông nghiệp và dưới tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu. Nông thôn không còn là nơi có thể đảm bảo cho đời sống kinh tế của cá nhân/hộ trước cơn lốc của đô thị hóa, đặc biệt là ở vùng Bắc Trung Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long – nơi có số lượng người xuất cư đến các thành phố lớn chiếm tỉ lệ cao nhất trong cả nước. Kết quả khảo sát cũng chứng minh rằng, trong 2.437 nhân khẩu thuộc

³ https://danso.org/thuat_ngu/qua-trinh-do-thi-hoa-tren-the-gioi/

phạm vi khảo sát của đề tài, có đến 21,6% xuất cư từ các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và 59,8% xuất thân từ các tỉnh vùng ĐBSCL. Cụ thể hơn, trong 800 hộ khảo sát của đề tài, 23,8% hộ xuất thân từ Bắc Trung Bộ và 43,4% xuất thân từ ĐBSCL. Điều đó nói lên thực tế rằng, ở hai vùng kinh tế này, nông nghiệp không còn hấp dẫn đối với người nông dân, trong khi những xa hoa nơi cuộc sống đô thị lại tỏ ra mãnh liệt hơn. Bởi lẽ đó, ở nông thôn hiện nay đang phải đối diện với một nghịch lý là nguồn lao động trong các sản xuất nông nghiệp đang trở nên khan hiếm, nhất là trong các vụ mùa thu hoạch. Chứng tỏ tâm lý muốn thoát ly/tạm thời thoát ly khỏi nông nghiệp của một bộ phận cư dân nông thôn.

Bảng 4: Lý do xuất cư vào tỉnh Bình Dương làm công nhân

STT	Lý do xuất cư	Số lượng	Tỉ lệ %
1.	Vì ở quê làm ăn khó khăn	534	66,8
2.	Kiểm vốn về quê lập nghiệp	64	8,0
3.	Thay đổi môi trường sống	49	6,1
4.	Muốn tạo lập sự nghiệp riêng	77	9,6
5.	Muốn có cơ hội học tập cao hơn	18	2,2
6.	Đi cho biết	22	2,8
7.	Lý do khác	36	4,5
	Tổng cộng	800	100,0

(Nguồn: dữ liệu khảo sát định lượng của đề tài tháng 12/2013)

Không chỉ vậy, giữa nông thôn – đô thị có sự chênh lệch rất lớn về mọi mặt. Sự nghèo nàn về kinh tế lẫn dịch vụ ở nông thôn đã đặt một bộ phận nông dân khao khát về cuộc sống khấm khá ở đô thị. Do đó, 6,1% xuất cư vì muốn thay đổi môi trường sống, 9,6% hy vọng tạo lập sự nghiệp riêng ở đô thị, 2,2% muốn có cơ hội học tập cao hơn và cũng không loại trừ 2,8% công nhân cho biết họ xuất cư chỉ là để “đi cho biết”.

Một trong những điểm đến hấp dẫn mà người nhập cư lựa chọn là các tỉnh thành Đông Nam bộ. Đặc biệt, địa bàn Bình Dương đang trở thành tâm điểm thu hút nhất đối với người nhập cư. Bởi kể

từ khi Luật Đầu tư được ban hành năm 1997, sự ra đời của các khu công nghiệp là một trong nhiều chuỗi hoạt động nhằm hiện thực hóa chủ trương đổi mới, mở cửa theo hướng CNH-HĐH theo NQ đại hội lần 6-1986. Sự ra đời của khu chế xuất Tân Thuận – khu công nghiệp đầu tiên của cả nước đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của TP.HCM nói riêng và Việt Nam nói chung. Tiếp diễn đó là hàng loạt các khu công nghiệp ra đời và được đưa vào hoạt động. Đây là giai đoạn mở đầu cho trào lưu di dân từ các tỉnh thành trong cả nước đổ xô về các khu công nghiệp tại TP.HCM, bắt đầu xuất hiện một cách đại chúng danh từ “công nhân” vốn dĩ trước đây xa lạ với những con người dân quê. Động lực xuất cư của công nhân nhập cư được soi rõ hơn khi tìm hiểu lý do lựa chọn Bình Dương để sinh sống và làm việc.

Bảng 5: Lý do di cư đến Bình Dương làm công nhân

STT		Số lượng	Tỉ lệ %
1.	Do dễ tìm việc làm	359	44,9
2.	Việc làm có lương cao	107	13,4
3.	Chi phí sinh hoạt thấp	12	1,5
4.	Công việc ổn định	75	9,4
5.	Được ở với/gần người thân	194	24,2
6.	Lý do khác	53	6,6
7.	Tổng cộng	800	100,0

(Nguồn: Dữ liệu định lượng Bình Dương tháng 12/2013)

Nhờ thị trường lao động đầy tiềm năng các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã thu hút được nhiều nguồn lao động đến đây để có việc làm. Điều này trùng khớp với kết quả khảo sát cho thấy, tìm việc làm là lý do chính yếu nhất thúc đẩy 44,9% người nhập cư đến Bình Dương lựa chọn để trở thành công nhân. Cùng với đó, 24,2% công nhân cho rằng họ chọn Bình Dương làm điểm đến vì muốn được ở với/gần người thân. Điều đó có nghĩa rằng, người thân

của họ cũng đang sinh sống và làm việc tại Bình Dương từ trước hoặc di cư cùng lúc với họ. Hay 13,4% lựa chọn Bình Dương vì ở đây có những việc làm có lương cao. Kết quả cho quyết định lựa chọn Bình Dương làm nơi lập nghiệp của người nhập cư là trung bình khoảng 29 ngày thì người lao động trong khảo sát đã tìm được việc làm. Không những thế, có đến 13,1% đã có việc làm chỉ sau 1 ngày tìm việc, phổ biến nhất là sau 7 ngày tìm việc thì có việc làm (17,1%), chỉ có 1 trường hợp duy nhất là khoảng 1 năm mới có việc làm. Những con số này giúp đưa đến nhận định rằng, động lực lớn nhất của những người nhập cư khi đến Bình Dương không gì khác ngoài lý do tìm kiếm việc làm. Không chỉ vậy, với nguồn đầu công việc phong phú và đa dạng, người lao động đã có thể dễ dàng tìm kiếm được công việc như mong muốn trong khoảng thời gian tương đối ngắn.

Động lực xuất cư có sự khác biệt khi xem xét chúng dưới chiều kích giới cũng như tương quan với tình trạng hôn nhân. Điều hình là, nữ công nhân xuất cư vì động lực kiếm tiền thôi thúc nhiều hơn so với nam công nhân (67,5% so với 65,9%). Những công nhân đã lập gia đình lựa chọn xuất cư vì ở quê làm ăn khó khăn, chiếm 71,3% trong lúc đó, tỉ lệ này ở công nhân độc thân chỉ 57,1%. Như vậy, đối với những người đã lập gia đình, kinh tế trở thành vấn đề thôi thúc họ xuất cư mãnh liệt hơn so với công nhân độc thân, đây cũng là điều dễ hiểu. Bởi vì, khi lập gia đình cũng đồng nghĩa rằng phải tạo lập kinh tế riêng cho gia đình, đảm bảo cuộc sống cho con cái.

Động lực xuất cư được gọi lên rõ ràng như tâm sự của nữ công nhân (36 tuổi), quê ở Cần Thơ:

Ở dưới quê đó mình làm một tháng... một năm 12 tháng mình chỉ làm có một tháng à, mình làm một tháng đó xong thì mình nghỉ, những tháng mình ở không đó, mình ăn hết thì mình đâu có dư được đâu. Cho nên mình đi lên đây làm, có khi thiếu hụt nữa đó, không có dư mà còn phải thiếu hụt nữa, con đông này kia nợ rồi cái đi làm chứ cuộc sống nó vất vả quá mà,

không đủ ăn rồi nợ nần này kia nợ mình không có thể đủ trả được cho người ta. Nói chung thì vừa qua cô ở dưới quê đó cũng không có đất đai gì hết trơn đó, khổ lắm gia đình cha mẹ sinh ra thì nó đã nghèo sẵn rồi.

(Nữ, 36 tuổi, Cần Thơ, trích BBPVS)

Không chỉ là động lực kinh tế mà còn vì tương lai của con cái, chị K chia sẻ thêm về quyết định xuất cư của gia đình:

Ở Kiên Giang chị không có đất để làm, chỉ quanh năm suốt tháng đi làm thuê, nhưng mà lại không đủ ăn em à, lên đây thì công việc tuy lương chỉ có 3,000,000 một tháng thôi, nhưng nó ổn định em à. Và lại cho bé nó lên đây học điều kiện tốt hơn, còn ở dưới ruộng lúa bùn đất không, thì làm sao mà nó khôn lên được, tính ra ở trên này có đầy đủ điều kiện cho bé phát triển lắm.

(Nữ – 31 tuổi – trích NKĐĐ – Trần Đình Huân – 12/2013)

Cho dù mục đích xuất cư của mỗi người một hoàn cảnh khác nhau, nhưng tựu chung lại, kinh tế vẫn là lý do chính yếu nhất, là động lực mạnh mẽ nhất, thôi thúc cá nhân có thể rời nông thôn tìm đến các đô thị để làm ăn. Mặc dù đời công nhân không giúp những người lao động nhập cư trở nên khá giả, nhưng dẫu sao ở các đô thị thì chuyện tìm việc, kiếm tiền cũng dễ hơn so với ở các vùng nông thôn – nơi mà nông nghiệp đóng vai trò chính yếu và thu nhập từ công việc này lại phụ thuộc vào thời tiết cũng như thời giá thị trường, khiến cho việc mưu sinh trở nên khó khăn hơn. Trong lúc đó, nếu chấp nhận “tha hương” đến các vùng đô thị, họ dễ dàng tìm được việc làm và có thu nhập ổn định hàng tháng, số thu nhập này cũng phần nào đủ để trang trải cho những nhu cầu cơ bản của cuộc sống. Người nhập cư đổ xô đến các đô thị mang theo hy vọng về một tương lai tươi sáng hơn cho chính mình và gia đình. Nói cách khác, đó là khát khao đổi đời, thoát ly (có thể là tạm thời) đời sống nông nghiệp để hòa mình vào cuộc sống công nghiệp trong các nhà xưởng vốn hứa hẹn nhiều lợi tức hơn.

3. Toàn cầu hoá: một xã hội dư thừa hay thiếu thốn?

Khám phá về những thách thức thời hiện đại là một vấn đề phức tạp nhưng trong khuôn khổ bài viết này, tôi xin được tập trung vào trình bày hai khía cạnh mà bản thân thấy là quan trọng, có thể xem là nguyên nhân cho những vấn nạn mà người trẻ đang đối diện liên quan đến đời sống hôn nhân – gia đình người Công giáo Việt Nam ngày nay như: tính hiện đại, tính cá nhân hoá và những đặc điểm của xã hội phi đại (Hypermodernity).

Theo Lê Minh Tiến (2019), xã hội hiện phi đại hay cực hiện đại là một xã hội mà ở đó, mọi thứ đều vượt mức, đều thừa mứa và nó là sản phẩm của quá trình toàn cầu hóa về kinh tế mà trong đó, cái logic thắng thế đó là logic mua bán khiến con người bị buộc phải đáp ứng nhiều đòi hỏi hơn nếu không bị gạt sang một bên. Theo Gilles Lipovetsky, xã hội đương đại không phải là xã hội kết thúc tính hiện đại nhưng là một xã hội đang ở trong một hình thái hiện đại mới đó là phi đại/cực hiện đại. Gần như ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội từ tiêu dùng, tài chính, truyền thông, thông tin, xung đột, bạo lực... ta đều thấy bị chi phối bởi cái quá nhiều, quá nhanh, quá cực đoan (Lê Minh Tiến, 2019).

Theo những lý lẽ trên, như vậy sự thất bại là hoàn toàn do lỗi của cá nhân chứ không phải do cấu trúc xã hội nữa. Những bất bình đẳng không còn là những điều bất công đến từ bên ngoài mà hoàn toàn là do lỗi của cá nhân theo kiểu *“tôi cũng có cơ hội như mọi người, chỉ vì tôi không biết nắm lấy nên mới thất bại”*. Từ luật chơi mang tính cá nhân hóa những bất bình đẳng ấy dẫn đến sự phân cực xã hội thành hai nhóm người: những cá nhân thiếu thốn là những người yếu thế nhất về các nguồn vốn từ kinh tế, văn hóa cho đến xã hội nên không thể thích nghi với những biến động mới và luật chơi mới của thời cực hiện. Họ không còn nhận được những hỗ trợ về kinh tế, văn hóa, xã hội từ tập thể (hay Nhà nước) nữa và dần dần rơi vào quá trình bị loại trừ, bị gạt ra bên lề xã hội. Họ chính là những người thất nghiệp hoặc có việc làm nhưng bấp bênh, những người xuất thân từ các tầng lớp yếu thế, những người

nhập cư... vốn là những cá nhân “trống rỗng” (vide) và là những kẻ thua cuộc trong thời phôi đại (Lê Minh Tiến, 2019).

Chính sự thiếu thốn vật chất đã thúc đẩy những cá nhân phải lao mình kiếm sống bất kể sức lực và tâm trí bị bào mòn. Nhiều người lao động nhập cư tại các khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương đã từng than thở với chúng tôi rằng: *“Doanh nghiệp giờ mua luôn cả ngày nghỉ của em rồi”*. Có thể thấy, sự “trống rỗng” các nguồn vốn sinh kế đang có xu hướng chuyển dịch sang “trống rỗng” đời sống nội tâm khi toàn bộ thời gian sống trong ngày được dành cho các công việc mưu sinh. Nhịp sống nhanh hơn, gấp gáp hơn, người ta không có thời gian để nghỉ ngơi, cầu nguyện, thực hành nghi lễ tôn giáo v.v. mà bị kéo vào dòng đời mưu sinh. Tiêu chí nhanh, gọn được đề cao không chỉ đời sống thường nhật mà một vài nơi tôi có dịp quan sát được trong các giáo xứ ở đô thị cũng đang có xu hướng thích nghi với điều kiện sống của giáo dân mà có đôi khi trở nên đơn giản hoá các nghi thức dẫn đến cảm thức thiêng liêng trong nội tâm trở nên mờ nhạt.

Những tưởng câu chuyện thể tục hoá chỉ có thể hiện hữu ở Phương Tây với một cấu hình tư tưởng đề cao lý tính. Tuy vậy, ở Việt Nam, mặc dù câu chuyện lý tính trong nhận thức còn cần phải thảo luận thêm trong giới học giả nhưng hiện đang có một xu hướng cá nhân hoá khác đang “trở thành” song hành với sự mở cửa nền kinh tế thị trường, xu hướng toàn cầu hoá lan rộng, khi Việt Nam đón nhận các làn sóng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam vào những năm 90 của thế kỷ trước. Những người trẻ lần lượt rời gia đình, cộng đồng làng, xóm vào cư ngụ nơi các xóm trọ tại các khu công nghiệp để kiếm sống và luôn ở trong trạng thái bấp bênh, thiếu thốn và cuộc lao mình vào công việc kiếm sống đã khiến không ít người trẻ trở nên trống rỗng trong thế giới nội tâm.

Nhìn chung, xu hướng toàn cầu hoá đi liền với các dạng thức ứng xử xã hội theo kiểu khuynh hướng “Tân tự do hoá” (Neo-Liberalism) cũng đang định hình lại khuôn mẫu ứng xử của người trẻ Việt Nam ngày nay. Lối sống hiện đại cá nhân hoá cũng đang được định hình với nhu cầu tiêu dùng quá mức, đôi khi là thừa mứa càng tạo thêm nhiều áp lực cho việc kiếm sống của người trẻ. Ngày nay,

“mỗi cá nhân làm việc nhiều hơn, để có được những điều kiện sống tốt hơn” được xem là tuyên ngôn cho sự thành công của người trẻ. Những lý lẽ này được xem như là một một hấp lực cho một xu hướng sống, theo đó con người càng ngày giao nộp sự tự do cá nhân cho các loại hình công việc không còn giới hạn bởi không gian và thời gian trong bối cảnh xã hội dựa vào kỹ thuật số. Nếu như cách nay khoảng một thập kỷ, điều kiện sống vật chất của người lao động di cư có thể xem là bị đất thì ngày nay vấn đề không còn nằm ở thiếu thốn đời sống vật chất mà có thể là vòng xoay của cuộc mưu sinh chiếm lấy toàn bộ thời gian sống của mỗi cá nhân.

4. Di dân: một cuộc xáo trộn dân cư hay quá trình giải cơ cấu hoá?

Quá trình di cư từ nông thôn ra thành thị trong hơn thập kỷ qua luôn là dòng chảy liên tục đã khiến cho cơ cấu dân cư dường như mất cân đối khi lượng người đổ dồn đô thị khá đông đúc theo chiều hướng ngày một tăng, trong khi đó vùng nông thôn làng xóm ngày càng vắng bóng người, đặc biệt là người trẻ. Chính tình huống di cư kiếm sống này đã khiến tình hình cơ cấu dân cư luôn ở tình trạng biến động. Dường như các nhà xã hội học hay dân số học hiện nay chưa có thể thống kê một con số chính xác tình hình dân số từng khu vực mà nhiều nhà xã hội học gọi những người di dân là dân số “trôi nổi” vì tính di động khá cao của lực lượng người di dân. Điều này cũng phản ánh một quá trình giải cơ cấu hoá đơn vị dân cư, cộng đồng mà trong giới nghiên cứu Việt Nam cho rằng tính cố kết cộng đồng ở Việt Nam đang trong tiến trình tan vỡ. Khi dân số trẻ đã rời khỏi làng mạc, quê hương bản quán để làm cuộc hành trình mưu sinh mà dường như những cuộc ra đi nay cứ đi mãi không về, có chăng là những cuộc thăm viếng ngắn ngủi quê nhà trong những ngày lễ Tết. Trong khi đó, cơ cấu gia đình cũng đang bị rơi vào tình trạng gia đình khuyết mang tính cơ học. Khi những khó khăn chồng chất đời sống di dân, cha mẹ phải gửi con cái về quê cho ông bà nuôi dưỡng mà giới nghiên cứu thường định danh bằng cái tên “Những đứa trẻ bị bỏ lại” (The Left-Behind Children). Có đôi khi vợ chồng cũng chịu cảnh sống xa nhau

để lo kiếm sống nơi đô thị. Hơn bao giờ hết đời sống nhân loại phải chứng kiến những rung lắc, đứt gãy trong các mối quan hệ tương liên giữa các thành viên trong cộng đồng và trong gia đình, đặc biệt là nơi người trẻ. Bởi đặc trưng của xã hội hiện đại vốn được xem là sự dịch chuyển, tính bấp bênh, tính riêng tư thay thế cho những đặc trưng tính ổn định, tính cố kết và tính cộng đồng.

Mối tương liên giữa người với người trở nên lỏng lẻo ngay cả trong chính đời sống gia đình. Bởi xu hướng hiện đại hoá và cá nhân hoá vốn được biết đến trong lịch sử Tây Phương không chỉ là tính chất đặc trưng của xã hội Tây Phương mà ngày nay cùng với quá trình toàn cầu hoá, những đặc trưng đó đã len lỏi rộng khắp cả các quốc gia ngoài Tây Phương. Theo đó, lối sống của văn hoá tiêu dùng cũng trở thành trào lưu sống nơi những người trẻ ngày nay. Ở khía cạnh đó, những xu hướng này đang dần trở thành những thách thức của thời đại, đặt ra nhiều vấn đề cho các suy tư về mục vụ thiêng liêng nơi các vị mục tử về một thế giới với từng đoàn người di cư, khó nghèo cả đời sống vật chất lẫn đời sống thiêng liêng. Bên cạnh đó, là những thách thức về chuyển biến tâm thức nơi những người trẻ trong bối cảnh xã hội hiện đại. Có thể nói cấu hình xã hội của thế giới hiện đại được đặc trưng bởi những giá trị mới mà đặc điểm nổi bật nhất đó là sự thống trị của lý lẽ (raison) của tư duy lôgic trước truyền thống. Từ đó, tự do và bình đẳng trở thành những quyền phổ quát của con người, nền dân chủ đại chúng được hình thành. Tuy vậy, cũng trong thời hiện đại này, cái chi phối và định hình cho ứng xử, suy nghĩ của con người không còn là truyền thống hay những tín điều tôn giáo nữa mà là khoa học và lý lẽ (Lê Minh Tiến, 2019: 1). Tư duy lý tính ở thời đại này có thể xem là khởi nguồn của quá trình thế tục hoá, và song hành với nó là một quá trình chuyển biến đời sống xã hội theo xu hướng cá nhân hoá. Cá nhân từng bước thoát ly khỏi tập tục truyền thống và những đòi hỏi về thế tục hoá nảy sinh như là một đòi hỏi quyền tự do cá nhân, vốn ít nhiều tác động sâu rộng nơi các quốc gia ở Phương Tây.

Dưới góc độ cộng đồng xứ đạo Công giáo, những cuộc di dân này tạo ra hiện trạng chênh lệch giáo dân giữa các khu vực sinh sống. Khi các xứ đạo miền quê bắt đầu thưa vắng người, trong khi đó các

giáo xứ nơi thành thị đón nhận một lượng lớn người trẻ di dân đang trở nên quá tải với nhu cầu đón nhận các bí tích và đời sống thiêng liêng cao. Hiện trạng này cũng bắt đầu hình thành các nhóm giáo dân “bồng bênh” ở đô thị giống như dạng thức của phương Tây cách đây vài thập kỷ. Cảm thức thiêng liêng hay ý thức thuộc về một cộng đồng xứ đạo đang có biểu hiện mờ nhạt. Những người di dân trẻ tuổi đang ngày một đơn độc trong hành trình mưu sinh nơi đô thị như một tiến trình đi vào “không gian lưu đày” của đời sống nội tâm. Bơ vơ, đơn độc là những trạng thái thường trực được thúc đẩy bởi khuynh hướng Tân tự do khi cuộc sống, an sinh xã hội được xem là trách nhiệm của cá nhân người lao động.

Kết quả khảo sát về việc tham gia hội đoàn Công giáo tại các giáo xứ tại Giáo phận Xuân Lộc (GPXL) năm 2014 cho thấy việc tham gia các giới, hội đoàn tại các xứ đạo trong GPXL hiện nay không còn nhiều như nhiều người vẫn lầm tưởng rằng mỗi cá nhân trong giáo xứ đều có thể là thành viên của một giới hay một hội đoàn nhất định. Kết quả khảo sát cho thấy chỉ có 44,7 % mẫu nghiên cứu xác nhận họ có tham gia sinh hoạt mục vụ theo giới, hội đoàn của họ, và có đến 55,3% giáo dân tự nhận là không tham gia bất kỳ đoàn thể nào của giáo xứ. Xét cho cùng, chúng ta có thể dự cảm về một diễn cảnh xã hội đang chuyển biến với xu hướng cá nhân hóa đang diễn ra khá mạnh mẽ ở khắp nơi Việt Nam ngày nay. Bởi nhiều công trình nghiên cứu cho thấy quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa đã làm tan vỡ các mối liên hệ cộng đồng và tạo ra một tầng lớp cư dân tôn giáo “bồng bênh” ở các đô thị (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2014: 47).

Bởi các kết quả nghiên cứu xã hội học cách đây một thập niên đều cho thấy những người di cư từ nông thôn ra thành thị là một trạng thái tạm thời theo kiểu “kiếm ít vốn để về quê lập nghiệp” thì nay các kết quả nghiên cứu khác cho thấy các cuộc di cư của những người trẻ ra đi từ nông thôn ra thành thị và cả di cư xuyên biên giới đang có xu hướng di cư để ở lại lập nghiệp. Nếu như trước đây, cuộc sống ở đô thị là cuộc sống “tạm thời” để trở về quê sống thì ngày nay không ít người lao động vì cuộc sống khó khăn ở đô thị mà phải trở về quê sinh sống lại xem là giải pháp “tạm thời” về quê và rồi tiếp tục tìm kiếm các cuộc ra đi khác. Những người trẻ ra đi, đi mãi... xa rời tính

bản thảo, xa rời mỗi dây liên kết với các thành viên khác trong gia đình và cộng đồng xứ đạo nơi quê nhà.

Chính vì vậy, những cuộc di cư ngày nay không đơn thuần là cuộc di cư cơ học, kiếm sống mà đã định hình thành các cuộc di cư trong tâm tưởng. Khi gia đình, cộng đồng không còn đủ sức níu chân người trẻ ở lại thì cũng là lúc tâm tưởng di cư trong nhận thức của người trẻ cũng được hình thành. Họ ra đi mưu sinh khi còn rất trẻ, và sợi dây liên kết với quê nhà ngày càng lỏng lẻo hơn bao giờ hết. Bộ đỡ gia đình dần trở thành những biểu trưng trong ký ức, cùng với đó là những “rung lắc” đời sống hôn nhân – gia đình. Những con số cảnh báo về tình trạng ly hôn, ly thân ở xã hội Việt Nam không chỉ còn là câu chuyện của xã hội nói chung mà còn là vấn đề của đời sống hôn nhân – gia đình Công giáo đang đối mặt. Có thể nói, khi tính cá nhân hoá được đề cao, cùng với xu hướng lý tính hoá đã kiến cho những giá trị truyền thống, đặc biệt là những giá trị hôn nhân – gia đình bị rung lắc. Sự kết nối giữa các thành viên gia đình càng trở nên lỏng lẻo. Mối tương liên vợ chồng, cha mẹ và con cái bị tác động bởi sức ép của nhịp sống vội vã của kiểu sống xã hội hiện đại.

Đời sống hôn nhân gia đình Công giáo cũng gặp ít nhiều ảnh hưởng vì những đặc trưng lối sống này khi mỗi dây liên kết bị đứt gãy giữa cha mẹ và con cái, giữa vợ và chồng. Hiện tượng ly thân, ly hôn nơi gia đình Công giáo cũng đã bắt đầu xuất hiện và trở thành một ưu tư ngày một lớn trong đời sống Giáo hội. Bởi ngày nay, sự nỗ lực lấp đầy khoảng trống điều kiện vật chất đã vô tình lấy đi thời gian, sự sẻ chia, cảm thông của người thân thuộc. Những ám ảnh quá khứ nghèo khổ vùng quê và những lo toan cho cuộc sống tương lai tại thành thị đã tạo ra một khoảng trống của phút giây hiện tại. Một hiện tại bị “đánh cắp” bởi những ám ảnh tâm thức thiếu thốn trong một lối sống tiêu dùng khiến cho đời sống nội tâm của con người hiện tại trống rỗng. Vì lẽ đó, đây có thể xem là những thách thức lớn của thời đại hiện nay.

Hôn nhân – gia đình: Những rung lắc trong hoàn cảnh xã hội hiện đại?

Trong Tông huấn *Familiaris Consortio*, Đức Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã bày tỏ ưu tư trong hoàn cảnh những gia đình hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt là một vài hoàn cảnh trái qui tắc liên quan đến các khía cạnh hôn nhân Công giáo. “Giữa những thay đổi nhanh chóng về văn hoá ngày nay, thật đáng tiếc những chuyện trái qui tắc đang lan tràn ngay cả những người Công giáo, gây một thiệt hại nghiêm trọng cho cơ chế gia đình và xã hội mà gia đình là tế bào quan trọng” (FC: 79).

Với tình hình xã hội có nhiều đổi thay như hiện nay, phải chăng người giáo dân Công giáo Việt Nam đang đứng ngoài những thách thức của đời sống gia đình hiện đại? Để hiểu hơn hiện trạng này, chúng tôi đã tìm hiểu tình trạng hôn nhân gia đình và quan niệm về hành vi ly hôn trong các gia đình Công giáo, những hoàn cảnh sống cụ thể của những người giáo dân đang phải đối diện trong hoàn cảnh sống xã hội hiện đại hôm nay. Kết quả khảo sát cho chúng ta thấy có 89,3% cho biết đang có vợ/chồng đang chung sống, 7,7% sống góa bụa và một tỉ lệ dù khá nhỏ 0,9 % đang bị vướng mắc về các nguyên tắc hôn nhân Công giáo. Đó là 0,3% cho biết đã ly thân nhưng có trình báo với cha xứ và 0,6% thì đã ly hôn theo tòa đời.

Quan niệm về vấn đề ly hôn

	Tần số	Tỉ lệ %
Hoàn toàn chấp nhận	8	1,0
Chấp nhận	40	5,0
Bình thường	42	5,3
Không thể chấp nhận	276	34,6
Hoàn toàn không thể chấp nhận	419	52,6
Không có thông tin	12	1,5
Tổng cộng	797	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát tại GP Xuân Lộc, tháng 12-2014.

Kết quả khảo sát cho thấy có đến 11,3% giáo dân có quan niệm chấp nhận về vấn đề ly hôn/ly thân trong gia đình Công giáo, trong đó, có 5,0% chấp nhận ly hôn và 5,3% cảm thấy ly hôn là chuyện bình thường của đời sống xã hội hiện nay.

Khi qui chiếu về kết quả tình trạng hôn nhân, chúng ta thấy chỉ có 0,9% trường hợp là đang sống ly hôn, ly thân, nhưng khi khảo sát về quan điểm chấp nhận ly hôn/ly thân chúng ta lại thấy có đến 11,3% chấp nhận chuyện ly hôn/ly thân. Phải chăng trong bối cảnh tư duy của thế giới quan hiện đại, trong tâm trí người giáo dân có sự “giằng co” giữa việc sống theo các giá trị đạo đức và thực tế hoàn cảnh sống mà họ phải đối diện. Họ vẫn giữ luật đạo, không dám ly hôn nhưng mặt khác những chuyển biến trong tâm thức về đời sống hôn nhân gia đình cũng đã hình thành.

Nhận định dưới đây của một nam giáo dân, có lẽ lý giải phần nào tại sao ly hôn đang là “giải pháp” của một số giáo dân:

Bây giờ mình sống với nhau không được thì mình chia tay thôi. Chứ mà sống không được mà coi như sống chung với nhau thì nó xảy ra nhiều cái mâu thuẫn. Họ đánh đập nhau, rồi xảy ra nhiều cái rắc rối khác. Thôi thì thà là như thế còn hơn là để xảy ra nhiều chuyện. Nhưng mà bây giờ cuộc sống của mình, thì mình cứ theo cuộc sống của mình. Cuộc sống của mình như thế nào thì coi như mình hóa giải cuộc sống đó thôi, chứ bây giờ sao mà theo đạo Công giáo dạy nhiều đó thì mình không thể theo hết được.⁴

Hay một trường hợp nữ giáo dân khác:

Ly thân là việc không được phép nhưng mà không có ai ở trong hoàn cảnh của mình nên không biết được, tự mình biết thôi, ăn thua là do mình. Quyết định thì

⁴ Nam, 35 tuổi, học vấn lớp 6, nghề xây dựng, dân di cư đến giáo xứ, giáo xứ Trinh Vương, trích BBPVS

cũng khó, mình vì đứa con. Mình bị máu hậu sản 3 lần rồi mà hên là lần nào cũng vượt qua được hết, không biết lúc đó không vượt qua được thì mình có còn ngồi đây không. Mình có ngồi nói chuyện với cha về tình trạng của mình, cha nói với mình “nếu mà con quyết định ký vào đơn thì từ nay con không nên đi lễ nữa, con nên mang cái tội này cho đến lúc con chết”, cha cũng như vậy thì mình cũng nói lại “bây giờ con chưa có ký nhưng lỡ như sự việc nghiêm trọng hơn, mọi việc không như con nghĩ, bắt buộc con phải ký thì sao”. Cha bảo mình “Con còn nhớ những gì khi hai vợ chồng con đã thề hứa trên bàn thờ không?” thì mình nói còn nhớ. Mình tiếp thu đầy, mình hiểu nhưng mình buồn, mình tự quyết định, tương lai đứa bé mà chỉ có một mẹ nuôi con thôi, vắng bố thì có sao? ⁵

Trên đây là tự sự của hai trong nhiều giáo dân đang sống trong hoàn cảnh khó khăn của hôn nhân – gia đình mà chúng tôi có dịp tiếp xúc. Khi “điều thiện hảo quý giá là hôn nhân và gia đình” đang bị thách thức bởi đặc trưng của hoàn cảnh sống thời hiện đại. Người ta có thể biện minh bằng những lý lẽ cá nhân rằng: “*tôi phải sống cuộc đời của tôi*” như là một sự hoá giải cho chính cuộc sống mà bản thân cho những bế tắc trong cuộc sống. Chính giải pháp tương chừng mang tính cá nhân đó lại đang tiềm ẩn một suy nghĩ và lối sống thể hiện sự chọn lựa rời công trình cứu độ của Chúa Giêsu Kitô. Phải chăng cảm thức về đời sống hôn nhân và gia đình của người Công giáo Việt Nam đang dần mất đi tính thiêng liêng trong tâm thức người giáo dân?

Những gợi ý cho một nghị trình mục vụ gia đình di dân

Như trên chúng tôi đã trình bày, trong một bối cảnh biến động dân số từ nông thôn đến thành thị, cùng với đó là các trào lưu xã hội

⁵ Nữ, 27 tuổi, sinh ra trong truyền thống của gia đình đạo gốc ở vùng toàn tông Công giáo - Cái Sắn

đã tác động đáng kể đến nhận thức, đời sống người giáo dân Việt Nam, đặc biệt là người trẻ. Ở chiều cạnh tích cực dòng người di dân mang theo niềm tin, lòng đạo đức của người trẻ vùng nông thôn ra thành thị trong hành trình mưu sinh cũng tạo ra sinh khí mới cho những vùng truyền giáo. Tuy nhiên, những người di cư từ rất sớm trong hoàn cảnh môi trường liên với gia đình, dòng họ, xóm làng và giáo xứ ngày càng trở nên lỏng lẻo. Các xứ đạo miền thôn quê giờ đây cũng thưa thớt giáo dân vì cuộc xáo trộn dân cư này.

Trong khi đó, tình trạng gia tăng dân số, áp lực hoạt động mục vụ, tính cơ cấu hóa theo phẩm trật của Giáo hội được củng cố bởi các tập tục, truyền thống các địa phương đang là thách thức cho hoạt động mục vụ tại các xứ đạo. Không ít vị mục tử trở nên quá tải với công việc do nhu cầu thiêng liêng ở những nơi có đông đảo người giáo dân di cư ở đô thị, đặc biệt là phép bí tích hôn phối, hay các hoạt động thiêng liêng đáp ứng nhu cầu của giáo dân di dân. Điều đó đã nảy sinh những thách đố cho việc mục vụ hôn nhân và gia đình ngày nay như.

+ Đối với các giáo dân: Trước nhiều áp lực mưu sinh, thiếu thốn thời gian, thiếu nền tảng giáo lý - đức tin dẫn đến đời sống đạo cũng nhạt nhòa và hệ lụy là đời sống nội tâm của người trẻ trở nên trống rỗng và thiếu vắng các cảm thức thiêng liêng.

+ Đối với các vị mục tử: Áp lực về các qui tắc, giáo luật phải tuân thủ và nhu cầu lớn lao của giáo dân như việc dạy giáo lý, ban các phép bí tích, đặc biệt là bí tích hôn phối... dẫn đến mối quan hệ giữa mục tử và giáo dân ngày càng nảy sinh nhiều xung đột do quá trình tương tác thực tiễn tại các cộng đồng tập trung đông người di dân tại đô thị.

Thực tế, trước những nhu cầu bức thiết đời sống xã hội với những nan đề về đời sống vật chất và quỹ thời gian eo hẹp của thời hiện đại đã khiến cho những người giáo dân đến tuổi kết hôn đã cố gắng hoàn thành các thủ tục hôn nhân Công giáo theo cách thức tuân thủ hơn là tham gia vào chương trình thăng tiến hôn nhân Công giáo.

Thế cho nên, ở một vài nơi, giáo dân xem các bước chuẩn bị cho đời sống hôn nhân Công giáo trở thành những thủ tục mang nặng tính hành chính hơn là việc khám phá tính thiện hảo của bí tích hôn nhân Công giáo. Các chương trình hậu hôn lễ nhằm thăng tiến đời sống hôn nhân cũng còn thiếu vắng, đặc biệt bối cảnh di dân, sự kết nối giữa cá nhân và gia đình, cộng đoàn cũng đang gặp không ít khó khăn.

Từ bối cảnh xã hội đang chuyển biến nhanh chóng và đầy biến động, bản thân người viết bài này được đánh động bởi lời kêu gọi khẩn thiết của Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II cách nay gần 40 năm (22-11-1981) vẫn là lời kêu mời khẩn thiết cho thời đại chúng ta ngày nay:

Tương lai của nhân loại sẽ đến qua gia đình. Thế nên thật trọng yếu và cấp bách, tất cả mọi người thiện chí đều phải hết sức mình để bảo vệ và thăng tiến các giá trị và các đòi hỏi của gia đình. Tôi thấy mình bị thúc bách phải yêu cầu các con cái Giáo hội nỗ lực một cách đặc biệt cho vấn đề này. Trong đức tin, họ đã được hiểu biết đầy đủ về ý nghĩa kỳ diệu của Thiên Chúa, nên họ càng có lý do để lưu tâm với thực tế gia đình, trong thời đại của chúng ta, thời đại thử thách và ân sủng (FC 86).

Lời khẩn thiết của Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã kêu mời các thành phần dân Chúa cộng tác như một sứ vụ tông đồ hơn là thành phần thụ hưởng mà chính Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận cũng đề cập trong sách *Đường Hy Vọng*:

Phải nỗ lực về phương diện giáo lý cũng như mục vụ để làm cho các gia đình Công giáo xác tín về sức mạnh của họ. Họ khám phá ra họ không phải là thành phần thụ hưởng, chỉ biết lãnh nhận giáo lý, lãnh nhận bí tích, lãnh nhận ơn Chúa, mà họ cũng là thành phần

hoạt động tông đồ (*Nguyễn Văn Thuận, Đường Hy Vọng, số 481*).

Có thể thấy, Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã mời gọi sự cộng tác của cộng đoàn dân Chúa vào tiến trình xây dựng Giáo hội mà trước hết là gìn giữ và bảo vệ gia đình như là một nền tảng vững chắc cho các cơ cấu xã hội và Giáo hội lớn hơn. Ngài đã đề ra một nghị trình thiết thực và chi tiết hầu mời gọi các thành phần dân Chúa cùng cộng tác xây dựng gia đình và Giáo hội trước các thách đố của thời đại. Những gợi ý của Ngài có thể xem là chìa khoá quan trọng để hoá giải những nan đề của xã hội hiện đại như chúng tôi trình bày ở phần đầu bài viết này. Sự mời gọi các thành phần dân Chúa dần dần xét như là một Thiên chức được trao ban trong đời sống xã hội ngày nay có thể xem là một cuộc tái *Thánh hoá* các hành vi thế tục thời hiện đại. Một cách thức lấp đầy những trống rỗng thời hiện đại.

Để gia đình trở thành hình ảnh của Thiên Chúa

Trước những thách đố, rung lắc của cơ cấu gia đình đang trong giai đoạn từ truyền thống sang xã hội hiện đại. Nhiều người trẻ ly hương không còn cảm thức “thuộc về” gia đình, xu hướng cá nhân hoá và điều kiện sống đã làm cho mối tương liên thiếu sự bền chặt. Trong bối cảnh ngày nay, việc xây dựng gia đình trở thành cộng đồng ngôi vị nơi có Thiên Chúa ở cùng như lời gọi mở của Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II sau đây:

“GIA ĐÌNH, xét như – và phải luôn TRỞ THÀNH - sự hiệp thông và cộng đồng các ngôi vị. Gia đình gặp được nơi tình yêu, nguyên sơ và sự khích lệ thường xuyên làm cho gia đình biết tiếp nhận, kính trọng và phát triển nơi mỗi thành phần của mình phẩm giá thật cao của các ngôi vị nghĩa là như những HÌNH ẢNH CỦA THIÊN CHÚA” (FC 22).

Mẫu hình gia đình Thánh gia có lẽ sẽ là một gợi ý tốt cho việc cùng xây dựng ngôi vị gia đình Công giáo ngày nay. Vốn bị rất nhiều áp lực bởi các trào lưu xã hội, áp lực mưu sinh, nhưng chúng ta thử suy ngẫm lại những biến cố trong gia đình Thánh gia. Các Ngài cũng

trải qua những biến cố cam go, cũng ly hương, ty nạn,... Trong hoàn cảnh hiện nay, chúng ta có thể học theo mẫu gương tuyệt vời của gia đình Thánh gia trong tâm thế “cùng nhau” dưới sự soi sáng của Thần khí Chúa vượt qua khó khăn thách đố của thời đại, để những dấu chỉ đó không còn là thách đố mà là những dấu chỉ thời đại của lòng thương xót Chúa.

Chúng ta có thể đọc và suy ngẫm lại Kinh Thánh theo Tin Mừng thánh Mátthêu và thánh Luca. Hai Tin Mừng này sẽ cho chúng ta những gọi mở cần thiết cho việc xây dựng cộng đồng ngôi vị theo hình ảnh Thiên Chúa mẫu gương của Đức Mẹ và Thánh Giuse:

- Đức Mẹ Maria và thánh Giuse đón nhận Thiên chức mà Chúa trao ban với cách thức khác nhau nhưng đều chung tinh thần “Xin vâng” và mau mắn sẵn sàng thực thi Thánh ý của Thiên Chúa (Mt 1, 18-25), (Lc 1,26-28). Dù rằng sự đón nhận của các ngài có lẽ cũng ít nhiều xao động bởi những thách đố, nguy nan của bối cảnh xã hội lúc bấy giờ. Chính tinh thần đón nhận Thiên Chức mà Thiên Chúa trao ban mà các Ngài đã vượt qua thử thách và bảo vệ sự sống Chúa Giêsu trong sự quan phòng của Thiên Chúa (Mt 2,13).

- Từ mẫu hình sống của gia đình Thánh gia cũng ít nhiều giúp cho chúng ta những suy tư về khái niệm “sống cùng nhau” trong tinh thần: Emmanuen, nghĩa là “Thiên Chúa ở cùng chúng ta.” (Mt 1,23). Bởi trong thời đại sống ngày nay, xu hướng một mình, thiếu gắn kết đang trở thành xu hướng chủ đạo thì sự “cùng nhau” có thể xem là phương án cho sự chia sẻ, yêu thương, nâng đỡ nhau khung cảnh quê Nhà của Chúa Giêsu (Lc 2, 39-40). Tuy nhiên, để sống tinh thần này chúng ta không chỉ suy ngẫm mà còn mang ra thực hành, chẳng hạn như, ta phản tỉnh với bản thân mình rằng: “đã bao lâu ta không cùng ăn cơm gia đình với nhau, đọc kinh tối, hay đi tham dự Thánh lễ?” Để rồi ta phải tập lại lối sống cùng nhau để có thể chia sẻ, giúp đỡ nhau trong những thời khắc nguy biến của cuộc đời.

Sống tinh thần cộng đoàn tiên khởi với sứ vụ đến với muôn dân

Đôi khi chúng ta lúng túng trước những thách đố của thời đại, những vất vả mưu sinh của đoàn con Dân Chúa. Những người giáo

dân hôm nay cũng không ít người trở lên bồng bềnh ở đô thị. Cảm giác không thuộc về một cộng đoàn Dân Chúa đang trở thành xu hướng nơi đô thị. Không ít mục tử phải suy tư cho một đường hướng mục vụ trong hoàn cảnh chuyển biến xã hội khi cơ cấu tổ chức giáo xứ hiện nay đang nảy sinh những bất cập. Có lẽ, trong hoàn cảnh này những chỉ dẫn của sách Tông đồ công vụ và các thư của Thánh Phaolô tông đồ năm xưa với những chỉ dẫn cụ thể cho những cộng đoàn sơ khai có thể xem như một suy ngẫm cho chỉ dẫn nghị trình mục vụ di dân ngày nay khi những cộng đoàn Dân Chúa trong đoàn người mưu sinh cảm thấy bơ vơ, đánh mất cảm thức thuộc về. Trong bối cảnh đó, không ít phong trào giáo dân khởi phát đã đem đến những sinh khí mới cho các cộng đoàn nhưng cũng không ít những xu hướng lạc sai đức tin mỗi tương liên giữa mục tử và đoàn chiên có những vướng mắc như thế: “Chiên không theo mục tử và mục tử không nghe được tiếng chiên”. Huấn truyền của Chúa Giêsu đến với muôn dân có lẽ bức thiết hơn bao giờ hết (Mt 28,19-20).

Tài liệu tham khảo

Đỗ Thị Minh Đức, Nguyễn Việt Thịnh, 2015, *Phân tích dòng di cư và tính chọn lọc của di cư vào thành phố lớn của Việt Nam trong thập kỷ 90 (thế kỷ xx) và thập kỷ đầu thế kỉ XXI*, Tạp chí khoa học ĐHSP Hà Nội, số 2-2004, trang 126-132.

Nguyễn Đức Lộc (đồng chủ biên), 2015, *Phúc lợi xã hội – Hiện trạng và mức độ tiếp cận của người công nhân nhập cư tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương*, NXB Chính trị Quốc gia.

Nguyễn Đức Lộc (chủ biên), 2015, *Đời sống xã hội Việt Nam đương đại (tập 1): tình cảnh sống của người công nhân: thân phận, rủi ro, chiến lược sống*, NXB Tri Thức.

Nguyễn Đức Lộc, 2017, *Phúc lợi xã hội – Vai trò các tổ chức xã hội trong việc hỗ trợ đời sống cho thanh niên công nhân*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM

Nguyễn Đức Lộc (chủ biên), 2018, *Đời sống xã hội Việt Nam đương đại (tập 3): Người trẻ trong xã hội hiện đại*, NXB VHVN.

Trương Thanh Tâm, 2020, *Xã hội Việt Nam: dòng chảy dân cư hướng về thành thị*, bản đánh máy, Dòng Tên.

Nguyễn Văn Thuận, 1975, Đường Hy vọng, Xem thêm: <https://www.vanthoconggiao.net/2017/11/sach-duong-hy-vong-road-of-hope.html>.

Lê Minh Tiến, 2018, *Cá nhân hóa trong thời hiện đại*, Hội luận lý thuyết, Viện nghiên cứu Đời sống xã hội (Social Life).

John Paul II, 2011, *Tông huấn Familiaris Consortio: về những bổn phận của gia đình Kitô hữu* (Kỷ niệm 30 năm ngày ban hành 22/11/1981 – 2011), Ủy ban Mục vụ gia đình - Hội đồng Giám mục Việt Nam.

LỜI KẾT

Di dân là hiện tượng vừa xưa cũ vừa mới mẻ; vừa cục diện vừa đa phức trong xã hội loài người. Hiện tượng này không chỉ tác động đến cấu trúc xã hội mà còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến đường hướng mục vụ nơi Giáo hội. Vì thế không thể tóm gởi toàn bộ vấn đề lớn chỉ trong những trang sách mỏng. Do vậy, chúng tôi đã cố gắng giới hạn, chắt lọc và khơi lên những mảnh đời di dân tiêu biểu cùng với những đề xuất mang tính xây dựng thực tiễn, với mong ước chuyển mang đến cho các vị lãnh đạo trong Giáo hội và ngoài xã hội, cũng như những ai quan tâm đến làn sóng di dân, và cách riêng, các anh chị em di dân thấu tỏ hơn thực tế của hiện tượng trên, để cùng hỗ trợ, liên đới với nhau song hành với anh chị em di dân trong cuộc sống mưu sinh đầy thách đố.

Bên cạnh đó, xuyên qua mỗi bài viết với lối hành văn khác nhau, nhưng tất cả các tác giả đều đã cố công vém mở nhiều góc cạnh khuất ẩn của hiện tượng di dân để mọi người có thể tìm biết, học hỏi và suy tư; cũng như khai mở lối hướng cho nền thần học mục vụ đi sát thực hơn với con người và giòng chảy thời đại.

Sau cùng, tập sách “Di dân Việt Nam tại Á Châu” như một cuốn sách kể lại những câu chuyện đời di dân để chính người di dân cũng như những ai đồng hành với di dân khám phá ra giữa những thăng trầm của lịch sử, bất trắc của phận người, bấp bênh nơi cuộc đời thì vẫn có đó sự hiện diện đầy yêu thương của Thiên Chúa giữa lòng nhân thế và giữa giòng lịch sử cứu độ; vì Thiên Chúa luôn mãi là Đấng Emmanuel – Thiên Chúa ở cùng chúng ta.

Xin chân thành cảm ơn các tác giả và quý độc giả đã nỗ lực góp bài cũng như đón nhận tập sách nhỏ này.

LM Đaminh Nguyễn Quốc Thuận, MA

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	6
<i>LM Anthony Lê Đức, SVD, PhD</i>	
Giới thiệu.....	11
<i>LM Anthony Lê Đức, SVD, PhD</i>	
<i>LM Đaminh Nguyễn Quốc Thuần, MA</i>	
Chương 1: Giáo huấn của Giáo hội Công giáo về di dân.....	29
<i>LM Phaolô Đỗ Bá Hoàng, OP, MA</i>	
Chương 2: Mục vụ di dân Việt Nam: Thần học di dân và “đổi thoại người nghèo”.....	47
<i>LM Nguyễn Trung Tây, SVD, PhD</i>	
Chương 3: Thông điệp <i>Fratelli Tutti</i> và vấn đề di dân	68
<i>LM Giuse Nguyễn Hải Phương, OP</i>	
Chương 4: Di dân Việt Nam tại Nhật Bản, Đổi thân để đổi đời	79
<i>LM Đaminh Nguyễn Quốc Thuần, MA</i>	
Chương 5: Những mảnh đời di dân Việt Nam trên đất nước Nhật Bản.....	102
<i>Sr. Catarina Xiêna Đặng Thị Bích Liễu, LHC</i>	
<i>C. Têrêsa Hà Thị Mỹ Hạnh</i>	
<i>C. Xêxilía Lê Phan Bảo Khanh</i>	
Chương 6: Vài nét về mục vụ di dân của Giáo hội Đài Loan....	126
<i>LM Anton Phạm Trọng Quang, SVD, MA</i>	
Chương 7: Người di dân Công giáo Việt Nam tại Bangkok – Thái Lan: Những thách đố và cơ hội.....	157
<i>LM Giuse Nguyễn Mạnh Hà, OP, PhD</i>	

**Chương 8: Vai trò của mạng xã hội trong đời sống tinh thần của
lao động nhập cư Việt Nam tại Thái Lan.....184**

LM Anthony Lê Đức, SVD, PhD

Chương 9: Mục vụ di dân Việt Nam tại Lào.....208

LM Giuse Trần Đình Phương, CSSR

**Chương 10: Di dân Việt Nam tại Hàn Quốc: rấn và bề câu
Thực trạng và thách đố trong mục vụ di dân219**

LM Phêrô Nguyễn Cao Sâm, SVD, PhD

**Chương 11: Những giáo dân “bồng bênh” ở đô thị: Một phân tích
về trải nghiệm tính bấp bênh của người Công giáo di dân và đề
xuất một nghị trình mục vụ.....262**

TS Giuse Nguyễn Đức Lộc, PhD

Lời kết.....289

LM Đaminh Nguyễn Quốc Thuận, MA

DI DÂN VIỆT NAM TẠI Á CHÂU
Thực trạng & Đường hướng Mục vụ

Xuất bản lần đầu tháng 12/2020

Trung tâm Asian Research for Religion and Social Communication

(St. John's University, Thailand)

Logos Publications, Inc (Philippines)

ISBN 978-971-510-301-5

Cấm sao chép dưới mọi hình thức nếu không có sự chấp thuận bằng
văn bản của nhà xuất bản.

Liên hệ đặt mua sách:

Email: arcstjohns.bkk@gmail.com

DI DÂN VIỆT NAM TẠI Á CHÂU

Thực trạng & Đường hướng Mục vụ

Biên soạn:

LM Anthony Lê Đức, SVD

LM Đaminh Nguyễn Quốc Thuần

Hiện tượng di dân – khi con người di cư từ nơi này qua nơi khác vì nhiều lý do khác nhau như: mưu sinh kiếm sống, tái định cư, đào thoát khỏi cảnh sống bị áp bức tù đày, trốn chạy khỏi cuộc sống đầy rủi ro do chiến tranh, thiên tai cũng như nhân tai... luôn là vấn đề của mọi thời đại. Ngay trong thời đại kỹ thuật số hiện nay, cùng với xu hướng toàn cầu hóa không ngừng thì hiện tượng di dân lại càng trở nên phổ biến, phức tạp và đa diện hơn. Trong bối cảnh của người Việt Nam, việc di dân đến các nước, đặc biệt các nước tại Á Châu trong những năm qua đã trở thành một trào lưu lớn song đôi với sự phát triển của đất nước cũng như nỗ lực vươn lên thoát nghèo nơi các gia đình người Việt. Thực tế, vấn đề di dân Việt Nam tại Á Châu không đơn thuần chỉ là việc có rất nhiều người, phần đông là người trẻ, khăn gói lên đường tìm đến các quốc gia bạn để mưu sinh kiếm sống với niềm hy vọng có thể đổi đời một cách nhanh chóng; nhưng còn nảy sinh nhiều hệ lụy ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống tinh thần, tổ chức tôn giáo, nhân cách làm người, cấu trúc gia đình, sinh hoạt xã hội...

Đồng hành với con người, liên đới với xã hội, Giáo hội Công giáo hoàn vũ cũng như địa phương luôn dành ưu tư và mối quan tâm đến vấn nạn này. Vì thế, tập sách được thành hình với mong muốn trước hết, phản ánh phần nào những ưu tư sâu xa của Giáo hội qua các bài viết trình bày quan điểm của Giáo hội về di dân, cũng như các văn kiện chính thức của Giáo hội thông qua những lời phát biểu của các vị giáo hoàng, đặc biệt là ĐGH Phanxicô. Thứ đến, họa lại tổng thể bối cảnh di dân Việt Nam tại Á Châu một cách chi tiết và xác thực qua những bài viết của các linh mục, tu sĩ và giáo dân là những người đã sát cánh, đồng hành với di dân Việt Nam tại Á Châu trong nhiều năm qua. Vì thế những suy tư và luận chứng trong các bài viết đều xuất phát từ những kinh nghiệm thực tế trong mục vụ di dân. Sau cùng, chắc chắn tập sách sẽ mang lại nhiều điều thú vị, hữu ích cho các vị lãnh đạo trong Giáo hội, ngoài xã hội; các nhà nghiên cứu hiện tượng di dân trong và ngoài nước; các vị mục tử và những người làm mục vụ di dân; các bậc phụ huynh có con em đang sinh sống ở nước ngoài và với những ai đang nuôi mang ý định tham gia vào làn sóng di dân tại Á Châu hoặc đến các nước trên thế giới.



Logos Publications, Inc



ISBN 978-971-510-381-5